

PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG

TẠP CHÍ VĂN HỌC PHẬT GIÁO • SỐ 21 - THÁNG 3 & 4, NĂM 2008

Nội dung số này:

VÔ HỮU KHỦNG BỐ - CON ĐƯỜNG HÒA BÌNH CỦA PHẬT GIÁO | 2 – Thư người chủ trương, *Vĩnh Hào* • KHI, ÁNH SÁNG | 5 – thơ *Nguyễn Thị Khánh Minh* • ĐẠI LỄ VESAK 2008 CỦA LIÊN HIỆP QUỐC VÀ CON ĐƯỜNG CỦA PGVN | 6 – *Huỳnh Kim Quang* • GIỌT TRẮNG GẦY | 10 – thơ *Phổ Đồng* • NIỀM HY VỌNG VÀO TƯƠNG LAI | 11 – *Dalai Lama, Ht Thích Trí Chơn dịch* • HẬU THÁC (1), HẬU THÁC (2) | 14 – thơ *Võ Doãn Nhẫn* • LỄ HỘI QUAN ÂM | 14 – thơ *Hồ Hương Lộc* • NỀN TẢNG KINH TẾ HỌC QUA CÁCH NHÌN PHẬT GIÁO | 15 – nguyên tác Anh ngữ của Tuệ Sỹ, *Thích Nguyên Giác dịch* • PHONG KIỀU DA BẠC | 20 – thơ *Trương Kế, Hạnh Cơ dịch* • THÔNG BẠCH NGÀY VỀ NGUỒN 2008 | 21 – *HT Thích Minh Tâm* • TÌNH XA, GIÒNG SÔNG, ĐÊM | 24 – thơ *Yên Chi* • KINH KIM CANG TRONG NGUỒN MẠCH VĂN HIẾN CỦA PGVN | 25 – *Thích Hạnh Tuân* • BẾN GIÁC | 30 – thơ *Tâm Sương* • TỪ THÔNG ĐIỆP 2002 ĐẾN THÔNG ĐIỆP 2007 - MỘT TẤM LÒNG NHIỀU NỖI BÂNG KHUÂNG | 31 – *Thích Thiện Hữu* • LÂU ĐÀI CÒN ĐẬU NỮA, NIỀM ĐAU CÒN ĐÓ, CHỤP CÁI MŨ LỆCH, CUỘC HÍ TRƯỜNG NHÂN THỂ | 36 – thơ *Giang Mặc Tử* • LÀM VIỆC HẾT LÒNG LÀ NGƯỜI TRỌN ĐẠO | 38 – *Thích Tâm Hạnh* • NGẬM NGƯỜI VỚI HUỆ | 40 – thơ *Đan Hà* • LÂM TỶ NI – KHU VƯỜN TỨ LỆ | 41 – *Lê Bích Sơn* • KHI MẶT TRỜI NGỦ YÊN | 42 – thơ *Nguyễn Thuận* • LÀM THỂ NÀO ĐỂ GIÁC NGỘ | 43 – *Tỳ Kheo Bodhi, Bình An Sơn lược dịch* • CHIỀU HỒM MÂY TRẮNG, CỤP KHÔNG, BẠCH LIÊN | 46 – thơ *Hạt Cát* • NỖI BUỒN CỦA THIÊN THẦN (1) | 47 – truyện ngắn *Chiêu Hoàng* • TÌM VỀ NHỮNG MIỀN ĐẤT XƯA (PHẦN III) | 48 – ký sự của *Nguyễn Hiệp* • CHUYỆN LIÊU TRAI TRONG KINH ĐIỂN PÁLI | 54 – pháp luận của *Toại Khanh* • XUÂN VÀ HOA, CHIỀU THU, CON NGỦ | 55 – thơ *Tâm Thường Định* • VỊ TRÍ, Ý NGHĨA CỦA HỒ ĐƯA LINH TRONG LỄ ĐÀN BÁT ĐỘ GIẢI OAN | 56 – *Văn Uyên* • ĐÀ LẠT ƠI NGÀY XƯA, PHỐ KHUYA | 58 – thơ *Lê N. Khái và Lê Nhiên Hạo* • LÌA VỌNG TÂM THÌ THẤY PHẬT | 59 – *Phạm Hoàng Chương* • NGẪU ĐỀ (1 – 10) | 63 – thơ *Mai Phước Lộc* • NGƯỜI CHỦ TIỆM VÀ TÊN TRỘM ĐĂNG TRÍ | 64 – truyện ngắn của *Lữ* • NỖI BUỒN TRONG THÀNH PHỐ, CÂU THƠ NÓI KẾT TÌNH NHAU | 66 – thơ *Thái Tú Hạp* • CHUYỆN MỘT VIỆT KIỀU VÀ NGÔI CHÙA LÀNG | 67 – *Trần Tiến Dũng* • NHỮNG TÌNH CỜ HẠNH NGỘ | 69 – tùy bút *Biện thị Thanh Liêm* • ĐIỂM TÔ CHỈ CHỨT VẮNG VẮT VÔ THƯỜNG, LÀN THEO TÌNH BIỆT NÈO NON ĐOÀI | 70 – thơ *Từ Tú Trinh* • XUỐNG NÚI | 71 – truyện ngắn *Quỳnh My* • QUÁN GIÓ VEN ĐƯỜNG, TRỞ VỀ TRÊN MỘ ĐỊA | 73 – thơ *Hàn Long Ẩn* • TU BỤI | 74 – truyện dài *Trần Kiêm Đoàn* • TÌM DẤU CHÂN XƯA, THẮNG TƯ NIỀM NHỚ | 80 – thơ *Nguyễn Tiến Quỳnh Giao* • HÃY NÓI VÌ TÂY TẠNG | 81 – *Trần Khái* • LỄ HỘI QUAN ÂM, BÀN TAY CỨU ĐỘ | 83 – *Huệ Trân* • TRONG LÀN MƯA BAY, BIỆT LY | 86 – thơ *Hàn Ngọc* • TIN TỨC PHẬT GIÁO KHẮP NƠI | 87 •••

Tranh bìa: ĐẶNG THỊ QUẾ PHƯƠNG



Chủ nhiệm / Chủ bút: VĨNH HẢO

Địa chỉ liên lạc: P.O. Box 374 - Midway City, CA 92655 – USA

Telephone: (714) 623-4285

E-mail: vinhhao@vinhhao.net hoặc phuongtroicaorong@vinhhao.net • Website: www.vinhhao.net

Bài đăng trên Phương Trời Cao Rộng do văn thi hữu gửi đến bằng e-mail với attachments, đĩa (CD), hoặc viết tay trên một mặt giấy. Bài không đăng không gửi lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc nếu cần. Bài có nhuận bút xin ghi rõ” yêu cầu nhuận bút.”

Phương Trời Cao Rộng là nơi tập đại thành những bài viết của Tăng Ni và văn thi sĩ Phật giáo khắp nơi, nhiều khuynh hướng, nhiều giáo hội, tông phái, do đó không nhất thiết phản ánh quan điểm và chủ trương của tạp chí.

VÔ HỮU KHỦNG BỐ

CON ĐƯỜNG HÒA BÌNH CỦA PHẬT GIÁO

(THƯ SỐ 21 của NGƯỜI CHỦ TRƯỞNG)



Vĩnh Hảo

Bầy chim sẽ lại sà xuống, xúm xít quanh đĩa bánh mì vụn. Tiếng chú chít làm rộn cả vườn sau như lời chào một bình minh rạng rỡ buổi tàn xuân. Một bình trà buổi sáng mùa xuân, nắng ấm. Bầu trời trong xanh, chỉ gợn vài đám mây mỏng. Hương thơm của nhiều loài hoa trong vườn tỏa nhẹ. Bầy chim sẽ vô tư, không sợ hãi, vừa ăn vừa trò chuyện tíu tít, nháy nhót lảng xãng bên cạnh một người ngồi bất động.

Chẳng có gì mà phải sợ hãi. Tôi vẫn thường tự nhắc mình như thế. Nhắc bằng sự ám thị, có khi bằng một câu kinh, một đoạn kinh, hay một bài kinh ngắn. Thường xuyên nhất là một đoạn trong Bát-nhã Tâm kinh. “*Tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh niết-bàn...*” Thực sự là chẳng có gì đáng phải sợ hãi nếu tâm không còn vướng mắc, ngăn ngại.

Ấy thế mà trên thực tế đời sống, vẫn còn rất nhiều điều làm cho mình phải sợ, hay đúng hơn là e ngại, muốn né tránh, muốn được yên. Nhưng những vị thầy của tôi thì không sợ hãi.

Một thời, hàng chục triệu người phải im hơi lặng tiếng, cúi đầu tuân phục trước bạo lực, hàng trăm ngàn người phải bó tay trong các trại lao cải, hàng triệu người khác đã ùn ùn rời bỏ quê hương, hoặc lặng lẽ vượt thoát trên những chiếc thuyền lớn-nhỏ, thì những vị thầy của tôi, đứng dậy, cất lên tiếng nói của lương tri, của lẽ phải. Rồi họ đi tù, mang án tử hình, chung thân khổ sai, hoặc nhiều năm cấm cố. Những vị thầy khác, để bảo vệ Phật giáo, người thì cứng rắn, một mực duy trì cơ cấu và danh xưng của tổ chức truyền thống, người thì nhu thuận chấp nhận sinh hoạt trong một tổ chức bị giới hạn bởi thể quyền. Cứng rắn thì bị lưu đày, giam nhốt, quản thúc; mềm mỏng thì bị lôi kéo, đẩy xô, mang tiếng nhục với đời. Cả hai thái độ, hai cách hành xử ấy, đều nhằm mục đích bảo vệ Phật Pháp, đều là những việc khó làm. Phải vượt qua được sự sợ hãi đối với cái chết, tù ngục, khổ nhục thân xác và tâm trí, cũng như nỗi đau nhục kéo dài đối với dư luận, với miệng lưỡi thế gian mới có thể thực hiện được những điều bất khả tư nghị như thế.

Mới đây, vào tháng 9 năm 2007, những vị thầy khác của tôi ở Miền Điện, cũng đã đứng dậy, sẵn sàng đối diện

với chết chóc và tù đầy, thay mặt toàn dân nói lên tiếng nói của công bình xã hội, của tự do dân chủ, dấy lên một phong trào đấu tranh bất bạo động lan rộng trên một đất nước lâu năm bị khống chế dưới chế độ quân phiệt. Quả nhiên, chết chóc và tù đầy đã đến với họ, những nhà sư hiền lành áo nâu. Tiếng nói của họ bị bạo lực dập tắt thật nhanh, nhưng âm hưởng của nó làm rung động lòng người trên toàn địa cầu.

Và trong thời gian tôi viết những dòng này, những vị thầy khác của tôi ở Tây Tạng, một đất nước hiền hòa, linh thiêng, thơ mộng, nằm trên chóp đỉnh của hành tinh, cũng đã và đang cất lên tiếng nói và nguyện vọng chung của toàn dân, khiến cho cả thế giới chấn động, lên tiếng ủng hộ. Bạo lực sắt máu đã đổ ập xuống những con người tay không tác sát, những con người không bao giờ muốn tổn hại bất cứ sinh vật nào, dù là những sinh vật bé xiu. Hàng trăm người chết và hàng ngàn người bị bắt giam, vẫn không ngăn cản được bước tiến của những nhà tu và Phật-tử hướng về ước mơ tự do và dân chủ của họ.

Làm thế nào mà họ có thể làm được những điều người khác không dám làm?

Chỉ nhờ ở nền tảng triết lý Phật giáo rất đơn giản này: khi vượt qua được những rào cản của bản ngã, tâm họ hòa nhập với tâm của những người khác, của số đông. Nhờ đó, họ không còn cô đơn; tiếng nói, hành động và ước nguyện của họ không còn là của cá thể, mà là của đại khối dân tộc, và trong nhiều trường hợp, là của toàn nhân loại.

Điều đơn giản như thế, nhưng không phải ai cũng làm được.

Nếu vì tham vọng cá nhân hay của bè phái thì dù mạnh dạn lên tiếng, cũng không được sự ủng hộ của số đông, không gây ảnh hưởng lan rộng. Nếu vì quan điểm cục bộ, thiên cận, thành kiến, thiên vị mà lên tiếng, cũng không tác động đến lương tâm của dân tộc, chưa nói đến lương tâm của nhân loại.

Điều đơn giản thứ hai, cũng từ nền tảng của triết lý Phật giáo, mang tính xã hội phổ quát hơn, đó là: ý nghĩ, lời nói và hành động trung thực. Người con Phật dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào, cũng phải giữ sự trung thực. Ý nghĩ, lời nói và hành động trung thực, không trái ngược

mâu thuẫn nhau. Thấy sai thì nói là sai; thấy đúng thì nói là đúng. Thấy xấu thì nói là xấu, thấy đẹp thì nói là đẹp. Thấy bất công thì nói là bất công; thấy công bằng thì nói là công bằng. Không vì bạo lực, khủng bố, danh vọng, quyền lợi, tư kiến và tình cảm mà nói trái với sự thực.

Sống với tinh thần vô ngã, với sự thực, là sống với tâm thức tự do cá nhân; trong tương tác xã hội, đó là sống trong dân chủ, công bằng. Chỉ nhờ vậy mà những vị thầy của tôi vượt qua sự sợ hãi, có thể với hai bàn tay không, đứng vững trước phong ba, bạo lực.

Thế nên, nhìn sâu vào cuộc đấu tranh bất bạo động của người Tây Tạng, chúng ta thấy, những người biểu tình đòi tự do cho Tây Tạng và chống xâm lăng đàn áp của Trung Hoa không phải lúc nào cũng thuận ý với Đức Đạt-lai Lạt-ma, có khi còn mâu thuẫn rõ rệt. Trong khi ngài luôn kiên trì chủ trương tự trị cho Tây Tạng thì nhiều người khác quyết liệt đòi độc lập; trong khi ngài vẫn tôn trọng và chưa hề có ý phản đối việc tổ chức thể vận hội Olympic 2008 tại Trung quốc thì nhiều người chống Trung quốc đã kêu gọi tẩy chay. Một vài vụ ném đá từ phía người biểu tình khi bị cảnh sát và quân đội Trung quốc tấn công tàn bạo khiến Đức Đạt-lai Lạt-ma buồn lòng. Lễ châm lửa Thế vận tại Olympic, Hy Lạp, bị số người biểu tình phản đối. Cuộc rước đuốc Olympic ở London và Paris cũng bị ngăn trở bởi những người ủng hộ Tây Tạng. Vài vận động viên các nước tuyên bố tẩy chay rước đuốc. Đệ tử thân tín của Đức Đạt-lai Lạt-ma là tài tử Richard Gere cũng kêu gọi tẩy chay Olympic 2008. Nhưng Đức Đạt-lai Lạt-ma vẫn luôn từ bi, ôn tồn nói rằng chính quyền Trung quốc xứng đáng được ủy nhiệm tổ chức thể vận hội, và trên một tỷ ba trăm triệu dân Trung Hoa cũng xứng đáng được hưởng niềm vinh hạnh đón chào cả thế giới qua thể vận hội này. Dù có những mâu thuẫn như thế, Đức Đạt-lai Lạt-ma không bao giờ chê trách, ngăn cản hoặc ra lệnh cấm chỉ những biểu hiện yêu nước nhiệt tình của giới trẻ Tây Tạng cũng như của những người ủng hộ ngài. Ngài và các phong trào đấu tranh cho Tây Tạng luôn tôn trọng nhau, dù cách ứng xử và quan niệm có khác. Đó là nếp nghĩ và hành xử văn minh của sinh hoạt dân chủ.

Qua những điểm nêu trên, có thể nhìn thấy một vài sai khác nào đó giữa người phật-tử Tây Tạng và Việt Nam trong cuộc đấu tranh cho tự do dân chủ của xứ sở mình.

Vị lãnh đạo tinh thần của Phật giáo Tây Tạng và những người Tây Tạng lưu vong, suốt 59 năm đất nước bị Trung quốc xâm chiếm, vẫn thường vận động thành lập các hội đoàn, tổ chức, công khai hoặc ngầm ngầm thực hiện các chương trình văn hóa, giáo dục, từ thiện xã hội, nhằm bảo vệ nền văn hóa truyền thống Tây Tạng, đối kháng trường kỳ với chủ trương Hán-hóa của Trung

quốc. Cuộc đấu tranh gian lao, khổ nhọc, phải đổi nhiều xương máu và nước mắt, nhưng những vị thầy của tôi nơi xứ sở ấy vẫn theo gương Đức Đạt-lai Lạt-ma, luôn giữ gìn lòng từ bi, chủ trương đấu tranh bất bạo động, không những bất bạo động trong hành xử và lời nói, mà còn ngay trong ý niệm: vẫn xem người Trung quốc nhiều tham vọng, bất hảo, là “những người anh em” trong cộng đồng nhân loại. Đối với Trung quốc, Đức Đạt-lai Lạt-ma vẫn giữ niềm tôn trọng, chưa hề khởi tâm sân hận, chưa hề nguyên rủa hoặc nặng lời phê phán, hướng chỉ là đối với đồng bào của ngài, cho dù giữa các thế hệ già-trẻ trước-sau có những sai biệt về quan điểm và phương thức hành động. Trong khi đó thì người phật-tử Việt Nam vẫn thường có khuynh hướng loại trừ, phân liệt, không chấp nhận nhau; có khi không còn xem nhau như là anh em, đồng đạo; những ai không suy nghĩ giống mình, không hành động và phát ngôn như mình, thì đẩy hết về phía đối nghịch, nghĩa là đồng hóa họ với những người mà mình cho là kẻ thù.

Không những khác với phật-tử Tây Tạng, phương cách đấu tranh cho tự do dân chủ của phật-tử Việt Nam cũng khác với tín đồ của tôn giáo bạn. Chúng ta mưu cầu phúc lạc cho toàn dân, nhưng thường khi lại chẳng quan tâm đến số đông, chỉ nhìn thấy cái xấu-ác của thiểu số. Những cơ hội tốt đẹp có tính cách quốc tế, rộng mở, thì chúng ta cục bộ, khép chặt, chống đối, ngăn trở. Những chương trình dài hạn, cần từng bước xây dựng, un đúc, khai triển, thì chúng ta phá đổ, san bằng, cố tình bóp chết không cho khởi phát. Như một con bệnh mê sảng, chúng ta sẵn sàng đánh đổ bất cứ ảnh tượng nào vừa xuất hiện. Chúng ta không có viễn kiến. Chúng ta chỉ nhìn được cái gì tức thời, ở trước mắt.

Hãy nhìn về phía tôn giáo bạn: Đức Giáo hoàng John Paul II tiền nhiệm đã từng viếng thăm Ba Lan năm 1979, một năm sau khi đăng ngai, và hai mươi năm sau, đã chính thức viếng thăm Cuba vào tháng 01 năm 1998. Sau khi Đức Giáo hoàng viếng thăm hai nước cộng sản này, một nước đã được chuyển hóa, thay đổi, và một nước vẫn còn tro tàn với thứ chủ nghĩa thoái trào, lạc hậu. Thay đổi hay không thay đổi khó lòng tiên liệu được, nhưng không phải vì vậy mà ngài không đến. Cũng không ai vì việc Đức Giáo hoàng viếng thăm các nước cộng sản mà lên án, chống đối, cản ngăn hay chụp mũ, xuyên tạc. Dù ông Fidel Castro và chính phủ Cuba có thu được những lợi ích nào đó về mặt ngoại giao, tháo gỡ được phần nào những bế tắc về kinh tế, cấm vận, hoặc chứng minh giả tạo về tự do tôn giáo ở nước họ, nhưng lợi ích tinh thần cho hàng trăm ngàn con chiên và hàng chục triệu người dân của đất nước đối khổ triền miên và thiếu tự do vẫn là điều Đức Giáo hoàng nhắm đến. Người Thiên Chúa giáo, hay không-Thiên-Chúa-giáo, chẳng ai chống đối việc

Giáo hoàng thăm viếng các nước cộng sản, trái lại, còn vui mừng, tán trợ, và nuôi hy vọng nào đó. Nếu nay mai, Đức Giáo hoàng đương nhiệm Benedict XVI hoặc khâm sứ Tòa thánh thăm viếng Cuba, Bắc Hàn, Trung quốc hay Việt Nam, người ta cũng sẽ có thái độ tôn trọng, gián tiếp hoặc trực tiếp ủng hộ. Không ai có lý do thích đáng nào để cản ngăn người khác mang ánh sáng vào nơi tăm tối.

Phật giáo không có giáo hoàng, cũng không có vị lãnh đạo tối cao đại diện Phật giáo đồ khắp thế giới. Vậy thì, Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc (Lễ Tam Hợp - kỷ niệm Đức Phật Đản Sinh, Thành Đạo và Niết Bàn trong cùng tháng 5 dương lịch) có thể nói là ánh sáng của Đức Phật, chuyên chở lý tưởng hòa bình, tinh thần từ bi và khoan dung của Phật giáo đến với bất cứ quốc gia nào đáng cai. Ai cũng biết, Lễ Vesak Liên Hiệp Quốc trở thành sinh hoạt văn hóa quốc tế chính thức kể từ năm 2000, bước vào thiên kỷ thứ ba của nhân loại. Đây là niềm vinh hạnh của Phật-giáo đồ khắp năm châu. Không có quyết định của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc về lễ quốc tế Vesak, Phật-giáo đồ khắp thế giới sẽ tiếp tục tổ chức lễ Phật Đản riêng biệt của từng quốc gia. Thông qua Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc, Phật-giáo đồ các nước có cơ hội chung lòng tưởng niệm, vinh danh Đức Phật trong cùng một địa điểm, một thời gian, công bố thông điệp hòa bình và khoan dung của Phật giáo đến khắp thế giới.

Lễ Vesak do Liên Hiệp Quốc chủ trương và chính phủ Việt Nam đăng cai, sẽ được tổ chức tại Hà-nội vào tháng 5, 2008, qui tụ ít nhất là 600 phái đoàn với hàng ngàn đại biểu đến từ 90 quốc gia trên thế giới. Đối với Liên Hiệp Quốc, Vesak là cơ hội để giới thiệu, cổ súy lý tưởng hòa bình, giá trị đạo đức và văn hóa của Phật giáo đến với thế giới đầy những bạo động, chấp tranh, khủng bố, kỳ thị; đối với Phật-giáo đồ khắp năm châu, là cơ hội để vinh danh Đức Phật, hoằng truyền chánh pháp, trao đổi và học hỏi kinh nghiệm hành đạo, đóng góp các nguyên lý thực tiễn của Phật giáo đối với những vấn nạn của môi trường hành tinh và đời sống nhân loại, trình bày bản sắc văn hóa của mỗi quốc gia ảnh hưởng Phật giáo, kết chặt mối tương giao của người con Phật khắp nơi; đối với Phật-tử Việt Nam, là cơ hội để trình bày nền văn hóa sáng đẹp của Phật giáo vốn đã song hành với dân tộc gần hai mươi thế kỷ, tạo sự đoàn kết hòa hợp của mọi hệ phái, giáo hội đang hành hoạt trong lẫn ngoài nước, vực dậy niềm tin và trí tuệ của Phật-giáo đồ cả nước để trùng hưng nền Phật giáo Việt Nam; đối với nhân dân trong nước nói chung, là cơ hội để đất nước mở cửa đón chào những quan khách đại diện tầng lớp tinh hoa của Phật giáo từ các nước, trực tiếp hoặc gián tiếp trình bày về đời sống thực của xã hội Việt Nam qua văn hóa, tôn giáo, kinh tế, văn mỹ nghệ, kiến trúc, ẩm thực, v.v...; và đối với nhà nước Việt Nam, chủ nhà đăng cai tổ chức, là cơ

hội để chứng tỏ sự rộng mở về mặt ngoại giao quốc tế, chứng minh chính sách khoan dung và thiện chí giúp đỡ đối với tôn giáo.

Mục tiêu mà các tập thể, tổ chức nhắm đến qua Lễ Vesak Liên Hiệp Quốc, có nhiều điểm tương đồng, tất nhiên cũng có nhiều điểm dị biệt. Đi sâu vào chi tiết, đối với cá thể mà nói, còn có những mục đích nhỏ hẹp hơn, chẳng hạn lợi nhuận thu được qua một dịp lễ quốc tế suốt gần một tuần lễ đối với các công ty du lịch, khách sạn, nhà hàng, các tiệm buôn bán, xe cộ vận chuyển của công ty hay tư nhân, v.v... Có thể có sự lợi dụng hay hậu ý nào đó của nhà nước đối với Vesak 2008. Nhưng xét cho cùng, tất cả đều mong cầu lợi ích, nhiều hay ít, tinh thần hay vật chất, trong một lễ hội qui mô quốc tế do chính Liên Hiệp Quốc chủ trương, kêu gọi.

Sau một đêm dài, bình minh rực rỡ sẽ thúc đẩy mọi người, mọi loài thức dậy, theo nhu cầu và mục đích của mình mà tiếp nhận ánh sáng mặt trời; nhờ ánh sáng mà dễ dàng thực hiện những việc họ muốn làm.

Ánh sáng từ bi trí tuệ của Phật giáo không thể vì lý do gì mà không chiếu rọi đến những nơi tăm tối, nơi mà hàng mấy chục triệu người đang cố gắng ngoi mình dậy từ hậu quả chiến tranh, nghèo đói, bất công, đạo đức băng hoại... Phật tử Việt Nam không thể vì hai triệu đảng viên mà bỏ quên tám chục triệu người dân. Đức Đạt-lai Lạt-ma cũng không vì 60 triệu đảng viên cộng sản mà chối bỏ 1 tỉ 240 triệu người dân Trung Hoa. Đức Giáo Hoàng John Paul II cũng không vì 700 ngàn đảng viên mà không quan tâm đến 10 triệu người dân Cuba. Nói theo cách của Đức Đạt-lai Lạt-ma, trên một tỉ người dân Trung Hoa, “*xứng đáng được làm nước chủ nhà của cuộc tranh tài Thế Vận Hội*,” thì trên 80 triệu dân Việt Nam bao gồm 60 - 70% là Phật-tử, xứng đáng được làm nước chủ nhà cho Lễ Vesak 2008 của Liên Hiệp Quốc. Những người đấu tranh vì tự do dân chủ cho Tây Tạng và Việt Nam có quyền ở nơi bất cứ diễn đàn nào, phản đối chính sách đàn áp và kiểm soát tôn giáo, vi phạm nhân quyền, độc tài và bất công, của các nhà cầm quyền cộng sản; nhưng hãy tôn trọng cơ hội và ý nguyện của số đông, của quần chúng thăm lặn đối với các lễ hội quốc tế hân hữu xảy ra trên đất nước của họ. Hãy tiếp tục lên án, chống lại sự xấu-ác, nhưng đừng bao giờ ngăn cản những cơ hội cho lễ thiện bùng tỏa. Không thể vì việc nhỏ mà trùm lấp hết việc lớn. Không thể vì cái hạn cuộc nhất thời mà che chắn sự tỏa chiếu của ánh sáng vô hạn, vô biên.

Người Phật-tử, dù ở bất cứ quốc gia nào, hoàn cảnh nào, thời gian nào, nên sung sướng hân diện về một lễ hội Vesak do Liên Hiệp Quốc đề xướng nhằm tôn vinh con đường hòa bình và giáo lý thâm thâm vi diệu của Đức Phật. Và nếu cần phải nói lên một sự thực, có thể nói rằng, dù tham dự hay không tham dự Lễ Vesak, dù tán

đồng hay bất đồng với nhà nước đăng cai, chúng ta, những người con Phật, trên khắp thế giới, đều thấy vinh hạnh và cảm động khi lễ hội ấy được Liên Hiệp Quốc chấp thuận tổ chức ngay trên quê hương mình.

Con đường hòa bình của Phật giáo là con đường như thế nào mà Liên Hiệp Quốc cần đến, cần tôn vinh và truyền rộng cho toàn cầu? – Là trung đạo. Là con đường mà trải hơn hai mươi lăm thế kỷ, phật-giáo đồ đã kinh qua trong việc hành trì và truyền bá để đem lại niềm an lạc và hạnh phúc chân thực cho mình và cho người. Là con đường tránh xa các cực đoan; vượt trên những quá khích, cuồng vọng, bảo thủ, bạo hành, cuồng tín; vượt trên tham lam, sân hận, si mê; vượt khỏi những giới hạn của bi-thủ, nhân-ngã. Chỉ có con đường ấy, qua kinh nghiệm của lịch sử nhân loại, mới chứng minh được tính cách hòa bình, nhân ái, khoan dung, khả dĩ cứu vãn sự sống còn của hành tinh, của nhân loại trước viễn ảnh ngày càng xung đột, bất an, biến động thật trầm trọng

khởi sinh từ tham vọng và cố chấp của những thế lực chính trị hoặc tôn giáo cực đoan trên thế giới. Chỉ có con đường ấy mới giúp nhân loại không còn bị sợ hãi, khủng bố.

Phật-tử Việt Nam, các giáo hội Phật giáo tại Việt Nam, nhà nước Việt Nam, hãy thành tâm thể hiện đúng mức tinh thần từ bi, khoan dung và hòa bình của Phật, trước, trong và sau Lễ Hội Vesak Liên Hiệp Quốc. Như vậy sẽ xứng hợp với vai trò của những người thuộc nước chủ nhà đăng cai tổ chức. Và được như vậy thì đất nước và dân tộc chắc chắn có thái bình an lạc thực sự.

Hãy chấp tay cầu nguyện cho sự thành công tốt đẹp của Lễ Vesak tại Việt Nam, hay tại bất cứ quốc gia nào được ủy nhiệm tổ chức. Và xin mượn lời nhà thơ Nhất Hạnh, “Chấp tay nguyện cầu cho bồ câu trắng hiện.”

California, ngày 10 tháng 4 năm 2008.

THƠ NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH

KHI

*Khi tôi nắm vào trong tay
Ít nắng
Thì cùng lúc tôi nắm vào chút nhỏ nhoi của
bóng tối*

*Khi tôi ôm vào lòng
Ít gió
Cũng là lúc tôi đầy trống không, im lặng*

*Khi tôi bắt đầu một giấc mơ
Cũng là lúc tôi đã chìm sâu
Giấc ngủ*

*Và để biết có giữ được gì không
Tôi bắt đầu hy vọng*

ÁNH SÁNG

*Ánh sáng chọn
Ngày
Để tan ra*

*Ánh sáng chọn
Đêm
Để lấp lánh*

*Tôi chọn ánh sáng
Để tự vệ với bóng tối
Nơi mình*

*Đó cũng là tên
Khi người ấy gọi tôi
Âu yếm.*

ĐẠI LỄ VESAK 2008 CỦA LIÊN HIỆP QUỐC VÀ CON ĐƯỜNG CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Huỳnh Kim Quang

Trong dịp Đại Lễ Vesak 2007 của Liên Hiệp Quốc được tổ chức tại Thái Lan, Ban Tổ Chức Đại Lễ Vesak của Liên Hiệp Quốc (International Organizing Committee – IOC) đã quyết định chọn Việt Nam là nơi tổ chức Đại Lễ Vesak 2008 của Liên Hiệp Quốc. Sự kiện này có thể nói là một biến cố lịch sử trọng đại không những cho Phật Giáo Việt Nam mà còn cho cả dân tộc Việt Nam nữa.

Tại sao việc tổ chức Đại Lễ Vesak 2008 của Liên Hiệp Quốc tại Việt Nam lại là một biến cố lịch sử trọng đại cho Phật Giáo và dân tộc Việt Nam? Để trả lời cho câu hỏi này một cách tương đối minh bạch và đầy đủ, chúng ta cần phải đi sâu vào việc tìm hiểu một số những vấn đề có liên quan thiết yếu đến Đại Lễ này, chẳng hạn từ đâu mà có Đại Lễ Vesak của Liên Hiệp Quốc, ý nghĩa và mục đích của Đại Lễ Vesak là gì, thực trạng của đất nước và Phật Giáo Việt Nam hiện nay như thế nào, v.v...

Trước hết là về Đại Lễ Vesak của Liên Hiệp Quốc. Nhân loại, mặc dù đã ra khỏi tình trạng bị đe dọa diệt chủng vì cuộc đương đầu của hai thế lực tư bản và cộng sản trong thời kỳ chiến tranh lạnh vào hậu bán thế kỷ 20, vẫn còn phải đối diện với những cuộc khủng hoảng và bất an vì nạn tranh giành quân bình thế lực quốc tế, nạn cuồng tín tôn giáo và chủ nghĩa, nạn kỳ thị sắc tộc dẫn đến tệ trạng diệt chủng ở lục địa đen Phi châu và ngay cả tại khu vực Nam Tư cũ, nạn chà đạp lên quyền sống, quyền làm người và các quyền tự do căn bản của con người trên khắp hành tinh, đặc biệt tại các nước độc tài quân phiệt và độc tài cộng sản, nạn xâm hại một cách nghiêm trọng các môi trường sinh thái trên khắp mặt đất đe dọa đến đời sống của nhiều thế hệ tương lai, v.v... Liên Hiệp Quốc, một cơ quan điều hợp bao quát sinh hoạt của cộng đồng thế giới, đã nhìn thấy nhu cầu cấp bách về một phương thức cứu chữa mà cộng đồng quốc tế có thể làm được để kịp thời giảm thiểu tối đa những tai họa vừa nêu trên. Trong nhãn quan và mong ước đó, Liên Hiệp Quốc đã suy nghĩ đến vai trò và khả lực của tinh thần từ bi, trí tuệ và hòa bình của Phật Giáo mà đức

Phật đã từng công hiến một cách hữu hiệu cho nhân loại suốt trên hai mươi lăm thế kỷ qua.

Đó chính là động lực và tiêu đích để cho Liên Hiệp Quốc trong khóa họp khoáng đại lần thứ 54 ngày 15 tháng 12 năm 1999 của Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc đã thông qua Nghị Quyết lấy ngày trăng tròn tháng 5 Dương lịch làm ngày Đại lễ Vesak. Theo đó, Liên Hiệp Quốc hằng năm sẽ chính thức tổ chức Đại lễ Vesak tại trụ sở Trung Ương ở New York cũng như tại các văn phòng của Liên Hiệp Quốc khắp nơi trên thế giới.

Trong Hiến Chương của IOC, ở Chương 3, Điều 3.2.1 có ghi:

“3.2.1. To internationally recognize and observe the Day of Vesak, the thrice sacred day commemorating the birth, the enlightenment and the passing away of the Buddha, as the day of religion and culture.”

Tạm dịch: *Để tri nhận và cử hành trên toàn thế giới Ngày Vesak, ba ngày thiêng liêng kỷ niệm đản sinh, thành đạo và nhập niết bàn của Đức Phật, như là ngày tôn giáo và văn hóa.*

Hoặc, cũng trong Hiến Chương của IOC, ở Chương 3, Điều 3.2.2 có ghi:

“3.2.2. To promote, foster and maintain collaborations between the different Buddhists traditions and schools, in order to foster and support Buddhist Culture, Philosophy and Practice for the well being and happiness of humanity.”

Tạm dịch: *Để thăng tiến, nuôi dưỡng và bảo tồn sự hợp tác giữa những trường phái và truyền thống Phật Giáo khác nhau, để khuyến khích và hỗ trợ cho sự thực nghiệm, triết lý và văn hóa Phật Giáo cho đời sống của con người được phúc lợi và an lạc.*

Lấy ngày đại lễ Vesak làm ngày sinh hoạt tôn giáo và văn hóa thế giới để cổ võ tinh thần hòa bình, an lạc, từ bi và trí tuệ của đức Phật nhằm hóa giải những thù hận, bất an, khủng hoảng và khổ đau cho nhân loại, trong Thông Điệp đại lễ Vesak tổ chức tại trụ sở chính của Liên Hiệp Quốc ở New York, vào ngày 7 tháng 5, năm 2002, ông Cofi Annan, Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc,

đã phát biểu:

“In this time of global uncertainty, the Buddha's vision of peace and of humanity's highest potentials may be more relevant than ever before.

On this Day of Vesak, let us remember that whatever our origin, our race, our culture or our belief, we are not essentially different. Above all, we share the same home, a shrinking planet on which we are bound to live together. So, let us work together towards the common good and the harmonious and peaceful coexistence of all the world's people.”

Tạm dịch: Trong thời kỳ bất an của thế giới hôm nay, quan kiến của đức Phật về hòa bình và về tiềm năng cao tột của nhân loại có thể thích đáng hơn bất cứ lúc nào.

Trong ngày Vesak này, chúng ta hãy ghi nhớ rằng cho dù gốc gác, chủng tộc, văn hóa hay niềm tin của chúng ta là gì đi chăng nữa, thực chất chúng ta không khác biệt nhau. Trên tất cả, chúng ta cùng dự phần trong một ngôi nhà, một hành tinh nhỏ hẹp trong đó chúng ta sống liên kết với nhau. Vì vậy, chúng ta hãy cùng nhau thực hiện hướng đến sự tốt lành và sự tương sinh hòa bình và an lạc cho tất cả mọi người trên thế giới này.

Đại lễ Vesak được tổ chức lần đầu tiên vào năm 2000 tại trụ sở chính của Liên Hiệp Quốc ở New York. Đến năm 2004, Chính phủ và Phật Giáo Thái Lan đã xin đăng cai để được tổ chức đại lễ Vesak tại Thái Lan. Qua năm 2005 đại lễ Vesak được tổ chức tại Ấn Độ và sau đó suốt 2 năm liền đại lễ Vesak đều được Chính phủ và Phật Giáo Thái Lan tiếp tục đăng cai tổ chức. Trong Đại lễ Vesak năm 2007 tại Thái Lan, chính quyền và Phật Giáo Việt Nam, đại biểu là Học Viện Phật Giáo Việt Nam do Giáo sư Trí Siêu Lê Mạnh Thát đại diện, đã chính thức xin đăng cai tổ chức Đại lễ Vesak tại Việt Nam vào năm 2008. Sau khi cứu xét nhiều điều kiện trong đó có nhiều nước cùng đăng cai, Ủy Ban Tổ Chức Đại Lễ Vesak Liên Hiệp Quốc (IOC) đã chuẩn thuận cho Việt Nam đảm nhận việc tổ chức Đại lễ Vesak năm 2008.

Qua những lần tổ chức Đại lễ Vesak tại Ấn Độ và Thái Lan trước đây, chúng ta nhận thấy có mấy điểm cần lưu ý:

1. IOC đóng vai trò chủ chốt trong việc chỉ đạo và điều hợp tổng quát việc tổ chức, đặc biệt trong phần nội dung của Đại lễ. Vị Chủ Tịch của IOC không do một giáo phẩm trong Giáo Hội hay một viên chức trong chính phủ đảm nhận mà do một vị Viện Trưởng của một Đại Học Phật Giáo, như trường hợp tại Thái Lan là vị Viện Trưởng, Thượng Tọa Phra Dharmakosajarn của Viện Đại Học Mahachulalongkom – rajavidyalaya là

Chủ Tịch IOC.

2. Để hỗ trợ hữu hiệu cho việc tổ chức Đại lễ Vesak được thành tựu viên mãn Giáo Hội và Chính phủ của quốc gia sở tại cần tiếp tay trong một số công tác cụ thể như: Về Giáo Hội là đề vận động Tăng, Ni và quần chúng Phật tử tham gia đông đảo, đề hỗ trợ về mặt nhân sự cho các chương trình nghi lễ, tiếp tân, thuyết giảng, v.v... Về Chính phủ là đề hỗ trợ cụ thể cho vấn đề an ninh, tài chánh, lưu thông di chuyển, v.v...

Về thực trạng của đất nước Việt Nam. Sau hai mươi năm mở cửa để phát triển kinh tế và giao thương với cộng đồng thế giới bên ngoài, Việt Nam có thể nói là đã thoát khỏi tình trạng cô lập về mặt bang giao quốc tế và phần nào vực dậy được nền kinh tế què quặt, tụt hậu và nghèo đói của xã hội Cộng Sản. Nhưng, sự chênh lệch giàu nghèo vẫn còn là một nan đề xã hội, trong đó, kẻ có tiền và quyền thì được nhiều điều kiện thuận lợi để làm giàu thêm, còn người nghèo khó không tiền và quyền thì cũng vẫn phải sống cuộc đời bần hàn thiếu thốn, chính vì vậy, vô số trẻ em vì gia đình quá nghèo đã không thể cấp sách đến trường để học. Một nền kinh tế thị trường được vội vã dựng lên trên nền tảng mỏng manh và yếu kém của một xã hội chưa ổn định về mặt luật pháp, chưa chuẩn bị đủ về mặt kiến thức chuyên nghiệp, cho nên đã không thể tránh khỏi những sai lầm nghiêm trọng trong nhiều lãnh vực, và vì vậy đã tạo ra những trở lực không nhỏ cho tiến trình phát triển rộng lớn. Nhiều quyền tự do căn bản của người dân, như tự do báo chí, tự do ngôn luận, vẫn chưa được tôn trọng một cách đúng mức đã là lỗ hổng cho những tệ nạn lạm quyền và tham nhũng phát sinh. Đặc biệt nếp sống đạo đức, văn hóa và tâm linh truyền thống lâu đời của dân tộc đã bị vùi dập dưới sức mạnh của cuộc sống thác loạn chạy theo chủ nghĩa quyền lực, tiền tài, sắc dục, thời thượng, v.v...

Động lực chủ yếu cho một đất nước phát triển toàn diện không hoàn toàn nằm trong tay của thể chế chính quyền cai trị, mà tùy thuộc căn bản vào nội lực ắt có của cả dân tộc. Nội lực căn bản của dân tộc ấy chính là năng lực hiển phát của truyền thống văn hóa cao, tiềm lực vững mạnh của nền đạo đức và tâm linh sẵn có, khả lực hùng hậu của tài nguyên và nhân lực và sau cùng là tinh hoa phát tiết của trình độ dân trí. Đây chính là lý do tại sao, các nhà cách mạng chân chính của Việt Nam vào đầu thế kỷ 20 như cụ Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, v.v..., vì muốn giành lại độc lập cho đất nước và phát triển xã hội đã quyết tâm vận động phong trào canh tân, phát triển dân trí và phục hưng truyền thống văn hóa, đạo giáo căn bản của dân tộc, mặc dù thời đó Việt Nam đang nằm dưới ách thống trị của thực dân Pháp. Khi truyền thống văn hóa, đạo đức và tâm linh được phục

hưng, khi nền dân trí được mở mang thì chính là lúc sức mạnh nội lực căn bản của dân tộc được dựng lập để trên nền tảng ấy thực hiện mọi công cuộc phát triển đất nước. Dân trí được nâng cao thì người dân ai cũng ý thức một cách sâu sắc về giá trị quý báu của đời sống tri thức mà trong đó có cả quyền sống, quyền làm người và các quyền tự do căn bản khác. Nền đạo đức và tâm linh chân chính được phục hưng thì người dân không những biết cách làm sao để sống hạnh phúc an lạc cho bản thân mà còn góp phần kiến tạo hạnh phúc và an lạc cho nhân quần xã hội. Cho nên, phát huy truyền thống văn hóa chính thống của dân tộc, nâng cao dân trí và phục hưng nếp sống đạo đức tâm linh tôn giáo chính là góp phần tích cực và hữu hiệu vào công cuộc chuyển hóa cơ chế độc tài, phục hồi giá trị của tự do, dân chủ, nhân quyền, xóa bỏ các tệ nạn lạm quyền, tham nhũng và mở ra thật sự tiến trình phát triển toàn diện cho đất nước.

Phật Giáo được truyền vào Việt Nam tính đến nay đã trên hai ngàn năm. Trong suốt quá trình lịch sử dài lâu ấy, Phật Giáo Việt Nam cũng đã trải qua nhiều kinh lịch hưng suy! Nhưng có điều, dù ở trong bất cứ tình cảnh nào, Phật Giáo Việt Nam cũng luôn luôn là một thực thể, một bộ phận bất phân của dân tộc, luôn luôn đứng chung hàng ngũ với đại khối dân tộc để cùng nhau tiến thoái. Bởi lẽ đó, ngày nay trong thịt da và máu huyết của giống nòi Lạc Việt, người ta thấy có chất liệu và dáng hình của Phật Giáo Việt Nam ánh hiện. Chính vì vậy, trải qua một ngàn năm đô hộ của giặc Tàu, một trăm năm đô hộ của giặc Tây, và từ giữa thế kỷ hai mươi đến nay, trong cơn biến động sâu xa của đất nước, trước những tranh chấp và thao túng của các thế lực chính trị, các ý thức hệ, các chủ nghĩa ngoại lai, Phật Giáo Việt Nam đã cùng với dân tộc chia xẻ những thăng trầm và khổ nhục! Trong hệ quả suy trầm và khổ nhục của Phật Giáo đã phơi bày ra đó với sự tha hóa, chia rẽ, suy vi và bế tắc trầm trọng diễn ra ngay chính tự thân của Phật Giáo Việt Nam! Tăng, Ni và Phật tử Việt Nam, ai có lòng đối với Đạo Pháp và Dân tộc mà không khỏi ngậm ngùi chua xót! Thảm trạng đau lòng ấy chứng tỏ một sự kiện xác thực rằng, Phật Giáo Việt Nam đã là nạn nhân, giống như dân tộc Việt Nam cũng đã là nạn nhân. Nạn nhân của những cá nhân mang đầu óc tham vọng điên cuồng và nạn nhân của những thế lực tập đoàn tàn hại đất nước!

Nỗi đau thương và tủi nhục ấy còn gia tăng gấp bội khi những người cùng là nạn nhân mà lại còn không tỉnh thức để quay lại đánh phá và gây khổ đau cho đồng đạo, cho pháp hữu của mình! Rồi cuối cùng ai là kẻ hưởng lợi, ai là người bị mất mát? Điều thấy rõ mồn một là, kẻ hưởng lợi đó nhất định không phải là Tăng, Ni và Phật tử, ngược lại người mất mát đó chính là Phật Giáo Việt Nam!

Suốt ba thập niên qua, cửa nhà của Phật Giáo Việt Nam đã không may! Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHTN) và Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam (GHPGVN) xem nhau như người xa lạ, thậm chí có lúc hai bên còn chống đối lẫn nhau, không bên nào chịu ngồi lại, để cùng nhau hướng đến công cuộc xây dựng và phát triển nền Phật Giáo Việt Nam! GHPGVN vì không thể mạnh dạn thoát ra khỏi sự chi phối của chính quyền, để có thể sinh hoạt độc lập đi theo con đường trong sáng của Đạo Phật truyền thống, cho nên, dù sinh hoạt hợp pháp mà đã không đóng góp được nhiều như kỳ vọng của Tăng, Ni và quần chúng Phật tử trao gửi. GHTN vì không chịu đặt dưới sự chi phối của chính quyền, cho nên, đã không thể sinh hoạt hợp pháp, và vì vậy cũng đã không thi thiết được trọn vẹn sứ mệnh xây dựng và phát triển nền Phật Giáo Việt Nam trong vị thế và vai trò lớn lao đối với lịch sử. Do đó, Phật Giáo Việt Nam đã bị suy trầm và bế tắc hầu như toàn diện!

Trong thảm trạng như vậy, đại đa số Tăng, Ni và Phật tử Việt Nam thâm lặng đã và đang trông chờ điều gì?

Câu trả lời thật xác quyết và minh bạch mà ai cũng thấy và biết, đó là sự ngồi lại trong tinh thần thanh tịnh hòa hợp đúng nghĩa của truyền thống Tăng già Đạo Phật, vượt thoát lên trên tất cả những hệ lụy, trói buộc và giới hạn của các thế lực vô minh thế gian để cùng nhau xây dựng và phát triển toàn diện nền Phật Giáo dân tộc.

Trong bối cảnh của thế giới, của đất nước Việt Nam và Phật Giáo Việt Nam như vậy, một Đại Lễ Vesak 2008 của Liên Hiệp Quốc được cử hành trọng thể tại Việt Nam sẽ mang lại những ý nghĩa gì?

Thứ nhất, Liên Hiệp Quốc, qua Đại Lễ Vesak 2008 tại Việt Nam, sẽ chính thức phổ biến tinh thần từ bi, trí tuệ và hòa bình của Phật Giáo đến với tất cả các nước thuộc khu vực Á Châu và Thái Bình Dương, đặc biệt các nước còn nằm trong hệ thống chính trị độc tài Cộng Sản như Trung Quốc, Bắc Hàn và Việt Nam. Khu vực các nước liên đới biên giới với Trung Quốc như Bắc Hàn, Miến Điện, Tây Tạng, Đài Loan, Việt Nam gần đây đã xảy ra nhiều biến động bất an làm cho tình hình trong vùng trở nên căng thẳng và đầy bất trắc! Một Đại Lễ Vesak với tinh thần từ bi, trí tuệ và hòa bình của Đức Phật được long trọng tổ chức ngay trong lòng bất an của khu vực này là điều thuận lợi để làm lắng dịu những cơn bạo hành dã và có thể tiếp tục diễn ra. Hơn nữa, khu vực Đông và Nam Châu Á là nơi tập trung các nước có truyền thống Phật Giáo lâu đời và chiếm một vị thế vững mạnh trong lòng các dân tộc này. Chính vì vậy, việc tổ chức một Đại Lễ Vesak tại Việt Nam là tạo thắng duyên vừa cho sự ngồi lại của các nước Phật Giáo trong vùng, vừa tái khẳng định và phục hưng các truyền thống Phật

Giáo lâu đời tại các quốc gia này.

Thứ hai, khi một Đại Lễ Vesak của Liên Hiệp Quốc được tổ chức long trọng tại Việt Nam với những sinh hoạt văn hóa và tôn giáo rầm rộ từ cấp quốc gia đến cấp cơ sở địa phương thì chắc chắn đó là một biến cố lịch sử lớn lao chưa từng được thực hiện trên đất nước Cộng Sản suốt hơn nửa thế kỷ nay. Qua sự thực hiện sâu và rộng Đại Lễ Vesak này, toàn dân Việt Nam sẽ có cơ hội tiếp cận trực tiếp với một truyền thống văn hóa và đạo Phật đã bám rễ sâu xa trong lòng dân tộc từ hai ngàn năm nay. Và cũng nhân đây, chất liệu tiềm tàng của nền văn hóa và đạo Phật truyền thống ấy sẽ có cơ hội hưng phát phổ quát khắp đất nước. Một đạo Phật chân chính hiện diện và phát huy rực rỡ trong lòng dân tộc là biến lớn có khả năng tinh lọc mọi uế trước đến từ các cành nhánh sông rạch chủ nghĩa, ý hệ, đảng phái trở thành một vị thuần khiết, đó là vị mặn của muối, vị mặn của huyết thống Lạc Hồng. Điều không thể chối cãi khác là sức ảnh hưởng rất lớn của đạo Phật qua Đại Lễ Vesak 2008 đối với giới trẻ và tri thức Việt Nam. Thành phần này xưa nay chỉ cho rằng đạo Phật là đạo mê tín dị đoan, là đạo chỉ biết cúng tụng, là đạo không có văn minh khoa học. Qua Đại lễ Vesak 2008, thành phần trẻ và tri thức Việt Nam sẽ nhìn thấy rõ hơn về khả tính ưu việt của một đạo Phật, một đạo Phật truyền thống vốn là cái nôi của nền văn hóa Việt Nam, vốn là tiềm lực trong công cuộc dựng và giữ nước, vốn là nguồn sáng tạo vô biên của mọi ngành khoa học và nghệ thuật, vốn là chất liệu sung mãn cho nếp sống biết tôn trọng sự sống, tôn trọng quyền làm người, hướng đến tự do, dân chủ thật sự.

Có người cho rằng với sự chấp thuận việc tổ chức Đại lễ Vesak 2008 của Liên Hiệp Quốc, chính quyền Cộng Sản Việt Nam có thể có hai điều lợi. Đó là, một, nâng cao được vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế; hai, làm tốt cho bộ mặt của chế độ đối với những công kích về việc đàn áp tôn giáo trong những năm tháng qua. Tuy nhiên, thực tế không hẳn là điều hoàn toàn thuận lợi cho chế độ như vậy, bởi vì, chúng ta đừng quên rằng, cộng đồng thế giới không phải dễ dàng tin tưởng hoàn toàn vào những gì đang diễn ra mà còn tùy thuộc rất nhiều vào những gì sẽ xảy ra nữa. Điều ấy có nghĩa là, nếu chỉ vì muốn rửa mặt cho chế độ mà chính quyền tổ chức Đại Lễ Vesak 2008, rồi sau đó vẫn tiếp tục chính sách bất công đối với Phật Giáo thì chính quyền Việt Nam cũng sẽ bị cộng đồng nhân loại lên án, như đã từng bị lên án từ lâu nay.

Thứ ba, hưởng được nhiều thuận lợi nhất qua Đại lễ Vesak 2008 của Liên Hiệp Quốc chính là toàn thể Phật Giáo Việt Nam, chứ không phải chỉ là một giáo hội, hệ phái hay giáo phái Phật Giáo riêng lẻ nào. Một Đại Lễ Vesak với danh nghĩa của Liên Hiệp Quốc chủ trì, có sự

tham dự của trên 70 quốc gia và hàng ngàn quan khách quốc tế bao gồm các nhà lãnh đạo Phật Giáo các nước, có thể có sự hiện diện của ông Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc, các nhà lãnh đạo quốc gia, các chính khách tên tuổi, các nhân sĩ tri thức quốc tế, suốt hàng tuần lễ diễn ra các buổi Đại Lễ Phật Đản tại các địa phương trên toàn quốc đến Đại Lễ Vesak tổ chức tại Hà Nội trong 4 ngày, mà chương trình bao gồm nhiều sinh hoạt nổi bật như văn hóa, nghệ thuật, văn nghệ, tôn giáo, hội thảo và thuyết trình với những đề tài liên quan đến các vấn đề lớn của nhân loại hiện nay, như Phật Giáo và môi sinh, Phật giáo và khoa học, Phật giáo và dân chủ, Phật giáo và phương thức trị liệu chiến tranh, thù hận, v.v... quả thật là một sự kiện trọng đại chưa từng diễn ra trước đây cho Phật Giáo Việt Nam. Với thực trạng bế tắc suốt mấy thập niên qua của toàn khối Phật Giáo Việt Nam thì Đại Lễ Vesak 2008 quả là một cơ hội quý giá để thúc đẩy mọi công cuộc phục hưng và phát triển toàn diện nền Phật Giáo cả nước.

Qua Đại Lễ Vesak 2008 của Liên Hiệp Quốc lần này, cho thấy vị thế và vai trò hàng đầu của Phật Giáo Việt Nam trong lòng dân tộc và đất nước Việt Nam. Vị thế và vai trò ấy sở dĩ có được và đang được tôn vinh chính là vì Phật Giáo Việt Nam luôn luôn hành xử đúng chức năng và vai trò của mình. Chức năng, đó là một Phật Giáo Việt Nam vừa truyền thừa đầy đủ tinh hoa của truyền thống hai ngàn năm trăm năm đạo Phật bắt nguồn từ đức Thích Ca Mâu Ni, vừa thi thiết trọn vẹn bản nguyện tự giác giác tha, hàm tàng hai đức tính ưu việt trí tuệ và từ bi. Vai trò, đó là Phật Giáo Việt Nam kiên thủ không rời con đường nhập thế độ sinh trong phong thái xuất thế siêu việt, không để mình bị trói buộc, bị hệ lụy, bị tác nghiệp trong sứ mệnh lớn lao và cao cả ấy.

Hai ngàn rưỡi năm trước, suốt con đường giáo hóa trên bốn thập niên của Ngài, đức Phật luôn luôn đứng trên tất cả mọi giới hạn của các tranh chấp và hệ phược thế gian. Ngài đã sáng suốt và dũng mãnh chọn con đường chuyển hóa nhân sinh và xã hội bằng phương thức tự giác và giác tha lấy mục đích tận trừ vô minh và phiền não trong nội thể để trong sạch tự thân và tịnh Phật quốc độ. Có người cho rằng đó là con đường tiêu cực, là cách thụ động, là xoay lưng lại với những khổ đau và bất ổn của cá nhân và xã hội. Nhưng, họ đã sai lầm! Vì những kẻ chê trách phương thức hành đạo của Đức Phật ấy đã dùng lăng kính một chiều của kẻ phạm phu còn ngã chấp, của nhà chính trị chạy theo các chủ thuyết, chủ nghĩa, đảng phái thế gian. Họ quên rằng mọi công cuộc cải cách nhân sinh và xã hội nếu không bắt nguồn từ cuộc cách mạng tâm linh căn đở nhất thì vĩnh viễn chỉ là những thay đổi chấp vá tạm thời bề ngoài, trong khi những mầm mống bất an và khủng hoảng sâu kín bên

trong của tham, sân, si vốn vẫn còn nguyên vẹn. Chính trong ý nghĩa đó mà khi được Vua Lê Đại Hành tham vấn về vận nước, Thiền sư Pháp Thuận đã tóm tắt ý chỉ an bang tế thế trong một bài kệ:

“Quốc tộ như đằng lạc
Nam thiên lý thái bình
Vô vi cư điện các
Xứ xứ tức đao binh.”

“Vận nước như mây cuốn
Trời Nam mở thái bình
Vô vi cư điện các
Xứ xứ hết đao binh.”
(Lê Mạnh Thát, Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam, tập 2)

Nơi nào biết ứng dụng đạo lý giác ngộ và giải thoát, nơi ấy sẽ kiến tạo được nếp sống ổn định, an lạc và thái bình. Sự ổn định, an lạc và thái bình trước hết phải đến từ chính nội thể tâm thức của từng cá nhân, rồi sau đó mới có ổn định, an lạc và thái bình thật sự bên ngoài xã hội. Phật Giáo chính là con đường, là phương thức hữu hiệu để xây dựng mọi sự ổn định, an lạc và hòa bình cho con người và xã hội. Đây là lý do tại sao Liên Hiệp Quốc đã ra Quyết Nghị tổ chức Đại Lễ Vesak để tôn vinh và phổ biến tinh thần từ bi, trí tuệ và hòa bình của Đức Phật, như là một giải pháp thích đáng để phát huy tự do, nhân tính và hòa bình trên thế giới.

Nam Mô Lâm Tỳ Ni Viên Vô Ưu Thọ Hạ Thị Hiện
Đản Sinh Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Thơ PHỔ ĐỒNG

Giọt Trăng Gầy



ai tha hương về rắc
đường mòn rừng núi xưa
dấu rêu phong nạm kín
xanh ròn cỏ nở hoa?

từng bước chân hương quện
bướm chập chồn bay theo
sư về cây thay lá
rừng xanh lá đỏ reo.

dưới bóng cây nhìn khói
quyện mờ bản làng bên
gió đưa hương thổi mát
lìm dim sư nhập thiền.

trăng lên nghiêng rừng ngủ
thể nhập giọt trăng gầy
soi xuyên nguồn đá cuội
tâm bình giấc ngủ say.

trăng tàn treo gát núi
sương đọng giọt phù vân
hình đông bên bờ suối
chìm rừng hót ca vang.

sư đặt chân xuống suối
nước động vòng tròn loang
đầu nguồn tận cuối bãi
lay động đầu giọt sương.

săn quanh dòng nước vắng
sư hái trái cây rừng
suối trong đem rửa sạch
mang về chữa hình khô.



NIỀM HY VỌNG VÀO TƯƠNG LAI

Nguyên Tác: Đức Đạt Lai Lạt Ma

Chuyển ngữ: *H.T. Thích Trí Chơn*

Hôm nay tôi muốn trình bày với quý vị về sự quan trọng của tình thương và lòng từ bi. Khi nói điều này tôi không tự nhận mình là một Phật tử hay Đạt Lai Lạt Ma, cũng không nhân danh người xứ Tây Tạng, nhưng duy nhất chỉ là một con người thuần túy. Và tôi mong rằng bạn cũng sẽ tự nghĩ mình là một con người chứ không có gì đặc biệt của người Mỹ hoặc Tây Phương hay là thành viên của một tổ chức hoặc đoàn thể của tôn giáo nào. Bởi lẽ các danh xưng này là thứ yếu.

Nếu các bạn và tôi tự nhận biết tất cả chúng ta đều là con người thì trên căn bản đó, chúng ta sẽ dễ dàng thông cảm với nhau. Nếu tôi nói: *“Tôi là nhà Sư; tôi là một Phật tử”*, nhưng khi so sánh với bản chất của tôi là một con người, thì các danh xưng này sẽ trở thành tạm bợ. Con người mới là điều căn bản vĩnh viễn. Một khi sanh ra đã làm người thì điều đó sẽ không bao giờ có thể thay đổi cho đến ngày bạn qua đời. Các đặc tính khác như dù bạn là người thông minh hay ngu dốt, giàu hoặc nghèo, đều là việc không quan trọng.

Ngày nay, chúng ta đang phải đối đầu với nhiều cuộc khủng hoảng trầm trọng. Một số vấn đề khó khăn chính tự chúng ta đã gây ra bởi óc phân chia, kỳ thị về tôn giáo, chủ nghĩa, ý thức hệ, chủng tộc, sự ngăn cách giàu nghèo và nhiều nguyên nhân khác. Bởi vậy, đã đến lúc chúng ta nên quán chiếu, suy nghĩ sâu sắc hơn về tính đồng nhất của con người để từ nhận thức đó, chúng ta sẽ hiểu rõ giá trị về sự giống nhau của con người giữa chúng ta với những kẻ khác. Chúng ta nên tạo sự thân hữu để hết lòng tin tưởng, hiểu biết, lắng nghe, kính trọng và giúp đỡ lẫn nhau, dù có sự khác biệt về văn hoá, triết lý, chủng tộc hay tôn giáo.

Hơn nữa, tất cả chúng ta đều do xương thịt máu huyết tạo nên, và bất cứ ai cũng ước mong sống trong hạnh phúc và không thích khổ đau. Tất cả mọi người đều

bình đẳng, có quyền được hưởng sự hạnh phúc đó. Chúng ta cần nhận thức rằng, là con người, tất cả chúng ta đều giống nhau, và cùng chung sống trong một đại gia đình của nhân loại. Do đó chúng ta nên sống hoà hợp, thương yêu hơn là chống đối, tranh chấp, lường gạt, đàn áp, bóc lột, giết hại và làm khổ lẫn nhau.

Nhưng thực là bất hạnh, nhiều thế kỷ qua, con người đã dùng mọi thủ đoạn tàn ác để bóc lột, đàn áp và làm hại, gây khổ đau cho nhau. Con người đã tạo nên vô số tội ác khủng khiếp! Chúng ta đã gây ra ngày càng nhiều cuộc khủng hoảng, những sự khó khăn, thủ đoạn, dối trá và phiền não cho con người cũng như nhiều sự phân hóa, hận thù hơn trong cộng đồng nhân loại.

Ngày nay, quả đất chúng ta đang sống ngày càng thu nhỏ lại. Về mặt kinh tế và các phương diện khác, nhiều quốc gia xa xôi trên thế giới ngày càng sống gần gũi và liên hệ mật thiết với nhau hơn. Do đó mà những cuộc họp quốc tế vẫn thường được triệu tập để giải quyết các cuộc khủng hoảng hay tranh chấp, mặc dù xảy ra ở một nơi xa xôi, nhưng có ảnh hưởng liên quan đến toàn cả thế giới. Bởi vậy, hiện nay điều cần thiết là chúng ta nên nghĩ đến giá trị của con người thuần túy hơn là dựa trên căn bản vật chất, địa vị hay quyền lợi mà các điều này đã gây nên sự kỳ thị, phân chia giữa chúng ta và mọi người khác. Cho nên tôi đang hầu chuyện với quý vị với tư cách là một con người bình thường và tôi thành thực mong các bạn cũng suy nghĩ rằng: *“Tôi duy nhất chỉ là một con người và đến đây thuyết giảng trước quý vị cũng là những con người thuần túy.”*

Tất cả chúng ta đều muốn có hạnh phúc. Tại các thành phố, nông trại và ngay cả ở những làng mạc xa xôi, mọi người ngày đêm rất bận rộn. Mục đích để làm gì? Vì ai nấy đều cố gắng xây dựng hạnh phúc cho chính mình. Hành động như vậy là hợp lý. Tuy nhiên điều

quan trọng là chúng ta nên dùng phương cách chân chính để tạo nên hạnh phúc chứ đừng bao giờ hành động thủ thuật bất lương.

Hiện nay chúng ta đang sống trong một thế giới với nhiều cuộc khủng hoảng và lo âu sợ hãi. Nhờ sự phát triển vượt bậc của nền khoa học và kỹ thuật hiện đại, đời sống vật chất của chúng ta đã tiến bộ rất nhiều. Nhưng nếu so sánh với cuộc sống tinh thần thuộc nội tâm thì còn quá yếu kém chẳng có tiến bộ gì bao nhiêu. Tại nhiều quốc gia, những hành động khủng bố, hãm hiếp, trộm cướp và giết người v.v... đã trở thành những căn bệnh kinh niên. Nhiều người than phiền rằng tình trạng đạo đức đã suy đồi và tội ác lại tăng trưởng trong xã hội chúng ta ngày nay. Mặc dù đời sống vật chất bên ngoài của chúng ta đã tiến bộ rất cao và ngày càng tiếp tục phát triển nhưng trong khi đó chúng ta lại xao lãng không quan tâm đến việc tu sửa cái đời nội tâm.

Thời xưa, ảnh hưởng thiệt hại của chiến tranh rất ít. Ngày nay, do sự tiến bộ về khoa học, kỹ thuật vật chất bên ngoài, nên sự tàn phá của nó thật là khủng khiếp, ngoài sức tưởng tượng. Khi tôi đến viếng thăm thành phố Hiroshima ở Nhật Bản, mặc dù tôi có nghe biết qua về vụ nổ bom nguyên tử tại đó nhiều thập niên trước đây, nhưng lúc bấy giờ khi nhìn chứng kiến tận mắt cảnh trí điêu tàn và được tiếp xúc với các nạn nhân còn sống sót, tôi mới cảm nhận sâu xa về hành động tàn ác kinh khủng huỷ diệt sự sống nhân loại của con người gây nên bởi một cuộc chiến tranh nguyên tử. Lòng tôi cảm thấy rất buồn và vô cùng xúc động khi nghĩ đến một thứ vũ khí thực khủng khiếp mà người ta đã sử dụng để tàn sát đồng loại. Mặc dù chúng ta có thể xem một vài cá nhân như là kẻ thù, nhưng với nhận thức sâu xa hơn, chúng ta biết rằng kẻ thù đó cũng là con người. Họ ước mong sống trong hạnh phúc và họ có quyền hưởng điều đó. Khi nhìn thấy và nghĩ tưởng đến cảnh trí điêu tàn của thành phố Hiroshima, vào lúc bấy giờ tôi tin rằng sự sân si và thù hận của con người sẽ không giải quyết được vấn đề gì cả.

Hận thù không thể khắc phục và diệt trừ bởi tâm thù hận. Một người đang tức giận, nếu bạn đáp trả họ bằng sự giận dữ, kết quả rất tai hại. Ngược lại, nếu chúng ta kiềm chế được tánh nóng nảy, bày tỏ sự khoan dung, tha thứ với tình thương thì không những bạn cảm thấy tâm mình an lạc mà còn giúp làm giảm bớt sự căm giận nơi người đó. Những cuộc khủng hoảng trên thế giới cũng không thể giải quyết bằng tâm sân hận mà bởi sự thông cảm, hiểu biết và lòng từ bi chân thực. Ngay cả những vũ khí giết người tàn ác chúng ta đang có, tự chúng không thể gây chiến tranh được mà do bàn tay con

người điều khiển, dưới sự thúc đẩy và sai khiến từ nơi ý tưởng độc ác của họ. Thực vậy, mọi hành động thiện ác, xấu hay tốt đều do tâm con người làm chủ.

Nếu tìm hiểu sâu xa hơn, quý vị sẽ nhận thấy rằng mọi việc đều bắt nguồn từ trong tâm của các bạn. Cho nên điều quan trọng trước tiên là chúng ta cần kiểm soát ý nghĩ của mình. Ở đây, tôi không nói đến việc theo dõi, làm chủ ý tưởng như trong khi các bạn đang ngồi thiền mà bằng cách loại bỏ tư tưởng hận thù và phát tâm từ bi thương yêu giúp đỡ kẻ khác cũng như nghĩ đến sự đồng nhất thể, giống nhau của mọi người. Chẳng hạn dân chúng Tây Phương khi nhìn những người trong khối Đông Âu Cộng Sản thuộc Liên Bang Xô Viết thì các bạn nên xem họ như anh chị em của mình. Ngược lại, từ phía Liên Xô cũng nghĩ rằng, những người thuộc các nước Tây Phương tự do đều là bà con thân quyến của họ. Với tư tưởng đoàn kết thân hữu như vậy, mặc dù chưa có thể giải quyết tức thì mọi sự tranh chấp đối nghịch giữa hai khối Cộng Sản và Tự do, nhưng chúng ta cứ tin tưởng và hết sức cố gắng để thực hiện. Chúng ta cần phổ biến sự hiểu biết và thông cảm này qua báo chí và truyền hình.

Chúng ta không nên sử dụng cơ quan truyền thông quảng cáo để tạo sự giàu sang cho riêng mình mà cần nghĩ đến việc làm hữu ích lợi tha hữu góp phần mang lại phúc lợi cho nhân loại. Các bạn không phải chỉ nghĩ đến việc kiếm được nhiều tiền. Hẳn nhiên tiền là cần thiết, nhưng mục đích chân chính có tiền là để giúp đỡ cho người nghèo khổ. Đôi khi quý vị quên không để ý tới những kẻ khốn cùng và chỉ nhớ đến tiền bạc mà thôi. Đây là điều không mấy tốt đẹp.

Hơn nữa, tất cả chúng ta đều muốn có hạnh phúc và ai cũng biết rằng lòng hận thù không mang lại sự bình an. Chỉ có tình thương mới giúp tâm con người an lạc. Chẳng kẻ nào thích phiền muộn âu lo, nhưng vì do vô minh con người gây nhân ác, làm hại kẻ khác để rồi chuốc lấy quả báo khổ đau. Khi nổi cơn giận dữ chúng ta sẽ đánh mất sự khôn ngoan và không còn sáng suốt để xét đoán mọi việc. Nhờ có trí tuệ chúng ta sẽ nhận thức được hành động của mình phải hay trái, đúng hay sai, không những chỉ ngay hiện tại mà cả mười, hai mươi hay một trăm năm trong tương lai. Nhưng khi tâm chứa đầy sân hận thì chúng ta sẽ mất hết lý trí không còn khả năng nhận thức, hiểu biết chân chính nữa.

Nếu ai như vậy, thực là điều đáng buồn, vì tuy cơ thể vật chất là thân người, nhưng họ thiếu đời sống tinh thần tâm linh. Khi đã có cái thân tứ đại này, quý vị cần phát triển bảo vệ năng lực trí tuệ của nó. Muốn được vậy hành giả nên tu tập, kiềm chế ác tính sân hận và nuôi dưỡng tâm từ bi. Nhờ luôn luôn biết tỉnh thức, chúng ta

có thể kiểm soát, diệt trừ được lòng thù hận.

Chẳng hạn, hiện nay bạn là người rất dễ nổi cơn bực tức khi gặp một việc nhỏ không vừa ý. Nhưng do sự hiểu biết sáng suốt và thường xuyên tỉnh thức, bạn có thể không chế, đè nén tánh giận dữ đó. Nếu bạn thường hay nóng giận trong vòng mười phút bạn cố gắng giảm xuống còn tám phút. Tuần tới năm phút và tháng sau chỉ có hai phút. Rồi cuối cùng là con số không. Đây là phương pháp chúng ta luyện tập để kiềm chế giữ cho mình không sanh tâm sân giận. Và chính tôi cũng đã áp dụng cách thức tu tập như vậy.

Điều rõ ràng là mọi người đều muốn có tâm an lạc, nhưng vấn đề là bằng cách nào để chúng ta đạt được niềm vui ấy. Chắc chắn không thể có, khi tâm các bạn đầy hận thù và chúng ta chỉ cảm thấy an vui khi lòng tràn ngập tình thương. Từ đó dẫn đến kết quả xây dựng được một gia đình an lạc: hạnh phúc giữa cha mẹ và con cái, vợ chồng ít gây gỗ, tranh chấp cãi cọ và khỏi lo việc đưa nhau ra tòa ly dị. Cuộc sống gia đình êm thấm này sẽ mang lại sự đoàn kết, hoà hợp và thương yêu cho toàn thể mọi người trong cộng đồng quốc gia. Trên bình diện thế giới, sự hiểu biết, kính trọng, tin tưởng và thông cảm lẫn nhau giữa các nước sẽ dẫn đến sự đoàn kết và hợp tác trong nỗ lực chung để giải quyết các cuộc tranh chấp và khủng hoảng trên toàn cầu. Tất cả những việc này chúng ta có thể làm được.

Tuy nhiên trước tiên, chúng ta cần phải tu tập, cải đổi từ trong tâm của chúng ta. Nhiều nhà lãnh đạo các quốc gia đã cố gắng hết sức để giải quyết những vấn đề khó khăn, nhưng khi giải quyết được việc rắc rối này thì lại tạo ra cuộc khủng hoảng khác. Lắm khi ổn định ở vùng này chúng ta lại gây nên sự xung đột tại khu vực khác. Đã đến lúc tất cả chúng ta nên cố gắng tìm mọi phương pháp hoà bình để giải quyết các cuộc khủng hoảng tranh chấp khắp nơi trên thế giới hiện nay. Hẳn nhiên thực là điều rất khó khăn để gây một phong trào hướng dẫn mọi người khắp toàn cầu giữ được tâm bình an, nhưng đó là con đường duy nhất và không có cách nào khác. Nếu tìm được một giải pháp thực tế và dễ dàng hơn thì quá tốt, nhưng hiện nay vẫn chưa có. Nếu dùng vũ khí để có thể mang lại nền hoà bình thực sự và lâu dài thì chúng ta nên biến đổi các hãng xưởng chế tạo vật dụng thành nơi sản xuất vũ khí hết. Nhưng điều đó chúng ta vẫn không thể thực hiện được.

Hơn nữa, chúng ta không nên dự trữ các kho vũ khí. Bởi lẽ, một khi vũ khí được sản xuất và cất chứa thì tương lai, sớm hay muộn sẽ có người sử dụng đến chúng. Một vài kẻ nghĩ rằng nếu không dùng thì quý vị đã phí phạm mất hàng triệu đô la chế tạo khí giới cho

nhên cuối cùng người ta bắt buộc phải dùng đến và nhiều trái bom được thả xuống; kết quả là vô số người dân vô tội đã bị sát hại thảm thương. Một người bạn kể cho tôi biết rằng tại Beirut (xứ Lebanon) có một thương gia đầu tư vào công việc chế tạo loại bom tự sát không ngoài mục đích để kiếm tiền. Do đó mà hằng ngày có khoảng mười, mười lăm hay một trăm dân nghèo vô tội đã bị giết chết trên các đường trong thành phố. Hành động tàn ác này của ông ta đã gây ra là do vô minh, không biết quý trọng mạng sống con người hay nói khác, là thiếu tình thương và lòng từ bi.

Cho nên, mặc dù sự thành đạt một nền hoà bình qua việc tu tập cải đổi nội tâm nơi con người là điều rất khó làm, nhưng đó là phương pháp duy nhất cần phải thực hành nếu nhân loại muốn nhìn thấy một thế giới hoà bình lâu dài. Dù cho trong kiếp này tôi chưa thành đạt, nhưng tôi hy vọng các thế hệ tương lai và nhiều đời kế tiếp chúng ta sẽ thực hiện được nền hoà bình vĩnh cửu đó cho nhân loại. Tôi nghĩ mặc dầu khó khăn và điều ấy xem như ảo tưởng, nhưng rất cần thiết và bổ ích, bởi vậy chúng ta phải nỗ lực cố gắng. Do đó đi tới đâu tôi cũng cổ vũ cho lý tưởng hoà bình thế giới này và khuyến khích mọi người thuộc đủ thành phần trong xã hội nên tích cực hưởng ứng.

Mỗi chúng ta có trách nhiệm đối với sự tồn vong của nhân loại. Chúng ta nên xem mọi người như anh chị em ruột thịt, đừng bao giờ gây đau khổ mà chỉ nên tìm cách mang lại hạnh phúc cho họ. Nếu các bạn không thể hy sinh hoàn toàn quyền lợi của mình vì sự an lạc của kẻ khác, thì ít ra quý vị cũng đừng làm điều gì gây tai hại cho họ. Chúng ta nên nghĩ đến tương lai và sự phúc lạc của nhân loại.

Nếu các bạn cố gắng diệt trừ được lòng tham lam, tánh keo kiệt, bòn xén và mở rộng tình thương bố thí giúp đỡ những kẻ khác, thì cuối cùng quý vị sẽ cảm thấy tâm mình vô cùng an lạc. Tôi thường nói những người ích kỷ ngu muội chỉ nghĩ đến quyền lợi bản thân cho nên họ gặt lấy kết quả không mấy gì tốt. Trái lại, những kẻ vị tha sáng suốt luôn luôn tưởng nghĩ và thường hay cứu giúp mọi người nghèo khổ, do đó mà lúc nào tâm của họ cũng an vui và hạnh phúc. Đây là tôn giáo đơn giản của tôi, chẳng cần giáo lý cao siêu hay điển thờ Phật to lớn. Chùa của chúng ta là tâm từ bi. Triết lý của chúng ta là tình thương.

(Trích từ cuốn sách *The Path of Compassion*)



Thơ **VÕ DOÃN NHÃN**

HẬU THÁC (1)

Sẽ phải làm gì khi hậu thác ?
Chết về sống gửi hồn luân lạc
Lưng dài vai rộng tuổi thanh xuân
Lông gối chồn chân ngày bạch phát.
Nắng sớm vàng mây trôi lừng lờ,
Thu vàng lá rụng bay tan tác.
Tâm Kinh Bát Nhã đọc nam mô
Niệm Phật Kinh lên chùa Bảo Tháp.*

HẬU THÁC (2)

*Nhắm mắt ra đi chỉ một mình
Mờ mờ nhân ảnh bởi vô mình
Cầu xin cứu độ tâm vô ngã
Giải thoát sinh linh ý hữu tình.
Một cõi bơ vơ hồn lẻ bóng,
Ba hồn chen chúc vĩa tàng hình.
Mười phương Phật ngự tòa sen báu
Mắt sắt Bao Công công pháp đình.*

(*) Hậu thác: sau khi chết, thí dụ oeuvre posthume: tác phẩm sau khi chết; la vie posthume: đời sống sau khi chết.

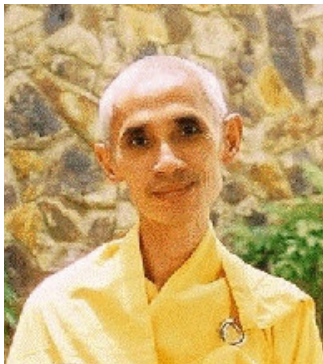
Thơ **HỒ HƯƠNG LỘC**

LỄ HỘI QUAN ÂM

*Khắp nơi người đã về đây
Hành hương tam bái* nguyện xây tâm thành
Hoa đăng trăm tỏa hương thanh
Chiên đàn rọi chiếu chúc lành an vui
Mẹ Quan Âm đẹp tuyệt vời
Thân cao huyền diệu rạng ngời xét soi
Mắt thương nhìn xuống cuộc đời
Ngàn tay thoa dịu cho vơi nỗi niềm
Nhưng ai gặp cảnh oan khiên
Thành tâm cầu nguyện giảm liền khổ đau
Nam mô Bồ Tát nhiệm mầu
Quan Âm giải thoát là câu chuyên trì
Trái tim mẹ, lượng từ bi
Cam lồ tịnh thủy từ thùy bể dâu
Chúng con dù ở nơi đâu
Về đây lễ hội nguyện cầu hằng năm
Nam mô Bồ tát Quan Âm
Từ bi cứu khổ tâm thanh muôn loài
Chúng con cung kính lạy ngài.*

(Nụ Hồng Tình Xuân)

(*) Tam bộ nhất bái: đi ba bước lạy xuống một lạy, từ thềm chùa ra bảo điện Quán Âm lộ thiên, nhiều vòng như vậy, để cùng góp lời cầu nguyện thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc.



NỀN TẢNG KINH TẾ HỌC THEO CÁCH NHÌN PHẬT GIÁO

Tuệ Sỹ

L.T.S.: Bài này được tác giả viết từ hai năm trước, cũng đã được phổ biến trên nhiều trang lưới Phật giáo; nhưng trước cơn khủng hoảng của kinh tế toàn cầu hiện nay, thiết tưởng chúng ta cũng cần đọc lại để chiêm nghiệm những gợi ý và đóng góp quý giá của tác giả--một hành giả, cũng là một học giả Phật giáo--đối với lãnh vực kinh tế. Nguyên tác bản văn này là "Buddhist Foundation of Economics" do TT. Thích Tuệ Sỹ viết bằng Anh ngữ, được dịch sang tiếng Việt bởi TT. Thích Nguyên Giác và cũng được TT. Thích Nguyên Giác trình bày trong Hội Thảo Quốc Tế - Phật Giáo trong Thời Đại Mới: Cơ Hội và Thách Thức, được tổ chức tại Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, ngày 15 & 16 tháng 7, 2006. Đọc bản tiếng Anh, xin vào: <http://www.phatviet.com/tuesy/Buddhistfoundationofeconomics.htm>

I. Xác định giới hạn

Con người không bao giờ ngưng tìm kiếm trong thiên nhiên để mong thu thập được nhiều thứ hơn nữa nhằm chất đầy cái nhà kho mãi mãi thiếu thốn của mình. Từ thuở chào đời, hình như định mệnh buộc nó phải đối mặt với một thế giới cứ muốn cắt giảm năng lực của mình, khi nó nhận ra hai bàn tay mình thì quá ngắn, hai chân mình lại quá chậm để có thể bắt kịp cái dòng chảy xiết của sinh tồn. Để hưởng thụ cuộc sống, nó phải nuôi dưỡng cơ thể. Đói và khát không ngừng thôi thúc nó phải chuyển động. Thế mà con đói chưa bao giờ được thỏa, và nổi khát cũng chưa từng lắng dịu. Các nguồn tài nguyên có vẻ bất tận trong tầm nhìn, nhưng lại khan hiếm trong tầm với. Điều nó phải học hỏi để làm là phân phối các nguồn tài nguyên ấy một cách hợp lý.

Trước khi học cách làm này, nó phải biết học cái gì. Nó được thuyết phục để tin tưởng thế giới này do ai tạo ra, và được tạo ra thế nào. Mặt khác, đời sống con người lại tưởng như vô nghĩa. Sống và chết một cách ngẫu nhiên, phi lý, và vô mục đích. Nếu Thánh kinh không có sách Sáng thế, có lẽ người ta không thể biết được diện mạo thế giới sẽ như thế nào, tốt hơn hay xấu hơn, khi họ nghĩ về hôm nay. Tuy nhiên, một vấn đề như thế, những người Phật tử đề qua một bên.

Ngày xưa một vị tăng trẻ tên Mālunkya đã hỏi thách đức Thế tôn, muốn xem Ngài biết hay không biết thế giới này là thường hay vô thường, hữu hạn hay vô hạn; thân thể và linh hồn có phải đồng nhất hay không; v.v... Thay vì giải thích thế giới được tạo ra thế nào, và tạo ra

để làm gì, Đức Phật đã khuyến cáo vị tu sĩ trẻ đừng phí thì giờ của mình cho những câu hỏi ở ngoài tầm nhận thức con người, mà nên tập trung nỗ lực để nhận thức những điều kiện thực tiễn của chính mình. Ngài đưa ra một thí dụ: Một người bị bắn trúng một mũi tên độc. Ông ta không có thì giờ để hỏi mũi tên ấy từ đâu đến, được làm bằng loại gỗ gì, và ai đã bắn nó. Việc quan trọng nhất ông ta phải làm trước hết là nhổ mũi tên độc ra và chữa trị vết thương. Sống còn là ưu tiên một, điều khác tính sau.

Trong một bản kinh, khi giải thích cho một tu sĩ Bà la môn nghe về ý nghĩa thật sự, và cách thức tế lễ, một đại tế quan trọng của đạo Bà la môn bấy giờ, Đức Phật dẫn dụ một câu chuyện trong quá khứ. Có lần một vị vua muốn tổ chức một lễ đại tế để cầu phúc lợi cho vương quốc mình. Vua hỏi ý kiến một vị tu sĩ cao nhất. Vị này đã giảng dạy cho vua phải làm gì trước tiên. Vương quốc ấy bấy giờ đang khốn khổ vì nghèo đói và bất ổn, trộm cướp và giặc giã hoành hành. Nếu làm cho dân chúng có công ăn việc làm thì sự trộm cướp và nổi loạn sẽ giảm thiểu.

Như chúng ta thấy, tăng trưởng kinh tế là nền tảng cho ổn định và thanh bình của xã hội, vì vậy sự phát triển của nó bao hàm việc mở rộng sự hành đạo. Khía cạnh này trong giáo lý đức Phật rất thường bị bỏ qua, mà hầu như hoàn toàn chỉ chú trọng đến hành xử đạo đức. Sự hoàn thiện đạo đức dĩ nhiên là mục đích cao quý của sự tu tập trong Phật giáo, nhưng bị bỏ đối thì không ai tài nào hành thiện được. Điều này được ám chỉ đến trong một câu nói của đức Phật: "mọi chúng sinh đều do thực

phẩm mà tồn tại.” Theo quan điểm hiện đại, lời dạy này có thể được xem là bối cảnh kinh tế của Phật giáo.

II. Sản xuất cái gì: Giáo lý về dinh dưỡng

Vậy thì, hẳn phải có kinh tế học Phật giáo. Nó không những dạy con người cách thức kiếm sống theo chánh pháp, nghĩa là hợp pháp và lương thiện, mà còn dạy cách xử dụng lợi nhuận thế nào để có lợi ích cho bản thân và người khác. Vì vậy nó không được bỏ qua vấn đề sản xuất và tiêu thụ.

Con người, thường biết đến như là một hợp thể tinh vi và phức tạp này của vật chất và tinh thần, là động lực đầu tiên và nguyên nhân cứu cánh của mọi hoạt động của con người. Thực tế, con người cần thực phẩm vật chất để duy trì thân thể vật lý của nó, và cần thực phẩm tinh thần cho sự phát triển tâm linh. Dù tiến hóa cao đến đâu trong suốt dòng lịch sử, con người có vẻ vẫn phải bắt đầu đời sống từ phôi thai, mà ngay trong khoảnh khắc đầu tiên thụ thai nó chỉ là một giọt vật chất. Vấn đề phải chăng đời sống con người bắt đầu từ phôi thai là vấn đề tranh luận của tôn giáo và đạo đức, kinh tế học không quan tâm. Nhưng với chủ đích ở đây, chúng ta sẽ đề cập đến phôi thai như là người tiêu thụ độc lập.

Về căn bản, con người cần lương thực vật chất cho đời sống vật chất của mình. Nhu cầu này bắt đầu từ khoảnh khắc mới có tri giác cho đến khi lâm chung. Vào thời kỳ đầu tiên của cuộc đời, con người chưa có khả năng sản xuất, vì vậy nó phải sống nhờ vào nền kinh tế cấp dưỡng. Nói theo kinh tế học, nó là kẻ đi vay. Cái gì nó đã vay hôm qua, hôm nay nó phải trả. Và cái gì hôm nay nó làm, ngày mai sẽ được hoàn báo. Đó là quy luật hoạt động, và sự hoàn báo ấy đặt cơ sở trên giáo lý về nghiệp.

Bây giờ, vấn đề đặt ra là: con người cần cái gì để nó có thể tồn tại và phát triển? Trước hết, với tư cách là một sinh vật, nó chỉ cần lương thực vật chất. Khi tiến hóa thành một động vật, nó cần thêm một loại lương thực nữa: lương thực tiếp xúc. Đến một trình độ tồn tại cao hơn, là một con người, nó cần 4 loại lương thực cả thảy: lương thực vật chất, lương thực tiếp xúc, lương thực tinh thần, và lương thực nhận thức. Điều này được nói đến trong một bản kinh: “đây là 4 loại thức ăn dùng để duy trì các chúng sanh nào đã sanh khởi, hoặc để hỗ trợ các chúng sanh nào đang tìm chỗ sanh ra. 4 loại gì? Đoàn thực, thô hoặc tế; thứ hai là xúc thực, thứ ba là tư thực, và thứ tư là thức thực.”

III. Sản xuất cho ai: các giai tầng tồn tại

Trong mỗi giai đoạn phát triển, nhận thức khởi lên ngay khi có sự tương tác giữa ngoại cảnh và giác quan. Nhưng ở trình độ thấp, nhận thức xuất hiện còn yếu đến độ khó nhận biết được thế giới. Ở trình độ này, nhận thức chỉ là một ý chí tồn tại mù quáng.

Khi các giác quan đạt đến độ chín chắn, hình ảnh thế giới được phản chiếu rõ ràng và rành mạch hơn, và nhận thức về nó có luận lý hơn, hệ thống hơn. Ở một cấp độ cao hơn trong tiến trình này, nhận thức phát triển thành tự ý thức, nhận biết sự tồn tại của thế giới bên ngoài cũng như sự tồn tại của chính mình. Nhận thức như là loại thức ăn thứ tư cần thiết cho giai đoạn tiến hóa này.

Sự phát triển tinh thần tùy thuộc vào sự tích lũy các kinh nghiệm. Nếu việc xử lý sự tích lũy này bị hỏng, thì sự hoạt động của các giác quan không tạo ra một hiệu quả tốt nào cho trí óc. Điều này có nghĩa, các dữ kiện như là thức ăn tinh thần đã không được cung cấp đầy đủ, hoặc cấu trúc giác quan đã từ chối loại thức ăn này. Ta có thể gọi loại lương thực thứ ba này là lương thực cho tư tưởng. Còn lương thực để duy trì và phát triển văn minh là nhận thức.

Theo truyền thống Phật giáo, như được thuật lại trong kinh Aggaññasutta, thuở đầu tiên, con người thu thập các nguồn thiên nhiên dùng làm thực phẩm và áo quần, “sống nhờ một loại lúa chín tự nhiên không cần nấu.” Chúng ta có thể tưởng tượng ra rằng nguồn thiên nhiên được đề cập đến ở đây mà những người tiền sử thu thập là thứ không thể tích trữ, “thứ gì họ thu lượm được trong buổi chiều cho bữa ăn chiều sẽ mọc lại và chín vào buổi sáng; thứ gì họ thu lượm được trong buổi sáng cho bữa ăn sáng sẽ mọc lại và chín vào buổi chiều.” Phải đến một giai đoạn tiến hóa nhất định nào đó về sau con người mới bắt đầu nảy lên trong đầu óc mình cái ý tưởng: “Tại sao ta phải thu lượm lúa vào buổi chiều cho bữa ăn chiều và vào buổi sáng cho bữa ăn sáng?” Ý tưởng tích lũy dẫn đến sự đầu cơ. Dần dần sự đầu tranh giữa các đôi thủ trong cộng đồng khởi lên, và xã hội nguyên thủy của loài người bắt đầu một khúc quanh mới bị lôi cuốn vào xung đột xã hội.

Theo lẽ thông thường, người ta cho sự tích lũy trong thời tiền sử là bị thúc đẩy bởi tính làm biếng của con người. Khi trí óc phát triển đủ để quyết định phải thu thập cái gì và thu thập cách nào có lợi cho tác nhân của nó, bấy giờ con người phải đối diện với sự hạn chế về thời gian. Nó phải phân phối thời gian của mình một cách tối ưu giữa lao động và nhàn rỗi. Nó phải học cách chọn lựa. Trên phương diện này chúng ta đưa cả sự tiêu dùng và nghỉ ngơi vào thời gian nhàn rỗi. Đến một mức

độ tiến hóa cao hơn, thời gian nhàn rỗi được dành trọn cho việc hưởng thụ 4 loại thức ăn. Bánh mì, và những thứ tương tự, được tiêu thụ để duy trì cơ thể sinh học và trạng thái ổn định của nội tạng. Nhìn và nghe được dùng làm xúc thực để tích lũy kinh nghiệm nhờ đó tăng cường khả năng phán đoán và chọn lựa giữa cái tốt và cái xấu. Suy nghĩ và ước muốn được nuôi dưỡng bằng tư thực, loại lương thực thứ ba, mà nhờ phẩm tính của nó hoạt động của con người cất cánh hướng đến mục đích tối hậu. Hơn nữa, tương lai của con người tùy thuộc vào những gì nó đang làm trong hiện tại. Nói theo kinh tế học, con người phải học cách phân phối các tài nguyên qua thời gian.

Niềm vui thích nghe và nhìn khi nhàn rỗi, được thiên nhiên thụ động in dấu lại, không còn đủ khả năng thỏa mãn nhu cầu tích lũy các kinh nghiệm để dùng làm nguồn năng lượng cho việc thúc đẩy cấu trúc tinh thần hoạt động. Các vật liệu dùng làm xúc thực phải được sản xuất thành các món hàng hóa. Dầu vậy, thực phẩm vật chất cần thiết để duy trì cơ thể sinh học không thể bị cắt giảm. Vì thế, con người hoặc phải tăng gấp đôi thời gian làm việc, hoặc phải cải thiện kỹ năng sản xuất. Con người thời tiền sử, được nói đến trong bản kinh dẫn trên, đã tăng gấp đôi sản phẩm của nó, nhưng không một ám chỉ gì cho thấy nó đã xoay sở cách nào để làm được như vậy.

IV. Phương thức sản xuất

Mặc dầu bị huyền thoại hóa dưới hình thức truyện cổ tích được bản kinh kể lại bằng loại phương ngữ, một số mô hình kinh tế thực sự có thể đã được cấu trúc dựa vào tác nhân thời tiền sử. Kẻ đối tác của nó trong một hệ thống kinh tế khác là Robinson Crusoe, người khởi đầu cuộc sống của mình trên một hải đảo hoang vu, ở đó trong những ngày đầu của mình, anh chàng chỉ có độc nhất sự lao động của chính bản thân nhờ xử dụng hai bàn tay và những thứ thiên nhiên giới hạn xung quanh anh ta cung cấp. Hàng hóa được sản xuất bằng hỗn hợp lao động và các yếu tố thiên nhiên cung cấp dĩ nhiên là không thể tích trữ được. Trong toàn bộ thời gian bị hạn chế vào ban ngày, ngay cả được phân chia một cách hợp lý và cân xứng giữa làm việc và nghỉ ngơi, anh ta cũng buộc phải cắt bớt quỹ thời gian chi tiêu cho việc thu thập lương thực để chi cho việc dựng lên một túp lều. Trong vô thức, đầu óc anh ta đã thiết lập giới tuyến của khả tính sản xuất mà nó phân phối một cách tối ưu các nguồn tài nguyên khan hiếm của mình.

Ấn dụ Robinson Crusoe có khả năng giúp chúng ta diễn dịch ra cách gia tăng năng suất của người tiền sử:

tăng gấp đôi lượng lúa gạo thu hoạch được đủ tiêu dùng cho hai ngày thay vì chỉ một ngày. Xét hàm số sản xuất, nếu những thứ khác luôn được giữ nguyên: đất và lao động trong bối cảnh hiện tại không đổi, thì một sự thay đổi trong kỹ thuật sẽ làm thay đổi sản phẩm.

Liên hệ đến điều này, dựa vào lý thuyết Phật giáo về 4 loại thức ăn, thì nhu cầu về hàng hóa tiêu dùng thuộc loại thực phẩm vật lý, giả như ở trong một nền kinh tế dài hạn, khi đạt tới đơn vị cuối cùng của tính hữu dụng tới hạn của nó, sẽ luôn được giữ nguyên suốt một thời kỳ rồi rớt xuống cùng với sự hủy diệt của đời sống con người vốn lệ thuộc quy luật thế giới vật chất. Ba loại thức ăn khác, cơ bản trước hết được xem chỉ là thức ăn bổ túc cho thực phẩm vật lý, sẽ giảm thiểu khi cơ thể, cái mà nó hỗ trợ, hủy hoại.

Trong câu chuyện về người tiền sử nêu lên ở trên, kể rằng khi người ta giành giật nhau thu gom lúa gạo để tích trữ cho tiêu dùng trong tương lai, thì lúa gạo chín tự nhiên không cần nấu biến mất, và một loại lúa gạo mới đòi hỏi con người phải làm lụng để sản xuất thay thế nó. So với hoàn cảnh của Robinson Crusoe như các nhà kinh tế ưa dùng, trong đó mọi thứ gì nó có thể có được trong tay đều là những yếu tố do thiên nhiên cung cấp, không một dụng cụ gì có sẵn ngoài sự lao động của chính bản thân để sản xuất những thứ cần thiết nhằm thỏa mãn những nhu cầu tối thiểu, anh ta buộc phải chọn lựa hoặc tiêu thụ đến hết mọi thứ kiếm được trong ngày nay, hoặc giảm bớt một phần để dành cho ngày mai; trong trường hợp người tiền sử, họ không để dành bằng cách cất giấu tiêu dùng hôm nay cho tiêu dùng ngày mai, mà bằng cách tăng thêm lượng sản phẩm nhờ vào việc cải thiện hiệu năng sản xuất.

Trong hoàn cảnh hiện nay, theo quan điểm Phật giáo như đã phát biểu trong bản kinh dẫn trên, ta có thể thừa nhận rằng ngay từ đầu con người thấy sự gia tăng trong sản phẩm là lựa chọn tốt nhất của mình, trước khi tưởng tượng ra được bất cứ một kiểu mẫu kinh tế nào khi đối mặt với giới hạn của môi trường và sự khan hiếm của các phương tiện ngoại tại để thỏa mãn nhu cầu của mình.

Vấn đề tất yếu theo sau là, sự tiêu thụ vật chất có tính hữu ích tới hạn của nó, nhưng nhu cầu con người thích hợp với sự tiến hóa cao hơn nhiều thì không giới hạn; vì vậy, con người phải sắp xếp giảm bớt thời gian làm việc cho sự gia tăng hàng hóa vật chất để có thể dành nhiều thì gian hơn cho sự nuôi dưỡng kiến trúc tinh thần và địa tầng tâm thức. Theo hệ quả luận lý, không phải chỉ sự giàu có nơi số lượng vật chất, mà trong một mức độ nào đó được đánh giá là sự tăng trưởng kinh tế, nhưng chính phẩm chất của sự tiêu thụ trong lãnh vực tinh thần, được cung cấp bằng thực phẩm dành cho kiến trúc tinh thần và địa tầng tâm thức, là cái biểu thị sự tiến

bộ xã hội và sự nâng cao tiêu chuẩn cuộc sống. Tuy nhiên điều này không có nghĩa, sản xuất vật chất nên được bỏ lơ, trái lại, nó phải làm điểm tựa cho sự tiêu thụ trong lĩnh vực tinh thần. Vì vậy, tăng trưởng vật chất phải tương xứng với phát triển tinh thần.

Thật ra, trong việc xử lý vấn đề khan hiếm, quả thật không đúng chút nào khi cho rằng, như một số nhà kinh tế từng tuyên bố, cách giải quyết của Phật giáo là “thay đổi bản chất và mức độ các ham muốn...” Nghĩa là giảm bớt ham muốn và nhu cầu của họ.

Khỏi cần bàn luận, nhất định khoa học kinh tế ấy được lập mô hình theo khung sườn đầu óc phương Tây.

Mặc dù những thành tựu vật chất như được nhìn thấy hiện nay ở phương Tây từ thời chủ nghĩa thực dân cho đến cuộc chiến chống khủng bố ngày nay, văn minh phương Tây có vẻ chứng tỏ ưu thế của mình đối với cách hành xử kinh tế của phương Đông, tiến bộ kỹ thuật của nó đã cải thiện tiêu chuẩn cuộc sống. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa dân chúng được hạnh phúc hơn. Thay vào đó, sự thành tựu đầy kinh ngạc về khoa học và kỹ thuật đang đẩy nhân loại đến bờ vực hủy diệt hàng loạt.

V. Sản xuất và tiêu thụ

Một bản kinh kể rằng trong thời xa xưa, hoặc trong thời kỳ dân chúng đạt đến sự phát triển cao nhất theo truyền thuyết, chỉ có 3 loại nhu cầu: ham muốn, đói khát và tuổi già. Thời gian trôi qua, khi xã hội con người bị xung đột một cách khốc liệt, thêm nhiều loại nhu cầu khác xuất hiện. Theo kinh Esukàrì sutta, vào thời đức Phật, của cải được phân loại theo 4 phạm trù, y theo đó xác định giai cấp xã hội. Theo đó, của cải của một người là toàn bộ những gì anh ta sở hữu. Nó là phương tiện người ấy kiếm sống. Khái niệm của cải này gợi lên những ý niệm về sản xuất và tiêu thụ theo cách hiểu của kinh tế học hiện đại, trong một chừng mực nào đó. Tuy nhiên đức Phật đã đề xuất lấy Pháp tối thượng làm của cải tối hậu mà nhân loại được khuyến khích tìm kiếm. Pháp tối thượng nói đến đây gồm 7 yếu tố hay thành phần của của cải: chúng là niềm tin, đạo đức, tâm, quý, học thức, bố thí và minh triết, trong đó yếu tố thứ sáu, tức bố thí hay thí xả, đạt được nhờ hào phóng bỏ của ra để làm từ thiện, hàm ý sở hữu của cải vật chất. Bởi vì một người, một người giàu có chẳng hạn, chỉ có thể cho người khác cái gì mà nó có. Vì thế, các thành phần này của sự giàu có phải được xem là các nhân tố sản xuất ra hàng hóa có phẩm chất cao nhất. Tuy nhiên, hầu hết những tác giả viết về kinh tế có lẽ không dễ tán thành một định nghĩa khá lý tưởng như thế về giàu có, bởi vì

theo giả định của họ, giàu có được định nghĩa là gồm hai thứ tài sản thực (nhà cửa, xe cộ, máy truyền hình, và những thứ lâu bền khác) và tài sản tài chính (tiền mặt, tài khoản tiết kiệm, cổ phần, trái phiếu, chế độ bảo hiểm và lương hưu) mà chủ hộ sở hữu.

Như chúng ta thấy, thông thường người ta phân biệt giữa hàng hóa vật chất đáp ứng các thỏa mãn đời thường của con người, và hàng hóa cao hơn dùng làm phương tiện nhằm đạt được các thỏa mãn lý tưởng. Vì kinh tế học chỉ xử lý những chuyện trong thế giới này, thì hệ quả hợp lý theo sau là họ chỉ quan tâm đến sự tiêu thụ vật chất.

Thật ra đức Phật chưa bao giờ phủ nhận nhu cầu về hàng hóa vật chất được tiêu thụ cho những đòi hỏi duy trì đời sống sinh học của con người là cái làm nền tảng cho sự phát triển cao hơn. Trong kinh “Không mắc nợ”, Ngài thừa nhận 4 thứ sung túc: lạc thú do có của, lạc thú do sử dụng của cái hữu ích, lạc thú do không mắc nợ, và lạc thú do không có lầm lỗi.

Trong đoạn này, các điều kiện sung túc không được cải thiện và tăng thêm chút nào nếu chỉ dựa vào việc thu hoạch và tích lũy một lượng của cải, cho dù đạt được một cách chính đáng bằng sự nỗ lực và lao động của mình. Của cải chỉ có ích lợi nếu nó mang lại cho con người sự vui thích và hạnh phúc qua việc tiêu thụ vật chất lẫn phát triển tinh thần.

Trong một kinh khác, có lần một người đi đến đức Phật xin Ngài dạy cho giáo lý mà khi tuân thủ nó, những kẻ vốn là “những gia chủ, đang hưởng thụ dục lạc thế gian, đang ràng buộc với vợ con...” có thể sống hạnh phúc, thanh bình và thịnh vượng trong đời sống hiện tại cũng như trong tương lai. Bấy giờ, Đức Thế tôn đưa ra 4 điều kiện trước tiên dẫn đến an lạc trong hiện tại. Chúng là sự chăm chỉ, sự phòng hộ, bạn tốt, và kiếm sống chân chính.

Tóm lại, cách hành xử kinh tế đã được chỉ dạy như vậy. Sự chăm chỉ hay siêng năng được nhấn mạnh. Nỗ lực, năng động, chăm chỉ, siêng năng (virīya, uttāhā, padhāna, v.v...), đôi khi được hiểu như là dùng để diễn tả cùng một trạng thái của tâm hay ý thức, mặc dầu các hoạt động tâm lý của chúng có hơi khác biệt. Tuy nhiên, một cách tổng quát, chúng thường diễn tả yếu tố quan trọng nhất trong sự tu tập, đó là sự chuyên cần (appāmaḍa). Đức Phật dạy: “Tinh giác là con đường đưa đến bất tử. Lười biếng là con đường dẫn đến tử vong.”

Sự lơ là, bất cần, chây lười, nhắc nhở: Đây là những sức ỳ của tâm hay ý thức. Nó đẩy lên trong lòng người ta cái trạng thái miễn cưỡng làm việc. Các nhà kinh tế cũng có thể gọi nó là sự nhàn rỗi đối lại với lao động. Theo các nhà kinh tế định nghĩa, nhàn rỗi là một phạm trù hàng hóa tiêu dùng có thể được đo lường bằng

đơn vị thời gian. Khi được phối hợp với hàng hóa tiêu thụ nó hình thành một bó hàng cho khách tiêu dùng lựa chọn, vì theo định nghĩa này, nhân rồi chỉ cho bất kỳ thời gian nào đã chi tiêu mà không làm việc trong thị trường lao động. Vì thế, khi một công nhân cố gắng tăng thêm thu nhập, anh ta phải gia tăng chi tiêu lao động, nghĩa là anh ta phải cắt bớt thời gian chi tiêu cho nhân rồi. Như vậy, lao động là phí tổn cơ hội được trả giá bằng nhân rồi.

Với sự giúp đỡ của tiến bộ kỹ thuật, công nhân ngày nay có thể nâng cao hiệu suất lao động để kiếm được một mức lương cao hơn mà không phải cắt bớt thời gian dành cho nhân rồi. Tiêu chuẩn đời sống của anh ta được gia tăng, thu nhập đạt đến tối đa. Anh ta vừa giàu có lại vừa rảnh rang thụ hưởng lạc thú cuộc đời. Đó là đặc điểm của nền văn minh hiện đại mà người ta phong cho cái tên là nền văn minh tiêu thụ vật chất được hình thành trên mẫu hình kinh tế phương Tây.

Con người ham muốn dục lạc không bao giờ chán chê. Theo một định luật, tổng giá trị hữu ích của một món hàng tiêu thụ được tính bằng số lượng của nó, nhưng đối với người tiêu dùng, phẩm chất của món hàng, từ đó, tính chủ quan của nó, không thể bị bỏ quên. Thời gian tiêu thụ cũng là một nhân tố tác động đến sự thay đổi tổng giá trị hữu ích. Một đơn vị thời gian tăng thêm sẽ làm giảm bớt sự ưa thích hưởng thụ.

Đức Phật thừa nhận 4 nhu cầu: thực phẩm, quần áo, nhà cửa, thuốc men. Chúng thuộc các yếu tố vật chất và được xếp vào loại dinh dưỡng vật lý. Sự tăng trưởng kinh tế chỉ dựa độc nhất vào số lượng hàng hóa và dịch vụ được sản xuất ra nhằm thỏa mãn sức tiêu thụ vật chất. Như vậy bất kỳ một loại kích thích nào động viên tiêu thụ cũng làm tăng lượng cầu.

Việc tập trung vào sản xuất và tiêu thụ vật chất này, thiếu các loại dinh dưỡng khác mà chúng ta gọi là các loại thức ăn tinh thần cần thiết cho giá trị tối hậu của nhân loại, đã tạo nên tình trạng mất cân bằng giữa tăng trưởng cơ thể và tinh thần. Ngày nay, với đà tiến bộ ngoạn mục của khoa học, và với sự thành tựu có vẻ thần kỳ của kỹ thuật, người ta hiểu biết nhiều về cách thức vật chất hoạt động, nhưng sự hiểu biết của họ về cấu trúc tinh thần được cấu tạo thế nào và loại thức ăn nào phải được dùng cho nó thì còn hạn hẹp một cách đáng buồn. Ngoại tình, hiếp dâm, buôn lậu ma túy, bạo lực, vô số các bất ổn xã hội; tất cả triệu chứng này của căn bệnh béo phì xã hội thật ra là kết quả của tình trạng mất cân bằng trong sự phát triển kinh tế.

Nhìn chung, tăng trưởng kinh tế trên thế giới ngày nay đã nâng cao tiêu chuẩn sống của nhân loại lên một mức đáng kể. Tuy nhiên, sản xuất quá độ và tiêu thụ quá độ dứt khoát kéo theo sự bất bình đẳng trong việc phân

phối của cải trên cán cân thế giới. Nhân đây, chúng ta nên tham khảo một số lời dạy của đức Phật liên quan đến vấn đề đang thảo luận này.

Trong một bản kinh, đức Phật chỉ dạy một gia chủ trẻ xử dụng hợp lý lợi tức kiếm được bằng cách phân ra thành 4 phần: một phần dành cho các nhu cầu bản thân, 2 phần dành chỉ cho việc kinh doanh. Phần thứ tư để dành phòng những lúc cần đến. Bản dịch tương đương trong bộ A hàm tiếng Hán kể nhiều chi tiết hơn, nó thêm hai phần phụ nữa: một để xây đền miếu, và phần sáu để xây Tăng viện. Thật thú vị khi chú ý đến bản Hán dịch bộ A hàm trong đó vai trò đền miếu thờ thần và Tăng viện ở Ấn độ cổ có thể so sánh với các định chế kinh tế và xã hội ngày nay. Vào thời đức Phật, hầu hết Tăng viện nguyên là những khu giải trí hoặc công viên do các ông vua, hoàng hậu, những giới quý tộc hoặc giàu có sở hữu dâng tặng. Về sau người ta cúng cho các đoàn thể tôn giáo hoặc giáo phái để họ tu tập và giảng đạo. Việc hiến cúng một phần thu nhập của mình cho các mục đích tôn giáo như đức Phật dạy cho vị gia chủ phải được xem là một đóng góp cho các hoạt động văn hóa và giáo dục, một loại đầu tư vào vốn con người.

VI. Kết luận

Nhiều tác giả viết về kinh tế học Phật giáo phê bình Adam Smith về định lý “bàn tay vô hình” của ông, theo đó nếu một cá nhân hành xử trên cơ sở lợi ích riêng của mình thì lợi ích xã hội sẽ được nâng cao.

Sự thật không thể chối cãi là tính vị kỷ này đang là động cơ thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế mà hầu hết các nước ngoài Âu châu và chư hầu của nó thêm muốn. Như Smith đã xác quyết, nếu lợi ích bản thân của cá nhân không được thúc đẩy, không một phát triển kinh tế nào có thể thực hiện được. Để có một cái nhìn sát hơn vào bức tranh, chúng ta hãy đặt hoàn cảnh này vào câu nói của Keynes: “Nó không tính phí tổn của tranh chấp, mà chỉ nhìn vào các lợi ích của kết quả cuối cùng được giả định là vĩnh cửu. Mục đích của đời sống là ngắt lấy những chiếc lá từ những cành cao xa nhất, phương thức để thành tựu mục đích này thật chẳng khác nào để cho những con hươu có cổ dài nhất mặc tình bỏ đói những con có cổ ngắn hơn.”

Như vậy, các nguyên nhân gốc rễ cho tăng trưởng kinh tế, tốt hơn hoặc xấu hơn như ngày nay chúng kiến, được bện chặt với lòng tham lam, thù ghét và ảo tưởng. Xóa bỏ 3 độc tố này là mục đích tối hậu của đời sống người phật tử. Tuy nhiên tính vị kỷ liên kết với các căn nhân bất thiện như đã thấy rõ trong việc tối đa hóa lợi nhuận, nếu xét theo thái độ tâm lý học Phật giáo, là lực thúc đẩy mọi hành động của con người. Căn cứ trên giáo

lý về dinh dưỡng, khi cơ thể sinh học còn tồn tại ngay cả sau khi bậc thánh đã đạt đến trạng thái diệt hết các căn nhân bất thiện, 4 loại thức ăn vẫn còn cần thiết cho đến khi bậc Thánh nhập vào Niết-bàn, vì cơ thể được cấu thành bởi 5 uẩn đi đến chỗ tan rã hoàn toàn. Trong phối cảnh này, một hệ thống kinh tế nào đó vẫn còn tồn tại để cung ứng các nhu cầu cho vị ấy. Đối với những ai chọn đi theo con đường dẫn đến giải thoát tối hậu, đến thành tựu Niết bàn, đức Phật dạy cách xả bỏ tuyệt đối các dục lạc thế gian. Đối với những ai còn bị ràng buộc trong ngũ dục, Ngài thuyết cho họ giáo lý về cuộc sống bình thường để họ có thể sống bình yên và hạnh phúc ngay trong đời hiện tại cũng như trong tương lai. Giáo lý cho đời sống sau thật đơn giản: Bỏ thí và trì giới. Để có thể tu tập bỏ thí, anh ta phải có một số của cải nào đó.

Như vậy, hành xử kinh tế của một Phật tử tại gia là một hành động có mục đích nhắm đến việc thu thập của

cải cụ thể cho tiêu thụ vật chất và tích lũy phước đức cho đời sống mai sau. Liên quan đến hành động có mục đích này, nền tảng cho sự gia tăng của cải của một Phật tử tại gia được dạy là phải bao gồm mười hạn mục: đất đai, vốn liếng, con cái, tôi tớ, gia súc, niềm tin, đạo đức, học tập, bố thí, và trí tuệ. Vì vậy, các điều kiện tăng trưởng kinh tế phải là một sự cân bằng giữa tiêu thụ vật chất và phát triển tinh thần.

Tuy nhiên, kinh tế học Phật giáo, nếu có, chỉ có thể thực hiện được với điều kiện, mục đích trong đời sống này của một cá nhân phải được xác lập, và việc làm của nó phải được hướng dẫn bởi đạo đức, bất kể lý thuyết về vị kỷ hay động cơ lợi nhuận có thành vấn đề hay không. Trong phương diện này, lời đức Phật dạy về chánh mạng hy vọng đóng góp nhiều nguyên tắc chỉ đạo cho các nghiên cứu kinh tế.

TRƯỜNG KẾ

PHONG KIỀU DẠ BẠC

楓橋夜泊
張繼
月落烏啼霜滿天
江楓漁火對愁眠
姑蘇城外寒山寺
夜半鐘聲到客船

(Hạnh Cơ viết chữ Hán)

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên
Cô-tô thành ngoại Hàn-sơn tự
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.

HẠNH CƠ

diễn dịch ra Việt văn:

THUYỀN ĐÊM GHÉ BẾN PHONG KIỀU

Bến Phong-kiều hàng cây tắm tấp
Trời Cô-tô âm ập sương mờ
Thuyền nan một lá hững hờ
Đêm nay ghé bến đợi chờ băng khuâng

Mới nửa đêm sao trăng đã lặn!
Quạ kêu buồn như nhẩn nhai
Mù sương trải kín sông dài
Đèn câu, hay cánh sao cài trên sông?

Khách một mình nằm trong khoang lạnh
Nghe hơi sương đượm mảnh chăn đơn
Buồn ru giấc ngủ chập chờn
Bao hình ảnh cũ chồn vờn như mơ

Bỗng chuông chùa ngoài xa vọng lại
Trong phút giây thư thái lòng trần
Khách đây, chùa đó, xa gần?
Tĩnh trong đêm tối nên vãn thơ duyên.

TĂNG NI VIỆT NAM HẢI NGOẠI
CHÙA KHÁNH ANH

THÔNG BẠCH

Kính gửi: - Chư Tôn Đức Trưởng Lão, chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni đang hành đạo tại hải ngoại,
- Quý thiện hữu tri thức và đồng hương Phật tử,

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Kính bạch chư Tôn Đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý liệt vị,

Vào ngày 07 tháng 01 năm 2007, tại Phật Học Viện Quốc Tế, thành phố North Hills, bang California, Hoa Kỳ, trong cuộc họp của Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại, đại tăng đã ủy nhiệm Thượng Tọa Thích Tâm Hòa, Viện chủ Chùa Pháp Vân, Canada, đứng ra tổ chức Ngày Về Nguồn đầu tiên. Do vậy, trong 3 ngày 21, 22 và 23 tháng 9 năm 2007, Ngày Về Nguồn đã được chính thức cử hành tại Chùa Pháp Vân, thành phố Mississauga, Canada, với sự quang lâm của 96 chư tôn đức Trưởng Lão, chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni từ Âu Châu, Úc Đại Lợi, Tân Tây Lan, Hoa Kỳ và Canada.

Tôn chỉ và mục đích của Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại đã được minh định rõ ràng trong Thông Cáo Báo Chí phổ biến ngày 18 tháng 01 năm 2007 như sau:

“Phật Giáo Việt Nam tại hải ngoại cần tiến đến một sinh hoạt Tăng đoàn mở rộng, hòa hợp và nhịp nhàng, không phân biệt hệ phái, tông môn, giáo hội, hỗ trợ nhau thực hiện các sinh hoạt Tăng sự nhằm hoằng dương Phật đạo, phổ độ chúng sinh. Sự tồn tại và phát triển của Phật Giáo Việt Nam tại hải ngoại nên đặt nền tảng nơi bản thể thanh tịnh hòa hợp của Tăng đoàn, vì Tăng đoàn là gốc rễ cho mọi sinh hoạt tổ chức cành-nhánh của Phật giáo khắp nơi và mọi thời đại.”

Mục đích và Tâm nguyện của chư tôn đức Tăng, Ni trong Ngày Về Nguồn tổ chức tại Chùa Pháp Vân, Canada, cũng đã được tuyên đọc trong lễ Bế Mạc và chính thức phổ biến sau đó, như sau:

“Ngày Về Nguồn của Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại mang hai mục đích rõ rệt:

- Ngày hiệp kỳ chư lịch đại Tổ sư và liệt vị thánh tử đạo: Đây là dịp để Tăng Ni mọi giáo hội và hệ phái có thể vân tập đầy đủ, tổ chức lễ tưởng niệm chung nhằm khắc ghi và tán thán ân đức truyền bá, bảo vệ đạo pháp của tiền nhân. Tưởng niệm công hạnh của chư lịch đại Tổ sư là để nhắc nhở chính mình noi gương theo dấu trong sứ mệnh hoằng truyền chánh pháp;

- Tạo nhân duyên đoàn tụ cho Tăng Ni Việt Nam khắp nơi: Đã nhiều năm qua, do hoàn cảnh ly hương vì lý do tị nạn, đoàn tụ, du học hoặc hoằng pháp, Tăng Ni Việt Nam đã chia nhau hành đạo khắp năm châu, chưa hề có cơ hội đoàn tụ đông đủ. Những ngày đại lễ và các đại hội được tổ chức hàng năm tại các tu viện, tự viện, đều được tổ chức riêng biệt và giới hạn trong phạm vi trụ xứ, hệ phái hay giáo hội, chứ không mang tính cách chung của đại thể Tăng-đoàn. Ngày Về Nguồn đáp ứng được nhu cầu đoàn tụ rộng rãi ấy.

Trong 3 Ngày Về Nguồn vừa qua, Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại vân tập nơi đạo tràng Pháp Vân này bằng tâm thanh tịnh hòa hợp, bằng tinh thần hy xả khoan dung của người con Phật xuất gia, ngồi lại với nhau trong đạo tình thâm sâu, cùng học hỏi, chia sẻ, cảm thông và sách tấn nhau thể hiện tinh thần của Bảy Pháp Bất Thối mà đức Từ phụ giáo huấn.

Giờ đây, từ dưới chân Đức Phật và trước giác linh chư lịch đại Tổ sư, Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại chúng con với ý thức xây dựng đạo nghiệp tự thân và trách nhiệm với cơ đồ của Phật giáo Việt Nam nơi hải ngoại, xin đem hết tâm thành phát nguyện:

- Nguyện giữ gìn giới hạnh, nuôi dưỡng chí nguyện xuất trần để bản thể Tăng-già luôn được tỏa sáng, xứng đáng với ngôi vị chúng trung tôn, là bậc tai mắt của trời người;***
- Nguyện đặt Tăng đoàn lên trên cá thể để như biển lớn thanh tịnh, đem tinh thân tương ái, tương kính, tương sám và tương thuận mà sống chung với nhau, cùng nhau tụ họp trong hòa hợp ở bất cứ nơi đâu, bất cứ lúc nào;***
- Nguyện luôn ý thức vai trò và sứ mệnh của hàng trưởng tử Như Lai đối với mạng mạch Chánh Pháp và với cơ đồ của Phật giáo Việt Nam mà lịch đại Tổ sư đã dày công khai sáng và truyền thừa, để trên không phụ ân Thầy-Tổ, dưới cứu độ chúng sinh."***

Khi Tăng già biết phát huy bản thể thanh tịnh hòa hợp, nỗ lực hành trì nghiêm căn Chánh Pháp và Giới luật, giữ vững chí nguyện tự độ và độ tha của người xuất gia để xứng đáng là bậc trưởng tử của Như Lai, chính đó là sức mạnh nội lực kiên cố của Phật pháp để hóa giải mọi chướng duyên đánh phá và phân hóa từ bên trong cũng như bên ngoài, để làm chỗ dựa vững chắc cho tín tâm của quần chúng Phật tử, để làm tiêu chí cao cả điều hướng cho mọi sinh hoạt của các giáo hội và tổ chức Phật Giáo.

Thế nhưng, suốt nhiều tháng qua, trên các cơ quan truyền thanh, truyền hình, Paltalk, báo chí, trang nhà điện tử, email, thư nặc danh, v.v... đã có một số cá nhân và tổ chức cố ý đưa ra những thông tin sai lạc, những nhận định xuyên tạc sự thật, những vu khống, chụp mũ, phi báng đối với 96 chư tôn đức Tăng, Ni đã từng quang lâm trong Ngày Về Nguồn năm 2007, trong đó có chư Tăng tại Chùa Pháp Vân, nơi tổ chức Ngày Về Nguồn. Các nguồn dư luận đầy ác ý và mang tính phá hoại ấy đã ảnh hưởng không nhỏ đối với sinh hoạt của Phật giáo đồ Việt Nam tại hải ngoại. Dù vậy, chư tôn đức Tăng Ni và Phật tử thuần thành ở khắp nơi, vẫn ẩn nhẫn củng cố bồ đề tâm, phát huy đạo lực, nêu bật lý tưởng giải thoát giác ngộ sáng ngời của người con Phật trong tâm tư và hành hoạt của mình để vượt qua những chông gai thử thách của thời cuộc. Và cũng do nơi đạo lực kham nhẫn, do nơi sức mạnh thanh tịnh hòa hợp của Tăng-già, những đám mây đen phá hoại nhắm vào Phật giáo dần dần được hóa giải, sự thực càng lúc càng được hiển bày, và niềm tin của quần chúng Phật tử cũng đã nhanh chóng được phục hồi để toàn tâm hướng về nơi nương tựa thanh lương của Tam Bảo. Qua sự kiện này, mới thấy rằng lời dạy của Đức Thế Tôn trong kinh Pháp Cú (Phẩm Phần Nộ, câu 223) là điều có thể chứng thực trong mọi hoàn cảnh. Người Phật tử chân chính không tranh thắng với ai, nhưng có thể vượt thắng tất cả bằng sự tự thắng; chỉ cần sống trong chánh niệm, giữ ba nghiệp trong sạch và như thực thì ánh sáng của Chánh Pháp tỏa đầy.

***"Lấy từ bi thắng hận thù,
Lấy thiện thắng không thiện,
Lấy bố thí thắng xan tham,
Lấy chơn thật thắng hư ngụy."***

Vô cùng hoan hỷ trước lòng từ bi và tâm kiên cố của chư tôn đức Tăng Ni và Phật tử đối với những chương ngại thời cuộc vừa qua, chúng tôi thành tâm cung kính ngỏ lời tán thán công hạnh bất tư nghi của chư vị; đồng thời kính trải nơi đây đạo tình thâm thiết của chúng tôi đến chư tôn đức Tăng Ni đã thân hành tham dự hoặc hướng tâm cầu nguyện đối với Ngày Về Nguồn năm 2007 tổ chức tại Canada; đặc biệt chia sẻ và tán dương công đức vô lượng của Thượng Tọa Thích Tâm Hòa, Trưởng ban Tổ chức Ngày Về Nguồn 2007, cùng Tăng chúng và Phật tử Chùa Pháp Vân, Canada, đã giong hết tâm lực, nhân lực, tài lực và thời gian quý báu để tổ chức thành công mỹ mãn Ngày Về Nguồn đầu tiên của Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại. Thành tựu sáng ngời từ khởi điểm này, là yếu tố căn bản để gây dựng và trùng hưng ngôi nhà Phật Pháp thông qua ý lực và đại nguyện của cộng đồng Phật giáo Việt Nam trên khắp thế giới.

Kính bạch chư tôn đức Tăng Ni,

Kính thưa quý Phật tử xa gần,

Ngày Về Nguồn, với mục đích và hướng đi sáng ngời nêu trên, kể từ năm 2007, trở thành một trong những sinh hoạt truyền thống cao đẹp của Tăng-già Việt Nam tại hải ngoại. Để duy trì và phát huy truyền thống này, toàn thể 96 Tăng Ni tham dự Ngày Về Nguồn 2007 tại Chùa Pháp Vân đã ủy nhiệm Hòa Thượng Thích Nguyên Trí đứng ra tổ chức Ngày Về Nguồn 2008 tại Santa Ana, California, Hoa Kỳ. Trong 6 tháng vừa qua, Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, với sự cố vấn và hỗ trợ của chư vị trưởng lão Hòa thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni, tại Hoa Kỳ, đã tiến hành vận động thành lập một ban tổ chức qui tụ rất nhiều chư tôn đức Tăng Ni hành đạo tại miền Nam California, phân nhiệm và sắp xếp mọi công tác Phật-sự cần thiết, để chuẩn bị cho Ngày Về Nguồn 2008, dự trù diễn ra trong hai ngày 18 & 19 tháng 9, năm 2008.

Trong hoàn cảnh khó khăn của kinh tế toàn cầu cũng như từ những âm mưu cố tình phá hoại của những thế lực bất thiện đối với Tăng Ni và Phật giáo đồ, việc tổ chức Ngày Về Nguồn 2008 chắc chắn gặp nhiều trở lực và chướng duyên mà nếu không có niềm tin bất hoại đối với Chánh Pháp và sự kiên định đối với bản thể Tăng-già, sẽ dễ nản lòng, bỏ cuộc. Do vậy, trước sự tận tụy hy sinh và quyết tâm hoàn thành trách nhiệm của Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Trưởng ban Tổ chức Ngày Về Nguồn 2008, chúng tôi thực vô cùng cảm kích, tri ân, những mong có thể thường xuyên tiếp tay, hỗ trợ; rất tiếc là nhiều Phật-sự cấp thiết, dờ dang, đang cần giải quyết tại địa phương và châu Âu, không thể sát cánh chung lưng trong thời gian vận động tổ chức.

Từ Pháp quốc, chúng tôi thành kính đánh lễ chư tôn đức Tăng Ni khắp nơi trên thế giới, ngưỡng mong chư liệt vị vì sự thanh tịnh hòa hợp của Tăng-già, vì mạng mạch của Phật pháp mà hoan hỷ nhận lời mời của Hòa Thượng Trưởng Ban Tổ Chức, quang lâm tham dự **Ngày Về Nguồn 2008** tại thành phố Santa Ana, miền Nam California, Hoa Kỳ vào các ngày **18 và 19 tháng 9 năm 2008** nói trên.

Chúng tôi cũng tha thiết kêu gọi quý Phật-tử xa gần giữ vững niềm tin bất hoại đối với Tam Bảo, ý thức sâu sắc về nền tảng làm hưng thịnh Phật giáo là từ nơi sự tu học và làm thanh tịnh ba nghiệp, hết lòng bảo vệ Chánh Pháp và yểm trợ các sinh hoạt Phật-sự cao khiết, lợi lạc của Tăng Ni; chính đó là nhân lành để báo đền ân sâu Tam Bảo và cũng là cửa ngõ của vô biên thắng phước.

Thành tâm tri ân chư tôn thiên đức Tăng, Ni và chân thành cảm tạ liệt quý vị.

Nay Thông Bạch,

Chùa Khánh Anh Paris, ngày 15 tháng 3 năm 2008

Trưởng Ban Điều Hợp Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại

(Ấn ký)

Hòa Thượng Thích Minh Tâm

thơ YÊN CHI

Tình Xa

ta ngỡ em yêu ta
phút chốc đời đổi lạ
vội vã mở hồn ra
thăm thăm cõi ta bà

từ loài sâu gặm nhấm
hóa thân là bướm đêm
khoe cánh màu hoa gấm
tình tự lời kinh êm

từ một nửa vỡ rạn
chấp vá mạch sống còn
bối rối chia hơi cạn
yêu em -- dấu môi mòn

từ theo giòng ra Biển
dỗ lòng cát bụi trôi
trở gót đời bão nổi
em cười -- lạ nét môi

phải không, mình yêu nhau ?
phân bua tình thật thà
giấu tiếng lặng thình đầu
ta ngỡ -- em -- tình xa

Giòng Sông...

Có đôi khi mơ làm giòng sông
Hứa đưa người cùng xuôi ra Biển
Quay lưng nhà nổi buồn mênh mông
Nhặt môi cười chìa lời đưa tiễn

Lăn dốc mơ rướn mình cơn sóng
Va mảnh tình hóa đá trăm năm
Tấu khúc xưa trở mình nghe ngóng
Ru mùa thu lốt lá người nằm

Gỡ tóc rối quấn êm giòng chảy
Đưa người về duyên áo tạ ơn
Tình lững lơ ngỡ ngang _ chấm, phẩy! ?
Hạnh phúc còn hơi thở da thơm

Nhưng...
... Giòng sông chưa một lần dậy sóng
Lặng điệu buồn trầm mãi nhánh xưa...

Đêm

đêm người
nở đóa quỳnh hoa
đêm ta
đổi mộng
vỡ òa hồn trắng

nửa giấc
nghe lạ chiếu chăn
nếp sầu
mở, gấp
nhàu nhăn chất đời

đêm sâu
khản tiếng mưa rơi
trải lòng
vụng tiếng khóc cười
nhiều khê

đêm người
một lối đi về
đêm ta
trăm ngả cơn mê
gọi đây...

KINH KIM CANG TRONG NGUỒN MẠCH VĂN HIẾN CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Thích Hạnh Tuấn

Kinh Kim Cang hay *Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa* (*Vajracchedika prajnaparamita sutra*) là một bộ kinh rất nổi tiếng không những trong giới tu sĩ Phật giáo tại Việt Nam và các nước theo Phật giáo tại Á Châu mà đã trở nên vô cùng quan trọng đối với những học giả Phật giáo Tây phương ở khắp nơi trên thế giới. *Kinh Kim Cang* còn đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong tất cả các truyền thống của Phật giáo Đại Thừa, bất luận Thiên Tông, Mật Tông hay Tịnh Độ Tông. Đặc biệt trong truyền thống Thiên Tông của Trung Hoa, Đại Hàn hay Nhật Bản, những truyền thống vốn có chủ trương không nương vào kinh điển để tìm cầu giải thoát giác ngộ, thế mà việc khuyến tấn học hỏi và nghiên cứu cũng như phiên dịch chú giải *Kinh Kim Cang* từ văn bản tiếng Phạn sang nhiều ngôn ngữ trên thế giới thật là nhiều vô số kể.¹

Tại Việt Nam, *Kinh Kim Cang* cũng đã trở nên rất quen thuộc đối với hầu hết Phật tử chúng ta bất luận theo tông phái nào. Chúng ta biết rằng, đối với giới trí thức trong hàng vua chúa và học giả tu sĩ Phật giáo tại Việt Nam đã diễn giải những ý nghĩa vô cùng quan trọng hàm chứa trong *Kinh Kim Cang* mà đã được nhà học giả nổi tiếng phương Tây, Edward Conze, đã chú thích trong bản dịch *Kinh Kim Cang* từ tiếng Phạn sang tiếng Anh

của ông. *Kinh Kim Cang* cũng đã được trì tụng hàng trăm lần mỗi ngày hoặc học thuộc lòng bởi nhiều Phật tử tại gia cũng như xuất gia. Chính vì sự ảnh hưởng vô cùng rộng rãi trong việc thực tập và trì tụng, *Kinh Kim Cang* đã được bảo trì bằng nhiều phương tiện khác nhau như thêu trên gấm hoặc dệt trên lụa, sao chép bằng tay với mực bằng vàng hay bằng máu và cũng đã được khắc bằng trên đồng, trên đá hay vàng lá và gỗ quý. Ngày nay, chúng ta có thể tìm thấy *Kinh Kim Cang* có mặt khắp nơi tại Việt Nam từ những tư gia cho đến nhiều nơi tại các chùa viện Phật giáo cũng như thư viện quốc gia và nhiều thư viện của các trường đại học. Riêng tại Thư Viện Hán Nôm, Hà Nội, Việt Nam, đã có trên 16 văn bản *Kinh Kim Cang* được in từ bản khắc gỗ qua nhiều thời đại khác nhau.

Mặc dầu đất nước Việt Nam đã bị thống trị bởi chế độ Cộng Sản trên 50 năm qua, đặc biệt tại Miền Bắc Việt Nam, việc bảo trì kinh điển đã bị bỏ quên nếu không nói là đã bị từ chối. Hiện nay, chúng ta không thể tìm được một bản khắc bằng gỗ nào của *Kinh Kim Cang* mà còn đầy đủ toàn bộ bản gỗ, trên đá hoặc trên lá đồng. Do vậy, việc nghiên cứu học hỏi về mỹ thuật điêu khắc chạm trổ của *Kinh Kim Cang* trên bản gỗ dường như không thể đưa đến kết luận cuối cùng được. Muốn tìm hiểu chân diện mục về truyền thống điêu khắc chạm trổ của Kinh điển Phật giáo tại Việt Nam, chúng ta chỉ còn một cách duy nhất là dựa vào 16 văn bản *Kinh Kim Cang* được in trên giấy từ bản gỗ đang còn tồn trữ tại Viện Hán Nôm. Chúng ta có thể phân tích tìm hiểu về những khía cạnh sau đây như: Quá trình phát triển của *Kinh Kim Cang* trong truyền thống văn hoá Phật Giáo Việt Nam trước thời kỳ mà kinh này đã được khắc trên bản gỗ. Cách viết và sự tuân thủ những chữ huy ký theo lệnh của vua chúa tại Việt Nam cũng được dựa vào đây để phân tích nghiên cứu. Ngoài ra, nội dung tư tưởng và sự hiểu biết cũng như sự thực hành về *Kinh Kim Cang* trong vòng 3 thế kỷ qua tại Việt Nam cũng sẽ được dựa theo những lời bạt và lời tựa của những lần khắc bản để phân tích đối chiếu kỹ càng.

1 Muốn biết thêm chi tiết về số lượng văn bản phiên dịch của *Kinh Kim Cang* ra nhiều thứ tiếng trên thế giới, xin xem Edward Conze, *Vajracchedika Prajnaparamita*, phiên dịch và hiệu đính với lời giới thiệu và chú giải, do nhà xuất bản Roma, Is. M.E.O., ấn hành năm 1957 (từ trang 16-21), và sự sưu tập về những văn bản phiên dịch của *Kinh Kim Cang* ra nhiều thứ tiếng vừa mới xuất bản thành 5 tập tại Đài Loan (*Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh*) do Như Thật Phật Học Nghiên Cứu Thất biên trước tại thành phố Đài Bắc, 1995, quyển 05 từ trang 417-681. Xin xem thêm Gregory Schopen, "The Manuscript of the Vajracchedika Found at Gilgit, An Annotated Transcription and Translation", trong "Studies in the Literature of The Great Vehicle: Three Mahayana Buddhist Texts" Luis O. Gomez và Jonathan A. Silk, hiệu đính, Nhà Xuất bản của Viện Đại Học Michigan xuất bản tại Ann Arbor, năm 1989, từ trang 92-94.

Sự Học Hỏi, Diễn Giảng và Trì Tụng Kinh Kim Cang trong Thời Kỳ Du Nhập

Cùng với những bộ kinh nổi tiếng đã và đang được lưu hành tại Việt Nam như *Kinh Hoa Nghiêm*, *Kinh Pháp Hoa*, *Kinh Lăng Già Tâm Ấn*, *Kinh Giải Thâm Mật*, *Kinh Lăng Nghiêm*, *Kinh Pháp Bảo Đàn*, *Kinh Vu Lan* và *Kinh A Di Đà*, *Kinh Kim Cang* đã từng được nghiên cứu diễn giải, học tập và trì tụng trong hơn một ngàn năm trăm năm qua tại Việt Nam. Hiện nay còn rất nhiều tư liệu quý giá ghi lại sự ảnh hưởng sâu đậm của *Kinh Kim Cang* trên bìa đá, trong sử sách v.v... Những sự ảnh hưởng này được biết đã có từ đầu thế kỷ thứ VI.

Theo sự ghi chép của *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* thì toàn bộ Tam Tạng Kinh Điển Phật giáo đã được triều đại Nhà Tống của Trung Hoa trao tặng cho Việt Nam vào thế kỷ thứ X. Như vậy, bản *Kinh Kim Cang* đã được lưu hành trong cộng đồng Phật tử Việt Nam bằng văn bản chữ Hán được trích biên từ Tam Tạng Kinh Điển. Theo sự nghiên cứu gần đây nhất của sử gia Lê Mạnh Thát có ý kiến đề xuất rằng trong những thế kỷ từ thứ III đến thế kỷ thứ VII, rất nhiều tu sĩ Việt Nam đã sang truyền giáo tại Trung Hoa. Một số tu sĩ này đã tham gia vào Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Kinh Điển của Ngài Huyền Trang tại Chùa Từ Ân thuộc Kinh đô Tràng An. Trong số đó có Ngài Đại Thừa Đăng đã đến nước Tàu vào thế kỷ thứ VII.¹ Thật đáng tiếc là chúng ta không biết chính xác là *Kinh Kim Cang* đã được truyền sang Việt Nam bằng cách nào trước thế kỷ thứ VII. Có lẽ, Kinh này đã được mang về Việt Nam bởi những vị tu sĩ Phật giáo đã qua lại Trung Hoa trong giai đoạn này. Tuy vậy, sự kiện sau đây cung ứng cho chúng ta những thông tin về tình trạng lưu hành của *Kinh Kim Cang* tại Việt Nam có thể là trước khi Tam Tạng Kinh Điển của Nhà Tống trao tặng cho Việt Nam. Theo *Tục Cao Tăng Truyện* (T. 2060.431a7-432a8) cho biết rằng vào khoảng cuối thế kỷ thứ VI có một thiền sư Việt Nam pháp hiệu là Pháp Minh đã giảng dạy *Kinh Kim Cang* cho Sa Môn Trí Phu tại Chùa Bình Đăng ở Phủ Tuần Châu, Trung Hoa.² Do vậy, Thiền sư Thích Pháp Minh phải nghiên cứu học tập *Kinh Kim Cang* trước khi sang giảng dạy cho Sa Môn Trí Phu tại Trung Hoa. Tuy vậy, Việt Nam trong giai đoạn này vẫn còn nằm trong sự kiểm soát của chính phủ Phương Bắc, tức là Người Trung Hoa. Việt Nam lúc bấy giờ chưa tuyên bố độc lập mãi cho đến đầu thế kỷ thứ X.

1 Lê Mạnh Thát, *Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam, Tập II*, Nhà Xuất Bản Thành Phố Hồ Chí Minh, 2001, trang 171-193.

2 Sdd, trang 495-501

Những Ấn Bản Đặc Biệt của Kinh Kim Cang trước Thời Kỳ Bản Gỗ Xuất Hiện

Chúng ta cần phải nhắc đến sự kiện vô cùng quan trọng sau đây vì hầu hết học giả Phật giáo trên thế giới đã biết qua. Hiện nay tại Viện Bảo Tàng của Hoàng Gia Anh Quốc đang bảo tồn một bộ *Kinh Kim Cang* được in từ bản gỗ. Bản Kinh này do nhà sưu tầm cổ vật tại Đông Đôn Hoàng, Ông Aurel Stein, phát kiến vào năm 1907. Đây là một bản kinh xưa nhất của Phật giáo được in trên giấy sớm nhất trong lịch sử in ấn của nhân loại trên thế giới còn tồn tại cho đến ngày nay. Bản kinh này trong phần ghi chép cuối cùng (lời bạt) cho biết đã được khắc bản vào ngày 15 tháng 04, năm thứ IX đời vua Hàm Thông [tức là ngày 11 tháng 05 năm 868], tính đến nay đã trên 1,140 năm.³ Tuy thế, vẫn còn có ý kiến cho là việc in ấn khắc bản gỗ đã được người Trung Hoa phát minh trước ấn bản của *Kinh Kim Cang* này gần một thế kỷ.⁴

Tại Việt Nam, *Kinh Kim Cang* đã được nghiên cứu giảng giải bởi những thành phần lãnh đạo của Phật giáo như là những vị quốc sư, cố vấn cho nhà vua kể từ khi toàn bộ Tam Tạng Kinh Điển Phật Giáo được trao tặng cho vua Lê Long Đình (1005-1009) vào những ngày đầu chấp chánh bởi nhà vua Triều Đại Nhà Tống.⁵ Tại Việt Nam, theo lệnh của nhà Vua, sau khi tiếp nhận Tam Tạng Kinh Điển từ Nhà Tống, vua Lê Long Đình truyền lệnh khắc bản những bộ kinh nổi tiếng và thông dụng, trong số này chắc chắn bộ *Kinh Kim Cang* phải được đặt vào hàng đầu trong công trình điêu khắc.

Kể từ khi Tam Tạng Kinh Điển được trao tặng cho Việt Nam từ các nhà vua Triều Tống, *Kinh Kim Cang* đã được nghiên cứu giảng dạy và khắc bản gỗ bởi nhiều đại thí chủ của nhiều chùa viện khác nhau. Sự kiện này cũng đã được ghi lại trong nhiều tác phẩm văn học được ghi

3 Để biết thêm toàn bộ chi tiết về bản *Kinh Kim Cang* nổi tiếng này, hãy đọc Thomas Francis Carter, *The Invention of Printing in China and Its Spread Westward*, Ấn bản lần thứ nhì, Công ty Ronald, New York, xuất bản năm 1955, trang 54-66.

4 Sdd, trang 46-53. Có nhiều học giả Phật giáo Đại Hàn cho rằng bản khắc gỗ in *Thần Chú Đà La Ni* tại Đại Hàn (Nam Triều Tiên) mới là những văn bản in ấn Kinh điển Phật giáo trên giấy đầu tiên vì đã được in vào những năm đầu thế kỷ thứ nhất dương lịch. Hãy đọc thêm sách của Denis Twitchett, *Printing and Publishing in Medieval China*, Nhà xuất bản Frederic C. Beil, New York, 1983, trang 13-16, và SOHN Pow-key, *Early Korean Typography*, Nhà xuất bản SUN ấn hành năm 2001, trang 520-521.

5 Lê Mạnh Thát, *Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam, Tập II*, Nhà Xuất Bản Thành Phố Hồ Chí Minh, 2001, trang 520-521.

chép trên sách kể cả việc chạm khắc trên bia đá. Trước hết, trên một văn bia của Chùa Bảo Thâm, chúng ta tìm thấy một sự kiện được ghi lại như sau, “Vào năm thứ 11 thuộc triều vua Đại Chánh (1540), nhà chùa đã tổ chức việc in ấn khắc kinh trên bản gỗ những bản kinh quan trọng của Phật giáo như *Kinh Kim Cang*, *Kinh Quan Âm*, *Kinh Mục Liên* và *Bùa Hải Hội* cũng như đúc quả chuông đồng tại chùa”.¹ Thêm vào đó, chúng ta còn có thể tìm thấy trên văn bia ở Chùa Liễu Khê có ghi lại rằng nhà chùa có thuê nhiều nhà điêu khắc chạm trổ đã khắc *Kinh Kim Cang* trên bản gỗ vào năm Ất Mão (1615).²

Kinh Kim Cang Lưu Hành trong Truyền Thống Thiền Việt Nam

Trong truyền thống Thiền của Trung Hoa cũng như Việt Nam đều tôn thờ Bồ Đề Đạt Ma là Thiền Tổ đầu tiên của Trung Hoa và tin tưởng rằng Tổ Bồ Đề Đạt Ma đã đến Trung Hoa vào thời đại của triều Vua Lương Vũ Đế, thế kỷ thứ VI. Được biết, Bồ Đề Đạt Ma đã ngồi thiền nhìn vách 9 năm vì không tìm được đệ tử để truyền tâm ấn thiền mà Ngài đã mang theo từ Ấn Độ. Cốt tủy tư tưởng và hành động của Thiền được nói lên trong bài kệ sau đây do Bồ Đề Đạt Ma ấn xuất,³

*Bất lập văn tự
Giáo ngoại biệt truyền
Trực chỉ nhân tâm
Kiến tánh thành Phật*

*Không y cứ vào văn tự
Truyền thừa ngoài kinh điển
Nhắm thẳng vào tâm người
Thấy tánh là thành Phật*

Vì thế, hành giả của Thiền Trung Hoa trong những giai đoạn bình minh của Phật giáo có khuynh hướng không học tập nghiên tầm kinh điển để tìm cầu giải thoát giác ngộ. Ngược lại với Thiền sinh của Trung Hoa, trong truyền thống Thiền của Việt Nam, ngoài việc nghe

theo thông điệp của Bồ Đề Đạt Ma, còn thêm vào việc hành trì của mình bằng những thời khoá tụng niệm, thuyết giảng và in ấn sao chép những bộ kinh nổi tiếng như *Kinh Viên Giác*, *Kinh Pháp Hoa*, *Kinh Hoa Nghiêm*, *Kinh Nhân Vương Hộ Quốc*, *Kinh Kim Cang*. Đặc biệt hơn nữa, trong *Thiền Uyển Tập Anh*⁴ ghi rõ rằng *Kinh Kim Cang* đã được trì tụng, nghiên cứu và thuyết giảng cùng với sự in ấn sao chép bởi các vị Thiền Sư như Thường Chiếu, Thanh Biện, Giới Không và Diệu Nhân. Thay vì không y cứ vào văn tự kinh điển mà chỉ tập trung vào việc quán chiếu tự tánh để giác ngộ nghĩa lý sắc không, những vị Thiền sư này đã đề ra nhiều thì giờ và tâm lực của mình để nghiên cứu học hỏi song song với việc thiền tập theo những tư tưởng thâm áo chứa đựng trong *Kinh Kim Cang*. Vì vậy, các Ngài không những chỉ thâm hiểu triết lý của *Kinh Kim Cang* mà còn trở nên giải thoát giác ngộ cũng từ *Kinh Kim Cang*.

Sự kiện sau đây giữa Thiền sư Quảng Nghiêm (1122-1190) và Thiền Sư Thường Chiếu được ghi lại trong *Thiền Uyển Tập Anh* cho chúng ta thấy rằng *Kinh Kim Cang* đã được đem ra thảo luận trong thiền môn của Việt Nam kể từ thế kỷ thứ 12,

“Thiền sư Thường Chiếu nói, ‘Pháp mà Đức Như Lai đã chứng đắc (dưới gốc cây Bồ Đề khi ngài thành đạo) không ‘thật’ cũng chẳng ‘hư’ [Như lai sở đắc pháp, thử pháp vô thật vô hư], pháp này là gì vậy? Thiền sư Quảng Nghiêm trả lời, “Ngài tốt hơn là đừng có thoá mạ Đức Như Lai” Thiền Sư Quảng Nghiêm hỏi, “Ai đã truyền dạy kinh này?” Thiền sư Thường Chiếu trả lời, “Bạch ngài, Xin ngài đừng có nói đùa với con chứ. Đức Phật (của chúng ta) đã truyền dạy chứ ai nữa mà hỏi.” Thiền sư Quảng Nghiêm nói, “Nếu Đức Phật đã truyền dạy kinh này thì tại sao chính trong kinh lại nói rằng: ‘Nếu chúng ta nói là Đức Như Lai đã truyền dạy kinh này là chính chúng ta đang phỉ báng Đức Phật của chúng ta’. Thiền sư Thường Chiếu không thể trả lời được câu hỏi này.”⁵

1 Xem Nguyễn Quang Hồng, Chủ Bút, *Văn Khắc Hán Nôm Việt Nam, Tuyển Chọn - Lược Thuật*, Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1992, trang 225

2 Sđd, trang 312

3 Xin xem *Zen Buddhism: A History, India and China* của Heinrich Dumoulin bản dịch của James W. Heisig và Paul Knitter, nhà xuất bản Macmillan Publishing Company, Simon và Schuster Macmillan, New York, năm 1994, pp. 85-106 và Nan Huai-Chin, *The Story of Chinese Zen*, bản dịch của Thomas Cleary, nhà xuất bản Charles E. Tuttle Co., Inc., Boston, Rutland, Vermont, Tokyo, 1995, pp. 64-80.

4 Xin xem bản dịch cũng như sự phân tích phê bình về *Thiền Uyển Tập Anh* của Lê Mạnh Thát trong *Tổng Tập Văn Học Phật Giáo Việt Nam, Tập 3* [Anthology of Vietnamese Buddhist Literature, Vol. 3], Nhà Xuất Bản thành phố Hồ Chí Minh, năm 2002., và Tu Cuong Nguyen, *Zen in Medieval Vietnam, A Study and Translation of the Thiền Uyển Tập Anh*, Nha Tu Thư Viện Đại Học Hawaii, Honolulu, 1997.

5 Xin xem Tu Cuong Nguyen, *Zen in Medieval Vietnam, A Study and Translation of the Thiền Uyển Tập Anh*, Nha Tu Thư Viện Đại Học Hawaii, Honolulu, 1997., trang 154.

Có một sự kiện thứ hai liên hệ đến sự giảng dạy của *Kinh Kim Cang* là Thiền sư hãy thực hành theo nội dung tư tưởng của kinh hơn là đọc tụng thuộc lòng kinh điển. Thiền sư Thanh Biện để dành tâm lực và thì giờ còn lại của đời mình tụng *Kinh Kim Cang* kể từ khi sư phụ của Ngài là Thiền sư Pháp Đăng viên tịch. Tuy thế, Thiền sư Thanh Biện vẫn không thông hiểu nghĩa lý của *Kinh Kim Cang* cho nên mới bị quở trách,

“Một hôm có một thiền sư đến thăm Thiền sư Thanh Biện. Sau khi chào hỏi xã giao, vị thiền sư này hỏi Thanh Biện, “Kinh này là Mẹ của chư Phật trong ba đời quá khứ hiện tại và vị lai [Thư kinh thị tam thế chư Phật Mẫu]. Vậy thì cụm từ ‘Mẹ của chư Phật’ có nghĩa gì vậy? Thanh Biện trả lời, “Tôi đã từng tụng đọc kinh này nhưng tôi không hiểu nghĩa của cụm từ mà ngài vừa hỏi”. Thiền sư này hỏi tiếp, “Ngài đã trì tụng kinh này được bao lâu rồi?” Thanh Biện trả lời là đã trì tụng được tám năm rồi. Thiền sư này nói, “Nếu Ngài đã từng trì tụng *Kinh Kim Cang* ròng rã trong tám năm rồi mà không hiểu được nghĩa lý của kinh, thì sau một trăm năm trì tụng ông sẽ thành tựu được gì? Thanh Biện sụp lạy dưới chân vị Thiền sư này cầu xin chỉ giáo. Thiền sư này bảo Thanh Biện hãy tìm đến Thiền sư Huệ Nghiêm ở Chùa Sùng Nghiệp để học tập nghĩa lý của *Kinh Kim Cang*. Thanh Biện cảm thấy nhẹ nhõm và thốt lên rằng, “Cho đến giờ phút này ta mới nhận ra lời giảng dạy của Thiền sư Pháp Đăng là đúng.” Thanh Biện theo thiền sư này đến Chùa Sùng Nghiệp để học đạo.”¹

Thiền sư Trí Nhân, ngài được biết là một thiền gia rất nổi tiếng vào thời nhà Lý (1010-1225), một hôm ngài nghe bốn sư của mình là Giới Không thuyết giảng về *Kinh Kim Cang*. Khi Ngài Giới Không giải thích bài kệ sau đây: *Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệc như điện, ưng tác như thị quán -- tất cả thiền sinh hãy quán chiếu rằng tất cả các pháp đều giống như mộng, như ảo ảnh, như bọt nước, như quán năng, như sương sa, như sấm chớp*.²

“Trí Nhân hoát nhiên đại ngộ và tuyên bố, “Sáu ẩn dụ trong *Kinh Kim Cang* vừa nêu trên của Đấng Như Lai nói ra đều không hư dối: Tất cả sự vật thường tình trên thế gian này rõ ràng là trống rỗng, ảo tưởng, và không thật có; chỉ có chánh pháp mới thật có. Ngài tự vấn, “Tôi đang

tìm kiếm gì đây?” Các đấng Nho Gia nói về sự liên hệ thường tình của chủ thể và luật lệ, cha và con, trong khi đó Phật giáo thì giải rõ về sự thành đạt của Bồ Tát và Thanh Văn. Mặc dù hai giáo nghĩa này không gặp nhau như đường rầy xe lửa, cả hai đều hướng đến một mục đích. Chẳng những thế, chỉ có Phật giáo mới làm cho con người giải thoát ra khỏi vòng sinh tử luân hồi đau khổ, và cắt đứt chúng sinh ra khỏi vòng nhị nguyên, có không, là và đang là.” Liền sau đó, Trí Nhân cầu khẩn Giới Không trao truyền giới pháp xuất gia.³

Thiền sư Diệu Nhân (1042-1113), được biết là vị Ni Sư đầu tiên trong Ni giới của Phật giáo Việt Nam, sau khi Ni Sư xuất gia đầu Phật và thọ giới Bồ Tát với Thiền sư Chân Không, Ni Sư thâm hiểu giáo nghĩa của *Kinh Kim Cang*. Diệu Nhân nghiêm trì giới luật song song với việc tu tập thiền định do vậy đã chứng đắc chân tam muội. Ni Sư Diệu Nhân luôn luôn giữ thân khẩu ý thanh tịnh do vậy Ni Sư đã không màng đến sắc tướng, ngôn ngữ và âm thanh.

“Có một thiền sinh hỏi, “Trong *Kinh Duy Ma Cật* có đoạn nói là (Ngài Duy Ma Cật) bị bệnh vì tất cả chúng sinh bệnh” Tại sao Ni Sư lại phải không màng đến sắc tướng âm thanh? Thiền sư Diệu Nhân mới trả lời nghi vấn này bằng cách trích dẫn một bài kệ rất nổi tiếng trong *Kinh Kim Cang*, “Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhân hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai -- Nếu có chúng sinh nào muốn thấy ta qua âm thanh sắc tướng thì chúng sinh ấy đã lầm đường lạc lối và không thể nào thấy được Như Lai.” Thiền sinh ấy hỏi tiếp, “Công ích của sự ngồi thiền là gì?” Diệu Nhân trả lời, “Bản chất nguyên uỷ của sự ngồi thiền là (không đến) không đi.” Vị thiền sinh hỏi tiếp, “Tại sao Ni Sư không giảng giải rộng ra?” Diệu Nhân trả lời, “Bản chất của đạo giác ngộ giải thoát vốn vô ngôn.”

Ngoài những sự kiện vừa nêu ra trên đây liên hệ đến việc nghiên cứu và thực hành của *Kinh Kim Cang* được ghi chép lại trong bia ký tại các chùa viện và *Thiền Uyển Tập Anh* của truyền thống thiền Việt Nam, những bản *Kinh Kim Cang* được khắc trên bản gỗ còn tồn trữ tại Viện Hán Nôm cho chúng ta thấy rằng bản kinh này chiếm một vị trí nổi bật trong số lượng văn bản khắc kinh trên gỗ tại bản viện. Trong thư viện chứa kinh của Viện Hán Nôm tại Hà Nội chúng ta tìm thấy ít nhất là 16 văn bản *Kinh Kim Cang* được khắc bản in ấn nhiều lần

1 Sdd, trang 166-167

2 Xin xem *Vajracchedikā-prajñāpāramitā-sūtra*, của Edward Conze, trang 752b 27-28.

3 Xin xem Tu Cuong Nguyen, Sdd., trang 192-193.

khác nhau.¹ Sau đây là bảng liệt kê niên đại khắc bản của *Kinh Kim Cang*.

1. *Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh Tập Chú*, số ký hiệu tại Thư Viện Hán Nôm, Hà Nội, Việt Nam là AC-141, năm khắc bản không rõ.
2. *Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh Tập Chú*, số ký hiệu tại Thư Viện Hán Nôm, Hà Nội, Việt Nam là AC-510, năm khắc bản 1700.
3. *Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh*, số ký hiệu tại Thư Viện Hán Nôm, Hà Nội, Việt Nam là AC-254, năm khắc bản 1745.
4. *Kim Cang Kinh Giải*, số ký hiệu tại Thư Viện Hán Nôm, Hà Nội, Việt Nam là AC-512, năm khắc bản 1745.
5. *Kim Cang Kinh Trực Giải*, số ký hiệu tại Thư Viện Hán Nôm, Hà Nội, Việt Nam là AC-320, năm khắc bản 1822.
6. *Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh*, số ký hiệu tại Thư Viện Hán Nôm, Hà Nội, Việt Nam là AC-299, năm khắc bản 1825.
7. *Kim Cang Kinh*, số ký hiệu tại Thư Viện Hán Nôm, Hà Nội, Việt Nam là AC-176, năm khắc bản Tân Mùi?
8. *Kim Cang Kinh*, số ký hiệu tại Thư Viện Hán Nôm, Hà Nội, Việt Nam là AC-319, năm khắc bản 1827.
9. *Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh*, số ký hiệu tại Thư Viện Hán Nôm, Hà Nội, Việt Nam là AC-456, năm khắc bản 1849.
10. *Kim Cang Kinh*, số ký hiệu tại Thư Viện Hán Nôm, Hà Nội, Việt Nam là AC-438, năm khắc bản Giáp Tuất?
11. *Kim Cang Kinh*, số ký hiệu tại Thư Viện Hán Nôm, Hà Nội, Việt Nam là AC-184, năm khắc bản không rõ.
12. *Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh*, số ký hiệu tại Thư Viện Hán Nôm, Hà Nội, Việt Nam là VHB-133, năm khắc bản không rõ.
13. *Kim Cang Kinh Giải Lý Mục*, số ký hiệu tại Thư Viện Hán Nôm, Hà Nội, Việt Nam là AB-528, năm khắc bản 1857.
14. *Kim Cang Kinh Quốc Âm*, số ký hiệu tại Thư Viện Hán Nôm, Hà Nội, Việt Nam là AB-567, năm khắc bản 1861.

15. *Kim Cang Kinh Trực Giải*, số ký hiệu tại Thư Viện Hán Nôm, Hà Nội, Việt Nam là AC-167, năm khắc bản 1886.

16. *Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh*, số ký hiệu tại Thư Viện Hán Nôm, Hà Nội, Việt Nam là AC-131, năm khắc bản 1886.

Trong số hàng ngàn kinh sách Phật giáo được Viện Hán Nôm thu thập và bảo quản kể từ khi viện này được thành lập vào năm 19012 không có một bộ kinh nào nổi tiếng mà có nhiều ấn bản qua nhiều lần như *Kinh Kim Cang*. Sự kiện này cho chúng ta thấy vị trí quan trọng của *Kinh Kim Cang* trong đời sống của cộng đồng Tăng Ni và Phật Tử Việt Nam kể từ đầu thế kỷ 18.

Ngày nay, *Kinh Kim Cang* đã trở nên một bộ kinh quen thuộc đối với tất cả những nhà học Phật khắp nơi trên thế giới. Trong *Đại Tạng Kinh Đại Chánh Tân Tu* đã liệt kê 6 ấn bản khác nhau của *Kinh Kim Cang*,³ duy có bản *Kinh Kim Cang* được phiên dịch từ tiếng Phạn vào năm 401 của Ngài Cưu Ma La Thập (*Kumārajīva*, T. 135) là bản kinh đã được nghiên cứu và học hỏi nhiều nhất. Có một sự kiện làm cho chúng ta ngạc nhiên là trong 16 ấn bản *Kinh Kim Cang* đã được khắc bản nhiều lần tại Việt Nam, không có bản dịch nào là bản dịch của Ngài Bồ Đề Lưu Chi (T.236), hoặc 4 bản dịch khác như của Ngài Chân Đế (T.237), Ngài Đạt Ma Cấp Đa (T.238), Ngài Huyền Trang (T.220(9)), và Ngài Nghĩa Tịnh (T.239). Thì ra, tại Việt Nam *Kinh Kim Cang* chỉ có một bản dịch duy nhất đó là bản dịch của Ngài Cưu Ma La Thập.

Niên Đại Khắc Bản Gỗ của *Kinh Kim Cang*

Dựa trên bảng liệt kê về 16 ấn bản khác nhau của *Kinh Kim Cang* đã được đề cập đến ở trên, chúng ta thấy ấn bản mang ký hiệu AC-510, khắc bản vào năm 1700, là ấn bản xưa nhất của kỹ thuật in ấn bằng bản gỗ của *Kinh Kim Cang* được bảo quản tại Thư viện của Viện Hán Nôm tại Hà Nội. Trong phần lời bạt của ấn bản lần này của *Kinh Kim Cang*, người chủ trương có ghi lại một sự kiện quan trọng là bản gỗ của lần khắc bản này của *Kinh Kim Cang* được cất giữ tại Chùa Quỳnh Lâm, thuộc huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, miền Bắc Việt Nam. Thật là bất hạnh cho chúng ta, ngôi chùa lịch sử này đã hoàn toàn bị thiêu rụi bởi bom đạn của Không lực Pháp vào những thập niên đầu thế kỷ 20. Số phận của

1 Hãy xem Trần Nghĩa, *Di Sản Hán Nôm Việt Nam Thư Mục Đề Yếu, Tập 3 (Catalogue des Livres en Hán Nôm, Vol. 3)*, Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1993, trang 804-805

2 Xin xem Trần Nghĩa, Sđd, Vol. 1., trang 20

3 Muốn xem đề *Kinh Kim Cang* khác nhau của sáu ấn bản này, hãy đọc Edward Conze, Sđd, trang 16-17

những bản gỗ của bản *Kinh Kim Cang* đã bị cháy thành tro bụi cùng với hàng trăm bản kinh khác.

Dựa theo lời tựa và lời bạt đã được Hoà Thượng Tuệ Đăng Chân Nguyên, người chủ xưởng việc khắc bản cho *Kim Kim Cang* vào năm 1700, chúng ta không thấy Hoà Thượng cho chúng ta biết thông tin về bản gốc của *Kim Kim Cang* dùng làm bản đáy để khắc bản lần này. Do vậy chúng ta không thể kết luận rằng bản *Kinh Kim Cang* (ấn bản 1700) đã được sử dụng từ bản viết tay hay bản in từ bản khắc gỗ. Đây là một trường hợp khá phổ biến trong việc in ấn thuộc lãnh vực khắc bản gỗ tại Việt Nam, đặc biệt là 16 ấn bản của *Kinh Kim Cang*.

Để tìm hiểu văn bản gốc nào của *Kinh Kim Cang* mà người chủ trương dùng làm bản đáy để khắc lại bản gỗ vào năm 1700, chúng tôi đã so sánh từng bộ, từng nét, từng chữ và mỹ thuật của ấn bản lần này với ấn bản của *Kinh Kim Cang* được in lại trong Tam Tạng Kinh của Đại Hàn (Cao Ly Đại Tạng). Sau khi so sánh cẩn thận như vậy, chúng tôi đưa ra kết luận rằng ấn bản năm 1700 của Phật Giáo Việt Nam rất gần với ấn bản của *Kinh Kim Cang* có số ký hiệu K.13 trong Cao Ly Đại Tạng. Sự so sánh này cho chúng ta thấy những đường nét của *Kinh Kim Cang* (bản khắc của Việt Nam năm 1700) giống hệt với đường nét của *Kinh Kim Cang* trong Cao Ly Đại Tạng.¹

Có những đề xuất rất thú vị trong công việc đi tìm bản đáy của Cao Ly Đại Tạng – Tam Tạng Kinh của Phật Giáo Đại Hàn đã được khắc bản cách đây trên 700 năm, toàn bộ trên 83 ngàn bản gỗ đang được UNESCO bảo quản tại Tu Viện Hải Ấn thuộc Nam Hàn mà bản đáy của Tam Tạng này là Tam Tạng Kinh thuộc đời Bắc Tống của Trung Hoa – chúng tôi có thể nói là bản gỗ của *Kinh Kim Cang* ấn bản 1700 dùng bản *Kinh Kim Cang* trong Tam Tạng Kinh thuộc đời Bắc Tống làm bản đáy. Điều này có thể chứng minh cho chúng ta thấy rằng ấn bản *Kinh Kim Cang* thuộc đời Bắc Tống mà đã được các nhà vua Việt Nam từ thời Nhà Đinh, Nhà Lê, Nhà Lý và Nhà Trần vào những thế kỷ từ thế kỷ thứ mười cho đến thế kỷ thứ mười bốn vẫn còn lưu hành rộng rãi tại nước ta cho đến thế kỷ thứ mười tám.

Sự kiện trên đây khiến chúng ta nhớ lại trong thời gian trị vì đất nước Đại Việt, các nhà vua thuộc các triều đại từ thời Nhà Đinh, Nhà Lê, Nhà Lý đến nhà Trần, từ thế kỷ thứ mười đến thế kỷ thứ mười bốn có ít nhất là 3 bộ Đại Tạng Kinh đã được vua Nhà Tống trao tặng cho

các triều đại Việt Nam. Kể từ đó rất nhiều bản kinh được chép tay cũng như khắc bản để in ra phổ biến rộng rãi trong cả nước. Do vậy, ấn bản của *Kinh Kim Cang* được khắc bản in vào năm 1700 chắc chắn phải sử dụng bản đáy từ những bản chép tay hoặc bản gỗ đã được lưu hành rộng rãi như đã đề cập ở trên.

(còn tiếp một kỳ)

Bến Giác

Nước sông chia cách đôi bờ
Bên kia Bến Giác bên này Bờ Mê
Anh nương Bến Giác đi về
Bỏ Trắng năm cũ, bỏ dòng sông xưa

Sông xưa soi ánh Trăng thê
Nghiêng đôi bóng ngả, dấu mồn còn đây
Người đi lá úa hao gầy
Cỏ long lanh lệ, gió chiều lao xao

Người đi nắng khóc mưa gào
Gió hiu hắt thổi, lá mong manh buồn

Ba thu lá úa thay màu
Thiếu bờ vai cũ, đôi dòng lệ tuôn

Mỗi mồn cánh nhận bay ngang
Nước không lưu ảnh, sao lòng còn vương?
Biệt ly chia cách đôi đường
Dây tơ đàn đứt, thanh lòng còn ngân

Người về bến giác, xa xăm
Phủi tay rũ sạch bao năm nợ trần
Chân Thường một cõi mệnh mông
Bờ Mê, Bến Giác cũng là SẮC-KHÔNG.
(01-2008)

TÂM SƯỞNG

¹ Để biết về số hiệu và lịch sử khắc bản cũng như niên đại kết thành Tam Tạng Kinh Điển Cao Ly Đại Tạng, xin đọc Lewis R. Lancaster, *The Korean Buddhist Canon: A Descriptive Catalogue*, Nha Tu Thư Viện Đại Học Berkeley, Los Angeles. Ấn Hành tại London, 1979.

TỪ THÔNG điệp NĂM 2002 ĐẾN THÔNG điệp NĂM 2007: MỘT TẤM LÒNG NHIỀU NỖI BÂNG KHUÂNG

Thích Thiện Hữu

*Chân thành cảm ơn dịch giả Đỗ Hữu Tài đã dịch ra tiếng Việt những Thông điệp Phật Đản này!
Vô cùng cảm tạ Trang Nhà Đạo Phật Ngày Nay đã quảng bá những Thông điệp Phật Đản và cho phép
người viết được hoàn toàn xir dụng để có những dòng cảm xúc này!
Chân thành cảm tạ nhạc sĩ Phạm Cao Tùng đã đóng góp ý kiến cho bài viết này!
Đệ tử một dạ chí thành cúng dường mùa Phật Đản.*

Tôi có duyên may được đọc một số bức thông điệp. Có những thông điệp chứa đầy thuốc súng, nặng mùi khiêu khích chiến tranh. Có những thông điệp thiêu đốt núi rừng, phá hoại môi sinh, tổn hại sự sống của côn trùng thảo mộc. Có những thông điệp tàn phá nền văn minh nhân loại, hủy diệt di sản văn hoá loài người. Có những thông điệp ly tán tình anh em, phá hoại tinh thần hoà hợp giữa các tôn giáo. Có những thông điệp làm loạn lạc quốc gia, băng hoại đời sống của xứ sở thanh bình. Nhưng, những thông điệp của chư Phật, chư vị Bồ Tát, chư vị Tổ sư và gần đây là những thông điệp của Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc lại chứa chan tinh thần Từ bi-Trí tuệ, bình đẳng giải thoát, đơm nhuần chất liệu bất bạo động, độ lượng khoan dung, để dẫn tới công cuộc xây dựng hạnh phúc, vun đắp xã hội loài người trên hành tinh tươi sáng tuyệt vời này.

Không ai phủ nhận thế giới này đang biến động và không ngừng biến động. Hầu như tất cả mọi người đã thấy rất rõ bản chất của các cuộc chiến tranh, dù những cuộc chiến tranh này được trang bị dưới mọi hình thức, mọi màn the, mọi chủ thuyết và mọi phương tiện thực hiện, nhưng chung cuộc, chiến tranh lúc nào cũng mang đến đổ nát, thê lương đau thương, mang đến chết chóc, lâm than ai oán, và hơn hết là sự tổn hại khổng lồ cả tài sản vật chất lẫn tâm thức con người.

Những cảnh tượng, những hậu quả nặng nề của chiến tranh đã được Đức Phật chỉ bày rất rõ trong kinh tạng và những năm gần đây lại được vị Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc đề cập trong nội dung của những bức Thông điệp Phật Đản Liên Hiệp Quốc (LHQ) tổ chức hằng năm. Qua đó, chúng ta sẽ thấy ít nhiều tấm lòng của người lãnh đạo, sẽ thấy những nỗi lo âu, ưu tư băng khuâng của LHQ, và hơn hết, sẽ hiểu rõ những giá trị đích thực về lời dạy của đức Phật đã và đang mang đến cho loài người cách đây hơn 2.500 năm:

“...Hơn 2.500 năm qua, những lời dạy của vị Đạo sư Giác ngộ - Phật Thích Ca vẫn tiếp tục là kim chỉ nam và đã mang lại ý nghĩa cho cuộc đời của hàng triệu người trên thế giới. Việc tổ chức hằng năm Đại lễ này là cơ hội để Phật tử xác quyết niềm tin vào giáo lý của Ngài, đồng thời phát huy tinh thần Từ bi-Trí tuệ và Hòa bình mà Phật tổ đã truyền trao...” (Thông điệp Phật Đản LHQ-2007)

Tiếng nói thầm kín của con người, tiếng nói đầy đạo đức lương tâm của đức Phật Thích Ca đã được thế giới xem như ‘kim chỉ nam’, vừa là con đường thánh thiện, vừa là phương tiện thiết thực mang lại ý nghĩa sống còn đích thực cho con người và cuộc đời trên khắp cả hành tinh này.

Phải chăng, đây là lời khẩn cầu bi thiết, là nguyện ước của hàng triệu con tim, nên lấy tinh thần Từ bi-Trí tuệ và Hoà bình của đạo Phật để giải quyết mọi vấn đề khó khăn của cuộc đời. Lòng mong mỏi một thế giới thực sự hoà bình, bom không còn nổ nơi này, tiếng súng không còn thét gào ở đất nước kia, thậm chí, không còn những tranh chấp biên giới, lãnh hải lãnh thổ của nhau, để làm đau khổ, tạo nhiều oan gia, đắng cay tủi nhục cho nhau. Đây chính là một trong những nốt nhạc trầm hùng khởi đầu cho lịch sử hiện hữu của LHQ đối với Phật giáo nói riêng và loài người nói chung.

Kêu gọi xác quyết niềm tin, vô tình hay cố ý lại chỉ rõ một hiện trạng mất niềm tin đang xảy ra khắp nơi. Cá nhân không tin cá nhân, đoàn thể không tin đoàn thể, quốc gia không tin quốc gia, khối khu vực này không tin khối khu vực kia..., để cuối cùng dẫn đến tình trạng phân ly trầm trọng, phân cách bi đát khôn cùng. Vì vậy, hơn bao giờ hết, vị Tổng Thư Ký LHQ nhân dịp này, qua Thông điệp Phật Đản, đã mời gọi mọi người, mọi thành phần tổ chức xã hội, mọi tổ chức tôn giáo tín ngưỡng, mọi đảng phái, mọi quốc gia, mọi khối khu vực..., hãy

xây dựng, xác quyết niềm tin cho nhau. Bởi lẽ, chính hành động xác quyết, xây dựng này, là một cung bậc của muôn vạn tấm lòng, để bước vào khung trời hi vọng, để tấu lên những khúc ca hiện thực, đóng góp trên mọi phương diện, giá trị văn minh vật chất, giá trị tinh thần cao thượng, vượt khỏi không gian, thời gian, và cũng là những nét chấm phá chuyên mình trong lịch sử loài người.

...“Nhân ngày Vesak hôm nay, xin hãy nhớ rằng dù nguồn gốc, chủng tộc, văn hóa và đức tin của chúng ta là gì chẳng nữa thì chúng ta chủ yếu vẫn không khác nhau. Tại vì trên hết, chúng ta chia sẻ với nhau cùng một mái ấm gia đình, một hành tinh đang thu nhỏ mà chúng ta phải gắn bó sống với nhau. Vậy xin hãy cùng nhau hợp tác làm chung việc thiện và hợp tác cho sự sống chung hài hòa và an bình của mọi dân tộc trên thế giới này...” (Thông điệp Phật Đản LHQ-2002)

Thế giới này nằm chung trong một hành tinh, được kết nối bởi nhiều mối tương quan, tương duyên. Đức Phật đã thấy rõ và luôn dạy chúng đệ tử, không nên tách rời, không nên tự cô lập, không nên du hoá độ một mình trong bất kỳ tình huống nào. Ngài còn khuyên nhủ mọi người nên sống chung hài hoà, sinh hoạt trong tinh thần ‘lục hoà tương kính’. Có thực hành trọn vẹn như vậy, con người sẽ mang lại an bình cho tha nhân, tạo sức lớn mạnh cho cộng đồng và thịnh vượng chung cho quốc gia xã hội. Song song, con người nên cố gắng thực hiện những công tác từ thiện, mặc dù, chủng tộc, văn hóa và đức tin của loài người có khác nhau. Nhưng, với nhãn quan của đức Phật, con người có chung một dòng máu đỏ, một giọt nước mắt cùng mặn, và có cùng những cảm xúc khổ đau, hạnh phúc như nhau. Giá trị của Thông điệp Phật Đản LHQ này thực sự là cơ hội tốt để loài người sống trọn vẹn và hiểu rõ tận tường những tính đặc thù của giáo lý đạo Phật.

Hơn nữa, bằng ánh sáng tâm linh siêu việt của đức Phật và giáo pháp của Ngài, đạo Phật đã giới thiệu, đã cung hiến cho nhân loại chân giá trị đạo đức tâm linh đích thực. Con đường thực nghiệm tâm linh, để dẫn tới một đời sống xã hội an bình hạnh phúc đều đã được chỉ bày rõ ràng trong kinh điển Phật giáo.

An bình trong tinh thần tương thân, tôn kính những giá trị sẵn có trong mỗi cá nhân, tôn trọng những giá trị đạo đức tâm linh của mỗi tôn giáo, tôn trọng những di sản văn hóa của loài người và tôn trọng tình anh em chung một mái ấm gia đình nhân loại. Tất cả đều phải thật sự được tôn trọng, đem ra thực hành, đối xử với nhau như ruột thịt mới có được hạnh phúc an vui.

Ngoài ra, đức Phật chưa bao giờ dạy chúng đệ tử tự thiết lập những vòng kim cô cho mình và áp đặt lên cuộc

sống người khác. Bởi vì, chính những vòng cương toả cố chấp, phân ly đã là động lực để tạo ra bao lê thê trần thế, bao đam mê của đời sống vật dục, và bao thảm họa của chiến tranh tàn khốc. Chính những trái tim đang bị nung nóng bởi lòng vị kỷ, đã hun nóng hành tinh này trở thành màu đen vô vọng, đã che đậy mặt trời chân lý biến thành màu xám nghi ngờ, đã phá nát những yêu thương trong tự thân mỗi người hoá ra hận thù, nghi kỵ, mạ lỵ, vu khống hãm hại, chém giết lẫn nhau.

Vậy thì, ngay đây và bây giờ, trên tinh thần nhân bản, trong nội dung của Thông điệp, mọi người hãy tự thắp sáng tâm linh, phát triển nội lực Từ bi-Trí tuệ vốn có của mình. Mỗi quốc gia, mỗi xã hội, dù khác nền văn hoá, khác niềm tin tôn giáo, khác tín ngưỡng tôn thờ, hay khác nền kinh tế tiêu thụ, không vì thế mà không thực hiện, không áp dụng bài học tương thân, tương kính, tương ái cho nhau. Hãy sống gắn bó, cùng hợp tác để mang lại đời sống an hoà thực sự cho thế giới này. Hãy thực hành tất cả việc lành để có đủ đầy công đức xây dựng một xã hội hoàng kim, một đời sống xã hội vượt lên mọi giá trị thấp kém vô thường, tiếp tay nối liền sự sống miên viễn, nhiệm mầu hằng hữu trong thế giới nhiều nhưng ngắn hạn này:

...“Thông điệp của Đức Phật là một thông điệp về Hòa bình và Từ bi, nhưng cũng còn là một thông điệp về Tỉnh thức - nhận biết bản thân mình, hành động của mình và nhận biết về thế giới chung quanh mình. Đây là thông điệp mà những ai quan tâm đến hướng đi và vận mệnh của loài người cần nghiêm chỉnh đón nhận...” (Thông điệp Phật Đản LHQ-2003)

Nếu như trong năm 2002, Thông điệp Phật Đản LHQ nhấn mạnh đến yếu tố sống chung hòa bình trên hành tinh này, thì Thông điệp năm 2003 lại thiết tha kêu gọi mọi người, thực hiện tinh thần Từ bi, Hòa bình trong giáo lý Phật đà. Hãy tự nhận biết bản thân, tự soi sáng lòng mình, hành động đúng với lương tâm, lương tri của mình và tự nhận chân được những biến chuyển của thế giới xung quanh.

Thế giới này giống như một dòng chảy phức hợp, được nối kết bởi nhiều yếu tố. Nhưng, những ai thực sự có lòng quan tâm đến vận mạng của loài người đều phải nghiêm chỉnh nghĩ rằng, quan tâm đến hướng đi và vận mạng của loài người cũng chính là sự quan tâm đích thực của cá nhân mình. Bởi lẽ, con người không thể tách rời thế giới bên ngoài để sinh tồn, không thể sống biệt lập với tất cả môi trường xung quanh. Trong tinh thần này, bức Thông điệp đã mượn ý nghĩa của đạo Phật, sử dụng những tư tưởng của đức Phật để, qua đó, có thể nói lên tiếng nói chung của nhân loại hôm nay—tiếng nói thành tâm sám hối, tiếng nói ‘phản quang tự kỷ, bổn phận sự’ của người xưa, tiếng nói dẫn thân phục vụ tha

nhân của chư Bồ tát, tiếng nói tôn trọng, chăm sóc kỹ lưỡng khí hậu trong lành của đức Phật, tiếng nói tôn trọng môi trường sống và môi trường tâm linh của chư Tổ sư, của những con người đạo đức đang hiện hữu khắp nơi.

Đối với người con Phật, xin hãy chấp tay một lòng đêm ngày thực hiện, dù không phải là ngày Phật Đản. Xin hãy thành tâm dâng trọn tâm lòng, quyết tâm áp dụng tinh thần vi diệu này vào đời sống. Ngoài ra, Thông Điệp LHQ còn thiết tha mời gọi:

... **“Nhân dịp kỷ niệm ngày Vesak, tôi xin được nắm tay mọi người trong niềm hy vọng về một thế giới mà mọi người đều phấn đấu để tỉnh thức - nhận biết và quan tâm đến đồng loại...”** (Thông Điệp Phật Đản LHQ-2003)

Trong mọi trạng thái tỉnh thức, hãy tự nhận biết và quan tâm đến đồng loại. Quan tâm đến đồng loại bằng thái độ tỉnh thức tự thân, cũng có nghĩa là tự thân mọi người bước những bước chân thánh thiện, bước lên những đồi cao tự tánh, tràn ngập năng lượng từ bi như đại dương mênh mông. Quan tâm đến đồng loại bằng thái độ tỉnh thức, cũng có nghĩa là, trong mọi thể thái đắng cay vô thường của cuộc đời, con người vẫn để cho dòng máu trinh thành của con tim tuôn chảy long lanh, để cho hoa lá cỏ cây cất những khúc ca thương đời mẫn thể, và để cho hồn sỏi bên đường hay cát bụi mịt mù của sa mạc tham sân có cơ hội đóng góp giá trị đích thực trong cuộc sinh tồn.

Giáo lý đạo Phật luôn khuyên con người tỉnh tâm trong mọi trạng huống, lắng đọng trong mọi hoàn cảnh. Dù biết rằng, trong cuộc sống ồn ào biến động bởi những dòng thác vô thường, cuộc đời lắm lúc như một đấu trường rực lửa, rực mùi súng đạn đau thương chết chóc. Nhưng, chỉ cần bình tâm tỉnh trí, cố gắng nỗ lực công phu, quyết tâm dần thân phục vụ, hay ít ra cũng có những phút giây góp lời cầu nguyện chân thành, hy vọng cuộc sống sẽ vơi bớt những thâm trạng sâu bi, thê lương nặng nề. Hơn nữa, bên cạnh những phút giây bi thiết nguyện cầu này, đừng nên nguyên rửa, đừng nên thét gào, đừng nên chỉ trích, đừng nên phán đoán, đừng nên đánh giá những mảng vô minh đen tối, mà hãy tỉnh tâm tìm ra giải pháp tốt nhất, giải pháp dựa trên tinh thần Từ bi-trí tuệ, bất bạo động của đạo Phật, phương pháp xây dựng một xã hội không còn tiếng kêu la rên xiết của con người. Không nên đeo cặp kính màu để đánh giá hay phán xét những giá trị văn hoá, tôn giáo, quốc gia dân tộc của tha nhân:

... **“Chúng ta phải dứt bỏ cái thói quen rập khuôn hóa, tổng quát hóa và các định kiến, và cần trọng không bỏ nhẹ cả một dân tộc, cả một vùng miền, hay cả một tôn giáo chỉ vì tội lỗi của một vài cá nhân.**

Như đạo Phật đã dạy, chúng ta vừa phải ứng xử công bình và khách quan với đồng loại của chúng ta, vừa phải kiềm chế ác tâm, sự hung hãn và ý muốn làm tổn hại người khác. Lòng khoan dung thì cần thiết nhưng vẫn chưa đủ. Chúng ta phải đi xa hơn nữa, phải tỉnh táo nỗ lực tìm hiểu tha nhân và khám phá những điều tích cực nhất trong tín ngưỡng và văn hóa của họ...”
(Thông Điệp Phật Đản LHQ-2004)

Chính thói quen rập khuôn, chính cái nhìn định kiến, biên kiến, đã đưa đẩy một số quốc gia nội chiến, đã đưa đẩy một số dân tộc mất quyền tự do, đã đưa đẩy một số cá nhân trong tôn giáo có thái độ ứng xử vô cùng cực đoan và độc ác. Chính ánh mắt thiếu cởi mở, thiếu lòng tôn trọng và sự hiểu biết tha nhân, đã sản sinh ra thái độ tự cao tự đại, tự tôn tự hào, tâm lý hẹp hòi của ‘tông môn pháp phái’, thái độ nhỏ nhen của ‘phân biệt vùng miền’ và hơn hết, là thái độ không tôn trọng những thành quả, những nhận định, những quan điểm của người khác.

Chính thái độ thiếu khám phá, thiếu bao dung độ lượng, thiếu hiểu biết trong kiến thức văn hóa tôn giáo toàn cầu, đã dẫn đến tình trạng hủy diệt, tiêu hoại nền văn hoá, văn minh nhân loại trong những năm gần đây. Vì vậy, hơn bao giờ hết, để hiểu biết một cách chánh tri, để ứng xử một cách chánh tuệ, và để đa thông mọi bề tất một cách chánh tình tấn trong mọi trạng huống, mọi lãnh vực của đời sống, xin hãy mở đôi mắt tuệ giác trọn vẹn, xin hãy tôn trọng những vóc dáng, nét đẹp của nhau. Xin hãy cất cao tiếng ru thương yêu, triu mến của những bà Mẹ trên trần gian này. Xin hãy dành những ngôn ngữ yêu thương, chứa chan tình cảm chân thiết mặn nồng qua từng cử chỉ, từng ý nghĩ hành động, trong từng làn da sợi tóc, trong từng đôi môi thắm màu hạnh phúc, trong từng phiến đá, hòn sỏi bên đường, trong từng giọt nước nơi biển hồ sông rạch, hay trong từng hơi thở trên tấm thân gầy đang lê bước giữa những cánh đồng khô cằn tình người, trong những giấc mộng thiên thần của tuổi thơ trinh trắng. Xin hãy có mặt, xiết chặt tay nhau để thấy ánh ban mai không bao giờ tắt, để thấy những nấc thang tâm linh cuộc đời luôn là thước đo, là mùa xuân tươi đẹp để vun đắp tình người thiên thu. Xin hãy như những dòng sông yên ả, thanh bình luôn mang phù sa vun đắp cho sự sống loài người và hãy như những đại dương mênh mông, luôn ôm trọn sạch dơ của dòng chảy biến thái vô thường vào lòng mà không chút thờ than phiền muộn. Sống đúng và thực hành được như thế, thì chào mừng ngày Phật Đản mới được đầy ý nghĩa thiết thực nhất:

... **“Khi chào mừng Đại Lễ Vesak năm nay, chúng ta nên nhớ là, dù có nguồn gốc, chủng tộc, văn hoá hay tín ngưỡng nào, chúng ta đều chia sẻ một quê hương chung - một hành tinh trơ trọi nhỏ bé, nơi**

chúng ta sống gần bó với nhau. Chúng ta hãy quyết tâm chung sức làm những việc mang lại lợi ích chung cho một đời sống hài hoà và hoà bình giữa tất cả các dân tộc trên thế giới...” (Thông điệp Phật Đản LHQ-2005)

Hành tinh của chúng ta sẽ trở nên trở trời nhỏ bé, nếu con người không ý thức toàn triệt về sự nguy hại diệt chủng này. Bất cứ ai xuất thân từ những nguồn gốc, chủng tộc văn hoá hay tín ngưỡng nào, đều phải ý thức rằng, chúng ta đang chung sống trên cùng một quê hương, cùng một hành tinh, cùng một xứ sở đáng thương yêu trân quý.

Một đời sống hài hoà và an bình trên hành tinh là ước mơ chung của nhân loại. Đạo Phật hiện hữu nơi cuộc đời cũng có cùng mục đích ước mơ chung đó. Nhìn về quá khứ, đạo Phật đã phác hoạ những ước mơ rất đơn sơ để trở thành hiện thực, đạo Phật đã dâng tặng những đoá hoa đạo đức tâm linh, toả ngát hương thơm cho cuộc đời. Đạo Phật đã cất cao tiếng hát từ 2500 năm trước, và tiếng hát này vẫn còn thì thầm trong tự viện, trong am tranh, trong mỗi động thái của kẻ xuất trần, trong mỗi tâm hồn của người Phật tử trên khắp nẻo đường trần, hay trong những bước chân luân hồi của chúng sanh. Những âm thanh vi diệu nhẹ nhàng này, không phải là những âm thanh tiếng cười, không phải là những âm thanh sợ hãi, không phải là những âm thanh buồn đau ta thán, không phải là những âm thanh tự tôn tự cao, mà là những âm thanh mong manh hy vọng của một tấm lòng tha thiết, thương yêu tha nhân như chính bản thân mình.

Chung sống an lạc và hoà bình khắp vạn nẻo đường trần là thứ âm thanh giao thoa của muôn triệu ngàn âm thanh. Nó đã trở thành bản tình ca muôn thuở bất diệt không phân cách giữa người với người. Nó là lời dẫn dắt năm xưa của giáo tổ Thích Ca khi còn tuý duyên giáo hoá. Nó là một trong muôn ngàn thứ ân tình của cuộc đời để trở thành những âm giai tạo nên những giọng ca êm ái từ hoà và được chuyển hoá trong tất cả ngôn ngữ của trần gian. Thực hành và sống trọn vẹn như thế, con đường thương yêu chân chính sẽ được thiết lập, con đường cảm thông sẽ được bang giao và những nhức nhối thời đại, những tê cóng tâm hồn, những cơn hạn tình người sẽ chấm dứt trên toàn diện. Đây chính là lý tưởng, ước mơ chung của loài người hôm nay và cũng là con đường được đức Thích Ca thiết lập năm xưa:

... “Những lý tưởng mà chúng ta tán dương hôm nay thì gần gũi với lý tưởng của Tổ chức Liên Hợp quốc: Cảm thông giữa các dân tộc, mưu cầu một xã hội hài hoà, và xiển dương hoà bình trên thế giới...” (Thông điệp Phật Đản LHQ-2006)

...“Kỷ niệm ngày Vesak năm nay, xin như đạo Phật, hãy công nhận tính tương thuộc thiết yếu giữa

chúng ta. Và hãy quyết tâm cùng nhau hợp tác làm chung việc thiện và hợp tác cho sự sống chung hài hoà và an bình của mọi dân tộc trên thế giới này...” (Thông điệp Phật Đản LHQ-2006)

Nhịp cầu cảm thông, xã hội hài hoà và xiển dương hoà bình thế giới phải được viết lên bằng tấm lòng quảng đại “thương người như thể thương thân.” Thông điệp Phật Đản năm 2006 như nhắc nhở, như thẳng thắn nói với mọi người rằng, bằng nhịp cầu cảm thông, với xã hội hài hoà văn hoá, cùng nhau chung sức chung lòng thực hiện điều thiện, mới thực sự có được cuộc sống hoà bình thế giới.

Những lúc con người còn nhiều thứ ần núp trong đầu, còn thiết lập nhiều đại bản doanh trong pháo đài nghi kỵ, còn nhiều trang thiết bị cho chiến tranh hận thù, thì những ngôn ngữ này, những Thông điệp giá trị như thế chỉ được nằm vón vện trên những tờ giấy chưa khô mực. Quốc gia còn ngờ vực, xã hội còn đầy đầy bất công, lòng người bị che phủ bởi những lớp bụi của tham sân, vô minh, thì, chiến tranh, chết chóc, bạo tàn vẫn tiếp tục leo thang khắp nơi. Sự hiện hữu của Phật, Thánh, Tiên Hiền đều trở nên vô vọng.

Khi nào con người còn vỗ tay ca ngợi sự tàn phá hủy diệt của nền văn minh khoa học tân kỳ, khi nào con người còn thoải mái lợi dụng những địa vị chức quyền của mình cho vị kỷ, khi nào con người còn thản nhiên nhìn thấy những khổ đau bất hạnh của kẻ khác một cách vô tâm, thì những thước phim lớn của cuộc đời sẽ tiếp tục ghi lại tất cả những hình ảnh xấu xa đó, dẫu người đó là Phật tử hay không là Phật tử:

... “Nhân ngày Vesak, tất cả chúng ta – dù là Phật tử hay không - hãy quyết tâm ứng xử với nhau trong tình thân độ lượng và khách quan. Chúng ta hãy phấn đấu mỗi ngày vì sự tiến bộ của bản thân và của thế giới...” (Thông điệp Phật Đản LHQ-2007)

Khách quan và độ lượng là những tiêu chí để nâng phẩm cách con người và Phật hoá loài người.

Hai chữ khách quan đã một lần hay nhiều lần lánh mặt, để những đắng cay, phũ phàng, những trái ngang nghiệt ngã hiện hành. Hai chữ khách quan biến mất, đã nhiều lần làm cho hồn thiêng dân tộc, vận mạng quốc-tổ điêu linh. Hai chữ khách quan biến mất, đã làm cho tiếng ru thiết tha từ tận đáy tâm hồn của loài người như rã rời, mỏi mệt. Hai chữ khách quan vắng mặt, đã làm cho những dự tính của LHQ có lúc phải đắm chìm giữa đại dương mù mịt. Hai chữ khách quan biến mất, đã làm cho chiến tranh bùng phát, đoạ đầy trải khắp mọi nơi.

Hai chữ độ lượng vắng mặt, đã làm cho những hiểm hoạ của đói nghèo, những lạc hậu trầm trọng ở một số quốc gia chậm tiến ngày càng tồi tệ. Hai chữ độ lượng vắng mặt, đã làm cho tình huynh đệ phân ly, tôn giáo

sống trong nghi kỵ hiểm thù. Hai chữ độ lượng vắng mặt, đã khiến cho mỗi cá nhân tự đánh mất lương tâm lương tri của mình, tự co cụm trong ốc đảo tư kỷ để oán thù chất chồng. Hai chữ độ lượng vắng mặt, đã làm cho nụ cười trên môi bị biến dạng, ánh mắt từ hoà không vương vẩn chút ghen ghét.

Ngược lại, một khi bốn chữ ‘khách quan độ lượng’ hiện hữu trên cuộc đời, con người sẽ nghe rõ tiếng khóc âm thầm trong đêm lạnh giá, sẽ thấy được ánh mắt hồn nhiên trinh bạch của trẻ thơ nói cười hay những hình ảnh run rẩy của con em mình đang thiếu vắng tình thương trầm trọng. Bốn chữ ‘khách quan độ lượng’ có mặt, con người sẽ vĩnh viễn xẻ chia những đón đầu, vui buồn đang trải rộng trên vạn nẻo đường trần. Bốn chữ ‘khách quan độ lượng’ có mặt, con người sẽ mở rộng vòng tay nhân ái để nối kết tình thâm, sẽ biến những ước mơ bé nhỏ thành những hành động hữu ích vĩ đại!

Tóm lại, xuyên suốt từ năm 2002 đến 2007, những bức Thông điệp Phật Đản của LHQ phần nào như sự bày tỏ nỗi băn khoăn khôn tả trước những xáo trộn của xã hội loài người. Để rồi, mọi người đều nhận ra, đều có một đáp số chung là: Ai ai cũng có khả năng giác ngộ thành Phật, khả năng hướng thượng chung làm việc thiện, và mọi người đều có trái tim từ hoà, luôn ước mong sống chung an lạc trong một hành tinh thương yêu đáng kính này.

Hy vọng một ngày gần đây, con người sẽ hiểu ra và ý thức rằng, loài người đang chung sống trên một quê hương, tất cả đều là anh em ruột thịt, đều có dòng nước mắt cùng mặn và dòng máu cùng đỏ, thì ngay giờ phút đó, thế gian này sẽ biến thành cõi cực lạc an bình.

Hơn hết, trên mọi ý nghĩa, mọi kinh nghiệm, mọi hành động, Thông điệp Phật Đản LHQ còn là tiếng lòng trung trực, đang mời gọi mọi thành phần xã hội hãy cùng nhau góp một bàn tay, xây dựng lại xã hội loài người thực sự thanh bình, thịnh vượng. Vì thế, Thông điệp Phật Đản LHQ sẽ phần nào giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp chuyên hoá, sẽ vô cùng cần thiết trong tiến trình ngăn ngừa những việc làm bất thiện. Ngoài ra, Thông điệp Phật Đản LHQ còn như một món quà tâm linh ban tặng khắp hang cùng ngõ hẻm cho cuộc đời.

Thông điệp Phật Đản LHQ, có thể lay động lòng người đang dao động, có thể tỉnh thức con người đang bị đắm chìm trong sắc-tài, danh lợi, uy quyền.

Thời gian 6 năm qua, Thông điệp Phật Đản LHQ hẳn đã ít nhiều đi sâu vào nội tâm của tuổi trẻ thời đại, để hướng dẫn những thành phần này không tiếp tục dần thân vào mê đạo hưởng thụ những thú vui trần gian giả tạm.

Thông điệp Phật Đản LHQ đã từng chạm chày trong những nỗi ám ảnh khôn nguôi của lương thức con

người, và đã dự phần giải quyết mọi ách tắc trong đời sống loài người. Ngoài ra, Thông điệp Phật Đản LHQ sẽ tự định vị giá trị thiêng liêng của mình, để cùng nhau thắp lên ngọn đuốc chánh pháp, phục vụ nhân sinh mà đạo Phật đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện.

Thông điệp Phật Đản ngày nay đang soi sáng lên mọi hoạt động xã hội, đang tự hoà nhập vào dòng chảy cuộc đời như thuở xưa đức giáo tổ Thích Ca thực hiện. Do đó, giá trị đích thực của Thông điệp không những vượt lên trên mọi chiều kích hữu hạn tầm thường, sẽ phần nào chung tay góp sức, tạo nguồn cảm hứng cho những quốc gia đang cai tổ chức hằng năm, mà còn là động cơ thúc đẩy cho các nhà lãnh đạo thế giới ngồi lại để tìm ra giải pháp hữu hiệu thực hiện giáo lý Trí tuệ-Từ bi, là chất xúc tác mạnh mẽ cho những bậc thực nghiệm tâm linh của các tôn giáo có cơ hội trao đổi, tự soi con đường của chính tôn giáo mình.

Hơn nữa, trong nội bộ Phật giáo, Thông điệp Phật Đản LHQ sẽ mở ra một trang sử mới trong tinh thần hoà hợp tương thích, tính bao dung độ lượng, để mọi tông phái của mỗi quốc gia đều có thể ngồi lại với nhau trên tinh thần tôn trọng truyền thống tâm linh, truyền thống tu tập của nhau.

Những thành trì kiến chấp, những lối tư duy hẹp hòi bảo thủ, thiển cận vì tư lợi, những lăng kính màu cho mình là đỉnh cao của trí tuệ sẽ gây đổ vỡ, tàn hại cho xã hội loài người. Những mong ước hy vọng được đắp xây trên tinh thần vị kỷ tư lợi cũng sẽ cháy rụi trên đồng tro tàn thất vọng, để từng đêm, từng ngày, bom đạn đó đây dừng tiếng. Nước mắt khổ đau của nhân loại không còn chảy xuống mảnh đất trần gian này, để ước mơ chung trở thành hiện thực:

... “Trong thời đại bất trắc toàn cầu hôm nay, quan niệm về hòa bình và về tiềm năng cao cả nhất của con người mà Đức Phật đã chỉ ra, bỗng trở nên thích đáng hơn bao giờ hết. Thật vậy, nếu chúng ta muốn có cơ hội để khắc phục những thách đố mà chúng ta đối diện hôm nay – trong các lãnh vực hòa bình và an ninh, phát triển, và bảo vệ môi sinh toàn cầu – thì chúng ta phải thoát lên trên lối tư duy hẹp hòi và thiển cận vì tư lợi, và nâng chúng ta lên một tầm nhìn phổ quát hơn, trong đó phúc lợi của một cộng đồng nhân loại rộng lớn cũng quan trọng như phúc lợi riêng của chính mỗi chúng ta. Mỗi chúng ta cần san sẻ niềm hy vọng về một tương lai bình an, quân bình và bền vững. Hành động của chúng ta hôm nay – dù với tư cách của những cá nhân hay là những thành viên của cộng đồng - phải được hướng dẫn bởi giấc mơ chung đó...” (Thông điệp Phật Đản LHQ-2002)

Chùa Phật Đà, Úc Châu, tháng 04 năm 2008

thơ GIANG MẠC TỬ

LÂU ĐÀI CÒN ĐÂU NỮA!

Mấy mươi năm ngút ngàn như đỉnh núi
Mấy mươi năm chắt ngát tựa trời xanh
Rồi bỗng dưng, bị tuột dốc không phanh
Thua cát đá, đổ ầm, tuôn xuống hố

Mấy mươi năm rèn sắt son bùng tỏa
Mấy mươi năm luyện tâm lực vô nghi
Rồi bỗng dưng, một tiếng nổ đen sì
Vùi xuống bùn, quên sinh lý, nhóp nhúa

Mấy mươi năm thanh cao hơn bức lụa
Mấy mươi năm trong vắt hơn thủy tinh
Rồi bỗng dưng, cơn nghiệt ngã tuyệt tình
Làm vẩn đục, phủ ngập đầu lút cổ

Tim đây nghiêng, cơ chừng như nghệt thờ
Miệng ngậm câm, không thể thốt nên lời
Lòng nát tan, vỡ mảnh mún rã rời
Lửa chưa tắt, nhũn tàn thua tro bụi

Ngục tù không biến đổi
Xiềng xích không lung lay
Quyền thế không thị uy
Hăm kìm không khuất phục

Trượng phu, sắt đá hơn cây tùng cây bách
Quân tử, thanh cao hơn mây trắng trời xanh
Tánh lưu xuất từ chí, khí, tinh anh
Chất ứng xử từ đức, ân, thể, dụng

Mấy mươi năm, bạo tàn còn e úng
Mấy mươi năm, thế chế còn rùng mình
Sự tử trùng, sự tử nhục, lao linh
Hổ nhắm mắt, hùm nằm yên, chết núi

Ánh sáng tắt, vùi đầu trong bóng tối
Hòa châu tàn, đom đóm thấp đêm đen
Gập tan hoang đem đổ hết xuống thềm
Rồi vá đắp, lâu đài còn đâu nữa???

Tháng 02 – 2008

NIỀM ĐAU CÒN ĐÓ

Đau từ sớ thịt đốt xương
Đau vào sâu thẳm đoạn trường tâm can
Đau từ một nỗi mệnh mang
Đau vào tận đáy ruột gan tơ lòng
Đá vàng son sắt cân đong
Một mong trọn nghĩa, mười mong vẹn tình
Cạn tàu ráo máng đoạn đàn
Một thân mấy thể, nát mình mới đau
Xưa nay, cái thế biến dâu
Tang thương cho nát bọt bèo trăm kha
Xưa nay, cái thế phong ba
Nổi cơn thác loạn, ta bà hết kham
Buồn không, có miệng thiết ngậm
Không tù mà ngục biết cam sao đành
Buồn không, phảng gổ long danh
Gỗ đem ném quách, còn đánh pha chì
"Thương nhau, thương cả đường đi
Ghét nhau, ghét cả tông ti họ hàng"
"Thương nhau, nước đục cũng trong
Ghét nhau, nước chảy giữa dòng cũng nhờ"
Bụi mù phủ kín mây mờ
Đêm đen, đom đóm vờ vờ buồn bay
Bỏ hồn, không đáng cũng cay
Biết bao bỉ thử, nổi này tình kia
Cắt mà tâm khảm không chia
Chặt mà khúc ruột không lìa mới đau
Hư vô mờ mịt tình sầu
Đêm đêm chớp mắt canh thâu chưa tàn
Nâu chì sắc xám bao quanh
Nhựa cây rỉ máu, treo cành tàn khô
"Miệng thì hai chữ Nam Mô
Tâm thì chứa một bồ dao găm"
Ra tay, nhắm mắt, chặt bằm
Độc quyền, độc đoán, dữ dằn đa ngôn
Bao thâu, hổ lớn, độc tôn
Vô nhân mục hạ, rợn hồn ai hay
Đau từ da thịt chân tay
Đau vào châu thể đọa đầy tâm can
Đau từ suy tưởng lan man
Đau vào tận đáy ruột gan tự tình
Niềm đau còn đó, lao linh!!!

Tháng 3 – 2008

CHỤP CÁI MŨ LỆCH

Khi vừa mới sinh ra
Mẹ đã đội cái mũ lên đầu
Dù trời nóng hay trời lạnh
Dù ban ngày hay ban đêm
Để dự phòng sương sa gió táp
Và cũng để che cái mỏ ác
Của tuổi thơ vừa chớp mắt vào đời.

Khi lớn lên, dù đi đâu mọi lúc mọi nơi
Thường thủ sẵn cái mũ bên mình
Có khi nó xếp lếp, có khi nó chênh vênh
Dù nó méo mó tới đâu
Vẫn chụp vội lên đầu mỗi khi mưa nắng
Thủ thủ nhưng nhiều khi quên bẵng
Thời tiết thất thường, biết lấy gì mà chụp mà che.

Khi còn nhỏ Mẹ dặn rồi, nghe thì có nghe
Mà đâu phải lúc nào cũng nhớ
Mấy chục năm dài, đi đây đi đó
Mấy chục năm trường, thời thế can qua
Khi phong trần, khi nghiệt ngã, khi trầm kha
Nhớ đã chụp lên, gỡ xuống, biết bao nhiêu cái mũ
Thật là hay, tranh tối tranh sáng,
đảo điên nghiêng ngửa
Không đội mà vẫn bị chụp như thường

Người đời thật rộng lượng, nghĩ tình thương
Họ chụp vội chụp vàng, dù cho méo xẹp
Cái mũ lệch nghiêng nghiêng, gãy vành, xếp chéo
Phủ lên đầu lên cổ xuống chân
Phủ đến cả đường đi lối ngõ tương lân
Không cần nắng mưa, ngày đêm, sáng tối
Thế gian, nhiều con người thiệt giỏi
Có lẽ, họ dư thời giờ, dư điều kiện,

trọng đức hiếu sinh
Họ giàu từ tâm độ lượng quang minh
Dù mắt nhắm mắt mở,
vẫn sẵn sàng chụp đầu thiên hạ

Xin cảm ơn thật nhiều nghe Má
Đâu cần chi kẻ kẻ cho khổ
Đâu cần thủ sẵn bên mình, khỏi tốn tiền mua
Cái mũ nghiêng, mũ lệch, mũ kéo, mũ lừa
Khi bị chụp rồi, cả một lần sóng a dua
Cái mũ đó được diễn tả, phơi bày đủ màu đủ sắc
Nào chữ, nào nghĩa, vô cùng kỳ quặc
Nào ngôn, nào từ, chật ních đến mang tai
Có bịt, có che, nó vẫn đâm thủng dài dài
Mũ rộng, mũ hẹp, mũ lỗ, mũ quai
Nằm ỏ, nằm vùng, nằm hang, nằm hốc

Nếu vò vò trên đầu, còn năm ba cọng tóc
Cọng tóc mà biết thờ, cũng thờ hết ra hơi
Khi chụp kín mít, khi chụp khơi khơi
Nhiều người đã rũ mục đày mò, còn bị chụp
Nước đổ về đâu, bến trong bến đục
Non đổ về đâu, mé núi ven rừng
Biển rộng, sông sâu, sóng vỗ chập chùng
Lối dọc, đường ngang, gặp ghềnh sỏi đá
Xin cảm ơn thật nhiều nghe Má
Cái mũ được đội đầu đời
Và cái mũ lệch trần gian.

Tháng 3, 2008

CUỘC HÍ TRƯỜNG NHÂN THẾ

Thế gian thường thích, gieo bụi ngược gió
Nhân gian thường ưa, ngậm máu phun người
Hèn chi khó tin nhau, ngại nói, ngại cười
Vì gai góc ngập tràn đường đi lối bước

Thế gian thường thích, đầu môi chót lưỡi
Nhân gian thường ưa, đua nịnh đả bôi
Hèn chi dè dặt nhau, thế đứng, chỗ ngồi
Vì tác tạo đầy đầy hầm chông, chảo lửa

Thế gian thường thích, nói chuyện người khác
Nhân gian thường ưa, tọc mạch chua ngoa
Hèn chi thủ thế nhau, lành gằn dữ xa
Vì cát bụi mịt mù, tai bay vạ gió

Thế gian thường thích, chuyện không nói có
Nhân gian thường ưa, chuyện có nói không
Khi ghét nhau thì bới vết tìm lông
Khi thương nhau thì bao che phủ lấp

Thế gian thường thích, thơm đường ngọt mật
Nhân gian thường ưa, trét phấn bôi son
Khi thương nhau, trái ấu cũng tròn
Khi ghét nhau, thì trái bò hòn cũng méo

Chân run run dọ dẫm cầu tre lắt léo
Tay quơ quơ lần mò cầu ván long đình
Nếu có ai biết con người thật của mình
Thì cuộc đời sẽ nhũn tàn tro bụi

Núp ảo ảnh xây hư danh đỉnh núi
Đeo màn hình thưa che mắt thánh vọng cầu
Thì tránh sao mặt chai, mây đá, đầu mâu
Cùng phô lộng cuộc hí trường nhân thế.

Tháng 3, 2008

“LÀM VIỆC HẾT LÒNG LÀ NGƯỜI TRỌN ĐẠO!”

Thích Tâm Hạnh

Đó là lời dạy của Ôn Linh Mục (HT Thích Đôn Hậu) mà thầy của chúng tôi lấy làm phương châm và dẫn dắt chúng tôi từ những ngày chập chững học Đạo ở chốn Thiên môn. Hơn hai thập niên học Phật, tôi không những chưa hề thấy lời dạy ấy là giáo lý dành riêng cho hàng sơ cơ, mà còn nhận ra nó là lời dạy từ kinh nghiệm tâm linh, là hành trang thiết yếu cho tiến trình giác ngộ và giải thoát. Với vai trò như thế, lời dạy ấy có thể được xem là kết tinh của giáo lý đạo Phật, là cam lồ cho mọi cõi lòng. Tôi xin trình bày một vài quan điểm truyền thống và ứng dụng của lời dạy mà tưởng chừng như mặc nhưng thật thâm sâu và thiết thực đối với đời sống tu tập của người đệ tử Phật xuất gia lẫn tại gia này.

“Làm việc hết lòng là người trọn Đạo” là câu nói rất *Việt nam*, mang một ý nghĩa trọn vẹn và hoàn hảo mà ai cũng có thể hiểu và ứng dụng được. Nó có thể được bao gồm trong những khái niệm quan trọng như ‘Bồ-đề tâm’, ‘Chánh kiến’, ‘Ngọn đèn lòng’, ‘Tự làm hòn đảo cho chính mình’, v.v... Nhưng người ta có thể hỏi ‘Bồ-đề tâm là gì?’ ‘Chánh kiến là gì?’ v.v... mà chẳng ai hỏi ‘Làm việc hết lòng là người trọn Đạo là gì?’, trừ phi họ muốn tìm hiểu sâu hơn về lời dạy này.

‘Lòng’ là từ thuần Việt tương đương chữ ‘tâm’ (Hán-Việt) nhưng nó không ôm lấy nhiều ý nghĩa trừu tượng và triết học như chữ ‘tâm’ trong kinh điển Phật giáo. Đơn giản, chữ ‘lòng’ hàm nghĩa khát vọng của con tim. ‘Làm việc hết lòng’ là trải hết lòng mình ra, không vì mình mà chỉ vì công việc mình làm. ‘Hết lòng’ hiển thị một tinh thần vô ngã theo đúng giáo lý truyền thống của Phật giáo. Những ý tưởng về ‘tôi’, ‘của tôi’, ‘tự ngã của tôi’ tuyệt nhiên không có chân đứng trong khi *hết lòng* vì một công việc gì. Những ý tưởng này luôn luôn tỷ lệ nghịch với ‘hết lòng’. Do đó, hết lòng được gọi là ‘trọn đạo’ vì nó là vô ngã.

Hai chữ ‘hết lòng’ mang nội dung Bồ-đề tâm nhưng chứa đựng một ý nghĩa gần gũi với tâm tư người Phật tử ngay trong lối sống thường nhật ở đời này. Nó có thể được gọi là *hết lòng* khi giúp đỡ người khác, là *chuyên chú* khi làm việc, là *nhứt tâm* khi tu tập, là *tôn kính* khi

cúng dường, là *từ ái* khi bố thí, v.v... Nói chung, tác dụng của nó là giúp ta ý thức chu đáo và tập trung hoàn toàn vào hành động mình đang làm. Tuy nhiên, những người duy lý có thể phản bác quan điểm ấy với kiến giải rằng làm việc mà chỉ bằng tấm lòng không thôi thì không đủ vì thiếu lý trí sẽ dẫn đến làm sai. Quan điểm ấy chỉ đúng trên các hiện tượng thực dụng và tổ chức xã hội, nhưng không thể đúng trên bình diện tâm người mà đạo Phật đặc biệt nhắm tới. Những người như thế ắt đã mắc phải sai lầm vì họ thiếu tính nhân bản, đã đòi hỏi quá khả năng căn cơ mà người khác có thể có. Họ không thấy rằng khi một người đã hết lòng làm việc gì thì có nghĩa người ấy dốc hết tất cả khả năng và tâm tư của mình, như trí tuệ, công sức và tiền của, để làm công việc đó! Trong Phật giáo, người hết lòng như vậy luôn luôn được người trí tán thán, bất kể kết quả việc làm đó như thế nào.

Đối với phần lớn Phật tử, giáo lý Phật giáo quá nhiều nên việc hiểu để tu hành đúng pháp là một vấn đề khó khăn. “Pháp là gì?” hay “Đạo—con đường giải thoát—là gì?” có lẽ là những câu hỏi thường được đặt ra trong giới Phật tử. Thật ra, Pháp của đức Phật chỉ tùy theo tâm của chúng sanh mà diễn thuyết. Giáo pháp của Ngài đa dạng là vì tâm tư của chúng sanh quá đa dạng. Cũng trên tinh thần ấy nhưng hợp với mọi căn cơ, lời dạy ‘làm việc hết lòng’ rơi thẳng vào tâm tư của mỗi chúng ta. Nó mang nội dung đơn giản dễ hiểu, giúp chúng ta tự nhận ra pháp môn tu tập ngay trong các sinh hoạt của mình.

Bất kể là hàng sơ tâm hay thượng trí, làm việc hết lòng luôn luôn là cần thiết vì nó mang ý nghĩa ‘hộ trì tâm’ và ‘chánh niệm tỉnh giác’. (Còn làm việc không hết lòng thì gọi là phóng dật.) Đức Phật cũng được biết là bậc đã làm việc hết lòng khi thuyết giảng Chánh pháp. Trong *Kinh Tăng Chi* (A. iii, 121), Ngài nói: “Nếu Như Lai thuyết pháp cho các vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, cho hàng nam cư sĩ, nữ cư sĩ, cho các hàng phàm phu, các người bắt chim hay ăn xin, Như Lai thuyết pháp hết sức cẩn thận chu đáo, không phải không cẩn thận chu đáo.” Và Ngài nói thêm rằng Ngài làm vậy vì Ngài là bậc tôn

trọng Pháp, là bậc tôn kính Pháp. Như vậy, người đệ tử Phật có thể hiểu ‘làm việc hết lòng’ là tôn trọng Pháp và cũng là trọn Đạo.

‘Trọn Đạo’ ý nói không cần phải làm gì khác nữa. Nó khích lệ người Phật tử chủ động và chuyên chú hoàn toàn vào công việc của mình. Điều duy nhất cần quan tâm ở đây là hãy xem mình đã làm việc hết lòng chưa. Chẳng hạn, *Kinh Trường Bộ* (D. ii, 357) hướng dẫn cách thức bố thí thế này: “Hãy bố thí một cách hoàn bị, hãy bố thí với tự tay mình làm, hãy bố thí một cách có suy tư, hãy bố thí với đồ không phế thải.” Như vậy, thái độ bố thí được xem là quan trọng hơn vật thí. Đức Phật trong *Kinh Bốn Sanh* (*Jātaka*, số 346) nói: “Thức ăn tốt nhất là thức ăn được cho với tình yêu thương.” Cũng vậy, để sống đúng, người Phật tử khi làm gì cũng cần phải chú ý đến thái độ của mình. Ví dụ, chúng ta hằng ngày làm việc trong công sở là vì yêu thích công việc hay là vì đồng lương để cứ trông chờ ngày giờ qua mau? Hoặc khi chăm sóc một người bệnh, chúng ta có hết lòng chăm sóc với ước mong người ấy được bớt bệnh khổ mà bắt kẻ người đó đã từng không tốt với mình, hay vì người đó không phải là Phật tử? Hoặc khi làm công tác từ thiện, chúng ta làm với lòng từ bi và đồng cảm để xoa dịu những nỗi khổ đau của người khác hay là vì những lý do nào khác như danh lợi? Thái độ thật sự tác động rất lớn đến hiệu quả của công việc. Và theo Phật giáo, nó là yếu tố chính xác định một người là hạnh phúc hay khổ đau ở đời mà không phải là vấn đề giàu hay nghèo, giỏi hay dốt. Ở đây, làm việc hết lòng là một thái độ tích cực trọn vẹn đối với công việc nên nó được xem là trọn đạo vậy!

Thái độ thật ra chính là tâm, là trạng thái tâm lý. Với tâm như thế nào, người ta sẽ có thái độ như thế ấy và thường biểu hiện ra ngoài qua lời nói và việc làm. Mỗi liên hệ giữa tâm, lời nói và việc làm là ba yếu tố quan trọng trong giáo lý đạo Phật mà chúng ta quen gọi là ba nghiệp (thân, khẩu, ý). Tuy nhiên, tâm là động cơ chính dẫn đến các hành vi của lời nói và việc làm. Hành vi tốt hay xấu thế nào, thiện hay ác ra sao đều dựa trên mức độ thiện hay ác của tâm để xác định. Hai bài kệ đầu tiên của *Kinh Pháp Cú* nói tâm là chủ nhân của mọi nghiệp thiện, ác. Hoặc chúng ta thường nghe: “Ngoài tâm không có Phật!” Và nhiều học giả Phật giáo cho rằng “Điểm xuất phát của đạo Phật là tâm người” (The starting point of Buddhism is the human heart). Đó là những chứng cứ xác định lập trường của Phật giáo lấy tâm làm gốc.

Do đó, Phật giáo chỉ dựa vào tâm để đánh giá một người là đúng hay sai, thiện hay ác, tốt hay xấu. Người Phật tử không thể hời hợt nhìn vào sự thiệt hại vật chất do người nào đó gây ra mà không xem xét cái tâm như thế nào mà người ấy đã đặt vào đó. Chẳng hạn, chúng ta

không thể nguyên rủa một người vì vô tâm hay sơ ý làm vỡ cái bình trà, thậm chí những món đồ quý giá hơn, mà ở đây chỉ nên khuyên người ấy cố gắng cẩn thận mà thôi. Một Phật tử dễ dàng ứng xử như thế nếu vị ấy nhận thấy rằng mọi sự vật ở đời đều là vô thường, giả hợp, do duyên sinh và có tánh hoại diệt. Câu tục ngữ mà hầu hết người Việt Nam thuộc nằm lòng là “Người đời, của tạm!” chứa đầy ý nghĩa sống của Phật giáo như thế. Đánh mất đi tình người chỉ vì các thứ vật chất thì thật là điều đáng tiếc! Trong khi đó, sự thiệt hại vật chất do vô tâm gây ra (*vô ký nghiệp*) chỉ được xem là do thất niệm hay thiếu chánh niệm tỉnh giác mà không phải là do ác nghiệp, tức không cố ý làm sai, làm ác. Ai với tâm cố ý làm sai, làm ác thì người đó mới là kẻ bất trị và được liệt vào hàng ác đạo vì không có thuốc chữa bằng thiện pháp; còn người tạo nghiệp do thất niệm thì không phải như vậy! Để khắc phục thất niệm, người Phật tử chỉ cần thường xuyên chuyên chú vào hành động thân, khẩu, ý của mình và huấn luyện tâm bằng chánh niệm tỉnh giác. Trong trường hợp này, ‘làm việc hết lòng’ là lời dạy không chỉ đặt ra ngoài tâm xấu ác mà còn hàm ý khuyên chánh niệm tỉnh giác nữa.

Ý thức mình cần phải làm gì cho phải lẽ và đúng pháp là điều tối quan trọng mà không thể để cho các thứ tình cảm hay dư luận xung quanh tác động. Đây là định hướng đúng đắn đối với bốn phần của mình. Trong thực tế, chúng ta dường như thường bỏ lỡ nhiều cơ hội tốt cho công việc chung và làm đổ vỡ tình người vì những lý do ngoại lai như thiên kiến cá nhân hay các quan niệm và dư luận xã hội. Càng bị phan duyên bên ngoài, chúng ta càng khó ý thức được những gì cần phải làm. Thấy như vậy là chánh kiến trong Phật giáo và chánh niệm tỉnh giác là công cụ tốt nhất cho sự thực hành!

Hết lòng không phải chỉ bằng lòng tin mà đúng ra là bằng lý trí đối với việc mình đang làm, như xem nó đã tốt chưa, có gì sơ suất không, v.v... Học hỏi từ những người có kinh nghiệm cũng là giới vực của hết lòng. Người đã hết lòng thì không thể nhận lãnh công việc trái với lòng mình, chẳng hạn những công việc tự biết là ngoài khả năng của mình hoặc phi đạo đức. Đây là vấn đề trách nhiệm không thể thiếu trong các tổ chức xã hội. **Việc sắp đặt đúng người đúng việc do đó cũng là vấn đề hết sức quan trọng và là trọng trách của người lãnh đạo. Vai trò người lãnh đạo như thế đòi hỏi có cả tài lẫn đức mà ở đây chúng ta có thể gọi là người lãnh đạo *trọn đạo*, vì họ có khả năng làm tròn sứ mệnh lãnh đạo và luôn luôn đặt trách nhiệm cao hơn mọi tư lợi cá nhân. Và người lãnh đạo như thế sẵn sàng sửa sai và có thể từ chức nếu tự thấy mình không còn khả năng lãnh đạo được nữa.** Nhật Bản là một đất nước có nhiều tấm gương như thế. Theo tôi, đây

là yếu tố chính khiến đất nước này trở thành một cường quốc mà thế giới phải khâm phục. Nói chung, nếu trong một tổ chức, càng nhiều người ý thức làm việc hết lòng thì tổ chức ấy càng tự điều tiết tốt đẹp và trở thành hưng thịnh.

Trong cuộc sống, đời cũng như đạo, làm việc hết lòng như thế là nền tảng của mọi sự thăng hoa đúng pháp. Người làm việc hết lòng có lối sống tự tin vì không có hối tiếc với lòng mình và đối với công việc thì hoàn tất một cách có ý thức. Người làm việc hết lòng thường được nhiều người mến thương và tin tưởng để giao phó công việc. Người làm việc hết lòng thường đón nhận nhiều niềm vui nhờ đã làm lợi lạc nhiều cho cộng đồng và xã hội. Người làm việc hết lòng dễ dàng được sự thông cảm từ người khác nếu làm sai (cũng như pháp luật các quốc gia đều ứng xử trên nguyên lý đạo đức này). Người làm việc hết lòng thường sống tận tụy với bổn phận của mình nên tâm tư đạt được nhiều nội trú và an lạc. Tùy theo mức độ hết lòng mà mỗi người có được sự thăng hoa khác nhau. Trên bản chất, tham ái và chấp thủ –những tâm lý chấp ngã– là cội nguồn làm chướng ngại cho sự hết lòng, vì khi còn nghĩ đến mình (cái ‘ngã’) người ta khó đạt được sự hết lòng trọn vẹn. Và ngược lại, làm việc hết lòng là để quên mình; và càng quên mình thì càng nhẹ cái ‘tôi’ của tham ái và chấp thủ.

Nguyên lý ‘đẹp đời – trọn đạo’ không hai là vậy!

Hầu hết giáo lý Phật giáo đều nhằm gạt tẩy lòng trần: tham, sân, chấp ngã. Cũng vậy, làm việc hết lòng là nỗ lực không chỉ vì mục đích công việc mà quan trọng hơn, là một tiến trình khai sáng tuệ giác từ chính khả năng của mỗi người. Hiểu lòng mình và cất bước chân từ năng lực của chính mình là những bước đi vững chãi đúng với con đường giải thoát mà đức Phật dẫn dắt.

Kinh Niết Bàn nói: “Người có lòng sẽ đạt được Vô thượng Bồ-đề.” Hành trang giải thoát như thế nằm sẵn trong mỗi chúng ta và dường như đang hiển thị đầu đây và âm thầm đầu đó trong cõi lòng người con Phật có chánh tín!

[1] *Kinh điển Nguyên thủy cho chúng ta thấy rằng đức Phật là một nhà hùng biện vô song đối với hàng ngoại đạo nhưng Ngài lại là một bậc Đạo sư đầy từ mẫn đối với các chúng đệ tử của Ngài. Nói cách khác, đối với những ai chưa tin, Ngài làm cho tin; còn đối với những ai đã tin, Ngài mở ra con đường thực hành cho sự giác ngộ và giải thoát. Như vậy, Ngài không thể sử dụng cùng một bài pháp cho những thính chúng khác nhau được!*

[2] *Taisho 12, 524c8-9: Phạm hữu tâm giả định đương đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.*

Ngậm Ngùi Với Huế

ĐAN HÀ

*Cuối Thu cho đến Đông qua
Trời làm bão lụt quê nhà đảo điên
Quảng bình, Quảng trị, Thừa thiên
Quảng nam, Quảng ngãi, Phú yên, Tuy hoà
nặng nhất xứ Huế vừa qua
nước dâng lên ngập chốn nào dung thân
nhà trôi người chết thêm dần
tiếng than lên đến chín tầng cao xanh
trời làm chi đến đoạn đành
Mậu Thân Sáu Tám chưa lành vết thương
đến nay lại gặp tai ương
tai trời ách nước tang thương đủ điều
đâu quê hương đẹp mỹ miều
còn đâu nắng sớm chuông chiều nhẹ buông*

*còn đâu êm ả dòng Hương
soi hồn lên biếc bên vườn cây xanh
che đời hôm sớm mái tranh
ngàn năm ôm ấp dân lành ngày đêm
hồn thiêng sông núi quận rên
làm sao máu chảy ruột mềm không đau
sức người có hạn làm sao
thân gầy tay yếu chống chèo phong ba
tin truyền lan khắp gần xa
nước trôi cuốn những thầy ma chết chìm
bé thơ chưa biết tội tình
leo lên trên nóc đứng nhìn nước dâng
Huế trôi tiếng khóc theo dân
đau lòng Huế biết bao lần tang thương!*

LÂM TỖ NI – KHU VƯỜN TỬ LỆ

Lê Bích Sơn

Mỗi năm khi mùa hè sắp đến, nhân gian lại rộn rã, hân hoan chào đón ngày Phật Đản, ngày ấy người ta không thể nào không nhắc đến chữ “Lumbinī” hay “Lâm Tỳ Ni”. Vậy Lâm Tỳ Ni là gì?

Lâm Tỳ Ni là cách đọc theo âm Hán Việt, nguyên thủy từ tiếng Sanskrit là “Lumbinī” (लुम्बिनी) có nghĩa là xinh xắn, tử lệ, mỹ miều, yêu kiều, v.v... Trong các sách Hán văn “Lumbinī” còn được phiên âm theo nhiều cách như: 林微尼, 林毘尼, 嵐毘尼, 龍彌你, 流彌你, 臘伐尼, 論民, 林毘, 嵐鞞尼, 留毘尼, 流毘尼, 林毘你, 樓毘尼, 流彌尼, 論民尼, 藍耷尼, v.v... Và Lâm Tỳ Ni đã thực sự trở thành khu vườn không thể lãng quên trong lịch sử và văn chương Phật giáo. Bởi vì Lâm Tỳ Ni chính là nơi thị hiện giáng trần của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, một trong bốn thánh địa quan trọng nhất đối với Phật giáo đồ trên khắp hành tinh này.



Trụ đá Asoka tại Lâm Tỳ Ni

Theo hầu hết các sử liệu Phật giáo ghi chép rằng: vào ngày trăng tròn tháng Vesak năm 623 trước Tây lịch, Hoàng hậu Mahāmāyā hạ sanh Thái tử Siddhārtha Gautama trong khu vườn mang tên Lâm Tỳ Ni trên đường về lại quê nhà để sinh con đầu lòng theo tục lệ thời bấy giờ. Lâm Tỳ Ni thời Phật còn tại thế không phải

là một “ngự hoa viên của dòng họ Sākya” như nhiều bài viết vẫn thường gọi, mà nó chỉ là một công viên bên đường nằm giữa hai kinh đô Kapilavastu và Devadaha (Devadarśita). Xác nhận sự kiện Đức Phật ra đời tại Lâm Tỳ Ni với tên gọi “Lumbineyya Janapada” được tìm thấy trong “Sutta Nipāta” (Kinh Tập) thuộc “Khuddaka Nikāya” (Tiểu Bộ Kinh). Và cũng tại Lâm Tỳ Ni với một tên gọi khác là “Lumbinīvana” trong thời gian hoằng hoá tại thành Devadaha, Đức Phật đã thuyết giảng bài kinh “Devadaha Sutta” được tìm thấy trong “Majjhima Nikāya” (Trung Bộ Kinh) thuộc hệ thống Kinh tạng Thượng Toạ Bộ, v.v...

Sau khi Đức Phật nhập diệt, Hoàng đế Asoka (sinh: 304, tử: 232 trước Tây lịch) của triều đại Maurya (từ năm 304 đến năm 232 trước Tây lịch) đã đến chiêm bái Lâm Tỳ Ni và để lại sắc dụ khắc trên một trụ đá cao 6.5 mét bằng ngữ hệ Prakrit với nội dung: “Hai mươi năm sau khi lên ngôi, Thiên ái Thiên tử - Quốc vương Piyadasi - đã đến đây chiêm bái. Bởi vì chính nơi đây, Đức Phật - bậc Thánh giả của dòng họ Thích Ca – đã giáng trần. Quốc vương ban lệnh khắc một pho tượng bằng đá và dựng thạch trụ này ghi dấu nơi Đức Phật đản sanh. Dân làng Lâm Tỳ Ni được miễn thuế và dân chúng trong vùng này chỉ đóng một phần tám lợi tức hoa màu”. (Twenty years after his coronation, Beloved-of-the-Gods, King Piyadasi, visited this place and worshipped because here the Buddha, the sage of the Sākya, was born. He had a stone figure and a pillar set up and because the Lord was born here, villagers of Lumbinī was exempted from tax and required to pay only one eighth of the produce). Theo H. W. Schumann - một học giả người Đức - trong cuốn “The Historical Buddha” (Đức Phật Lịch Sử) thì chuyến chiêm bái này được Hoàng đế Asoka thực hiện vào năm 245 trước Tây lịch.

Những thế kỷ sau đó, Lâm Tỳ Ni thực sự trở thành niềm ao ước và điểm đến của những hành giả và học giả Phật giáo. Hai vị danh Tăng Trung Hoa – Pháp Hiển (sinh 337, tử 422) và Huyền Trang (sinh 602, tử 664) – ít nhiều đã ghi lại những dấu tích về Lâm Tỳ Ni trong các tác phẩm để đời của các Ngài sau những lần chiêm bái quê hương Đức Phật. Và cũng nhờ vào các bộ “ký sự”

của hai vị danh Tăng Trung Hoa này, vào năm 1896 nhà khảo cổ người Nepal đã khai quật và phát hiện “sắc dụ Asoka” (trụ đá A-Dục) trên vùng đất có tên “Rummindei” sau gần mười thế kỷ Lâm Tỳ Ni hoang phế, điêu tàn và rơi vào quên lãng, kể từ ngày các thánh địa Phật giáo bị tàn phá, khủng bố dưới bàn tay những kẻ cuồng tín dị biệt niềm tin.

Năm 1997, UNESCO (Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hiệp quốc) chính thức liệt kê Lâm Tỳ Ni trở thành di sản văn hoá thế giới, tiếp tục khai quật, trùng tu và tôn tạo Lâm Tỳ Ni ngày một xinh xắn, tú lệ theo đúng như tên gọi ban đầu của khu thánh địa Phật giáo này.

Ngày nay, Lâm Tỳ Ni nằm dưới chân dãy Himalaya, cách cổ thành Ca-Tỳ-La-Vệ (Kapilavastu) 25 km về hướng Đông. Lâm Tỳ Ni tọa lạc tại quận Rupandehi, khu vực Lumbini thuộc Vương quốc Nepal; nằm cách biên giới Sonauli của Ấn Độ khoảng 36 km. Một quần thể các công trình văn hoá Phật giáo, chùa chiền, tu viện các nước Phật giáo gồm Đại Thừa Phật Giáo, Nguyên Thủy Phật Giáo và Kim Cang Thừa Phật Giáo được kiến lập có quy hoạch trên vùng thánh địa này. Góp phần vào những công trình văn hóa ấy, Phật giáo Việt Nam hãnh diện được góp sức mình trong công cuộc phục hưng, tôn tạo khu thánh địa này với sự hiện

diện của hai ngôi chùa Việt có tên: Việt Nam Phật Quốc Tự và Linh Sơn Tự.

Lâm Tỳ Ni xinh xắn, Lâm Tỳ Ni tú lệ hôm nay đang mỉm cười chào đón những người con Phật thành tâm từ khắp nơi trên quả địa cầu này!

Georgia – Hoa Kỳ, mùa Phật Đản 2632



Những dòng chữ khắc trên trụ đá Asoka

Thơ **NGUYỄN THUẬN**

Khi Mặt Trời Ngủ Yên

*Khi mặt trời đang ngủ yên
Em đã thức dậy cho một ngày trước mặt
vạch những chiếc lá tìm sâu bọ cho sự sinh tồn thế
xác
Một con sâu đang tìm đường lẩn trốn
Em ngơ ngác và lòng từ bi trôi giạt
Vỗ cánh bay
Bay về nơi nào đó
Em ơi! Hãy hót lên
Những tiếng ca chân tình
Những tiếng ca mà em sẵn có trong tim
Hót đi em,
Để cho cuộc đời này có những âm thanh từ bi trong
tuyệt vọng*

*Hót đi em,
Để loài côn trùng kia vẫn biết cũng có những tám
lòng Đại Bi
Hót đi em,
Để âm thanh Em quyện vào cõi Ta Bà như một hồi
chuông tỉnh thức
Xóa đi Bao hận thù, cố chấp, thị phi, tham vọng*

*Hót nữa đi Em
Để con người đến với nhau bằng sự cảm thông phá
chấp
Hót nữa đi Em
Để cho chính Ta nghe lại cuộc đời bằng những
phiên muộn đã qua.*

(Tặng Diệu Âm , tháng 3 năm 2008)

LÀM THẾ NÀO ĐỂ GIÁC NGỘ

Tỳ khuru Bodhi

Bình Anson lược dịch

Danh từ “phật-đà” (buddha) đã được biết và sử dụng trước khi Đức Phật lịch sử xuất hiện tại Ấn Độ. Danh từ này có nghĩa là “giác ngộ”, và các đạo sĩ thời đó thường bàn luận về câu hỏi “Thế nào là một vị Phật? Ai là người giác ngộ?” Một lần nọ, có một vị đạo sĩ già, tên Brahmayu, nghe tin có ngài ẩn sĩ Cồ-đàm, người ta tin rằng là một vị Phật, vừa du hành đến thị trấn của ông ta, nên ông quyết định đến thăm Ngài (Trung bộ, kinh 91). Khi đạo sĩ Brahmayu đến nơi Đức Phật ngự, Ngài đang thuyết giảng cho hội chúng cư dân vùng đó. Hội chúng ấy thấy đạo sĩ Brahmayu từ xa đi đến, liền nhường chỗ cho ông vì ông được nhiều người biết đến và có danh tiếng. Biết ông là một vị bà-la-môn đáng kính, bậc thầy có nhiều đệ tử, Đức Phật mời ông đến trước hội chúng và ngồi cạnh Ngài.

Rồi vị bà-la-môn Brahmayu nói: “Kính thưa Ngài Cồ-đàm, tôi có vài thắc mắc muốn hỏi Ngài.” Đức Phật mời ông nêu ra những thắc mắc trong lòng, và đạo sĩ nêu ra các câu hỏi qua một bài kệ bốn câu, đại ý chính là: “Làm thế nào để được gọi là Phật, một bậc Giác Ngộ?” Đức Phật trả lời qua bốn câu kệ như sau:

“Những gì cần biết rõ, Ta đã biết rõ;

Những gì cần từ bỏ, Ta đã từ bỏ;

Những gì cần tu tập, Ta đã tu tập;

Do vậy, này bà-la-môn, Ta là Phật”

Câu trả lời ngắn gọn này giúp chúng ta biết về ba đặc tính của một bậc Giác Ngộ. Đây không chỉ là ba đặc tính của một vị Phật, mà cũng là ba mục tiêu chúng ta phải hướng đến khi thực hành những lời Phật dạy. Nếu người nào đó hỏi: “Bạn quy y Tam Bảo chính yếu là để làm gì? Bạn giữ giới để làm gì? Bạn hành thiền để làm gì?” v.v., câu trả lời của chúng ta phải bao gồm ba điểm tương tự: ***“Để biết rõ những gì cần biết rõ; để từ bỏ những gì cần từ bỏ; và để tu tập những gì cần tu tập.”*** Đây là những mục tiêu của đạo Phật, và hoàn tất ba mục tiêu này đánh dấu sự kiện chứng đắc đạo quả giác ngộ.

Nếu chúng ta quen thuộc với bài kinh đầu tiên, kinh Chuyển Pháp Luân, ta sẽ nhận ra ngay lập tức ba công việc trên có liên hệ đến ba trong Bốn Sự Thật Cao

Diệu (Tứ Diệu Đế). Sự thật đầu tiên là về khổ, Khổ Đế. Chúng ta cần phải làm gì đối với sự thật này? Khổ cần phải biết, biết rõ ràng và rốt ráo, thông hiểu tường tận. Đối với sự thật thứ hai, sự thật về nguyên nhân của khổ, Tập Đế, là do lòng tham thủ, và lòng tham thủ này cần phải từ bỏ, hay đoạn tận. Sự thật thứ tư, Đạo Đế, là về Bát Chánh Đạo, là con đường cần phải được tu tập. Còn một sự thật không thấy đề cập trong bốn câu kệ nêu trên, là sự thật về sự tàn diệt của khổ, Diệt Đế. Trong kinh Chuyển Pháp Luân, chúng ta biết rằng sự thật này cần phải được “thực chứng”. Tuy nhiên, khi ba công việc kia được hoàn tất, nghĩa là hiểu rõ, từ bỏ và tu tập, việc thực chứng sự thật về khổ diệt đương nhiên sẽ theo sau.

*

1) Công việc đầu tiên cần phải làm là ***“hiểu rõ những gì cần hiểu rõ”***. Điều đó có nghĩa là gì? Những gì ta phải biết rõ, phải thông hiểu tường tận, là những gì gần gũi với ta nhất, những gì ta thường gọi là bản ngã, cái tôi. Chúng ta thường quy chiếu cái thân và tâm phức tạp này như là cái tôi. Phần đông chúng ta, từ khi mới chào đời cho đến lúc chết, tâm ta thường hướng ra ngoài, tầm cầu không ngưng nghỉ những khoái lạc giác quan, để củng cố bản ngã, để xác nhận quan niệm về sự hiện hữu của cái tôi. Rất ít người chịu ngồi lại, quán soi, để trả lời câu hỏi: “Cái gọi là ‘tôi’ thật sự là gì? Cái gì là ‘tôi’ phía sau những gì thường được quy chiếu vào đó?” Nếu ta dừng lại, và chỉ suy tư trong giây phút, ta sẽ thấy đó là câu hỏi quan trọng nhất cần phải được nêu ra. Nếu, từ ngày bạn sinh ra đến ngày bạn thở hơi cuối cùng, mỗi khi có ai hỏi: “Anh là ai? Lý lịch của anh là gì?”, bạn chỉ biết cho họ xem bằng lái xe hay giấy khai sinh của bạn, trong đó có ghi tên tuổi và ngày sinh, nhưng không biết thật sự mình là ai hay mình là gì, như thế, quả thật là một điều đáng tiếc cho cuộc hành trình của bạn từ nơi sinh đến nơi chết.

Thực hành theo lời Phật dạy là phải thẩm tra về những gì ta thường cho là “tôi”, “bản ngã”, và “của tôi.” Chúng ta thường đồng hóa những từ ngữ này với một cái gì đó riêng biệt, tồn tại, một chủ thể với một sự xác minh

đặc thù. Nhưng Đức Phật dạy rằng tất cả các ý tưởng đó chỉ là hư vọng. Khi chúng ta nhìn rõ, thăm tra về sự quy chiếu của các chữ “tôi”, “bản ngã”, và “của tôi”, chúng ta thấy đó chỉ là các thành tố của thân và tâm, hay danh và sắc. Để giúp ta hiểu rõ hơn, Đức Phật đã phân chia chúng thành năm nhóm, thuật ngữ Phật giáo gọi là năm uẩn (ngũ uẩn). Kinh điển gọi là “năm nhóm của sự tham thủ” (ngũ uẩn thủ), vì đó là những gì chúng ta thường bám níu vào đó, với các ý tưởng “đây là tôi”, “đây là cái ngã của tôi”, “đây là cái của tôi.” Như vậy, ta sẽ nhận định được rằng cái gọi là “tôi” và “ngã” thật ra chỉ là năm uẩn: sắc uẩn, là phần vật chất cấu tạo nên thân thể; thọ uẩn, là các cảm giác an lạc, khổ đau, và không khổ không lạc; tưởng uẩn, là các chức năng của tâm để nhận định, suy xét, đặt tên, ghi nhớ đối tượng; hành uẩn, là các chức năng của tâm để phản ứng, quyết định, tạo hành động; và thức uẩn, là phần nhận thức, hiểu biết, phát sinh từ sáu giác căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý).

Đối với mỗi người chúng ta, đây là những gì ta gọi là tự ngã. Công việc của chúng ta khi hành theo lời Phật dạy là để biết, để hiểu rõ bản chất thật sự của năm uẩn đó. Từ đó, ta biết được những gì tạo ra lý lịch thật sự của mình. Từ khi sinh ra, lớn lên, già yếu rồi chết, cả một tiến trình sống này chỉ là một chuỗi nối tiếp năm uẩn, kết hợp với nhau qua các điều kiện tương quan và các hiện tượng do nhân duyên sinh khởi. Sắc uẩn, hay thân thể vật lý này, là nền tảng, và dựa vào đó, các yếu tố tâm lý khởi sinh rồi tàn diệt. Qua công phu hành thiền, chúng ta khảo sát thâm sâu, với chú tâm tinh tế, về bản chất của năm uẩn này khi chúng hiện hữu từ thời khắc này sang thời khắc khác. Ta thấy chúng khởi sinh, an trụ, rồi tàn diệt, và từ đó cho ta một nhận thức tường tận về tính vô thường. Từ sự thông hiểu về tính vô thường, nảy sinh tuệ quán về khổ, về bản chất bất toại nguyện của năm uẩn. Từ đó, ta nhận ra rằng năm uẩn luôn thay đổi này là bấp bênh, không an toàn, không thể tin cậy được, và do vậy, không thể xem như là cái tôi chắc chắn, trường tồn: chúng là rỗng không, hay chúng là vô ngã.

2) Công việc thứ hai cần phải làm khi ta thực hành theo lời Phật dạy là **“từ bỏ những gì cần từ bỏ.”** Những gì cần từ bỏ ở đây là các lậu hoặc. Đức Phật dùng chữ “kilesas” (lậu hoặc) như là một danh từ tổng quát, để chỉ chung cho tất cả các trạng thái tâm lý tạo ra đau khổ, không hạnh phúc trong đời sống của ta. Giáo pháp của Đức Phật cho chúng ta một đường lối chi tiết để giúp ta khảo sát và hiểu biết cách thức vận hành của tâm. Nhưng sự khảo sát này không phải chỉ để thực hiện một cách đơn thuần như môn tâm lý học hiện nay dùng để mô tả sự vận hành của tâm. Tâm lý học Phật giáo xác định rõ ràng và rành mạch về các loại giá trị. Giá trị đạo đức được trình bày và phân tích rõ ràng giữa thiện và bất

thiện, không do dự hay mơ hồ, vì sự phân biệt rạch ròi về giá trị đạo đức như thế là điều tối cần thiết để thành đạt ý nguyện của chúng ta là có được hạnh phúc, tránh mọi đau khổ.

Theo lời dạy của Đức Phật, các hành động phi đạo đức và trạng thái tâm bất tịnh không bao giờ có thể đưa đến hạnh phúc thật sự và lâu dài. Mặt khác, hành động phi đạo đức và trạng thái tâm bất tịnh chắc chắn là mầm mống cho hoạn khổ, không hạnh phúc. Thật ra, trạng thái tâm ô uế, đặc biệt là tâm ích kỷ và tham luyến, thường được đi kèm với sự sung sướng, khoái lạc. Nếu không như thế, ắt hẳn thế giới này đã có đầy những bậc giác ngộ. Tuy nhiên, sự khoái lạc đi kèm với lòng luyến ái và tham lam chỉ là vỏ bọc bên ngoài của một hạt giống xấu. Khi hạt giống đó nảy mầm và tạo ra cây trái, nó sẽ mang theo đau đớn và khổ não ngay trong kiếp này, và nếu không, sẽ trở quả trong các kiếp sau. Ngược lại, các trạng thái tâm thiện lành đôi khi có thể đi kèm với vài sự đau đớn, vì muốn phát triển chúng, ta phải bơi ngược dòng, đối nghịch với khuynh hướng thông thường của tâm phàm thế. Nhưng khi các trạng thái thiện lành trở quả, chắc chắn chúng sẽ đưa đến hạnh phúc, an bình, và phúc lợi nội tâm. Đây là một phần của cùng một định luật, định luật về nhân duyên đạo đức.

Các trạng thái tâm bất thiện này được gọi là “kilesas”, lậu hoặc. Từ này cũng có thể dịch là “tai ách, hoạn nạn”, vì chúng mang đến sự đau khổ. Cũng có thể dịch là “cầu uế, ô nhiễm”, vì chúng làm nhơ bẩn, thối nát tâm chúng ta. Đức Phật đã phân tích bản chất của cầu uế và đã giảng giải rất khéo léo về nguồn gốc của các cầu uế đó, dẫn đến ba gốc rễ của tâm cầu uế là tham lam, sân hận, và si mê. Công việc của chúng ta khi thực hành theo lời Phật dạy, tức là thực hành Pháp, là để vượt qua, trừ khử, từ bỏ các cầu uế của tham lam và sân hận vì chúng làm sinh khởi nhiều nhánh cầu uế khác. Nhưng tham lam và sân hận là bắt nguồn từ si mê hay vô minh. Vì thế, để diệt trừ tất cả mọi cầu uế, chúng ta phải diệt trừ vô minh.

Vô minh che phủ năm uẩn, những gì ta quy chiếu là tôi, của tôi, bản ngã. Cho nên, cách thức diệt trừ vô minh là phải hoàn tất công việc đầu tiên, “biết rõ những gì cần biết rõ.” Khi ta biết rõ những gì cần biết rõ, vô minh sẽ rơi rụng; tham lam, sân hận và các cầu uế khác cũng sẽ tan biến. Không thể nào chỉ có lòng mong cầu suông là có thể hoàn tất được việc đó. Chúng ta không thể chỉ nghĩ đơn giản: “Tôi muốn biết rõ những gì cần biết rõ” là lập tức ta thông hiểu tường tận. Đó là lý do tại sao toàn thể pháp hành của Đạo Phật là một tiến trình để bước đi trên con đường tu tập. Món quà vĩ đại mà Đức Phật tặng cho thế gian không phải chỉ là một triết lý cao siêu, không phải chỉ là một môn tâm lý học thâm sâu, mà là một con đường thực tiễn, có hệ thống, từng bước một,

để chúng ta hành trì trong mọi tình huống của đời sống.

3) Hành trì theo con đường đó nghĩa là **“tu tập những gì cần tu tập.”** Đây là công việc thứ ba Đức Phật thuyết trong bài kệ bốn câu: **“Những gì cần tu tập, Ta đã tu tập.”** Ta hành trì theo con đường là để **“tự bỏ những gì cần từ bỏ”**, đó là từ bỏ các ô uế hay lậu hoặc. Hơn nữa, ta hành trì theo con đường là để **“biết rõ những gì cần biết rõ”**, nghĩa là biết rõ bản chất của năm uẩn.

Thế nào là tu tập theo con đường này? Nên biết rằng con đường tu tập được bố trí để chúng ta tiến bước, không đột ngột, không bất ngờ, từ từ từng bước một, giúp ta trèo lên từng bậc thang để đến tột đỉnh của sự giác ngộ. Ta phải bắt đầu kiểm soát các lậu hoặc thô tháo, bằng cách thọ trì tuân giữ các điều giới, năm giới hay tám giới của người cư sĩ. Những điều giới này giúp kiểm soát sự hiển lộ thô tháo của lậu hoặc, những lậu hoặc có thể bùng ra qua các dạng thức của hành động bất thiện.

Gìn giữ giới hạnh không phải chỉ tránh các hành động tiêu cực. Ta cũng phải nuôi dưỡng các hành động đạo đức, thiện lành. Các hành động tốt lành này giúp tâm ta được lớn mạnh với các đức tính tinh khiết, trong sạch. Ta phải tập từ bi và tử tế với mọi người, lương thiện khi giao tiếp với người khác, lúc nào cũng chân thật khi nói năng, có trách nhiệm đối với gia đình và xã hội, có việc làm chân chính, siêng năng, kính trọng người khác, biết kham nhẫn, khiêm nhường và ngay thẳng. Tất cả các đức tính đó sẽ giúp ta từ từ thanh lọc tâm ý, giúp cho tâm được trong sạch, thông minh, và sáng chói.

Tu tập những gì cần tu tập, không phải chỉ đơn thuần nuôi dưỡng đạo đức. Cần phải tiến xa hơn nữa qua sự tu tập thiền định. Khi cố gắng gom thu và tập trung tâm ý, ta bắt đầu hiểu được tâm ta vận hành như thế nào. Ta có tuệ quán để hiểu được sự vận hành của tâm ta. Qua sự thông hiểu đó, dần dần ta uốn nắn tâm mình. Đầu tiên, ta bắt đầu làm suy yếu các tính chất bất thiện làm uế trước tâm. Ta đang gọt bớt lớp đất mà cội rễ bất thiện đã bám sâu trong đó. Cần nên nhớ rằng những cội rễ bất thiện đã ăn sâu trong tâm trong nhiều đời, nhiều kiếp. Tiến trình thanh lọc này không nhanh chóng mà cũng không dễ dàng. Nó đòi hỏi một nỗ lực liên tục, bền bỉ, và lâu dài.

Khi ta kiên trì tu tập như thế, cuối cùng tâm sẽ lắng đọng, tập trung vững chắc. Nó thu nhận những kỹ năng cần thiết để liên tục bám sát vào một đối tượng, không lay chuyển, và qua đó, tạo ra cơ hội để trí tuệ nảy sinh. Trí tuệ là đặc tính thứ ba cần phải được phát triển. Trí tuệ xảy đến qua thẩm tra, trạch vấn.

Đương nhiên, trí tuệ không phải chỉ phát khởi qua công phu hành thiền. Ngay cả trong sinh hoạt hằng

ngày, khi học hỏi các lời dạy của Đức Phật, nhất là những bài kinh quan trọng về việc phát triển trí tuệ, chẳng hạn như là các bài về năm uẩn, lý duyên khởi, Tứ Diệu Đế, chúng ta vẫn trạch giáo pháp và từ đó tạo duyên cho trí tuệ sinh khởi. Ta phát triển trí tuệ trong cấp bậc khái niệm, để đào sâu vào gốc rễ của vô minh. Như thế, qua học hỏi và suy tư về giáo pháp, ta bắt đầu lay chuyển gốc rễ thâm sâu của vô minh.

Nhưng trí tuệ tối hậu là phải chứng nghiệm. Khi có được một tâm thức an định, ta dùng nó để khảo sát năm uẩn. Khi quán sát kinh nghiệm của chính mình, ta nhìn trực tiếp vào bản chất thật sự của năm uẩn ấy, vào “các tính chất chân thật của mọi hiện tượng.” Thông thường, đầu tiên là thấy rõ được sự khởi sinh rồi tàn lụi của năm uẩn. Nghĩa là thấy rõ được tính vô thường. Ta thấy vì chúng vô thường, nên chúng là phiền khổ. Không có gì đáng cho ta phải bám níu vào chúng. Vì chúng là vô thường và phiền khổ, ta không thể nào xác nhận một trong năm uẩn đó là cái tôi thật sự hiện hữu. Đây là tính chất rỗng không hay vô ngã của năm uẩn. Điều này đánh dấu sự khởi sinh của tuệ quán chân chính.

*

Với tuệ quán, ta càng lúc càng đào sâu vào gốc rễ của vô minh cho đến khi ta hoàn toàn hiểu biết thông suốt về tính chất của năm uẩn. Khi làm được điều đó, ta có thể nói rằng mình đã “biết rõ những gì cần biết rõ”. Khi đã hoàn toàn biết rõ những gì cần biết rõ, các uế nhiễm trong tâm là “những gì cần từ bỏ” được từ bỏ, và con đường hành đạo là “những gì cần tu tập” được tu tập. Lúc ấy, ta thực chứng những gì cần được thực chứng, đó là sự dập tắt mọi phiền khổ ngay tại đây và ngay trong lúc này. Và, như Đức Phật đã thuyết qua bốn câu kệ nêu trên, đó là lý do Ngài được tôn vinh là bậc Giác Ngộ.

Tỳ khuru Bodhi

BPS Newsletter, No. 55 (2006), <http://www.bps.lk>

Bình Anson lược dịch

Perth, Tây Úc, tháng 3-2008



thơ

HẠT CÁT

Bạch Liên

Bạch liên hoa nhất đoá,
Khiết tố tự chân nhân.
Tùng nề ô đỉnh xuất,
Tuyệt nhiễm vô vi trần.

*Hoa sen một đoá trắng ngần,
Thanh cao tinh khiết thánh nhân tựa hồ.
Vươn lên từ chốn bùn nhơ,
Tuyệt không vương chút nhiễm ô bụi trần.*

Chiều hôm mây trắng

*Chiều hôm
mây trắng lênh đèn
Qua cầu
lơ đãng
bỏ quên tim này
Chơi vơi
nhạn lạc rắng phai
Biết trăm năm
cái tâm hoài ta đâu?*

Cựu không

Giang vĩ âm âm bạch vũ,
Y hàn bạc mộ nhân tung.
Mạc mạc vân chu lộng ảnh,
Cựu không hư viễn khởi phong.

*Nhật nhòa mưa trắng cuối sông,
Người đi lạnh áo tang bông chiều lơ.
Thuyền trôi hun hút mây trôi,
Hư không ngày cũ xa vời gió lên.*



NỖI BUỒN CỦA THIÊN THẦN

Chiêu Hoàng

Tôi. Một Thiên Thần bé nhỏ với hoài vọng mơ ước có thể mang lại niềm vui cho tất cả mọi loài... Tôi rất nhỏ, chắc chỉ bằng một đoá hoa năng trong không gian, vì vậy mà thân tôi rất nhẹ, có thể bay đến bất cứ nơi nào tôi muốn và nghe được rất nhiều tâm tư của mọi người.

Sáng nay, khi mới vươn vai sau giấc ngủ dài, tôi cảm thấy tâm hồn mình rất lạ, có lẽ tôi vừa bước qua một cơn mộng. Mà có phải đó thực là Mộng, hay đó chỉ là một mảnh đời chớp chùng mà tôi vừa kinh qua? Nhưng dẫu sao, tôi vẫn luôn gìn giữ tâm mình thật trong sáng, bởi đã từ bao giờ không biết, tôi thường tự cho mình có trách nhiệm là chỉ mang lại Hạnh phúc cho tất cả những người mà tôi gặp trong ngày... Và bây giờ, tôi đang thả mình rơi một cách hồn nhiên, đôi khi tôi thực không còn phân biệt mình có thân hay không nữa, bởi tôi có cảm tưởng mình đang hoà tan vào không gian thênh thang, vào những vật nặng vàng chơi vui bay theo những cơn gió không định hướng...

Trong lúc tâm tôi hoà nhập với bản thể nhất như tuyết điều ấy, tôi vẫn có thể nghe được nhiều âm thanh khác quanh mình. Tôi có thể nghe được tiếng cười rúc rích của những đoá hoa vạn thọ, tiếng thỉnh thỉnh của một bày kiến đi vòng vèo như những anh lính đang đi hành quân, tiếng than phiền của chị hoa Hồng vì bụi Hương Dương đã tình cờ che bớt một ít mặt trời của chị, và tiếng tí tề của loài ve sầu sắp phải từ giã cõi đời của một kiếp ve ngắn ngủi sau 17 năm làm con sâu vừa thoát kiếp... Tất cả những tiếng động ấy hoà lẫn vào nhau tựa như một giọng âm thanh xuôi chảy...

1. Chú Bé và Cánh Điều

Tôi đón ngày mới bằng một nụ cười, mở rộng lòng mình và tung cánh bay đi rất xa, qua đồng bằng, qua một con sông nhỏ. Nước sông ở đây chảy hiền hoà như một niềm bình an hạnh phúc, tựa như nó đang là một tấm gương soi lớn phản ánh tâm thức tôi bây giờ. Bên cạnh con sông là một giải bình nguyên thênh thang. Tôi nhìn thấy nhiều chú bé

con đang chơi thả điều trên cánh đồng rộng. Những cánh điều đầy màu sắc bay lượn trên bầu trời bát ngát. Thật là một điều thú vị! Tôi nhập cuộc chơi bằng cách chạy theo chúng, hoà cùng với tiếng đùa vui của lũ trẻ thả điều. Bỗng tôi để ý đến một cánh điều giấy, trên mặt điều vẽ hình ảnh của mặt trời màu đỏ và một mảnh trăng lưỡi liềm màu xanh dương, (tựa như phần trên của chúng từ **Om** mà tôi thường tụng mỗi ngày). Cánh điều thu hút tôi một cách mạnh mẽ bởi hình ảnh vẽ trên nó. Tôi chạy theo cách điều ấy, nó bay nhanh vun vút, vươn cao..., vươn cao..., vượt xa tất cả những đám điều lao xao phía dưới. Chú bé con ở dưới chạy theo, chú tiếp tục thả thêm dây cho điều bay cao hơn nữa. Tôi nhìn thấy nét mặt rạng rỡ và nụ cười hồn nhiên trên mặt chú. Cánh điều vẫn bay bổng, chao lượn trong không gian, dường như nó đang mở tung cánh cửa tâm hồn để hoà vào trong nắng, trong gió, cùng lúc, nó cũng biết được rằng nó đang có một nhiệm vụ rất quan trọng là phải làm cho một tâm hồn bé nhỏ phía dưới kia được vui sướng. Nó ghé mắt nhìn xuống mỉm cười với ông chủ nhỏ của mình (cái tâm hồn mà nó có bốn phần phải gìn giữ). Một trên trời, một dưới đất, cả hai được nối bằng sợi giây điều mong manh, cùng có một niềm vui chơi vui theo nắng, theo gió. Bỗng một cơn gió thổi mạnh làm cho cánh điều chao đảo, mất thăng bằng, dật mạnh tạo một tiếng “bực” kễ. Sợi dây điều đã bị đứt. Cánh điều chao đảo, rồi lao băng băng cắm đầu xuống đất với tiếng rít xé gió như một tiếng kêu đau thương. Tôi nghe chú bé hét lên, Chú chạy lao về phía cánh điều, hai

bàn tay dơ lên, chơi vui như muốn đỡ lấy một sinh mạng đang hấp hối. Chú vấp phải hòn đá té nhào, đầu gối rướm máu, nhưng đôi mắt vẫn không rời cánh điều bé nhỏ. Từ trên cao, cánh điều tiếp tục rơi...rơi.... Dưới đất, chú bé vẫn tiếp tục chạy theo, cuối cùng cánh điều vướng vào một cành cây cao ngất, chẳng cách gì có thể với tới được. Sự va chạm làm cho cánh điều bị rách, chia đôi hình mặt trời, mặt trăng thành hai mảnh. Dưới đất, chú bé cũng dừng lại. Chú ngồi dưới gốc cây, đôi vai rung lên vì tiếng khóc. Trên khuôn mặt tinh khôi, những giọt nước mắt chảy dài. Nghe đâu, đó không chỉ là một cánh điều thuần tuý, mà đối với chú, đó chính là tài sản quý giá nhất, là ước mộng, là *tâm hồn* của chú... Tôi đậu nhẹ trên vai chú, cảm nhận được nỗi buồn của chú và bắt đầu cầu nguyện...

Sau một trận khóc dài, chú nằm dưới gốc cây ngủ bình yên. Đôi mắt thiên thần giờ đây khép lại, trên khoé còn đọng giọt nước mắt dờ dang. Tôi thương giấc ngủ của chú, có lẽ trong mộng, chú tìm lại được cánh điều của mình, tìm lại được tâm hồn mình vẫn bay bổng trong không gian thênh thang...

Tôi cầu nguyện cho chú rất lâu, giá tôi có thể tự biến mình thành cánh điều để tặng chú thì tôi cũng hoan hỷ thực hiện ước nguyện ấy...

Đấy! Tôi chỉ là một thiên thần rất bé nhỏ, ngàn đời sống chỉ với một hoài vọng làm thế nào để mang lại niềm vui cho tất cả mọi loài. Nhưng dường như tôi vẫn chưa làm được một cách trọn vẹn, nên nỗi buồn vẫn lảng đảng trong tôi như những áng mây trời...

(còn tiếp)



TÌM VỀ NHỮNG MIỀN ĐẤT XƯA

Nguyễn Hiệp

(tiếp theo)

PHẦN III

KUSINAGA (Câu-thi-na)

Sau hai ngày ở Lumbini, chúng tôi lên đường quay trở lại Ấn Độ để tiếp tục chiêm bái những thánh tích còn lại trên đất Ấn. Xe lại ra đi vào lúc sáng sớm. Di chuyển vào thời điểm này theo chúng tôi là rất thích hợp, vì buổi sáng trời mát và đường sá không có nhiều xe lưu thông, như vậy sẽ tiết kiệm được thời gian. Địa điểm tiếp theo chúng tôi đến là Kusinaga (Câu-thi-na), nơi đức Phật nhập Niết-bàn.

Đường đi Kusinaga tương đối tốt. Có nhiều đoạn đường rất đẹp: cây rợp bóng hai bên và chim chóc khi vượn chạy nhảy ra giữa cả lòng đường. Sau nhiều giờ đồng hồ, xe đến Kusinaga vào đúng buổi trưa. Chúng tôi xin nghỉ lại ở một ngôi chùa Việt Nam mà mấy hôm trước có gọi điện báo trước. Chùa nằm gần các thánh tích chính ở Kusinaga.

Kusinaga (= Kushinagar) là một thị trấn nhỏ thuộc quận Kushinagar, tiểu bang Uttar Pradesh. Kusinaga không có gì sầm uất, và cũng không có gì đặc biệt, ngoại trừ nơi đây có những thánh tích liên quan đến cuộc đời của đức Phật.

Vào thời đức Phật, Kusinaga có tên gọi là Kushavati, và đây là thủ phủ của vương quốc Malla. Bây giờ Kusinaga là một thành phố nhỏ, mà theo bài kinh Maha Sudassana (Đại

Thiện Kiến Vương, Trường Bộ kinh) mô tả thì nhà cửa đều làm bằng phen đất và nằm giữa một vùng đất hiu quạnh. Vì thế khi đức Phật thông báo sẽ nhập Niết-bàn tại đây thì tôn giả Ananda đã thắc mắc và bạch rằng: “*Bạch thế Tôn, Thế Tôn chớ có diệt độ tại đô thị nhỏ bé này, tại đô thị hoang vu này, tại đô thị phụ thuộc này. Bạch Thế Tôn, có những đô thị khác to lớn hơn như Campā (Chiêm-bà), Rājagahā (Vương Xá) Sāvatthi (Xá-vệ), Sāketa (Sa-kỳ), Kosambi (Kiêu-thương-di), Bārānasi (Ba-la-nại). Thế Tôn hãy diệt độ tại những chỗ ấy. Tại những chỗ ấy có đại chúng Sát-đế-lợi, có đại chúng Bà-la-môn, có đại chúng Gia chủ tin tưởng Như Lai, các vị này sẽ cúng dường thân xá-lợi Như Lai.*” Và đức Thế Tôn đã đáp lại lời thỉnh cầu của tôn giả Ananda qua bài kinh Mahasudassana. Bài kinh thuật lại rằng, trong một tiền kiếp, khi đức Phật còn là một vị Chuyển Luân Vương với vương hiệu Đại Thiện Kiến thì nơi này là một xứ sở sầm uất, đất đai rộng lớn, thời tiết ôn hòa, dân chúng thuần hậu, và kinh thành được trang hoàng bằng các loại châu báu. Nhưng rồi trải qua nhiều kiếp, với sự chi phối của định luật vô thường, nơi nay đã trở nên heo lánh như vậy. Nhân đó đức Phật dạy rằng:

*Tất cả pháp hữu vi,
Thật sự là vô thường,
Khởi lên rồi diệt mất,
Thường tánh là như vậy.*

*Chúng được sanh khởi lên,
Rồi chúng lại hoại diệt.
Hạnh phúc thay khi chúng
Được tịnh chỉ an lạc.*

Bên cạnh đó Ngài cũng bảo rằng, sở dĩ Ngài chọn Kusinaga để nhập Niết bàn bởi vì đây là nơi thích hợp để thuyết bài kinh Mahasudassana; vì Subhadda sẽ viếng thăm Ngài ở đây, sau khi nghe pháp sẽ phát triển thiên định và chứng đắc Alahant khi Ngài vẫn còn tại thế; và cũng bởi vì Bà-la-môn Doha sẽ ở đây, sau khi Ngài diệt độ vị này sẽ đứng ra phân chia xá lợi.

Sự kiện nhập Niết bàn của đức Phật được kinh sách mô tả lại rất chi tiết và cảm động. Trước đó, lúc còn ở Vệ-xá-li (Vesali), đức Phật thông báo với hội chúng rằng sau ba tháng Ngài sẽ nhập diệt: “*Này các Tỷ-kheo, những pháp do Ta chứng ngộ và giảng dạy cho các thầy, các thầy phải khéo học hỏi, thực chứng tu tập và truyền rộng để phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người. Này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp do Ta chứng ngộ và giảng dạy mà các thầy phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để cho phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì*

an lạc cho loài Trời và loài Người? Đó chính là Bốn Niệm xứ, Bốn Chánh cần, Bốn Thần túc, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Bồ-đề phần, Tám Thánh đạo phần. Đây các Tỷ-kheo, chính những pháp này do Ta chứng ngộ và giảng dạy, mà các thầy phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập và truyền rộng để phạm hạnh được trường tồn, vĩnh cửu, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người”.

Tiếp đó Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo: *“Đây các Tỷ-kheo, đây là lời Ta nhắn nhủ đến các thầy: các hành là vô thường. Hãy tinh tấn lên để tự giải thoát. Không lâu nữa Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ.*

Ta đã già, dư mạng chẳng còn bao, Từ biệt các Người, Ta đi một mình. Tự mình làm sở y cho chính mình, Hãy tinh tấn, chánh niệm, giữ giới luật,

Nhiếp thúc ý chí, bảo hộ tự tâm. Ai tinh tấn trong pháp và luật này Sẽ diệt sanh tử, chấm dứt khổ đau.

Tin Thế Tôn sắp diệt độ nhanh chóng được loan đi và điều ấy khiến cho nhiều đệ tử của Ngài xúc động sâu sắc. Đức Phật là vị Đạo sư, nơi nương tựa của nhiều người. Sự nhập diệt của Ngài đã khiến cho những đệ tử chưa đạt đạo quả cảm thấy hụt hẫng trống vắng, vì nhận thấy rằng mình sẽ mất đi người thầy dẫn đường chỉ lối.

Sau đó đức Phật cùng với các Tỷ-kheo đi về Pava thuộc thành Kusinagar, theo sau là thần dân Vê-xá-lì bị thương rơi lệ đưa tiễn. Khi hay tin đức Phật đến Pava, dân chúng ở đó đã kéo đến chào đón Ngài. Trong số này có một người thợ sắt già tên là Cunda (Thuần-đà), đã đến đánh lễ và xin đức Phật được cúng dường một bữa trai phạn. Đức Phật tán thán thiện tâm của ông và hứa sẽ đến gia đình ông thọ trai vào

trưa ngày hôm sau.

Ngày hôm sau, đức Phật và chúng Tăng đi đến nhà Cunda thọ trai, và bữa cơm ấy là bữa ăn sau cùng trong cuộc đời của Ngài khi thị hiện ở cõi ta bà này. Sau khi thọ trai ở nhà Cunda xong, đức Phật đi xuống đường và đến ngồi nơi một gốc cây để nghỉ mệt. Việc thọ nhận thức ăn được làm từ một loại nấm ở nhà Cunda đã khiến cho Ngài lâm bệnh nặng. Ngài bảo tôn giả Ananda xếp tư chiếc áo Tăng-già-lê (Shaghati) để Ngài ngồi, và cũng bảo tôn giả đi lấy nước cho Ngài uống. Bấy giờ, tôn giả Ananda thưa rằng nước dòng sông gần đó đã bị vẩn đục bởi vì có năm trăm cỗ xe vừa mới đi qua nên không thể uống được. Nhưng đến lần thứ ba khi đức Thế Tôn yêu cầu, tôn giả đã vâng lời mang bát đến đó lấy nước. Thật ngạc nhiên, khi tôn giả đến nơi, con sông nhỏ nông cạn bị đoàn xe làm cho vẩn đục bỗng trở nên trong trẻo mát ngọt. Và sau khi mang nước quay trở về, tôn giả đã bạch với Thế Tôn: *“Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn thật là hy hữu. Bạch Thế Tôn, con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi con đến liền trở thành trong trẻo, sáng lặng và không vẩn đục. Xin thỉnh Thế Tôn dùng nước. Xin thỉnh Thiện Thệ dùng nước!”*

Cũng tại đây, Pukkusa, thuộc dòng họ Malla, một vị đệ tử của Alara Kalama đã tìm đến đánh lễ và quy y theo đức Phật. Vị này cũng đứng lên đức Phật hai chiếc y sắc vàng. Đức Thế Tôn thọ nhận và bảo Pukkusa đắp cho Ngài một chiếc và Ananda một chiếc, và khi chiếc y ấy được đắp lên mình đức Thế Tôn thì sắc vàng sáng chói của nó trở nên lu mờ, điều khiến tôn giả Ananda vô cùng ngạc nhiên: *“Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn thật là hy hữu, sự thanh tịnh và sáng chói màu da của Như Lai! Bạch Thế Tôn, khi con đặt trên thân Thế Tôn, cặp*

áo màu kim sắc vàng chói và sẵn sàng để mặc này, màu sắc sáng chói của áo như bị lu mờ đi”. Và đức Thế Tôn bảo với tôn giả Ananda rằng: *“Thật vậy, này Ananda. Này Ananda, có hai trường hợp, màu da của Như Lai hết sức thanh tịnh và sáng chói. Thế nào là hai? Này Ananda, trong đêm Như Lai chứng vô thượng Chánh Đẳng Giác và trong đêm Như Lai sắp diệt độ, nhập Niết-bàn giới, không còn dư y sanh tử nữa. Này Ananda, đó là hai trường hợp, màu da của Như Lai hết sức thanh tịnh và sáng chói.”*

Sau đó khi cùng ngồi với Ananda, đức Phật biết rằng cư sĩ Cunda sẽ hối hận khi biết rằng chính bữa trai phạn của mình đã khiến Ngài sớm vào diệt độ nên bảo với tôn giả A-nan hãy giúp Cunda thoát khỏi nỗi hối hận bằng cách nói với ông ấy rằng, chính việc cúng dường bữa ăn sau cùng ấy sẽ đem lại cho ông nhiều phước đức:

Công đức người bố thí,

Luôn luôn được tăng trưởng,

Trừ được tâm hận thù

Không chất chứa, chế ngự,

Kẻ chí thiện từ bỏ

Mọi ác hạnh bất thiện,

Diệt trừ tham, sân, si.

Tâm giải thoát thanh tịnh.

Sau đó đức Phật cùng với hội chúng đi qua sông Hirannavati, đến trú tại Kusinara Upavatama, rừng sala của dòng họ Malla. Tại đây, Thế Tôn bảo tôn giả Ananda trải sàng toạ cho Ngài ở giữa hai cây Sa-la, đầu hướng về hướng bắc. Rồi Thế Tôn nằm xuống, nghiêng hông về bên phải, chánh niệm tỉnh giác. Khi ấy, cây sa-la trở hoa trái mùa trản đầy cành lá, những hoa này rơi trên thân Thế Tôn để cúng dường. Những thiên hoa Mandarava từ trên hư không rơi xuống thân Như Lai để cúng dường. Bọt chiên đàn từ trên hư không rơi xuống để cúng dường. Thiên ca từ không trung vang lên để cúng dường. Khi ấy đức Thế Tôn nói

với tôn giả Ananda rằng những hương hoa, thiên nhạc ấy xuất hiện là để cúng dường Ngài, nhưng: “*Này Ananda, như vậy không phải kính trọng, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường hay lễ kính Như Lai. Này Ananda, nếu có Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, cư sĩ nam hay cư sĩ nữ nào thành tựu Chánh pháp và Tùy pháp, sống chơn chánh trong Chánh pháp, hành trì đúng Chánh pháp, thời người ấy kính trọng, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường Như Lai với sự cúng dường tối thượng. Do vậy, này Ananda, hãy thành tựu Chánh pháp và Tùy pháp, sống chơn chánh trong Chánh pháp và hành trì đúng Chánh pháp. Này Ananda, các Người phải học tập như vậy.*”

Và đức Thế Tôn bảo với tôn giả Ananda rằng có bốn thánh tích mà các thiện tín cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính, đó là: nơi Thế Tôn đản sanh; nơi Thế Tôn chứng ngộ vô thượng Chánh Đẳng Giác; nơi Thế Tôn chuyển Pháp luân vô thượng; nơi Thế Tôn diệt độ, nhập Vô dư y Niết-bàn.

Sau đó, Thế Tôn thuyết giảng những vấn đề liên quan đến nữ giới, việc xây dựng tháp, phụng thờ xá lợi của Phật... Và tôn giả Ananda, khi nghe Thế Tôn thuyết giảng xong, bèn đi vào tịnh xá, dựa cột đứng khóc: “*Ta nay vẫn còn là kẻ hữu học, còn phải tự lo tu tập. Nay bậc Đạo Sư của ta sắp diệt độ, còn ai thương tưởng ta nữa!*” Đức Thế Tôn biết được nỗi lòng của Ananda nên bảo một thầy Tỷ-kheo gọi tôn giả đến và bảo: “*Thôi Ananda, chớ có buồn rầu, chớ có khóc than. Này Ananda, Ta đã tuyên bố trước với thầy rằng mọi vật ái luyến, tốt đẹp đều phải sanh biệt, tử biệt và dị biệt. Này Ananda, làm sao có được sự kiện này: ‘Các pháp sanh, trú, hữu vi, biến hoại đừng có bị tiêu diệt?’ Không thể có sự kiện như vậy được. Này Ananda, đã lâu ngày, thầy đối với Như Lai, với thân nghiệp đầy*

lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai, vô lượng với khẩu nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai, vô lượng với ý nghiệp đầy lòng từ ái, lợi ích, an lạc, có một không hai, vô lượng. Này Ananda, thầy là người tác thành công đức. Hãy cố gắng tinh tấn lên, thầy sẽ chứng bậc Vô lậu, không bao lâu đâu.” Và nhân đó đức Thế Tôn bảo với các Tỷ-kheo khác rằng, tôn giả Ananda là một người thi giả tận tâm, là một người có trí và biết rõ: “*Nay đúng thời để các Tỷ-kheo yết kiến Thế Tôn, nay đúng thời để các Tỷ-kheo ni, nay đúng thời để các nam cư sĩ, nay đúng thời để các nữ cư sĩ, nay đúng thời để các vua chúa, để các đại thần, để các ngoại đạo sư, để các đệ tử các ngoại đạo sư yết kiến Thế Tôn!*”

Rồi đức Thế Tôn bảo với Tôn giả Ananda đi vào làng Malla để thông báo với dân chúng ở đó rằng canh cuối đêm ấy Ngài sẽ nhập diệt. Dân làng Malla khi hay tin thì vô cùng xúc động, họ khóc và cùng nhau đi đến Upavattana, nơi rừng sala. Và Tôn giả Ananda đã sắp xếp cho dân làng Malla tập hợp theo từng gia tộc để đánh lễ Thế Tôn, vì nếu đánh lễ từng người một thì sẽ không kịp thời gian. Khi ấy có vị du sĩ ngoại đạo tên là Subhadda đang ở tại Kusinara, hay tin đức Thế Tôn sắp nhập diệt thì tìm đến Upavattana mong được Thế Tôn thuyết pháp để giải toả mọi nghi ngờ trong ông. Nhưng Tôn giả Ananda đã từ chối không muốn để Subhadda vào đánh lễ và cầu thỉnh đức Thế Tôn thuyết pháp vì sợ Ngài mệt. Tôn giả Ananda đã ba lần từ chối lời đề nghị của Subhadda, nhưng khi đức Thế Tôn nghe được câu chuyện ấy thì Ngài bảo Ananda hãy để cho Subhadda vào. Subhadda sau khi đánh lễ thăm viếng đã thỉnh cầu đức Thế Tôn thuyết giảng về những nghi vấn nơi ông: “*Thưa Tôn giả Gotama, có những Sa-môn, Bà-la-môn là*

những vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, như các ngài Pārana Kassapa, Makkhali Gosāla, Ajita Kesakambalī, Pakadha Kaccāyana, Sanjaya Belatthiputta, Nigantha Nāthaputta, tất cả những vị này có phải là giác ngộ như các vị đã tự cho như vậy, hay tất cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác ngộ?”

Và đức Thế Tôn đã giảng cho Subhadda: “*Này Subhadda, trong pháp luật nào không có Bát Thánh đạo, thời ở đây không có đệ nhất Sa-môn, ở đây cũng không có đệ nhị Sa-môn, cũng không có đệ tam Sa-môn, cũng không có đệ tứ Sa-môn. Này Subhadda trong pháp luật nào có Bát Thánh đạo, thời ở đây có đệ nhất Sa-môn, cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, ở đây cũng có đệ tứ Sa-môn. Này Subhadda, chính trong pháp luật này có Bát Thánh Đạo, thời này Subhadda, ở đây có đệ nhất Sa-môn, ở đây cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, cũng có đệ tứ Sa-môn. Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn. Này Subhadda, nếu những vị Tỷ-kheo này sống chơn chánh, thời đời này không vắng những vị A-la-hán.*” Sau khi nghe được những gì Thế Tôn giảng giải, Subhadda đã thỉnh cầu Ngài cho ông được quy y Tam bảo, mong được xuất gia và thọ giới với Thế Tôn. Đáp lại lời thỉnh cầu của ông, đức Thế Tôn bảo tôn giả Ananda làm lễ xuất gia cho Subhadda và tôn giả Ananda đã làm theo những gì đức Thế Tôn dạy bảo.

Sau đó đức Thế Tôn bảo với tôn giả Ananda: “*Này Ananda, nếu trong các thầy có người nghĩ rằng: ‘Lời nói của bậc Đạo sư không còn nữa. Chúng ta không còn Đạo sư nữa’, thì này Ananda, chớ có những tư tưởng như vậy. Này Ananda, Pháp và Luật mà Ta đã giảng dạy và trình bày,*

sau khi Ta diệt độ, chính Pháp và Luật ấy sẽ là Đạo sư của các thầy.

Này Ananda, nay thì các Tỷ-kheo xưng hô với nhau là Hiền giả. Nhưng sau khi Ta diệt độ, các thầy chớ có xưng hô như vậy. Này Ananda, vị Tỷ-kheo niên lão hãy gọi vị Tỷ-kheo niên thiếu, hoặc bằng tên, hoặc bằng họ, hoặc bằng tiếng Hiền giả. Vị Tỷ-kheo niên thiếu, hãy gọi vị Tỷ-kheo niên lão là Thượng tọa (Bhante) hay Đại đức."

Sau đó đức Phật bảo các Tỷ-kheo, nếu có điều gì thắc mắc nghi ngờ về Pháp và Luật mà Ngài đã giảng dạy thì hãy hỏi, nhưng hội chúng đã im lặng. Khi ấy tôn giả Ananda bạch rằng, trong chúng Tỷ-kheo không có người nào thắc mắc hay phân vân về giáo pháp mà đức Thế Tôn đã truyền dạy. Và đức Phật đã khuyên các Tỷ-kheo lời khuyên cuối cùng: "Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn, chớ có phóng dật".

Rồi Thế Tôn nhập định Sơ thiền. Xuất Sơ thiền, Ngài nhập Nhị thiền. Xuất Nhị thiền, Ngài nhập Tam thiền. Xuất Tam thiền, Ngài nhập Tứ thiền. Xuất Tứ thiền, Ngài nhập định Không vô biên xứ. Xuất Không vô biên xứ, Ngài nhập định Thức vô biên xứ. Xuất Thức vô biên xứ, Ngài nhập định Vô sở hữu xứ. Xuất Vô sở hữu xứ, Ngài nhập định Phi tướng phi tướng xứ. Xuất Phi tướng phi tướng xứ, Ngài nhập Diệt thọ tưởng định.

Khi đức Thế Tôn nhập diệt rồi, các Tỷ-kheo chưa thoát khỏi tham ái đã buồn phiền than khóc. Nhưng các Tỷ-kheo đã an trú được trong chánh niệm tỉnh giác thì suy tư, "Các hành là vô thường. Làm sao tránh khỏi được sự kiện ấy". Lúc ấy tôn giả Anan-lâu-đà (Anuruddha) bảo các Tỷ-kheo: "Thôi các Hiền giả, chớ có sầu não, chớ có khóc than. Này các Hiền giả, đức Thế Tôn đã từng tuyên bố ngay từ ban đầu rằng mọi vật ưu ái thân tình đều phải sanh biệt, từ

biệt và dị biệt. Này các Hiền giả, làm sao có thể được như vậy: 'Những gì sanh, tồn tại, hữu vi, chịu sự biến hoại mà lại mong khỏi có sự biến dịch?' Thật không có sự trượng ấy."

Sau đó tôn giả Anuruddha bảo tôn giả Ananda đi vào thành Kusinara để báo tin cho dân chúng biết đức Thế Tôn đã diệt độ. Dân chúng Kusinara nghe tin ấy thì vô cùng xúc động, họ bèn mang hương hoa, nhạc khí đi đến rừng sala đánh lễ cúng dường nhục thân của Như Lai. Và sau bảy ngày, dân Malla ở Kusinara làm lễ hỏa táng nhục thân của Ngài. Khi giàn hỏa thiêu đã tắt hết lửa, tất cả những thứ khác đều tan biến trong lửa đốt, nhưng xá lợi của Thế Tôn thì còn lại. Những người Malla ở Kusinara đã gom nhặt lấy xá lợi của Thế Tôn, mang vào trong giảng đường và làm lễ cúng dường trong suốt bảy ngày liền.

Khi ấy, vua nước Magadha (Majjhā) là Ajātasattu (A-xà-thế), nghe tin Thế Tôn đã diệt độ ở Kusinara thì liền gọi một sứ giả đến, báo với những người Malla ở đó rằng: "Thế Tôn là người Sát-đế-lợi, ta cũng là người Sát-đế-lợi. Ta cũng xứng đáng được một phần xá lợi của Thế Tôn. Ta cũng dựng tháp và tổ chức nghi lễ đối với xá lợi Thế Tôn." Những người Licchavī ở Vesālī; những người Sakyā ở Kapilavatthu; những người Buli; những người Koli ở Rāmagāma; Bà-la-môn Vethadīpaka; dân chúng Mallā ở Pāvā, cũng đi đến thành Kurinara và nói với những người Malla những lời tương tự như sứ giả của Ajatasattu đã nói. Khi nghe những lời yêu cầu ấy, những người Mallā ở Kusinara liền tuyên bố giữa đám đông rằng: Thế Tôn đã diệt độ tại làng của chúng tôi, và chúng tôi sẽ không chia xá lợi của Ngài cho bất cứ một ai. Khi nghe vậy, Bà-la-môn Dona nói với họ:

Tôn giả, hãy nghe lời tôi nói!
Phật dạy chúng ta phải kham nhẫn
Thật không tốt nếu có tranh giành.

Khi chia xá lợi bậc Thượng nhân
Chúng ta hãy đoàn kết nhất tâm,
Hoan hỷ chia xá lợi tám phần.
Chúng ta hãy dựng tháp mọi
phương,
Đại chúng mười phương tin Pháp
nhân....

Khi ấy hội chúng cùng nói lớn: Hỡi tôn giả Bà-la-môn, xin ngài hãy phân chia xá lợi ra tám phần đồng đều. Và Bà-la-môn Dona đã làm theo lời đề nghị của họ. Bấy giờ, người Moriyā ở Pippalivana, khi nghe tin Thế Tôn đã diệt độ cũng gửi một sứ giả đến thỉnh cầu rằng: "Thế Tôn là người Sát-đế-lợi, chúng tôi cũng là người Sát-đế-lợi. Chúng tôi cũng xứng đáng được hưởng một phần xá lợi của Thế Tôn. Chúng tôi cũng sẽ dựng tháp và tổ chức các nghi lễ đối với xá lợi Thế Tôn." Nhưng những người Malla đáp lại rằng: "Nay không còn phần xá lợi Thế Tôn nào cả. Xá lợi Thế Tôn đã được phân chia rồi, xin chớ vị hãy lấy tro còn lại." Các vị này làm theo lời đề nghị đó, lấy số than tro còn lại đem về phụng thờ.

Việc Thế Tôn nhập Niết bàn tại Kusinara đã khiến cho mảnh đất này, dù hẻo lánh và không được phồn thịnh, trở thành một nơi chốn hành hương thiêng liêng đối với người Phật tử. Khi ngài Huyền Trang đến đây vào thế kỷ thứ bảy thì ngài vẫn còn nhìn thấy những ngôi tháp được xây dựng tại những địa điểm liên quan đến những ngày sau cùng của đức Phật, cũng như nơi hỏa thiêu nhục thân của Ngài. Những khai quật tại vùng đất này đã tìm ra nhiều nền tháp và tịnh xá có niên đại từ thế kỷ thứ ba trước Tây lịch cho đến thế kỷ thứ năm sau Tây lịch. Và đó cũng là khoảng thời gian cho thấy Phật giáo có hiện diện nơi đây. Sau đó vùng đất này dần trở nên hoang vắng và chìm vào thời kỳ bóng tối.

Kusinagar bắt đầu được biết trở lại vào thế kỷ mười 19 khi H.H. Wilson (1854), một nhân viên của

East India Company đến Kasia trong một chuyến khảo sát của mình và xác nhận rằng Kasia chính là Kusinagar vào thời đức Phật. Việc khảo sát vùng đất này lại được General Alexander Cunningham (1861) tiếp tục thực hiện, và nhà khảo cổ này cũng xác nhận rằng Kasia chính là nơi đức Phật đã nhập niết bàn. Nhà khảo cổ người Anh, A.C.L. Carlleyle vào cuối thế kỷ 19, đã đến khai quật vùng đất này và phát hiện ra nhiều thứ quan trọng, trong đó có tháp Ramabhar. Sau đó những thánh tích liên quan đến Phật giáo ở Kusinaga được đưa vào bảo quản và trở thành nơi chiêm bái thiêng liêng đối với Phật tử khắp nơi.



Tháp Ramabhar

Ngày nay, ở Kusinaga có hai ngôi tháp chính và cũng là hai nơi đánh dấu những sự kiện quan trọng liên quan đến cuộc đời của đức Phật, đó là tháp Ramabhar và tháp Nirvana. Ngôi tháp Ramabhar nằm bên một hồ nước có tên là Ramabhar, và được xác định là nơi hoả thiêu thân xá lợi của đức Phật. Kinh sách Phật giáo đề cập đến ngôi tháp với tên gọi Makutbandhana Chaitya. Tháp này có chiều cao 15 mét và đường kính đáy tháp 47.24. Khi ngôi tháp được phát hiện thì nó chỉ còn lại một nền gạch. Ngày nay tháp Ramabhar được bảo quản khá tốt, nằm trong một khu vườn trồng đầy cỏ xanh và được cắt xén cẩn thận. Ngôi tháp dù không phải là ngôi tháp của ngày trước còn lại,

nhưng vẫn toát lên vẻ cổ xưa của nó.

Ngôi tháp thứ hai là tháp thờ Mahaparinirvana, cách tháp Ramabhar chừng 1.5 km và nằm trên cùng một con đường. Đây là ngôi tháp quan trọng. Bên trong tháp có thờ một bức tượng Phật nhập diệt, dài 6.10 mét, được làm bằng đá đen, tạc vào thế kỷ thứ năm sau Tây lịch. Bức tượng hiện nay được nhà khảo cổ học người Anh Carlyle tái tạo lại từ những mảnh vỡ của bức tượng gốc do những người Hồi giáo đập vỡ. Trên bức tượng này có ghi lại dòng chữ, cho biết người đứng ra tạc cũng là Mahavihara Swami Haribala.

Phía sau tháp chính Mahaparinirvana là tháp Nirvana. Ngôi tháp này được Carlyle khai quật vào năm 1876. Trong khi khai quật người ta tìm thấy một bản đồng khắc bài kinh Nidana Sutra (Kinh Đại bản, Trường Bộ kinh I) được đặt ở trong đó. Và người ta cũng tìm thấy được một chiếc bình đồng đựng những đồng tiền bằng bạc dưới thời vua Kumar, một đế vương thuộc triều đại Gupta, thế kỷ thứ năm sau Tây lịch. Hai ngôi tháp với lối kiến trúc hiện tại đã được chính phủ Ấn xây dựng lại vào năm 1956, tưởng niệm ngày đức Phật đản sanh. Ngoài ra, ở đây vẫn còn lại nhiều nền tháp, tinh xá, có niên đại thuộc nhiều thời kỳ khác nhau, nhưng không có ngôi tháp nào được xây dựng trước thời kỳ Kushan.

Tháp Mahaparinirvana là nơi tưởng niệm đức Phật nhập niết bàn nên là nơi tạo cho người hành hương nhiều cảm động khi đến chiêm bái. Khung cảnh nơi khu vườn này vẻ chiều thật kỳ diệu. Đây là một trong những thánh tích được bảo quản và đầu tư khá tốt. Cây cối, vườn cỏ, lối đi trong vườn đều được chăm chút cẩn thận. Tuy cảnh quan là vậy, nhưng những người coi sóc hương đèn và quét tước trong tháp thì thật sự đang có vấn đề. Tôi không biết những người làm công việc ở đây họ

đang theo truyền thống tôn giáo nào, và họ làm việc theo tinh thần tự nguyện hay được trả lương? Nhưng dù đứng ở vị trí nào, làm việc với mục đích gì đi nữa, thì thái độ với vĩnh tiền bạc một cách thô thiển của họ đối với khách chiêm bái là điều không thể chấp nhận được. Một nơi chốn thiêng liêng như vậy, một nơi có nhiều người hành hương quay về để tìm lại những giá trị tâm linh cao cả như vậy không thể lại để cho một vài người làm hoen ố được.



Tháp Mahaparinirvana

Khi bước chân vào tháp, tôi nghĩ trong tâm khảm mỗi người ai cũng đề hết lòng thành vào việc đánh lễ chiêm bái và mong có được những phút giây thanh tịnh ở một nơi chốn như vậy. Nhưng những giây phút đó ít nhiều đã bị những người trông coi ở đây phá vỡ. Ở trong tháp, tuy đã có đặt một thùng phước sương khá lớn, nhưng những người làm việc ở đây cũng đặt thêm bên dưới bức tượng Phật nhập diệt một chiếc đĩa, trên ấy có đặt một số tiền như là tiền “câu.” Nếu chỉ dừng lại ở đó thì không nói gì, đằng này, khách hành hương luôn được những người coi sóc “mời mọc” đặt tiền vào đĩa. Khi tôi đi kinh hành ba vòng xong và đến đánh lễ phía dưới tượng, một người trong họ cứ luôn chỉ tay vào đĩa bảo tôi bỏ tiền mỗi khi tôi lạy xuống. Quý thầy và Phật tử người Hàn quốc lại càng được mời mọc dữ hơn, có lẽ do những người này hình tượng sang trọng hơn tôi nhiều lần.

Khi chúng tôi đánh lễ xong và ra bên ngoài, thì trước tháp đang có khoảng vài chục sư người Ấn ngồi ở đó. Các sư đủ lứa tuổi, tôi không rõ từ đâu đến (và cũng không tiện hỏi), đang ngồi ở đây để mong nhận lãnh đồ cúng dường từ khách chiêm bái. Các thầy Hàn quốc sau khi đánh lễ xong, đã không quên cúng dường một ít tiền cho các sư. Tự dưng tôi thấy buồn! Không lẽ những trưởng từ Như Lai lại thế này sao?! Xuất gia là để ‘phát túc siêu phương’ hay vẫn chỉ quần quăn trong cơm ăn áo mặc?! Và cùng là những đệ tử khoác lên mình những tấm y vàng của Phật, nhưng sao vẫn như có gì đang ngăn ngại nhau. Sao không thể đứng ngang nhau và nhìn nhau như những người anh em trong một gia đình mà lại hình thành nên một khoảng cách giữa người ban phát và người nhận lãnh trông rất buồn tủi?! Giúp đỡ nhau, chia sẻ nhau để cùng tu học là điều rất tốt, nhưng với một hình thức khác, chứ như thế này thấy thật xót xa!

Phật giáo Ấn Độ vào những thập niên của thế kỷ 20 đã có sự hồi sinh trở lại. Sự hồi sinh đó có sự góp công của nhiều người, cả ở Ấn và cả ở những quốc gia khác. Nhưng người được xem nổi bật nhất trong phong trào phục hưng Phật giáo có lẽ là Ambekar. Phong trào này đã đưa nhiều người thuộc tầng lớp bản cùng (Dalit) quay về với Phật giáo. Và số tín đồ Phật giáo tại Ấn Độ hiện tại khoảng chừng 10 triệu người, trong đó một lượng lớn thuộc diện những người nghèo khó. Phật giáo xem con người đều bình đẳng trên bình diện thể tánh. Mọi người đều mang lấy trong mình những khổ đau nhất định và cũng có khả năng tự giải thoát những khổ đau ấy để đạt đến giải thoát. Vấn đề nghèo giàu như vậy không được đặt ra trong việc tìm cầu giải thoát mà giải thoát chỉ được dựa trên sự nỗ lực tinh tấn của mỗi cá nhân. Tuy vậy, trong đời sống

thường nhật, thì sự giàu nghèo lại đóng một vai trò quan trọng trong việc duy trì niềm tin cũng như việc phát triển tri thức để có một cái nhìn đúng đắn về giáo pháp, tránh đi những ngộ nhận vốn rất dễ dẫn đến mê tín dị đoan. Điều này có lẽ ít gặp ở những nước mà Phật giáo là quốc giáo, nhưng rất thường thấy ở Việt Nam và ngay ở Ấn Độ này. Nhiều người ở Ấn tin rằng, việc cải đạo của họ từ Hindu giáo sang Phật giáo, Thiên chúa giáo hay cả Hồi giáo là mong muốn tình trạng bản cùng của họ sẽ phần nào được cải thiện. Và ở Việt Nam, một số Phật tử nghèo hiện nay đã từ bỏ Phật giáo để theo Tin Lành hay Thiên chúa giáo, phần lớn cũng chỉ mong đợi ở những vấn đề liên quan đến cơm ăn áo mặc. Tôi không biết những người Phật tử nghèo của Ấn Độ rồi họ sẽ giữ được niềm tin của mình trong bao lâu, khi mà chùa chiền không có, người hướng dẫn cũng không, và niềm tin vào Ấn giáo và Phật giáo vẫn chưa được phân định một cách rạch ròi. Lịch sử cho thấy, trong những nguyên nhân dẫn đến sự suy tàn của Phật giáo tại Ấn, có nguyên nhân đồng hoá tín ngưỡng và việc không nhận ra được sự khác biệt giữa hai tôn giáo cùng đang hiện diện tại một thời điểm, cùng một không gian...

Ngoài những ngôi tháp chính ra, ở Kusinagar còn có tháp thờ Mathakuar, được cho là đánh dấu nơi đức Phật thuyết bài kinh cuối cùng – Mahaparinibbana. Trong tháp thờ một bức tượng Phật cao ba mét, được tạc vào thế kỷ thứ mười. Bên cạnh, ở đây còn có những địa điểm viếng thăm khác như Meditation Park, viện bảo tàng, và một số ngôi chùa của các nước như Thái Lan, Sri Lanka, Nhật Bản, Myanmar, Tây Tạng... Viện bảo tàng trưng bày 248 cổ vật, bao gồm tượng, tiền đồng và một số mẫu kiến trúc thuộc nhiều triều đại. Trong đó có một bức tượng Phật trong tư thế thiền định, được

cho là đỉnh cao của trường phái nghệ thuật Gandhara. Chùa Thái với một quần thể quy mô, luôn giữ lấy lối kiến trúc điển hình của mình, thoáng đãng và tĩnh lặng. Chùa Sri Lanka điệu kỳ với lối kiến trúc độc đáo kết hợp ba truyền thống Sri Lanka - Ấn Độ - Nhật Bản. Bên trong có thờ một bức tượng Phật ở giữa cùng mười vị đại đệ tử hai bên, rất hài hòa và ấn tượng...



Chùa Sri Lanka

Gạt ra ngoài những điều đang có mà đứng ra không nên có, thì Kusinagar vẫn là một thánh tích cần nên trở về chiêm bái nếu có thể. Chiêm bái thánh tích, không chỉ là quay trở về đánh lễ nơi đức Phật nhập diệt mà còn là dịp để ta suy ngẫm nhiều vấn đề khác nữa. Cuộc sống trôi chảy miên man bất tận, đời người thật ngắn ngủi biết bao trong dòng chảy đó. Ý thức về sự vô thường ngăn ngừa của kiếp người, nỗ lực vượt lên những vấn đề nhỏ nhất đời thường để tìm tới những gì tốt đẹp hơn là lời đức Phật đã thiết tha dạy bảo trong những ngày sau cùng ở nơi này, không chỉ cho những người Phật tử mà còn cho tất cả những ai muốn lắng nghe lời dạy của Ngài: **“Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn, chớ có phóng dật”**.

(còn tiếp)

CHUYỆN LIÊU TRAI TRONG KINH ĐIỀN PÀLI

Toại Khanh

Một đêm mùa đông, ngồi đọc ngang bài kinh Hemavatasutta (Kinh Tuyết Sơn) số 9 của Kinh Tập (Suttanipāṭa), phần thứ 5 của Tiểu Bộ Kinh, tôi tò mò tìm vào Chú Sớ xem rõ ngọn ngành. Ô hay, đó là câu chuyện về hai vị đại lực quỷ vương trong Tuyết Sơn, tiền thân là hai bậc long tượng trong tăng-già thời Phật Ca-Diếp. Tôi nghe một cảm giác lạ đi qua lòng mình, không phải vì sợ, mà là chút gì ngậm ngùi, bồi hồi.

Theo chú sớ của Suttanipāṭa, trong thời mạt pháp của Thế-Tôn Ca-Diếp, tức khi Phật đã viên tịch từ lâu, có hai vị trưởng lão nổi tiếng thạc đức, bác học. Trăm sự trong tăng chúng đều nhờ đến sự chỉ điểm phân giải của các ngài. Rồi thì một hôm trong tăng chúng có xảy ra chuyện cãi cọ giữa hai vị tỷ kheo. Chuyện mỗi lúc một trở nên nghiêm trọng, đến mức cả hai không còn muốn nhìn mặt nhau. Kinh ghi rằng một trong hai vị là tỷ kheo hiền thiện, và vị còn lại thì tuy giới luật tinh nghiêm nhưng lòng tu vẫn còn nhiều chỗ bất cập. Ta cứ gọi thầy là tỷ kheo xấu bụng vậy. Tự biết mình có thể phải gặp rắc rối khi nội vụ được đem ra giải trình trước tăng, nên thầy tỷ kheo xấu bụng đã nhanh chân đến gặp mặt hai vị trưởng lão và ra sức hầu hạ sớm chiều, cung đón lễ phẩm. Khi thấy đã đến lúc thích hợp, thầy nỉ non thưa lại chuyện bất hoà của mình với những tình tiết thay đổi cần thiết.

Lòng phàm ai cũng có nhược

điểm. Và nhiều lúc, đối với người thanh tu chơn chất thì cái nhược điểm đó càng lớn. Hai vị trưởng lão bỗng thấy xót thương cho một kẻ hậu bối biết điều nên mặc nhiên hứa khả một sự đồng thuận.

Rồi đến cái ngày chư tăng họp mặt để phân giải chuyện xích mích giữa hai thầy tỷ kheo vừa kể. Toàn bộ tăng chúng cung kính ngược nhìn lên chỗ ngồi của hai bậc lão tăng để thỉnh ý. Như ma xui quỷ khiến, hai bậc thượng thủ của tăng-già đã lớn tiếng bênh vực thầy tỷ kheo xấu bụng và như vậy vị tỷ-kheo hiền thiện kia đã rơi vào hoàn cảnh thê thảm, huynh đệ tẩy chay, có người còn bẽ bàng ra mặt. Dù tự hiểu đó chỉ là một cuộc tranh cãi không nhằm mục đích tranh giành danh lợi, nhưng thầy tỷ kheo hiền thiện đã bàng hoàng trước thái độ khó ngờ của hai bậc đại lão. Thầy chỉ mong nghe được một lời cảm thông chí tình và trung thực giữa chốn tông lâm thánh thiện này thôi, mà vẫn không được sao chứ. Thầy tìm đến hội chúng 1000 tỷ kheo đệ tử của hai vị trưởng lão để thưa chuyện lần nữa. Thế nhưng lòng trung thành tuyệt đối của họ đối với thầy tỏ một lần nữa càng khiến thầy tỷ kheo trẻ ngậm hiều là giáo pháp Phật-Đà đã sắp chìm ngấm trong đêm đời. Thầy vào đánh lễ hai bậc tôn túc lần cuối rồi khóc:

- Hai ngài đã vì người mà bỏ đạo rồi (sāsanaṃ arakkhitvā puggalam rakkhittha). Hôm nay mới đúng là

ngày Thế Tôn thật sự viên tịch!

Lạy xong ba lễ, thầy vĩnh biệt tăng đoàn, về đâu không ai biết. Và chuyện về thầy sau đó cũng nhanh chóng bay biến trong những chuyện đời thời mạt pháp.

Nhưng đó là chuyện của những người trẻ tuổi, họ mau giận rồi cũng mau quên. Đời tu có chút đạo nghiệp xênh xang là đủ vui rồi. Chỉ khổ cho hai vị trưởng lão. Không ai ngờ được rằng từ sau lúc thầy tỷ kheo hiền thiện kia bỏ đi, hai vị trưởng lão đã trải qua những đêm dài mất ngủ. Không phải hai vị thương nhớ gì nhà sư trẻ cứng cỏi kia, họ chỉ bị ám ảnh khôn nguôi với câu nói cuối cùng của thầy. Gì mà khó nuốt đến vậy chứ. Vào ra hôm mai, hai vị cứ tự dẫn vật với hồi ức về nét mặt và giọng nói của thầy tỷ kheo trẻ tuổi kia.

Và tuổi già đã lần lượt đưa hai bậc tôn túc đến giường chết. Thật lạ, một đời tu trì nghiêm cẩn nhưng hai vị trong phút thoi thóp cứ nghe văng vẳng câu nói của nhà sư trẻ đạo nào. Với đạo hạnh một đời, lẽ ra hai bậc lão tăng muốn ngự lên tầng trời nào cũng được, nhưng do mỗi nội kết đắng dai kia thúc đẩy, hai vị đã sinh vào cảnh giới Da-Xoa, một hạng á-thiên không thành thoi như chư thiên trên tiên giới nhưng cũng có được những thần lực uy mãnh đủ làm mưa gió một phương. Lãnh địa của hai vị là vùng Tuyết Sơn, mỗi người một ngọn tiểu sơn làm nơi hùng cứ. Và toàn bộ 1000 tỷ kheo đệ tử của hai vị

cũng theo nghiệp a-tòng ngày trước
mà thác sinh làm một hội chúng lâu
la gồm ngàn tiểu quý.

Tình tri giao tiền kiếp cộng với
lý tưởng tu hành tương đồng nên hai
vị quý vương tiếp tục nhận ra nhau
và tâm đắc thân tình không thua
ngày xưa. Kinh ghi mỗi tháng một
lần, họ gặp nhau và hàn huyên
chuyện cũ. Vùng Tuyết Sơn từ đó
càng thêm phần thâm nghiêm ngăn
cách nhân gian với những tràng cười
sảng khoái dưới trăng hay những
tiếng thét gào thống hối vào những
buổi mưa khuya trên ngàn. Thời gian
cứ vậy trôi đi vùn vụt, sông cạn núi
mòn cho qua hết khoảng thời gian

chuyển tiếp giữa hai đời Phật.

Rồi hoàng tử Tất-Đạt chào đời ở
xứ Ca-Tỳ-La, hơn ba mươi năm sau
đã trở thành bậc đại giác làm thầy
khắp trời người muôn cõi. Hai vị đại
lực quý vương kia dĩ nhiên thừa sức
biết ngay những đại sự xảy ra chốn
nhân gian. Trong một đêm khuya, cả
hai cùng hẹn nhau đến vãn đạo Thệ-
Tôn mà nội dung cuộc đối thoại này
chính là kinh Hemavata số 9 của
Kinh Tập vừa nhắc ở trên. Trong
chánh tạng thì chỉ ngắn gọn chừng
đó, tìm vào chú sớ (tức bộ
Paramatthajotikà) thì độc giả sẽ thấy
ra một trời uẩn khúc nằm sau bài
kinh. Sớ ghi vào cuối buổi pháp

thoại, cả hai vị quý vương đều đã
chứng đắc thánh quả Dự-Lưu, nghĩa
là vĩnh viễn chẳng quay lui phạm
tình, và chắc chắn sẽ viên tịch Niết-
Bàn trong một ngày không xa.

Có sống thì có lầm lỗi. Tội khổ
trăm luân nằm ngay chỗ đó. Cái quý
là mỗi người nên tự có một tư lương
cho những dặm đời mù mịt, và chánh
pháp luôn là ánh sao mai dẫn đường
cho những người lạc lối nhưng vẫn
còn niềm tin vào cái thiện trên đời.
Dù gì hiền thánh ba đời cũng là
những tấm gương cho đời sau ghé
mắt trong từng ngày còn trôi nổi trên
biển trầm luân. Đáng suy gẫm lắm
thay!

Thơ TÂM THƯỜNG ĐỊNH

XUÂN VÀ HOA

*Xuân có đến từ mùa thu lá rụng
Xuân có đi khi xác pháo đầy đường
Hay mùa xuân bằng bạc ở muôn phương
Hay băng lãng trong hư không bất tận?
Xuân ở đây là mùa xuân Di Lặc
Xuân vị tha, xuân tha thứ bao dung
Xuân từ bi, xuân hỷ xả vô cùng
Xuân thanh tịnh xuân đông đầy huyền diệu
Cánh hoa tâm mùa xuân không thể thiếu
Hoa mọc từ bùn và mọc muôn nơi
Hoa giác ngộ nở trong rừng phiền não
Thầy bảo rằng: “Sân trước một cành mai.”*



CHIỀU THU

*Thu lạnh
rừng hoang
tóc em lỏa xỏa
uơm mây trời
gió heo may
con say
vừa dứt.*

CON NGỦ

*Nước miếng ướt gối mềm
con ngủ một giấc ngon
giật mình ngơ ngác mắt
nhìn cha, thêm giấc nồng.*

VỊ TRÍ, Ý NGHĨA CỦA HỒ ĐƯA LINH TRONG LỄ ĐÀN BẠT ĐỘ GIẢI OAN

Văn Uyên

Hồ đưa linh là hình thức dân ca nghi lễ chiếm giữ một phần trong lễ đàn giải oan bạt độ của lễ nhạc Phật Giáo Huế. Nhìn ở hình thức, nghệ thuật, đây là một loại hình sân khấu có tính chất tổng hợp; nhìn ở nội dung cúng bái thì đây là một trong muôn vạn pháp môn phương tiện hoằng dương Phật pháp. Theo quan niệm thông thường, bạt độ giải oan là nghi lễ nhằm cởi bỏ oan trái cho những người bị chết bất thường (bất đắc kỳ tử).

Thời gian tiến hành lễ đàn khoảng từ chiều tối đến gần nửa khuya trong không gian gia đình hoặc từ đường các dòng tộc. Nghi lễ đầy đủ gồm một vị sám chủ, bốn hoặc sáu kinh sư hộ đàn, công văn, ban cổ nhạc sử dụng đàn nhị, trống bản, kèn bầu, sáo trúc và một nghệ nhân hồ đưa linh.

Theo trình tự của lễ đàn, sau khi được giải thoát khỏi các địa ngục Đông, Tây, Nam phương, độ phu (ông trạ) đưa hương linh, oan hồn qua khỏi cửa Bắc phương đến Trung ương chánh điện. Đến đây các linh hồn, oan hồn được giải oan, đoạn nghiệp, quy y Tam Bảo để siêu sinh tịnh độ.

Dưới đây chúng tôi ghi lại phần hồ đưa linh do một nghệ nhân là nhạc công cổ nhạc trình bày trong lễ đàn giải oan bạt độ ở Huế nhân lễ đại tường của một cụ bà thọ 90 tuổi có con cháu ở trong nước và hải ngoại:

Sám chủ: “...Đức Địa Tạng Đại Bồ Tát trần khai Địa ngục môn/ Hương hồn mong giải thoát xuất ly cửa Bắc phương/Cõi Tịnh độ chư Phật thường hiển hiện/Chôn u quan ngục tốt mãi hành hình/ Đây đôi nơi khổ lạc đã phân minh/ Thuyền Từ đạo sẵn đưa hương linh qua đò.

Oi ... độ phu thuyền...ơi ...độ phu thuyền...”¹

Độ phu (ông trạ):

- **Nói thơ:** “Trời có đô Huế mùa đông lạnh lẽo/Dưới mái từ đường các Phật tử trang nghiêm/Ngày hôm nay con cháu trở về/Cầu xin Chư Phật độ trì hương linh.”

- **Hát hường:** “Bạch Ngài tôn sư..., tiếng của Ngài đức hạnh bấy lâu nay, hôm nay thuyền Từ đạo sẵn để chờ lệnh Ngài.”

Sám chủ: “Độ phu ơi...hôm nay lễ Đại tường thân mẫu, đại gia đình bốn tộc phát nguyện truy tiến tiên linh, chân tế âm linh cô hồn, bạt độ giải oan đoạn nghiệp, huyết thích tiền khiên, báo đáp công ơn, cầu siêu quá cố hương hồn. Chư hương linh đã đến cửa bắc phương Nhâm Quý Thủy hàn băng địa ngục lạnh lẽo, hương linh giữa biển trầm gian khổ, cảm phiền ông bà trạ đưa hương linh từ cửa Bắc phương đến cửa Trung ương. Thay mặt trai chủ cảm ơn hậu tạ.”²

Độ phu:

- **Hát hường:** “Dạ...dạ...con xin nghe lời Phật dạy, nghe những lời Ngài truyền. Con xin thỉnh Tôn sư an tọa nơi Bắc phương ngoại đàn, để cho ôn mục con đây nói lên lòng trung dạ hiếu của con cháu trong gia đình dòng tộc.

“Bạch Tôn sư, sách có câu rằng: Niên hữu tứ thời, xuân tại thủ/Nhân sinh bách hạnh hiếu vi tiên/Nhân ngày Đại tường từ mẫu, con cháu trong gia đình thiết lễ truy tiến tiên linh, chân tế âm linh cô hồn, bạt độ giải oan đoạn nghiệp.

“Hôm nay những cánh chim bay về tổ ấm/Trọn lòng thành...hiếu đạo với tổ tiên

- **Hò:** “Ơ...ơ...ơ...tội là tội hồi...bà con ơi

“Nhớ ngày xưa mẹ ẵm mẹ bồng/Hy sinh gian khổ nuôi đàn con thơ/Ngày nay mẹ đã đi rồi/hai năm qua...ư...ư...ư nhớ đời...nhớ đời trọn kiếp hình bóng...mẹ hiền ơi...ư...ư...ư...”

- **Hát hường:** “Giờ đây chắc những người con, người cháu bên kia hải ngoại cũng hướng về quê hương xứ sở/Một tấm lòng hướng trọn đến mẹ cha”.

- **Hát văn** (đài): “Lệ đổ đôi dòng bấy lâu/Mẹ ơi lệ đổ đôi dòng/Hai năm biệt mẹ đi đâu không về.

“Ôi...nhớ mẹ ngày xưa/Mẹ ơi con nhớ...mẹ xưa/Những lời dạy bảo rõ ràng bên tai...ư...ư...ư...ư...”

“Khi ẵm khi bồng nhớ xưa/Mẹ ơi khi ẵm khi bồng/Nuôi con khôn lớn trưởng thành với thế gian...”

“Cực khổ không than nhớ xưa.../Dù cho cực khổ không than/Thức đêm dậy sớm lo cho con no lòng.”

- **Hát văn** (phú): “À...ư...ư...ư...”

“On thiêng liêng ngàn năm còn nhớ mãi/Nghĩa sinh thành cha với mẹ chớ nào quên/Ngày hôm nay mẹ đã thác xuống cửu tuyền/Xin mẹ chứng giám cho tấm lòng cháu con/Dù cho ăn ở nơi đâu/Luôn luôn nhớ tới công sinh thành của mẹ cha/Ba năm đường dục của cha/Chín tháng mang nặng các con ghi lòng...
ư...ơ...ơ...hơ...hờ...”

- **Hát hường**: “Bạch Tôn sư, nhờ công đức vô lượng vô biên của on trên Tam Bảo, ngày hôm nay ôn mụ con được nghe truy tiến tiên linh và thật là đau khổ: có những vong hồn bị bom bị đạn, có những vong hồn mất xác mất thân.

“Bạch Tôn sư, thuyền của con đưa chẳng là đưa các hương linh, đưa chẳng là đưa những người oan gia trái chủ, đưa chẳng là đưa những người xuất chiến tông chinh, đưa chẳng là đưa những người trúng đạn sa trường, đưa chẳng là đưa những người mất thân mất xác.

“Bạch tôn sư, hôm nay vợ chồng con đưa tất cả... Các vong hồn ời nhe nhẹ qua đời”.

- **Hát vắn** (phú): “À...ư...ừ...ư...con cúi xin đức Phật A Di Đà/Ngài phóng quang tiếp độ cho các linh hồn được siêu thăng/Bảy lâu nghiệp chướng nặng nề/Ngày hôm nay theo gót Tôn sư trở về...ư...ơ ...hờ ...hờ...”

- **Hát vắn** (đài): “Nghiệp chướng sâu dày bảy lâu/Bảy lâu nghiệp chướng sâu dày/Giờ đây dứt sạch để về bên Phật đài.

“Trăm hoa ...ư...ừ...ư..., trăm hoa đua nở...ư...ư...ừ..., ao liên trì...thơm ngát mùi hương...ư...ừ...hừ...”

“Giáng phước lưu ân con cầu xin/Cầu xin giáng phước lưu ân/Cầu cho vong giả siêu thăng nhẹ nhàng.”

- **Hát hường**: “Bạch Tôn sư, vâng lệnh Ngài con đã đưa các hương linh qua khỏi Bắc phương, xin Tôn sư Ngài đưa các vong hồn lên Trung ương chánh điện”.

- **Hát lý**: “Là thuyền lui thuyền, là thuyền lui thuyền, vượt bến Giang Tân/Tà lý tang tình, mà nghe câu hò tà lý tình tang/Khách qua thuyền khoan hò khoan/Tà lý hò khoan/Hồ khoan...”

Nội dung của hò đưa linh trong lễ đàn bạt độ được người biên soạn biến tấu, cảm tác theo nhân thân, hoàn cảnh người quá cố, nhưng phải nói lên được các phần sau:

- Giới thiệu lý do thiết lập lễ đàn
- Khắc ghi công ơn người đã khuất
- Thể hiện tình cảm cùng với sự nguyện cầu để hương linh, oan hồn được siêu thoát về cõi Phật.

Với ca từ giản dị, dễ hiểu, giàu hình ảnh, gần gũi với cuộc sống đời thường.

Với giai điệu trầm lắng, mang đặc trưng điển xưng qua các làn điệu hát hường (nói lối nhưng mạnh mẽ), nói thơ, hát vắn (đài-phú), hò, hát lý... của hò Trị Thiên theo hệ thống ngũ cung, hơi nam giọng ai “toát ra một âm hưởng xa xôi, huyền bí và đầy tính trữ tình trong hò nghi lễ.”³

Trong không khí trang nghiêm của lễ đàn, hò đưa linh cùng với lời sám của Sám chủ, lời tụng niệm của các kinh sư hộ đàn, lại được phụ họa bằng tiếng đàn nhị nỉ non, tiếng trống bản nhịp nhàng của ban cổ nhạc, lễ đàn đã có sức thu hút lớn đối với người xem, người nghe; nội dung báo hiếu trọng ân, quy y Tam bảo, đi sâu vào tâm hồn người Phật tử nhẹ nhàng nhưng sâu sắc.

Lễ đàn bạt độ là nghi lễ của Phật Giáo, có năng lực đưa con người vào chánh đạo. Tuy nhiên vẫn có nơi có lúc đã bị lợi dụng vì những mục đích riêng, làm cho ý nghĩa cao quý không còn mà bị đồng hoá với mê tín, dị đoan, thoái hóa, ru ngủ quần chúng như nhận định sau đây của cố Hoà Thượng Thích Thiện Siêu: “Nghi lễ có công dụng gần quần chúng, làm phương tiện tiên phong để truyền bá đạo Phật. Thế nhưng, một khi vai trò tiên phong đã đi không đúng pháp, không hướng người theo chánh pháp thì chỉ dẫn người vào ma đạo mà thôi.”⁴

Hò đưa linh trong lễ đàn bạt độ là một loại hình sân khấu đặc biệt, một phần trong nhạc lễ Phật giáo có tác dụng rất lớn về mặt tâm linh, vì vậy cần được nghiên cứu, bảo lưu.

Đà-lạt tháng 02, 2008

1, 2 Theo nghi thức lễ đàn bạt độ

3 Theo Tôn Thất Bình - Những đặc trưng của Hò Trị Thiên – NXB Trẻ 2006 trang 125

4 Thích Thiện Siêu – Vài nhận xét về nghi lễ trong Phật Giáo - Nội san Liễu Quán - Huế số 8- 2007 trang 9



thơ

Đà Lạt Oi Ngày Xưa

Bây giờ mà Đà Lạt, em sẽ làm sao em? Gió mùa Xuân mát mát, nụ cười em chắc duyên? Và tóc bay phớt phớt em có chờ chẳng mưa? Những cơn mưa phát phơ, áo dài em nằm ngọc, áo dài thời đi học trắng muốt con đường xanh, hoa và hương hoàng lan thơm từng trang vở mỏng...Này em thời hoa mộng mà được nhĩ bây giờ, anh sẽ thôi làm thơ bởi vì em là nhạc, là Cam Ly dòng thác quyến rũ sương quanh quanh...

Bây giờ em với anh, chúng ta đang đâu nhĩ? Phải chi đây là Huế, anh kéo sông Hương về, em ngồi chải tóc thề phủ xanh cau thôn Vỹ hát câu hò cổ lý nhẹ như trưa mộng tôi. Em ơi này em ơi, gọi hoài như thủ thi, gọi hoài như nắng mới reo thì trào trong mơ. Mực mỏng tôi là thơ, anh viết câu gì vậy?

Con sông trước mặt chảy giống như đời tha hương - khác là nước có phương, người thì đi tứ xứ. Con sông trào sóng dữ, Đà Lạt ơi ở đâu? Đà Lạt chìm sông sâu. Và mắt em vừa ướt. Không ai mơ mà được, Đà Lạt ơi ngày xưa...

Phố Khuya

Phố khuya vàng vọt đèn vàng, hàng cây xám xịt xếp hàng đứng im. Người đi như kẻ muốn tìm cái chi vừa rớt mắt chìm trong sương. Sương khuya như bụi phủ đường, người đi như thể cũng đường trong mơ. Chẳng ai đợi, chẳng ai chờ, cuối con phố vẫn hai bờ lẽ hoang. Phố khuya vàng vọt võ vàng, có con để nhớ ai choàng dậy kêu. Đèn không tìm bắc để kêu, mặc nhiên âm đạm những điều than van. Là cơn gió buốt lỗ lã ở đâu thổi tới hắt ngang mặt người...Than chi không khéo lỡ lời, ngậm trong miệng cũng lỡ đời tha hương!

Phố khuya tôi cúi xuống đường thấy tôi cái bóng buồn buồn lênh đênh. Ở đây không sóng vỗ ghềnh chỉ nghe giầy nện xuống nền nhựa thôi. Hỡi sông hỡi biển hỡi trời, xa hay gần chẳng ai người nhớ ai!

Phố khuya đèn ánh sương cài tường như nước mắt bay dài ánh sao!

LÊ N. KHÁI

LÊ NHIÊN HẠO



LÀ VỌNG TÂM THÌ THẤY PHẬT

Phạm Hoàng Chương

Thói thường, trong xã hội sống theo văn minh Âu Mỹ, thiên hạ cho những con người khôn ngoan, thực tế, thành công, là những người biết tự tạo cho mình và gia đình một cuộc sống vật chất đầy đủ, nhà lầu xe hơi, ăn ngon mặc đẹp, tiền bạc rủng rỉnh trong nhà bank. Những kẻ hay đọc sách, làm thơ viết văn, suy tư mơ mộng, học cao, nói những lời triết lý tôn giáo cao xa hão huyền là không thực tế, họ có thể được kính trọng, tiếng tăm, nhưng đa số phải sống bám vào gia đình, xã hội, và tén đồ, hay ít ra sống một cuộc sống thanh đạm, nghèo nàn về vật chất. Quan niệm sai lầm này cần phải được đem ra thảo luận và xét lại.

Hãy đặt câu hỏi như thế này: Tất cả những gì mà thiên hạ cho là thực tế, thành công về vật chất trên đời này, nhà lầu xe hơi, tiền bạc, địa vị, v.v... những thứ mà con người lao nhọc thân tâm, ngày đêm lo nghĩ, cực khổ tạo ra là để cung phụng cho cái gì? Cho cái TA, cho cái thân xác tạm bợ phù du này, đúng không? Những thứ thành công trừu tượng khác, như danh vọng, lòng kiêu hãnh vì vợ đẹp con khôn, nắm quyền chỉ huy, địa vị cao sang, cũng chẳng có công dụng nào khác ngoài làm tăng trưởng thêm lòng ngã mạn, về cái NGÃ, cái thân xác sinh diệt này.

Cái thân xác này không bền chắc, mà tùy thuộc vào thức ăn, nước uống, không khí, khí hậu, và mặt trời là những thứ sinh diệt vô thường. Cái thân xác suốt ngày phải kiếm ăn, nấu nướng, thu nạp vào, tiêu hóa, rồi phải cuống cuống chạy đi tìm chỗ để xổ ra. Cái thân xác này không có gì nhét vào thì đói khát, khổ sở, mà không xổ ra được, cũng đau tức, lẫn lộn ê chề... Cái thân xác này, khi còn hít vào được, gọi là sống, mà không còn thở ra nữa, gọi là chết, khác nào khúc gỗ hôi thối, làm cho ngay đến cha mẹ, vợ chồng, anh em, con cái ruột thịt cũng sợ hãi, tránh xa. Đó là khi khỏe mạnh, nó còn đưa vào, thải ra suông sê. Khi đau bệnh ngặt nghèo rồi thì muốn nuốt thức ăn vào cũng không được, mà thải ra cũng không xong. Cái TA đó có gì là quý giá, tốt đẹp, là trường tồn, vĩnh cửu? Nó là mầm mống của bệnh tật, già yếu và khổ đau. Nó đâu có thực. Nếu thực thì ông bà, cha mẹ, chú bác, cô dì ta đó, ngày xưa thân ái xum vầy quanh ta, sao không còn nữa, mà biến mất đâu rồi, đến phiên ta rồi cũng sẽ vậy thôi, thân này, bởi vậy, rõ ràng

chỉ là hư dối, không có thực. Cuộc sống ở thế gian này như vậy có gì là hạnh phúc mà tham đắm. Hiểu được như vậy, mới thấy con người thực tế không phải là biết làm giàu, mà phải là con người nhận thức rõ được chân lý tuyệt đối này để đặt ra những câu hỏi về tâm linh, siêu hình. Ngẫm lại mà xem, ai cũng thích được chúc sống lâu trăm tuổi, trẻ khỏe giàu bền mãi mãi. Không ai muốn nghe chúc “đau bệnh, già, khổ, chết”. Có đúng không? Nhưng mà đó chính là sự thực, phải chấp nhận. Hay là thiên hạ biết rõ mà vẫn thích sống trong cái ảo tưởng giả dối “sống lâu giàu bền” đó. Thân xác, cũng như tất cả vạn pháp trên thế gian này, trong đạo Phật, là do duyên hợp mà thành. Vạn vật do tứ đại: đất, nước, gió, lửa kết hợp lại mà thành. Cây lúa kia, do hạt giống, đất nước, không khí và ánh nắng duyên hợp mà thành... Thân xác kia, do ĐẤT (thịt xương gan ruột lông tóc), NƯỚC (máu, nước mắt, mồ hôi), GIÓ (hơi thở), LỬA (nhiệt độ) mà hợp thành. Còn duyên thì hợp lại, gọi là SỐNG, hết duyên thì tan rã, gọi là CHẾT. Sống và chết của con người chỉ cách nhau một hơi thở. Và không ai biết trước được cái chết nó xảy ra vào lúc nào. Nó không có báo trước. Thân xác, cái TA, mà ta cho là quý nhất trên đời, còn chưa giữ được thì nói chi đến những thứ giả tạm ngoài thân, như nhà lầu, đất cát, xe hơi, tiền bạc, danh vọng, uy quyền... Cái gì do Duyên hợp thì phải sinh diệt, theo luật THÀNH, TRỤ, HOẠI, KHÔNG, Phật giáo gọi là vô thường.

Người nào hiểu ra điều căn bản này có thể bắt đầu gọi là những người thực tế, khôn ngoan. Bớt thì giờ bon chen làm ăn, chơi bời hưởng thụ, cãi cọ hơn thua nhau, để suy tư về ý nghĩa của cuộc đời. Tự hỏi chết rồi đi về đâu? Những người duy vật thì cho là chết là hết, cứ tha hồ cướp giết vợ vét hiếp đáp người khác yếu hơn mình bằng mọi thủ đoạn để hưởng thụ cho thỏa mãn kiếp người trước khi tan thành tro bụi... Những người đầu óc đơn giản, nhưng biết lo xa, cho là chết rồi xuống địa ngục, hay lên thiên đàng, tùy theo lúc còn sống ăn ở hiền lành hay làm ác... Từ từ, khái niệm về một Luật nhân quả của thiên nhiên, về một sự công bình tuyệt đối của Trời đất đã vô tình mơ hồ kết tinh trong tâm hồn con người có chút bản chất thiện. Con người tin tưởng vào Ông Trời, Phật, Chúa, Thần linh, một đấng Tạo hóa siêu

nhiên nào đó, có quyền lực tối cao, tạo ra muôn loài và đóng vai trừng phạt khen thưởng muôn loài, bắt đầu lo ăn hiền ở lành. Những người theo Ấn độ giáo, hay Phật giáo, tin vào vòng Luân hồi của chết và sống, trong đó chúng sinh tùy theo Nghiệp ác hay Nghiệp lành, sau khi chết, luân chuyển lăn lộn lên xuống trong 6 cõi: Trời, Người, A tu la, Súc sanh, Ngạ quỷ, và Địa ngục.. Theo đạo Phật, chỉ có những bậc chân tu, minh tâm kiến tánh, giác ngộ, mới thoát khỏi vòng luân hồi, vĩnh viễn sống trong cảnh bất sanh bất diệt, an vui tự tại. Đạo Phật gọi đó là Niết bàn, hay Chân tâm, Phật tánh.

Tất cả những bộ kinh lớn của Phật giáo, Lăng Nghiêm, Viên Giác, Kim Cang, Pháp hoa, Hoa Nghiêm, Bát Nhã... đều bàn bạc nhắc đến Tướng và Tánh, Sắc và Không, Tâm và Cảnh, Vọng tâm và Chơn tâm, đến Trung Đạo và lý Bất nhị. Tướng với Tánh như Sóng với Nước. Tướng là hình tướng thay đổi, sinh diệt, như có khi là mưa, có khi là tuyết, sương mù, mưa đá, ao hồ, sông biển, sóng êm hay động. Tánh là bản chất cố định của các tướng đó, tức là chất nước, lúc nào cũng là ướt. Chúng sinh tướng mạo hình thù, sắc tộc, tiếng nói khác nhau, nhưng Phật tánh thì giống nhau không khác.

SẮC là sự vật mà con mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, miệng nếm, tay chân sờ được, nhưng nó không có bản chất cố định, khi thơm khi thối, khi ngon khi dở, nó thay đổi luôn luôn. Nó sẽ rồi tự hủy hoại với thời gian, nên gọi “Sắc tức là Không”. Có đó không đó liền liền. KHÔNG là TÁNH thấy, là CHÂN tâm, trường tồn, không thay đổi, nhưng nó vô hình mắt thường không trông thấy, nên tạm gọi là Không. Nhưng mà cái Không này có thực, hiện hữu, không bao giờ mất, nên kinh Bát Nhã lại gọi “Không tức là Sắc”.

Tâm có 2 thứ: vọng tâm và chơn tâm. Vọng tâm (tâm phan duyên) chạy theo Cảnh, còn Chơn tâm thì đứng yên. Sống theo vọng tâm, lăng xăng cả ngày, như con khi bị nhốt trong chuồng (dù cho vọng tâm) đáp trả chí chóc với những con khi đứng bên ngoài chọc ghẹo (dù cho Cảnh) nên tạo nghiệp, bị luân hồi sanh tử. Sống theo Chơn tâm, như con khi trong chuồng biết mà nhắm mắt làm ngơ, không thèm trả lời những cámc dỗ hay mắng chửi của lũ khỉ bên ngoài, thì không tạo Nghiệp, không bị luân hồi sanh tử. Muốn hiểu rõ về Chơn tâm và Vọng tâm, phải coi lại Kinh Lăng Nghiêm, mới thấy cái cảm giác sung sướng chói lòa của người bừng tỉnh sau cơn mê lầm triền miên từ khi cha sanh mẹ đẻ tới nay. CẢNH, như bầu trời không gian, con mắt thấy khi tối khi sáng; như trong phòng và ngoài sân, con mắt thấy có chật chội, có rộng thoáng, nhưng TÁNH thấy (chơn tâm) thì lúc nào cũng thấy, không tối đi hay sáng ra, không chật vô hay rộng ra. Ngay cả người mù, tánh thấy vẫn có. Họ thấy cái tối đen. Con mắt là thứ sinh diệt, hoại

rũ theo thời gian, nên cái mà con mắt thấy là hư giả, không thực. Âm thanh cũng vậy, khi to khi nhỏ, khi còn khi mất, nhưng TÁNH nghe thì lúc nào cũng nghe, không to ra hay nhỏ lại, không rõ thêm hay điếc đi. Ngay cả người điếc tánh nghe vẫn có. Họ nghe thấy sự yên lặng. Tai là thứ sinh diệt, thối rữa, hủy hoại theo thời gian, nên cái mà tai nghe là hư giả, cũng không có thực. Cái gì sinh diệt thì mất, cái gì không sinh diệt thì còn. Cho nên nhục thân, xác thịt tan rã sau khi chết, mà TÁNH thấy tánh nghe, hay CHÂN TÂM, vẫn không bao giờ mất, mà tiếp tục đi theo con người đầu thai qua kiếp khác trong vòng luân hồi sanh tử trùng trùng điệp điệp.

Trung đạo và Bất nhị là pháp “không có hai bên”, không thái quá cũng không bất cập, không có đối đãi hai bên, tốt hay xấu, thiện hay ác, lớn hay nhỏ, già hay trẻ, sống hay chết. Vì sao? Vì cái gì có thay đổi thì sinh diệt, hư dối... Trung đạo, hay Bát nhã, cái thấy biết Chơn tâm đó, gọi là PHÁP. Còn như có đối đãi, còn thấy hai bên như phạm phu thấy, gọi là PHI PHÁP. Con người còn MÊ thì cần nương theo Pháp. Nhưng, khi đạt đến trí huệ Phật, thành Phật rồi, thì Pháp không cần phải giữ, không cho là thật nữa. “Pháp còn phải bỏ, huống chi là Phi pháp”. Như người bệnh phải cho thuốc (Pháp) mới khỏi, Nhưng khi khỏi rồi thì có cần dùng thuốc (Pháp) nữa hay không? Nếu đã hết bệnh mà còn dùng thuốc nữa thì thật là điên rồ, gây ra đại họa. Nếu giữ cả thuốc lẫn người thì lại thấy có hai, là đối đãi, mà đối đãi là sanh diệt. Cho nên cái giáo pháp rốt ráo của Phật nói ra rất cao, rất ít người liễu ngộ và hiểu được, nếu không có căn cơ nhiều đời tu tập về trước. Cái triết lý mà Phật nói ra còn không nên chấp cho là thật, phải bỏ đi, huống chi là cái hư vọng mê lầm vì chạy theo vọng tâm mà chúng sanh bấy lâu đeo đuổi. Giáo pháp của Phật như chiếc thuyền dùng đưa người mê sang sông (sang bờ giác ngộ), nhưng chỉ là phương tiện, khi đến bờ rồi thì phải bỏ, không còn vác theo trên vai nữa. Cũng vậy, ngón tay dùng để chỉ mặt trăng, nhưng khi thấy mặt trăng rồi thì ngón tay phải bỏ đi. Cao hơn một bậc, rốt ráo tốt cùng hơn cả, khi mình đã là mặt trăng (Phật) rồi, thì chính mình với mặt trăng là MỘT (không hai), còn nhắc đến mặt trăng nào nữa, huống chi là ngón tay. Đó mới gọi là giác ngộ hoàn toàn, là viên giác (Kính Viên giác).

Kinh Đại thừa nào cũng nhắc đến Phật tánh rỗng lặng tròn đầy trong sáng vốn có sẵn trong mỗi chúng sanh, mà chúng sanh vì Vô minh mê mờ nên không biết, Như người ăn mỳ có viên ngọc quý trong túi áo mà không biết, vất vả lam lũ xin ăn khắp nơi. Như vàng có sẵn ở trong quặng, gạn lọc quặng ra thì thấy vàng. Như núi xanh bị mây trắng mây đen che phủ, gió thổi mây tan thì núi xanh lộ ra. Chơn tâm, Phật tánh, hay Niết bàn, nó vốn ở sẵn trong ta, không phải ở ngoài đưa vào,

không phải tìm cầu ở đâu. Chúng sinh vì tham sân si che lấp, như quặng che vàng, mây đen che núi, không biết quay lại chơn tâm, cứ theo vọng tâm dong ruổi tìm cầu ở bên ngoài, buông thả cho thất tình lục dục tung hoành, ham muốn, hờn giận, ganh ghét, đố kỵ, nuôi lớn cái NGÃ sinh diệt... tạo ra bao nhiêu là phiền não, nghiệp ác, cuốn hút vào vòng luân hồi không biết đến bao giờ ra khỏi. Nếu biết sống với Chơn tâm, cái Tánh sáng rỗng lặng đó, từng giây từng phút, không chạy theo vọng tâm lăng xăng vì không gian thay đổi, vướng mắc gì với những thứ sinh diệt phù du hư dối bên ngoài, thì chính ngay hiện tại cuộc sống này ta đã thấy Phật, “thấy Phật” tức là đã sống trong Niết bàn. Ngay cả thời gian cũng là một thứ luân chuyển không ngừng, sinh diệt, thay đổi, hư dối, giây trước giây sau chưa kịp gọi là hiện tại đã biến thành quá khứ, không cố định, làm cho ta thấy lúc trẻ lúc già. Còn trẻ đẹp thì vui sướng, thấy già héo thì buồn phiền. Nếu ta hiểu thời gian cũng là sinh diệt, hư dối, thì còn trẻ còn đẹp không mừng, mà già nua sắp chết cũng không lo, tâm ta không vướng mắc âu lo sợ hãi buồn phiền nữa. Tâm mà không vướng mắc vào đâu nữa thì thênh thang bao la, ung dung tự tại. Chỉnh đó là cõi Vô ưu, cõi Phật, cõi Niết bàn.

Hầu hết Phật tử tại gia, không biết làm sao để thoát ra vòng luân hồi, vì nặng nợ gia đình con cái, không có cơ duyên và khả năng nghiên cứu kinh sách Phật giáo, hiểu được cái lý Bát Nhã, “minh tâm kiến tánh”, chỉ biết đi chùa, cúng tăng, gieo duyên lành với Phật, làm phước thật nhiều để mong được phước mà thăng hoa lên trong những kiếp sau. Nhưng làm phước thì được phước, sinh vào cõi Trời, hay cõi Người giàu có sống lâu, hưởng lạc một thời gian rồi lại phải đọa lạc xuống địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, lại tiếp tục làm phước để ngoi lên, rồi cũng chỉ trôi lên trụt xuống lần quẩn trong vòng luân hồi không biết ngày nào ra, rất là mệt thì giờ... Ít ai hiểu rằng muốn thoát khỏi luân hồi vĩnh viễn, phải tránh vướng mắc vào những thứ có tánh chất sinh diệt, do nhân duyên kết hợp tạo thành, như 4 tướng: NGÃ, NHƠN, CHÚNG SANH, THỌ GIẢ. Đừng cho cái TA là thực, NGƯỜI đang nói chuyện với ta là thực, cảnh bên ngoài là thực, cảm giác là thực. Những thứ đó không có bản chất cố định, thay đổi sinh diệt luôn luôn, có đó không đó, khi nhỏ khi lớn, khi khỏe khi bệnh, khi chết khi sống, khi tươi khi héo, khi giàu khi nghèo, khi buồn khi vui, khi thương khi ghét... Cái gì có đối đãi 2 bên như vậy thì vô thường, hư dối. Phải đừng chấp trước vào CẢNH, vào pháp hữu vi, vào cái mà giác quan ta cảm nhận, vì chúng thay đổi, sinh diệt từng sát na. Bám vào cái sinh diệt thì thân ta phải theo đó mà sinh diệt theo. Phật giáo gọi Cảnh là 6 Trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Con người có 6 Căn (MẮT, TAI, MŨI, LŨỖI, THÂN, Ý).

Khi 6 Căn tiếp xúc với 6 Trần thì nảy sinh ra 6 Thức, tức là cái cảm giác sung sướng hay đau khổ buồn rầu do 6 sự va chạm đó tạo ra. Lúc đó chính là lúc Vọng tâm nảy sinh, ưa thích hay ghét sợ, tham hay sân, cái cảm giác sinh ra do sự va chạm đó. Nếu ưa thích cái cảm giác sung sướng đó (như ăn thấy ngon, mặc thấy đẹp, mừng làm chủ nhà cửa, tài sản lớn, thấy khoái khi nghe lời êm dịu, khi ôm ấp sắc đẹp, thấy mê khi hưởng thú vui xác thịt) thì sanh tâm THAM, mê say, nịnh bợ, ve vuốt, tìm cách chiếm đoạt. Nếu cái cảm giác đó gây khó chịu (như bị người chửi mắng, làm nhục) thì sanh tâm SÂN, chửi bới, trả thù, giết hại cho bỏ tức. SI là không hiểu lý lẽ dính mắc ô nhiễm này, không biết hàng phục tâm, không biết ung dung tự tại sống với chân tâm, cứ cầm đầu chạy theo vọng tâm. Vì Si nên mới sinh ra THAM và SÂN. AI khen làm sướng tại ta thì ta khoái chí, ưa mến người đó, ai chê bai mắng chửi thì tức giận, tìm cách trả thù... tạo ra vô số nghiệp ác. Từ đó quay lăn trong vòng luân hồi. Muốn chấm dứt luân hồi phải NGỪNG ngay ở chỗ móng tâm ưa thích hay ghét bỏ khi Căn vừa chạm Trần, sinh ra THỨC. Yêu hay ghét đều là vọng tâm, tạo Nghiệp, mắc vào luân hồi. Đừng vướng mắc vào cái ưa thích hay ghét bỏ đó, thì chấm dứt Nghiệp..

Khi Phật Thích ca thành đạo, quán sát thấy căn cơ chúng sanh quá thấp kém, còn chấp có hai bên trong vòng Nhị nguyên đối đãi, có Thiện có Ác, có Tốt có Xấu, có Sinh có Tử... mà Đạo Ngài tìm ra thì Bất nhị, không có hai bên, quá cao siêu trừu tượng, Ngài đã buồn bã toan nhập Niết bàn, không muốn đi giáo hóa chúng sanh. Đến khi chư thiên xúm lại nài nỉ, khuyên lơn, thuyết phục, Ngài mới phải nhận lời đi giáo hóa, nhưng chọn những bài học đơn giản thích hợp với căn cơ con người, chấp nhận sự việc thấy nghe trước mắt, ưa thích phân biệt so sánh, thích có đối đãi hai bên như Tứ diệu đế, nói về KHỔ và nguyên nhân của Khổ, cách thức diệt Khổ. Nói về giới luật (sát sanh, ăn cắp, nói láo là xấu, phóng sanh, bỏ thí, ái ngữ là tốt), các phép Quán về xác chết hôi thối, để diệt lòng tham dục, quán về xương trắng ở bãi tha ma để hiểu lý vô thường, xa lìa đam mê vật chất, nói về Bát chánh đạo, về quán sát nội tâm, về Thiền định. Nói về chúng được các đẳng cấp A na hàm, Tu đà hoàn, A la hán... ra khỏi vòng luân hồi, nói về đắc được các phép mầu, thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, thần túc thông, về Vọng tâm và Chân tâm... Khi nhận thấy căn cơ lãnh hội các đệ tử đã khá cao, bấy giờ Ngài mới nói đến việc Phá chấp, đến Kinh Kim cang bát nhã, không có cái cấp bậc gì để ĐẮC hay MẤT, không có Người có Ta, không có Năng (người làm) hay Sở (việc bị làm), không có cái gì thực sự được và mất đi hết. Nếu chấp là có, thì Tâm sẽ vướng mắc, sinh diệt, trôi lăn trong dòng sinh tử.

Chẳng hạn, trong kinh Kim Cang, ta thấy hầu như luôn luôn đức Phật nhắc đi nhắc lại một điệp khúc khó hiểu như vậy:

-“Này Tu bồ đề, Bồ tát trang nghiêm cõi Phật, mà không thấy mình có trang nghiêm cõi Phật, ấy gọi là trang nghiêm cõi Phật.”

- Bồ tát bồ thí mà không thấy mình có bồ thí, ấy gọi là Bồ thí.

- Như lai gọi là Thân lớn, mà không phải là Thân lớn, ấy gọi là Thân lớn.

Phật cũng hay dựa vào lòng tham của con người để nói về phước đức, vì ai cũng ham có nhiều phước đức để kiếp sau khỏi khổ, để hưởng thụ giàu sang. Làm phước phát xuất do lòng từ bi thì tốt, nhưng để mong cầu hưởng phước trở lại là cái tham vi tế. Do đó, Phật khuyến chúng sinh tu Huệ bằng cách so sánh hai loại phước đức, phước hữu vi và phước vô vi. So sánh phước đức trì tụng Kinh với phước đức bồ thí thân thể (hay châu báu vàng bạc) qua vô số kiếp như số cát sông Hằng Hà. Trì tụng không có nghĩa là đọc như con vẹt, mà là ghi nhớ và theo đó mà hành động áp dụng trong cuộc sống hàng ngày. Nhiều người không hiểu rõ lý này, cứ cầm đầu tụng kinh, đến chết cũng chưa giác ngộ. Hãy nghe những điệp khúc như vậy:

-“Này Tu bồ Đề, ví như có người bồ thí châu báu trải qua vô số kiếp nhiều như số cát sông Hằng, như thế phước đức có nhiều không?

- Bạch Thế tôn, rất nhiều.

- Nhưng nếu so với phước đức của người trì tụng Kinh này, thậm chí chỉ đọc tụng một bài kệ 4 câu rồi giải nói cho người khác nghe, thì phước đức của người này còn hơn người kia rất nhiều. Tu bồ đề, Như lai nói có phước đức nhiều mà thực ra không có phước đức nhiều, ấy gọi là phước đức nhiều.

Tại sao Phật hay nói tới nói lui những sự lẫn lộn như vậy? Là vì bồ thí vật chất chỉ mang lại phước đức trong vòng hữu vi, sanh lên cõi Trời sung sướng một thời gian rồi lại rơi xuống chịu khổ, khổ quá loay hoay tu lại để lên, trong khi một người hiểu được giáo pháp mà giác ngộ thành Phật thì vĩnh viễn ra khỏi luân hồi. Thành Phật còn có thể phát tâm hóa độ thêm nhiều chúng sinh khác nữa. Và khi thành Phật mà vẫn không thấy mình thành Phật, mới gọi là thành Phật, vì không còn chấp hai bên “chưa thành” và “thành rồi”.

Trong kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ môn, Phật cũng đề cao phước đức thờ phụng ngài Quan thế âm Bồ tát vượt hơn hẳn tất cả phước đức thờ phụng cúng dường hằng hà sa số các đức Phật khác. Cầu xin Quan thế âm bồ tát thì xin gì được nấy, muốn gì được nấy. Ý nghĩa này ra sao? Có phải vì là Phật đàn bà nên Ngài mùi lòng

xúc động, từ bi nhiều hơn Phật đàn ông? Không phải, Phật vốn không có phái nam phái nữ, nhưng vì người đàn bà trong gia đình bản chất hiền từ, dịu dàng, bao dung, thông cảm hơn người đàn ông, nên nghệ nhân tạc tượng Ngài ra hình dáng người mẹ hiền trong nhà, hy sinh tất cả vì con. TỪ BI là gốc của đạo Phật. Chúng sinh trầm luân trong bể khổ. Mục đích của đạo Phật là cứu khổ. Hết khổ gọi là Giải thoát. Vì Quan thế âm bồ tát phát lời nguyện lớn cứu hết khổ nạn, tượng trưng cho lòng ĐẠI BI, lòng thương xót cứu độ chúng sanh muôn loài thoát khổ. Người nào nuôi dưỡng lòng từ bi thương xót cứu khổ chúng sanh chính là một Quan thế âm bồ tát tại thế, không cần vô chùa lạy tượng Quan thế Âm, không cần mua hương hoa thờ cúng xin xỏ Ngài. Người đó sẽ được muôn loài biết ơn, Trời người ủng hộ, không bị tai họa nào có thể xảy đến cho mình. Nhưng đạo Phật có LÝ, có SỰ. Xét về LÝ thì như vậy, tâm mình là từ bi thì mình là Phật, Phật mà còn đi lạy Phật khác ở chỗ này chỗ kia làm chi. “Cúng dường chúng sanh tức là cúng dường chư Phật” kia mà, đã có tâm Phật luôn luôn thương tưởng cứu vớt chúng sanh thì cần gì vô chùa cúng dường nữa. Nhưng xét về SỰ thì việc thành kính lễ lạy cầu xin Phật vẫn có những sự linh ứng bất khả tư nghì. Nếu ai không có lòng tin, tự cho mình là có đầu óc khoa học, không tin những việc gì không thấy bằng con mắt thịt nhục nhãn, thì nên tự hỏi như vậy: cúi lạy cha mẹ, ông bà, ân nhân, ta còn làm được, cúi đầu chào một người tốt giúp đỡ xã hội, ta còn làm được, tại sao cúi lạy thành kính ngưỡng mộ các vị có hạnh nguyện siêu phàm cứu độ chúng sanh lại không được, lại không phải là một chuyện nên làm.

Một vị xuống thế gian thị hiện làm Thái tử, lia bỏ tất cả công danh phú quý để tìm ra con đường thoát khổ vĩnh viễn cho chúng sanh (Thích Ca), một vị giàu lòng từ bi, nguyện nghe khổ ở đâu đều tìm đến cứu vớt (Quan thế âm), một vị có lời đại nguyện bao la “Nếu không độ hết tất cả chúng sanh trong Địa ngục thì nguyện không thành Phật” (Địa tạng vương), chưa kể một vị nữa, một vị tạo ra một cõi Tây phương cực lạc đón tiếp tất cả những chúng sanh nào phát tâm niệm Phật “nhất tâm bất loạn” sinh về cõi ấy để tiếp tục tu lên thành Phật (A di Đà). Vị Phật này đưa ra pháp môn Tịnh độ dễ tu, dành cho chúng sanh kém phước sinh vào thời mạt pháp này dựa vào tha lực mà khỏi chìm xuống bể khổ.

Chúng ta hãy mau lia bỏ vọng tâm, sống với chơn tâm rộng lớn thênh thang có sẵn, để thường xuyên thấy các vị Phật ấy ngay trong kiếp sống này.

Thơ **MAI PHƯỚC LỘC**

Ngẫu Đề 1

Nay ngẫu đề chắm phá một vần thơ
Không đơn lẻ một mối tình sầu muộn
Không đâu bạn! Tình yêu và nỗi nhớ
Không nhẹ nhàng như tiếng lá thu rơi
 Ngoài song kia lá đã rũ đi rồi
 Lòng ta vẫn tiếc thương đời cô phụ
 Khóc chi nữa! Cuộc đời là sự thật
 Mỗi đời người như ánh lửa giữa rừng
Khi khắc khoải buồn đơn côi quạnh quẽ!
Khi gió về vẫn leo lét năm canh
Ta với đời như hạt bụi khô khan
Nhẹ nhàng đến trên linh hồn tượng đá
 Ồi kiếp sống! Nhân sinh là thế đó
 Sống muộn phiền
 Rồi chết
 Cũng như không!

Ngẫu Đề 2

Nắng lấp lóa ven hiên hè ai vậy
Nghe nỗi buồn vàng như vạt nắng thu
Nắng chao nghiêng trên bờ tóc xỏa dài
Nắng lấp lờng trong hồ thu leo lẻo

Ngẫu Đề 3

Tôi ngồi đây nghe nỗi buồn chất ngất
Thấy chạnh lòng cho số phận long đong
Ồi! Mẹ ơi! Có hiểu thấu nỗi lòng
Phân con trẻ còn bơ vơ xa vắng
 Người có nhớ! Những nghìn trùng xa cách
 Tình có buồn, như muôn thuở mùa thu
 Thu chết rồi! Hồn lạnh giá đơn côi
 Đời sẽ hết! Lụi tàn theo chiều gió.

Ngẫu Đề 4

Vết thương lòng bỗng quặn lên từng lúc
Nghe cuộc đời chất chứa nỗi sầu đong
Ngày mai đây trên vạt nẻo đường đời
 Đón sương gió vào tâm hồn đơn đại
 Nghe núi biếc, nghe mây hờn gió tui
 Nghe nỗi lòng nặng như dây Trường Sơn.

Ngẫu Đề 5

Ta ví ta như hạt nước giữa dòng đời
Say trong đó, màu phù sa muôn thuở
Ta vẫn thấy, tình mệnh mông bát ngát
Như dòng đời sau những phút chớm yêu
 Ta ví mình như hạt cát giữa quê hương
 Kiến thức đó vẫn còn be bé lắm
 Tâm trí óc là vòm trời trong mộng
 Suốt cuộc đời cần học mãi không thôi!

Ngẫu Đề 6

Chén mắng việc nhà quên nợ nước
Một cốc rượu tình chớm chớm say
Chút tình tri kỷ vương vương vẫn
Một thoáng xuân sang, nát nát lòng.

Ngẫu Đề 7

Ôn cố tri tâm người còn nhớ!
Một cốc rượu đào nhắm nhắm chung
Thoáng bước xa xôi, người vẫn nhớ
Thuyền tình bến đỗ có - có - không?!

Ngẫu Đề 8

Thiên hạ bon chen sao nhiều thế!
Lô nhô nào già trẻ gái trai
Thôi thì xô đẩy và giành giật
Từng miếng lợi ngon tựa như ruồi!

Ngẫu Đề 9

Ta tự gặm người, tự gặm ta
Thế vận sự đời, lắm đa đa
Bon chen cho lắm rồi cũng vậy
Xuôi tay nhắm mắt có còn đâu?!

Ngẫu Đề 10

Thế thái nhân tình, đà chán rồi,
Cuộc đời vất vưởng suốt năm canh.
Vận thời, vận thế thăng xu nịnh
Bỏ chổng, bỏ chèo kẻ tiên sinh!

NGƯỜI CHỦ TIỆM VÀ TÊN TRỘM ĐĂNG TRÍ

Lữ

I

Khung kính của cánh cửa tiệm bị đập bể. Cảnh sát tới làm biên bản, hỏi người chủ tiệm rằng ông đã mất mát những gì. Người ta chờ đợi một danh sách dài ngoằng, khai báo những đồ vật bị lấy cắp. Nhưng không, câu trả lời của người chủ tiệm làm mọi người ngạc nhiên. Ông nói: “Tôi không biết mình đã mất gì. Chắc chắn là tên trộm đã lấy của tôi một vật thật quý giá. Nhưng hiện giờ, nhìn bề ngoài, có vẻ như tên trộm không lấy đi một thứ gì cả. Tôi nghi lắm.”

Những viên cảnh sát không hài lòng với câu trả lời của người chủ tiệm. Họ hỏi: “Ông không bị mất tiền?” Người chủ tiệm trả lời: “Dạ không. Điều này đơn giản thôi. Họ đập cửa, vào tiệm lúc ban đêm, thì trong tiệm tôi làm gì có tiền mặt. Tôi đã đem hết tiền về nhà trước khi đóng cửa tiệm.” Cảnh sát lại hỏi: “Những món mắc tiền nhất trong tiệm có bị lấy đi không?” Người chủ tiệm lắc đầu, ra vẻ khó hiểu: “Không. Lạ thật. Có những món đồ trị giá cả chục ngàn đồng, nhưng kẻ trộm đã không động tay đến. Cho nên tôi nghĩ tên trộm đã lấy đi một vật gì quý giá lắm. Nhất thời tôi chưa biết mà thôi.”

Rồi hãng bảo hiểm gửi người tới. Người chủ tiệm cũng khai y hệt như đã trình với ty cảnh sát. Nhân viên hãng bảo hiểm nhấn mạnh: “Nếu ông không khai báo là đã mất một vật gì cụ thể, để chúng tôi ghi

vào biên bản, thì hãng bảo hiểm sẽ không bồi thường cho ông đâu nhá.” Người chủ tiệm bối rối: “Tôi xin thật tình thưa với quý ông là tôi không biết mình bị mất gì. Nếu khai dối, thì tôi sẽ gặp nhiều khó khăn hơn nữa.” Nhân viên hãng bảo hiểm cười: “Tôi không khuyến khích ông khai dối. Tôi chỉ yêu cầu ông kiểm tra hàng hoá thật kỹ càng. Chúc ông một ngày thật đẹp.”

II

Người ngạc nhiên nhất là tên ăn trộm. Hắn cũng không nhớ là mấy hôm trước, đập cửa, vào tiệm lấy trộm, hắn đã mang theo những gì. Không lẽ hắn vào tiệm rồi lại ra tay không? Vô lý. Một tay ăn trộm chuyên nghiệp như hắn không bao giờ lần thân, lơ đãng như vậy. Hắn hãy yên trí là đã lấy đi một vật rất có giá. Hiện giờ, vật đó nằm trong nhà của hắn. Hắn kiểm tra những đồ vật trong nhà một lần nữa. Càng tìm kỹ, tên ăn trộm càng lúng túng. Hắn không thể xác định được vật hắn đã lấy trong tiệm mấy hôm trước là vật gì.

Không lẽ báo chí lại viết đúng? Tường thuật vụ mất trộm, nhiều tờ báo cho rằng hắn là một tên trộm đăng trí, vào đến tiệm rồi mà quên lấy trộm. Hắn cảm thấy xấu hổ. Chẳng lẽ hắn là tên ăn trộm tồi như vậy sao? Nhất là hắn nghe người chủ tiệm liệt kê những món hàng quý vẫn còn nằm yên trong tiệm sau vụ trộm. Sao lạ vậy? Hay hắn chưa hề đến ăn

trộm cửa tiệm sang trọng ấy? Điều hắn không thể chấp nhận là vào được cửa tiệm rồi, hắn lại chịu ra với hai bàn tay không.

III

Gã ăn trộm đã lấy đi món gì? Người chủ tiệm thắc mắc, suy nghĩ hoài. Ông cảm thấy bị mất mát một món gì rất quan trọng đối với ông. Một tên trộm chê bai, không thèm lấy những món hàng mắc tiền nhất của tiệm ông thì phải là một tên trộm phi thường. Có thể hắn là một thám tử tư, vào tiệm ông để sao chép những tài liệu nào đó. Ông nghĩ tới những bức thư riêng của ông. Những lá thư mà ngay chính vợ ông cũng không biết tới. Hay những bức thư điện tử nằm trong máy vi tính của ông? Rõ ràng là ông đã mất một món gì, mà giá trị của nó cao hơn cả tiền bạc. Nó có liên hệ đến danh dự của ông.

Ông bất an. Ông tiếc rẻ là mình đã không huỷ đi những lá thư kia. Ông muốn giữ lại những lá thư ấy như những gì riêng tư nhất của ông. Hắn phải là một tên thám tử tư. Biết đâu chính vợ ông là người đã bỏ tiền ra thuê hắn. Nàng thiếu gì tiền. Nhiệm vụ của tên thám tử tư là sao chép tài liệu chứ không phải là ăn trộm. Nhưng làm sao nàng lại biết về những cất giấu, che giấu của ông?

Vậy gã ăn trộm đã lấy gì của ông? Nhất định gã đã trộm đi những bí mật mà ông quý như sinh mạng của mình. Ông thật là nhẹ dạ, tin

rằng sẽ không ai khám phá ra những gì ông hết lòng cất giữ. Không ai có thể bồi thường cho ông những thất thiệt này.

IV

Hắn không lấy gì thật ư? Gã ăn trộm cổ tình hồi tưởng. Đêm hôm đó, hắn có say rượu không? Tại sao hắn lại không nhớ gì hết vậy? Có lẽ hắn mang trong mình một cơn bệnh nào thật nguy hiểm. Bệnh đang trí? Không, nhất định hắn đã lấy một món đồ mà hắn tin là có giá trị lắm. Vậy mà ngủ một giấc dậy, hắn quên mất đã cất món đồ đó ở nơi nào trong căn nhà mình.

Vàng, cất giấu là nghề của hắn. Nhất định hắn đã cất giấu thật kín và không nhớ ra đó là chỗ nào. Hắn tạm thời chấp nhận lối giải thích đó. Hắn bật cười, khâm phục tài cất giấu của mình. Hắn mà giấu thì đừng hòng có người nào tìm ra. Chính hắn còn không tìm ra nơi hắn giấu nữa là người khác. Cả cuộc đời, hắn cất giấu không biết bao nhiêu là chuyện bí mật. Hắn qua mặt cảnh sát thật dễ dàng. Và đây là lần đầu tiên hắn qua mặt được chính mình. Hắn không tìm ra được chỗ hắn giấu món đồ quý giá hắn vừa ăn trộm được.

V

Cất giấu một cách lén lút; người chủ tiệm chợt thấy mình đã từng hành xử như một tên ăn trộm. Ông đã ăn trộm niềm tin của vợ mình bao nhiêu năm trời. Bây giờ thì tất cả đã phơi bày ra ánh sáng. Hèn gì mà dạo này thái độ của vợ ông đối với ông hơi khác lạ. Trong đôi mắt của nàng, ông đọc được một sự khinh bỉ, thương hại.

Ông sẽ nói gì với nàng. Ông xin lỗi? Hay là ông giữ thái độ im lặng, xem như không có chuyện gì xảy ra? Nhưng liệu ông có chịu nổi sự khinh khi, nghi ngờ của nàng hay không?

Sống với nhau, mà hai người không có sự thành thật, tin yêu nhau thì đó không phải là một cuộc sống có hạnh phúc. Tự nhiên ông nhận ra là trong đời sống gia đình, ông chưa thật sự có hạnh phúc. Nếu có hạnh phúc, thì tự nhiên ông không cần phải có thái độ cất giấu, lén lút như một tên ăn trộm.

Còn vợ ông, nàng có hạnh phúc không? Nàng có phải là người mướn thám tử tư đến tiệm, vào văn phòng ông để sao chép những bức thư riêng của ông không? Hay tất cả chỉ là sản phẩm của sự nghi ngờ, tưởng tượng của ông? Nếu vậy thì tại sao tên trộm lại không thêm lấy đi bất cứ một vật gì ở trong tiệm. Vô lý lắm. Đây không phải là một vụ trộm bình thường, mà chính là một vụ trộm tài liệu. Ông cảm thấy vừa xấu hổ, vừa bức bối, và lại vừa đau lòng. Vợ ông, nàng cũng không có hạnh phúc.

Phải rồi, nàng đau khổ lắm. Nàng không có cách nào nói cho ông hiểu được nỗi lòng của nàng. Nàng là nạn nhân của sự nghi ngờ, ghen tuông, sợ hãi và khinh khi trong lòng mình. Nàng mướn thám tử tư lấy trộm thư riêng của ông để làm gì? Nàng muốn có bằng cứ để sỉ nhục ông? Không phải vậy. Nàng chỉ hành động trong sự đau khổ mà thôi. Nàng không biết là mình đang làm gì. Và từ lúc nào, nàng cũng đã trở thành một người vụng trộm.

VI

Hắn cất giấu món đồ ăn trộm được ở nơi nào? Và hắn đã lấy ra khỏi tiệm món đồ gì? Tại sao hắn lại trở thành đáng trí, hay quên như vậy? Hắn bắt đầu nhìn lại bản thân mình. Có thể đây không phải là lần đầu tiên hắn quên đi một chỗ cất giấu. Thói quen giấu giếm đã ăn sâu vào con người gã. Thói quen đã khiến cho hắn không dám trình bày công khai một cái gì, dù đó là một

cảm xúc, một ý nghĩ.

Rõ ràng là hắn lường gạt, qua mặt được chính cả mình. Chính hắn không khám phá ra chỗ hắn cất giấu, và thậm chí không biết vật hắn đã cất giấu. Như vậy, trong cái đầu của hắn, bao nhiêu ý nghĩ đang chạy trong đó có thật sự là ý nghĩ của hắn? Liệu những ý nghĩ chân thành nhất của hắn cũng đã bị hắn chôn thật sâu kín trong lòng, sâu đến độ mà chính hắn cũng không biết những ý nghĩ đó là gì và không có cách gì để tiếp xúc được với chúng nó hay không?

Hắn là ai? Hắn là một tên ăn trộm chuyên nghiệp. Lần đầu tiên, hắn thấy mình đã ăn trộm ngay chính bản thân của mình. Hắn cảm thấy đang đánh mất lấy chính mình. Sự sống của hắn đã và đang bị hắn ăn trộm, lấy đi và cất giấu ở một nơi mà hắn không biết đến. Hắn bỗng thấy thêm một sự ngay thẳng, chân thật. Hắn chợt thấy muốn tìm ra con người thật của mình. Hắn muốn sống thật. Ít ra, hắn phải sống thật với chính hắn.

VII

Người chủ tiệm không thể tiếp tục sống với vợ với hai khuôn mặt khác nhau như vậy. Ông phải thay đổi cách sống của mình. Ông cần chấm dứt sự giấu giếm. Sự giấu giếm không mang lại hạnh phúc cho ông và cho vợ của ông. Điều này đã trở nên rõ ràng. Ông thấy thêm một không gian tự do. Ông thấy thiếu một sự chân thành giữa hai vợ chồng.

Tên ăn trộm đã lấy gì ra khỏi tiệm ông? Lần đầu tiên, ông tin rằng hắn không lấy gì cả. Hắn là một tên ăn trộm đáng trí. Thay vì ăn trộm, hắn đã để lại ông một tặng phẩm vô giá: lòng thành thật. Chỉ có sự thành thật mới mang lại cho ông và vợ ông niềm hạnh phúc. Ông muốn sống thật với vợ ông. Nghĩ đến đó, ông thấy lòng mình vui rộn. Một niềm

vui mà lâu nay ông đã đánh mất.
Vâng, nhất định ông sẽ sống thật với
chính bản thân ông.

VIII

Chiều hôm đó, người chủ tiệm và tên
ăn trộm gặp nhau trong một công
viên. Họ không nhận ra nhau. Nhưng

qua một vài câu trao đổi, cả hai
người đều nhanh chóng trở thành đôi
bạn. Hai người nói chuyện với nhau
cả buổi chiều. Họ thích thú, nhận
thấy nơi người kia một sự chân thành
thật hiếm thấy. Hơn nữa, cả hai
người đều thấy người bạn mới của
mình là một người có hạnh phúc. Họ
chia tay nhau trong niềm vui, cảm

thấy mình may mắn có người bạn
mới, và thấy đã được học nơi bạn
mình những điều hết sức là quý báu.
Họ có cảm tưởng là với người bạn
này, họ sẽ không bao giờ giấu giếm
một điều gì cả.

Sunnyvale, 25-3-2008

Nỗi buồn trong thành phố mới

*mười năm sâu rong ruối mãi
con đường phố mới thênh thang
sông hồ ta ngàn phiêu bạt
tình xa lòng cũng như không*

*mười năm chợt về như nắng
đầu sông gió thổi mây qua
hiên nhà xưa em vẫn đợi
hàng tre riu rít chim ca*

*duyên liễu chiều reo như suối
ngõ về thơm ngát hương hoa
tình ta cao như đỉnh núi
tuổi vàng sao quá thiết tha*

*mười năm trùng dương bát ngát
chợt sâu như chuyện hôm qua
thư em như giòng sữa ngọt
chiều nhen chút lửa lòng ta*

*có giấc mơ nào đẹp nhất
cho ta tìm lại hôm nay
những hình bóng xưa chắt ngát
nghe hồn đôi bóng mây bay*

*mười năm nghìn con phố mới
lòng ta chỉ một quê hương
mẹ già xưa mòn mỏi đợi
mùa xuân vàng nắng yêu thương*

*mười năm giờ như mây nổi
tang thương đời cũng phai
núi sông nào lên tiếng hát
hồn xuân về lại trong mai...*

Câu thơ nối kết tình nhau

1.
*sớm mai đá nảy hoa vàng
núi non xưa cũng bàng hoàng động tâm
ta về thăm hỏi cổ nhân
canh gà xao xác chiều hoang vắng buồn
con đường mấy cỗi hư không
tiếng chuông tỉnh thức vọng đồng thu quê
chim qua rớt hạt bồ đề
trăng linh thúu tỏa dặm về non mây*

2.
*thế gian khổ một kiếp người
câu thơ nối kết ơn đời cho nhau
sá gì một thoáng bể dâu
mong manh như giọt sương đầu cành mai
nụ cười thiêng mở trang đài
dấu chân cát bụi trần ai phiêu bồng
ba ngàn thế giới thông dong
mây và biển có hoài mong cội nguồn*

3.
*như loài chim ở với rừng
trong tiền kiếp đã một phương ân tình
nhịp cầu nối đoạn phù sinh
nghịệp duyên cửa mở bình minh quê nhà*

THÁI TÚ HẠP

CHUYỆN MỘT VIỆT KIỀU VÀ NGÔI CHÙA LÀNG

Trần Tiến Dũng

Làng Trúc Lâm là một ngôi làng thuộc vùng ngoại vi thành phố Huế. Phía ngoài những khóm tre-trúc thưa thưa là những ruộng nhỏ cần cỗi. Một đặc trưng ở Huế ngày nay chính là những con đường làng tráng bê-tông quanh co, các con đường bê-tông giúp đôi chân người nhà quê thoát cảnh lầy lội vào những ngày tháng mưa gió dầm dề, nhưng không xóa được tình cảnh nghèo khổ dần vào lối cụt, ngõ cùng không lối thoát của cảnh đời những người nghèo khổ.

Như bao ngôi làng cũ kỹ khác của đất cố đô, làng Trúc Lâm cũng còn một ngôi chùa làng, cũng còn mái đình làng. Nhưng ngày nay, những di sản văn hóa ấy đương nhiên thành phế tích. Thậm chí đến tiếng xe gắn máy Trung quốc mỗi ngày thả sức gầm rú khắp các con đường làng cũng chẳng mấy khi net khói, “chọc giận” giấc ngủ triền miên của các vị thánh thần.

Có quá nhiều di tích vô cùng quý báu ở đất kinh thành cũ này đã bị bỏ mặc cho hoang phế thì sá gì một cái đình, một ngôi chùa làng khiêm tốn!

Từ sau năm 1975, biết bao nhiêu ngôi chùa làng đã trở thành đồng gạch vụn. Không ai ngạc nhiên gì về điều đó, bởi không riêng vì Huế, miền Bắc sau những năm 1954, rồi đến khắp các tỉnh thành miền Nam, nhiều ngôi chùa làng, di sản tinh thần-tâm linh của biết bao thế hệ người Việt bị dẹp bỏ để lấy làm đất công sở, để “xẻ thịt” chia chác làm của riêng.

Ước vọng của một Việt kiều

Ông Trần Dật và gia đình định cư ở Hoa Kỳ sau biến cố 1975. Người Việt kiều Mỹ tha hương này muốn “cứu sống” mái chùa làng, muốn làm sống lại một địa điểm linh thiêng của cộng đồng, nơi những người dân quê nương tựa sớm chiều vào hồi chuông tiếng mõ, vào những giá trị đạo đức để làm người. Ông muốn khơi dậy ký ức tâm linh tuổi thơ được ngôi chùa làng gieo trồng bồi đắp, muốn lưu giữ những tập tục văn hóa dân tộc tốt đẹp.

Ước vọng này không chỉ cho riêng ông và gia đình mà còn cho cả những thế hệ đã trưởng thành từ ngôi làng này, cho cả những đứa trẻ mai này sẽ sinh ra.

Với ông, hồn dân tộc vẫn còn đó một gác chuông nghiêng ngả, một bát hương nhiều năm không hơi khói... Mái chùa dù đổ nát vẫn là nơi trong suốt bao năm che chở tâm linh dân làng... Mái chùa làng không bao giờ là một giá trị mơ hồ “vô tích sự” như những người đang mù quáng chạy theo chủ nghĩa duy vật cố tình gán ép.

Trên đường về làng Trúc Lâm, ông Dật cho biết ý định trùng tu lại ngôi chùa làng của ông hình thành ngay sau chuyến về Việt Nam lần đầu, cách nay đã hơn mười năm. Nhưng ông hiểu dưới chế độ cộng sản, một cựu sĩ quan không quân VNCH di tản như ông, muốn thực hiện ngay giấc mơ ấy là một chuyện cực khó, nếu không nói là không thể. Là một Phật tử thuần thành, tâm ông

luôn khắc sâu một chữ nhẫn, lại được sự ủng hộ bền bỉ của vợ ông, bà Ngô Lê Ái Lang và nhất là các con ông, những đứa con vốn trưởng thành trong nền văn hóa Mỹ, chỉ biết về ngôi chùa làng qua lời kể của ông, những lời kể có giá trị đánh thức rằng “Ở nơi bố mẹ mình sinh ra vẫn rất cần những chốn văn hóa tâm linh để nuôi dưỡng sức mạnh tinh thần của những người nhà quê nghèo khổ. Mỗi lần về thăm quê hương, đừng nhìn những địa điểm văn hóa, những mái chùa hay nhà thờ phô trương đồ sộ ở đô thị và các khu du lịch, mà hãy nhìn và sống với không khí chân thật ở những ngôi nhà thờ, mái chùa, sân đình của những vùng quê heo hút. Chính nơi đây mới là mái nhà lớn, ngôi nhà lớn nhất của tất cả giá trị tinh thần Việt Nam.”

Trùng tu chùa làng

Ông Trần Dật cho biết chuyện chạy thủ tục xin phép phải “chạy” từ trước đó rất lâu. Còn việc trùng tu chùa thì khởi công từ năm 2007. Sẽ là thừa nếu kể ra đây tất cả những nhiều khó khăn, những nhiều mà ông và những người nhiệt tâm khác phải vượt qua trong việc xin sửa chữa một ngôi chùa làng nhỏ bé. Lúc xin trùng tu chùa, ông không hề nhắc đến những miếng đất ruộng, nguồn lợi tức lâu đời nuôi sống chùa đã mất, nhưng vì sao lại khó khăn đến vậy! Đó là một câu hỏi không khó trả lời. Tinh thần khôi phục chùa làng luôn nằm trong khát vọng của dân làng, chuyện ông gặp khó khăn đến mức

tường không thể vượt qua thuộc về những người có chức có quyền. Hầu như họ không quan tâm, hay nói đúng hơn là mất hẳn gốc rễ tâm linh văn hóa nối kết với ngôi chùa làng. Với họ, thời bao cấp là mù quáng chạy theo lý tưởng vô thần, thời kinh tế thị trường là điên cuồng với lợi nhuận.

Nhiều người tò mò muốn biết ông Trần Dật và gia đình đã chi hết bao nhiêu tiền để hoàn thành việc trùng tu viên mãn chùa làng Trúc Lâm. Trong ngày khánh thành, họ được biết con số hơn 15 ngàn đô la. Đó là một số tiền không phải ít nếu nhìn vào cảnh sống khó khăn thiếu thốn của dân làng. Hơn 15 ngàn đô la lại chẳng là bao so với cuộc sống bên Mỹ, nhưng nó được cóp nhặt từ công sức lao động chân chính của một gia đình người Huế lưu vong. Có thể là vài năm nữa, ông Dật và những người Việt tha hương trên khắp thế giới không còn đủ sức ngồi máy bay hàng chục tiếng đồng hồ về thăm làng xóm, nhưng họ hiểu giá trị lớn nhất của đồng tiền không phải là chỗ nhiều hay ít, mà chính là được sử dụng ra sao cho lợi ích cộng đồng, của nơi chốn máu thịt mà họ bị buộc phải rời bỏ.

Hòa Thượng Thích Từ Sanh, người làng Trúc Lâm, sau hàng chục năm hành đạo trên nhiều tỉnh thành, nay cũng về chia sẻ với gia đình ông Trần Dật về việc khôi phục ngôi chùa làng. Hòa thượng cho biết, ước vọng cuối đời của ông là về trụ trì lại chùa Trúc Lâm. Có lẽ một trong những đặc tính rõ nhất của người Huế chính là không gì làm phai nhạt được chất Huế, sức mạnh kỳ lạ trong mỗi người Huế là nguồn hồi thúc qui hồi cổ hương. Nhưng liệu Hòa Thượng Thích Từ Sanh có thể gặp thuận duyên để về với cửa Phật làng xưa không? Nhiều người làng biết chuyện nói: Sửa chùa khó chỉ một, việc phải tranh đấu với nhà nước thỉnh thầy trụ trì cho đúng người

chân tu khó đến mười. Ai cũng sợ gặp phải thầy “quốc doanh”!

Niềm vui trong ngày giá rét

Hôm khánh thành việc trùng tu chùa Trúc Lâm, thời tiết cuối năm ở Huế rất lạnh, từ ngữ ngày nay gọi là rét đậm, rét hại, đó là đợt lạnh đậm nhất sau nhiều chục năm, nhưng với những người có tuổi, cái thời tiết này mới đúng là Huế xưa. Thế nên hàng trăm dân làng qui về chùa để làm lễ. Và câu đầu tiên mọi người nói với nhau là: “Trời đẹp hi!”

Sau nhiều chục năm, chùa làng lại có lễ Trai Đàn Chẩn Tế Giải Oan. Những ai còn lưu giữ ký ức tuổi thơ mới thấy những ngày cúng cô hồn ở chùa làng là ấn tượng đến thế nào. Đàn tế, pháp sư, cờ phướn, lễ nhạc, mâm cúng... cả một rừng màu sắc rực rỡ và huyền bí. Phật Thánh và ma quỷ, kính ngưỡng mà sợ hãi... Tâm thức có được trong những lễ trai đàn làng quê này là sức mạnh chia sẻ với ba cõi Trời, Người và Ngạ Quỷ. Tâm linh này là sự rộng mở giá trị cuộc sống và tinh tấn gieo trồng những quả lành. Một bà cụ trong số những cụ bà dưng sớ trong lễ Trai Đàn nói: “Từ hồi con gái đến giờ mới được trở lại lễ Phật ở chùa làng.”

Ở nhà khói của chùa làng lại có dịp ẩm bếp lửa. Những mâm cơm chay bày sẵn thơm tất, ngon lành. Từ người già đến người tàn tật, và nhất là trẻ con được một bữa no bụng, thăm hỏi nhau hoan hỉ. Nhìn những bà mẹ ngồi nhâm nhi điều thuốc cấm lệ sau bữa ăn, người ta bắt giác phải tự hỏi: Hình ảnh và nét đẹp văn hóa trong chuyện cả làng sum họp quanh bữa cơm chùa ngày rằm, ngày lễ của làng Trúc Lâm đã sống lại. Nhưng liệu sẽ kéo dài được bao lâu! Hiện tại còn bao nhiêu ngôi chùa làng! Bản chất của sự mất gốc chính là sự phé bỏ nền tảng văn hóa cộng đồng bắt đầu từ làng xóm, và ở Việt Nam điều đó đang diễn ra hàng ngày với tốc độ không gì chống đỡ được.

Ông Trần Dật cho biết: “Hồi trẻ ai cũng mơ ước bao nhiêu là việc to tát. Hơn mười năm nay, năm nào Tết tôi cũng về Huế cứu trợ, giúp trẻ mồ côi, xây nhà dưỡng lão, nhưng tôi xúc động nhiều nhất khi trùng tu được ngôi chùa làng mình.”

Trải qua nhiều năm chịu bão táp của chủ nghĩa duy vật, cố nín giữ những giá trị tâm linh dân tộc đó chính là khát vọng chung. Hình ảnh hạnh phúc của người dân Trúc Lâm quanh ngôi chùa làng đã khơi dậy bao hy vọng.



NHỮNG TÌNH CỜ HẠNH NGỘ

Biên thị Thanh Liêm

Tôi nhớ... đó là lần đầu tiên tôi trở về phố thị sau những năm tháng dài đã già biệt ra đi. Bước chân tôi thần thờ lóng ngóng khi đứng giữa những con đường mang tên lạ hoắc và trước những khẩu hiệu rỗng tuếch vô hồn. Tôi đi Chợ Lớn bỏ hàng cho mẹ vui khi mẹ thấy tôi ngày lại ngày qua cứ rung rúc trong mớ sách ngồn ngang buồn bã. Thật lòng... tôi không muốn quay lại dù chỉ như người khách tình cờ... về một nơi chốn mà mình đã có quá nhiều kỷ niệm yêu thương lẫn nỗi đau cùng tận của những tháng ngày tan tác chia ly...

Khi chiếc xe đồ miền đông dừng lại nơi ngã tư Bảy Hiền để đón thêm khách về vùng Tây Ninh đất đỏ... tôi ơ hờ nhìn xuống bên lề đường... nơi lao xao có những khuôn mặt thật trẻ đang nói cười hồn nhiên.

Bỗng. Tôi bàng hoàng. Một khuôn mặt, đôi mắt và nụ cười... cái dáng dấp của cô bé đứng riêng lẻ trong góc phố ấy... Làm sao tôi có thể nhầm lẫn được... dù tôi chưa hề lần nào giáp mặt hay chuyện trò.

Tôi đưa tay ngoắc cô bé và nghe tiếng gọi của mình như loáng thoáng ngẹn ngào... Em ơi em!...

Cô bé hơi bối ngỡ... nhưng cũng bước đến hông xe nơi chỗ tôi ngồi. Em ơi, em có phải là... Nguyệt Viên... em của...

Cô bé thoát la lớn, Trời ơi, chị là chị...?

Tôi đứng vụt dậy, lao nhanh xuống xe như thể sợ cô sẽ biến thành đám mây bay mất. Hai chị em ôm chầm nhau. Và khóc.

Con bé đang cùng nhóm bạn đón xe đồ để đi “dân công” thủy lợi ở Củ Chi. Còn tôi thì về Trảng Bàng khi đã mua hàng xong cho mẹ. Vậy là hai chị em lại đón xe lam đi ngược lại quãng đường đã qua để trở về nhà anh...

Chị có biết là em đã tìm hỏi chị khắp nơi không. Đến nhà cũ...hỏi thăm mãi mới có người biết là gia đình chị hồi hương rồi nhưng không rõ nơi đâu. Bạn bè anh... dăm ba người cũng phụ em tìm chị. Thư nào anh cũng hỏi thăm em về chị...Mợ vẫn đi làm ở Viện dưỡng lão như trước, một tuần mới về nhà một lần còn thằng út thì vượt biên tới Đức rồi. Chị vào đây, chị ngồi trên cái ghế này đi...ngày xưa anh cũng ngồi nơi đây học bài...à! chị hớ, cũng có thể anh viết thư cho chị cũng chính nơi chỗ ngồi này đây...Thình thoảng anh có kể em nghe về chị...Em pha nước chanh đường chị dùng nhé vì anh nói mỗi lần đi café Hân chị hay kêu soda chanh rum. Ô! còn cái sập gỗ gụ màu nâu thẫm đằng kia...là nơi mà anh hay nằm đọc sách và đánh cờ ...bằng miệng với thằng út nằm ngủ trưa nơi chiếc ghế dài bên góc nhà đó chị, hai anh em “lên xe xuống ngựa” vang ầm ĩ cả nhà. Đó là cổ vật kỷ niệm của gia đình từ thời xưa lắm...chỉ có ông là người duy nhất được nằm trên ấy với chiếc gối bằng mây qua tứ thời bát tiết và cái dọc tẩu bằng gỗ. Đó là nơi mà ông cũng dùng để đàm đạo với khách thân tình có cựu bằng những ván cờ thâu đêm suốt sáng. Sau ngày ông mất anh mới được nằm ngủ trên ấy đây chị ạ. Từ ngày anh đi tù đến giờ

vị trí đồ đạc trong nhà mợ vẫn để nguyên vậy đó chị. À! Cái kệ sách sách của ông mà ông trân quý như của gia bảo...tất cả đều bằng chữ Hán.. từ những sách của Khổng, Lão, Trang... từ Đạo đến Nho...rồi Phong thủy, Bát trạch...cả đến Tướng số và tử vi...Dưới là sách của anh, những ông Triết gia lấy lòng kim cổ hay là những câu chuyện của các vị thiền sư ẩn mình đạo hạnh.

Em đưa chị lên trên gác nhé...trên ấy là nơi thờ tự chính của dòng họ...Chị thấy không, tám liên màu nhiều đỏ lâu ngày đã bạc màu theo năm tháng là di vật thiêng liêng mà ông mang theo vào Nam được truyền lại qua bao nhiêu đời. Trên bệ thờ là những di ảnh được xếp theo thứ bậc trong dòng họ, nam tả nữ hữu..., À, còn cái quyển tập dày cuốn gố vàng in nằm kế bát nhang bằng sứ trắng ấy hả chị? Đó là cuốn Gia phả của dòng họ đây được ghi bằng chữ Hán... à, để em nhớ lại xem đã... theo chỗ ông dạy là họ ta làm quan triều Minh bên Tàu, con cháu đều theo Nho giáo làm nền, sau gặp thời binh biến loạn lạc phải xuôi về phương Nam lánh nạn. Đây này... cái bếp hơi cao chị nhỉ, vậy mà mới 12 tuổi sau khi cậu mất mợ phải đi làm cả ngày anh đã phải đứng trên cái ghế để nhóm bếp nấu cơm đây chị ạ. Khi nhào lúc khô là chuyện thường... khi về mợ làm cơm chiêu lại...

Còn mợ hả chị, vẫn hầu ông một dạ... lúc hơn 30 tuổi khi cậu đã hy sinh trong một trận phục kích lớn ở Củ Chi. Ông rất khó, dù ở nhà quản

áo vẫn phải “ là” ông mới mặc, cơm không nóng ông không dùng, thức ăn lạ vị ông không ăn. Sau này, dù nhà sa sút sau ngày cậu mất vẫn giữ giỗ chạp linh đình để ông đãi đằng hậu hĩnh...hầu ông và hầu cả những bạn cố tri ông lưu lại để “luận Kiều” ngâm vịnh... Nhà lúc có khách đông người hay bây giờ lặng lẽ mình em cũng vậy...cái trật tự cố hữu vẫn là sự yên vắng chị ạ....

Tôi như choáng ngợp trong mờ những hình ảnh xuôi ngược, đuôi

đầu ... của bao kỷ niệm xa hoặc hươ và cái hiện tại như vắng lặng phủ đầy những năm tháng chất chồng mòn mỏi. Những thế hệ đã trôi qua bên những phần đời hiu hắt trong căn nhà này như một sự đổ sức vô hình nhưng quyết liệt với định mệnh cô độc của chính mình. Cánh cửa. Cái án treo lơ lửng. Như một thứ ranh giới phân chia mơ hồ mà chặt chẽ. Mờ quá khứ hững hờ mà đan kín nồng nàn trôi buộc bên trong, với phần đời bên ngoài trước mặt như

nổi gọi mời đắm thắm khó thể chối từ. Con người hay cái bóng âm hao của quá khứ phải bước đi... Nặng nề ôm giữ mờ hào quang đã loáng thoáng đổi màu hay lặng lẽ bôn đào, chảy trôi theo dòng cuốn... không tránh khỏi về nơi chốn vẫn chưa thể hình dung!... Và tôi, loay hoay, vụng về kiếm tìm chính mình trong ấy...

Thơ TỪ TÚ TRINH

Điểm Tô Chi Chút Váng Vắt Vô Thường

Thì cũng đã xác xao từ mấy bận
Điểm tô chi chút váng vất vô thường
Cho một thời đã chất ngát phai hương
Cho một thuở chất chiu tình hấp hối

Trong tiếc nuối đã chập chùng suy thoái
Trong mong cầu đã lớp lớp hanh hao
Trong đắm say đã hiu hắt niềm đau
Trong mê tưởng đã sâu giăng thấp thoáng

Hồi thỉnh sắc hãy chậm dần tan loãng
Cho đời người kì cốp chút hoài mong
Hồi tin yêu đừng luống cuống theo cùng
Cho phôi pha giữ chút mùa xanh cũ

Buồn đã lắng như ngàn đêm héo rũ
Giấc hoang sơ rồi cũng vội sang ngày
Buổi mai nào vẫn thắm thiết yên vui
Nắng vẫn trong mặt trời soi khắp lối !!!

Lần Theo Tình Biệt Nẻo Non Đoài

Thương nhớ vui đầy môi mắt ai
Người xưa ời tháng lụn năm rời
Đôi trông chất ngát tầng mây xám
Đôi vằng trắng quạnh ánh sao rơi

Đường cũ rừng xưa mãi vắng tanh
Hàng cây mù mịt đáng mong manh
Chiều phai giữa núi đồi hoang lạnh
Người ảo mờ xa khuất đoạn đành

Đêm nhiều nhưng vờn quanh chốn đây
Buồn ai lỏng lẻo giữa rừng say
Thả chút phấn hương nồng dĩ vãng
Thả niềm yêu dấu ngút xa khơi

Mỗi bước bước mê từng bước mới
Chập chùng mong nhớ nhớ mong ai
Gió nổi tóc bông bay khắp khơi
Lần theo tình biệt nẻo non đoài ...

XUÔNG NÚI

Quỳnh My

- Bẩm báo sư cô cốc chủ Ngọc Lam, hôm rày con nhón chun đứng ngóng ở cổng chùa, rình nghe trộm pháp nên thân già rệu rã. Xin sư cô từ bi bấm remote cho con đi vào chùa, để được tưới tắm mưa pháp cho thỏa lòng mong ước.

Uyên nhớ một buổi sáng cách đây khoảng 7, 8 năm. Uyên và cả nhóm bạn đạo cười vang, thay cho câu chào người mới đến. Sư huynh Chân Tánh tính khôi hài. Mới phút trước ồn ào chọc phá, phút sau mất dạng. Uyên bây giờ vẫn còn dựa cột mà nghe, tuy đã hết e dè trước những người bạn mới. Ngày Uyên lơ ngơ học nhớ tên, sư huynh "tủ sách biết đi" đã nhẹ nhàng bảo khẽ- để Uyên khỏi giật mình vì cách đối thoại bất cần văn tự trên bàn phiếm của hai người sư đệ.

- Trong nhà, hai sư đệ phá phách như hai tên quỷ nhỏ. Bọn chúng Y nghĩa bất y ngữ và không biết ái ngữ là gì cho nên như thế. Một tên xuất thân trong quân đội HK. Hắn vào chùa nép bóng bên cây đại thụ nhưng không hiểu có nhận được pháp lạc của hòa thượng sư phụ hay không? Mây Trắng cô nương thính thoảng dần cho như từ, vì cho rằng hắn chỉ lảng xảng tu phước, không lo tu tuệ lại hay hý luận. Còn tiểu sư đệ khi xưa ôm mộng xuất gia. Nào ngờ khi vượt biên bị biển ái dục nhận chìm. Nổi trôi tới Mỹ hắn vào chùa làm... lễ cưới. Giờ bầu đoàn thê từ kéo lôi. Hai tên làm việc nhàn rồi nên hay đăng đàn thuyết pháp online, chia sẻ kinh nghiệm tu tập cùng bạn đạo. Có lẽ bị thể nhi hành hạ, nên bọn hắn trút nỗi hờn bằng lối nói rất dễ mịch

lòng với những người vốn nhẹ nhàng như... muối vậy. Rồi muối sẽ quen, vì nghe chỉ là nghe!

Một hiền huynh khác nhắc thêm.

- Hai ác đệ -- ý quên hiền đệ, có thói quen chọc phá cũng là để thăm dò công phu tu tập của người. Cái tật này bị Mây cô nương ra chiêu rất nặng tay, bởi cứ nhìn ra mà không chịu ngó vào để biết rõ mình. Có muối, có thêm người băng bó vết thương, bởi ngoài Mây muối ra bọn hắn thính thoảng cũng bị các đạo hữu thiện tri thức bầm như như đậu hũ! Hihi... Còn lại các huynh ai cũng hiền khô, kể luôn những người ít về nhà, vì bận viết sách, hay vì miệt mài chăm lo đàn em nhỏ áo lam. Uyên muối dừng ngạc nhiên khi thấy anh Gary ít nói năng, vì anh là người Mỹ yêu dân Việt và yêu... Đức Phật. Tiếng Việt anh chắc đủ để làm huynh trưởng Gia đình Phật tử. Nhưng chữ Việt thì chưa đủ để uống trà, đàm đạo online trong khi nhà mình thì hay tôi yêu tiếng nước tui. Quán chủ Ngọc Lam hiền như Bồ Tát, tuy vẫn nghe mấy hiền đệ rù rì. Lam muối có bàn tay sắt bọc nhung. Đóng cổng, cắt đứt dây chuông cái rụp với những ai không có đủ duyên. Mây Trắng khi hiền như nước đọng. Khi chuyển thành đen, thêm sấm sét âm vang. Dế Mèn ăn cỏ nên mọc mạt. Anh muối im lìm đứng dựa cột nhà hoài làm cột hơi nghiêng...

Ngày đó chỉ duy nhất Ngọc Lam là người Uyên biết mặt, qua tấm hình nhỏ gửi tới kèm theo lời yêu cầu Uyên trình diện. Lam có khuôn mặt khả ái và nụ cười làm ấm lòng người, từng đổ nhiều nước mắt vì

cuộc hôn nhân đến sớm khi chưa có đủ tình thương và sự hiểu biết lẫn nhau. Đến với Đức Phật qua con đường thiền quán, Lam bây giờ như tìm lại được mình. Những ngày tháng khổ đau tầm tối lùi xa. Lam miệt mài dùng thời giờ, phương tiện và khả năng có thể của mình bồ thí, tạo duyên để khuyến tu. Một điều làm Uyên rất ngạc nhiên, khi biết Lam sinh trưởng trong gia đình theo đạo gốc là Thiên chúa giáo. Uyên như người lạc vào khu vườn lạ, học được thêm nhiều điều từ những người bạn đạo mỗi ngày. Thêm người sư huynh ít ghé thăm nhà, lần về bất ngờ đã dạy cho Uyên biết "chăn trâu", như món quà dành cho lần gặp gỡ đầu tiên.

Mây Trắng cứng cỏi, ngang tàng không ưa đối đãi bề ngoài. Mây cho rằng lối giáo dục nặng về hình thức trong khuôn mẫu đạo đức của Tàu làm trở ngại cho người tu Phật. Mây đã từng ngập chìm trong nỗi khổ, chỉ vì những mỹ từ bao dung, nhẫn nhục, hy sinh. Chưa bao giờ biết sống cho mình. Chưa bao giờ thực sự có an vui, bởi Mây không ngừng bị cuốn hút vào lục dục thất tình từ những người ở quanh mình. Để có được tiếng khen. Để làm vừa lòng người khác, Mây chỉ còn lại Mây với thân tâm suy sụp, nát tan. Bây giờ Mây không bám víu vào bất cứ điều gì. Cũng không để cho ai bám víu Mây. Mình không là gì cả. Làm sao có thể cứu khổ ban vui trong khi sau lớp vỏ sơn phết mượt mà, nổi khổ làm cho Mây muốn phát điên. Nếu không nhờ lang thang vào thiền viện, để xem người ta làm gì ở nơi này.

Mây bây giờ chắc đã thành mưa, hoà trong đất theo thân cát bụi. Mây nhẹ tênh khi không còn trăn trở giữa đúng sai. Không ai tạo nghiệp mà chỉ là Mây... u ám. Mây nói cho Uyên nghe Mây không biết tụng kinh, vậy mà sau khi đóng cửa ngòi "thù lù một đồng" nhiều ngày, Mây bỗng nhiên thuộc luôn Bát Nhã tâm kinh. Uyên không lấy làm lạ bởi có khi nghe Mây tỉ mỉ giảng ý nghĩa lời kinh như nói chuyện vậy thôi. Từ một người không thân thiện phút đầu, Mây từng ngày tháo gỡ cho Uyên từng mắc gút vô hình, đã trói buộc Uyên qua chừng đó tháng năm. Khi thấy Uyên thoải mái nói ra điều Uyên nghĩ, Mây tỏ vẻ hài lòng bằng một tràng cười.

- Hahaha! phải dzậy mới được. Cho mấy sư huynh biết mình lầm lỡ, bởi lúc đầu theo nịnh nào là Uyên muối dưa dàng, tế nhị, hiền hoà...

- Còn lâu! Mây cô nương là Ông Ác. Uyên muối là Ông Thiện, còn Ngọc Lam là Bồ Tát. Vào chùa tui lay cả ba.

Vừa mới thấy cũng vừa mất hút. Uyên không còn giật mình mỗi khi nghe sư huynh ghé qua như gió bay ngang.

- Sư phụ ơi! Đệ tử đã chán lêu lổng rong chơi trên chợ trời internet lắm rồi. Thân tứ đại ngày càng rệu rã, cho nên sợ kiếp này không theo kịp chuyển đồ giải thoát qua sông cùng huynh, đệ, muối. Tồi qua đệ tử nằm mơ. Vì cơn sân nổi lên vào lúc cận tử nghiệp, nên đệ tử được tái sinh làm lính nơi chiến trường Iraq! Giật mình tỉnh dậy, đệ tử rửa mặt đánh răng rồi thỉnh một hồi chuông, xông thấp nhang lay Phật. Phật bảo không cần mi lay lục ta. Càng lay càng ngu không có ích chi. Phải tu làm sao cho hiển lộ chân tâm rồi hãy lay ta! Thấy sư phụ lâu lâu đăng đàn, giảng về môn thiền hít thở vào ra. Một lay này ra mất ân sư. Cúi xin sư phụ từ bi chỉ dạy cho đệ tử món thiền hộ mạng. Đệ tử ham vui hay đi

đó đi đây. Thấy môn thiền hít thở có thể thực hành khi đi, đứng, nằm ngồi nên thích hợp vô cùng. Nếu sư phụ bằng lòng hứa khả, đệ tử sẽ mau mau order tọa cụ online. Gối thiền này ngó đẹp và sang. Khi ngồi hít thở chắc sẽ mau đắc đạo!

Sau lá thư post lên thật sớm của huynh Chân Tánh, Uyên đọc tiếp theo lời chỉ dẫn cận kề, rõ ràng pháp thiền Tứ Niệm Xứ từ Mây Trắng. Hơi giật mình khi thấy nhắc thêm.

- Mây biết Uyên đang đọc. Cũng biết bây giờ Uyên có thể lên đường làm hành giả được rồi. Trước đây Mây không nói vì chưa đến lúc. Hìhì. Phải đợi đến khi có thể rút trà vào tách của Uyên. Sư huynh của Uyên như khi ham chơi. Nếu Uyên cùng luyện công một lúc may ra sư huynh thêm tinh tấn.

Uyên cười:

- Người ta đang tứ bề thọ địch đây Mây! Thấy Uyên tha về kinh sách và say mê đọc như đọc... thư tình thuở ấy, cho nên không khí trong nhà u ám lắm. Làm sao có khoảng không gian riêng để ngồi xuống mà lắng nghe hơi thở vào ra.

- Thì ra phái mạnh mà không mạnh! Chưa chi đã yếu vĩa sợ lo. Họ không biết rằng khi mình có an vui chính họ được chia. Đừng lo! Uyên không cần khoảng không gian nào riêng biệt. Sợ họ gai mắt tạo thêm khẩu nghiệp thì Uyên vào trong closet trải khăn ngồi xuống. Tu chợ khó hơn tu chùa là vậy đó Uyên à!

- Hahaha! Xuất giá tòng phu. Uyên muối cứ an phận lo làm hiền phụ, đừng bày đặt cạnh tranh với huynh mà gia đạo bất hòa. Sư phụ ơi, đừng rủ ren muối Uyên hạ thủ công phu. Lỡ sư muối đắc đạo sớm đệ tử còn chi mặt mũi.

Vừa nghe tiếng cản ngăn, Uyên cũng vừa nhận được tức thì địa chỉ website bán tọa cụ online. Buổi chiều hôm đó là quyển sách Sống Trong Hiện Tại do hai sư huynh post lên và đề tên Uyên.

- Uyên muối nhớ bỏ thời giờ ra đọc. Không làm mà được lãnh lương còn muốn gì hơn!

Không phải chỉ bao nhiêu đó. Huynh Chân Tánh gửi thêm hình "Uyên muối đang thiền". Tấm hình hí họa làm mọi người cười đau bụng. Trong hình vẽ người đàn bà mặt đậm phấn son, đeo trang sức rườm rà đang ngồi xếp bằng trên tọa cụ. Bà ngồi theo kiểu bán già. Có điều một tay đang bận cầm phone để dặn chỗ cho chuyển du hành tới... Niết bàn! Vài ngày sau Uyên lại nhận thêm. Đó bài giảng về thiền Tứ Niệm Xứ, kèm theo CD chú Đại Bi. Huynh Chân Tánh đã thỉnh từ Như Lai Thiền viện xong gửi sang Uyên. Nhận thật nhiều những chăm sóc ân cần, Uyên biết mình có phước bên cạnh những người giúp cho Uyên tìm thấy lại niềm vui, dù vẫn là Uyên với bao chướng ngại bủa vây.

- Sư phụ ơi, gối thiền đã địa rồi! Sư phụ mau mau coi ngày lành tháng tốt cho con nhập thất. Nếu tìm không ra ngày hạp tuổi, đệ tử sẽ treo tọa cụ ngay phòng khách để giựt le với bạn bè chơi.

Mây cười:

- Đúng là ông anh dài lưng tốn vải ham chơi.

- Xứ Colorado lạnh lẽo. Sư phụ đừng lo đệ tử rong chơi. Đệ tử từ đệ tử lấy trốn nhàn ga, nhắm Niết Bàn trực chỉ.

Sau vài ngày im lặng, email đầu ngày là những giông bão:

- Sư phụ ơi! Tồi qua sau 5 phút là con nhập định, khoảng đầu chừng 8 tiếng mà thôi! Sáng ra đi làm khỏe khoắn vô cùng. Coi như con đã đạt tới tầng thiền hỷ lạc. Trình pháp đã xong thôi đệ tử dzọt nghe!

Phần Uyên, qua hơn một tuần mới viết cho Mây, về những gì đã trải qua trong khoảnh lặng yên.

- Được lắm! Uyên đi đúng đường rồi. Tiếp tục đi, đừng làm mất trốn nha Uyên! Ngày Mây vào tham dự khóa thiền, khi trình pháp Mây

thấy gì nói nấy. Không biết mô tê, không biết bất cứ danh từ Phật học nào từ trước tới giờ. Sư nghe xong gật đầu cười. Mãn khóa thiền Sư Kim Triệu nói rằng: Con về nhà cứ thế mà tiếp tục thực hành dù đi, đứng, nằm, ngồi. Sư không có gì thêm chỉ dạy cho con. Sư không biết còn có Uyên và anh Chân Tánh. Cả hai không đến thiền viện, không Thầy hướng dẫn chỉ nương theo pháp Phật mà lằng lằng thực hành như những gì Mây đã trải qua. Mây vui với Uyên, vui lắm nha Uyên. Tâm là Phật. Pháp là Thầy. Mây biết ơn Đức Phật Thích Ca, người hơn hai ngàn năm trước đã tìm ra con đường thoát khổ và từ bi để lại bản đồ chỉ dẫn tận tường trao truyền lại bọn mình.

- Dừa thôi sư phụ. Sao sư phụ không nhìn ra những điều trục trặc để chê trách muội Uyên cho đệ tử mát dạ hơn. Chẳng hạn như tham tu bỏ bê con đại. Đi tìm hạnh phúc một mình để người đồng hành lạc lõng,

bơ vơ không biết sẽ về đâu? Nhưng không sao. Hiền muội cứ tiếp tục chuyên cần luyện chưởng, ý luyện công. Hẹn sau vài mùa trăng nữa hai anh em mình xuống núi. Sư phụ cho đệ tử nghỉ tu dưỡng sức một thời gian.

Than ôi, lại khổ thân già. Thiền hít thở mà nghĩ ầu chắc là đệ tử tiêu diêu miền cực lạc.

Đã lâu, quanh Uyên là khoảnh lặng yên. Vẳng đâu đó tiếng chuông ngân buổi sáng của sư huynh Chân Tánh như còn vọng lại. Mây thênh thang bay lặn nửa sang sông, để có thêm hành giả bỏ nhà thờ học theo Mây lắng nghe hơi thở vào ra. Ngọc Lam giờ tròn đầy hạnh phúc bên đời, cùng người đồng hành tiếp tục hành Bồ Tát đạo. Sư tử Dế Mèn không còn mê gặm cỏ, đã men theo đường mòn lên núi nghe Thầy giảng pháp mỗi cuối tuần. Uyên nghĩ về hiền tỷ với niềm vui. "Oan ức không cần biện bạch" là điều làm không dễ. Sư huynh "tủ sách biết đi" giờ quay về

núi. Hiền huynh xứ lạnh vẫn còn lặn đạn. long đong sau một tháng vào chùa xuống tóc, mặc ca sa tu tập theo Sư. Hai tiểu hiền đệ tiếp tục sống đời, vui đạo. Người anh Mỹ bao năm không mệt mỏi. Sau cơn bão tan hoang vẫn kiếm tìm gom lại đàn em Việt áo lam để dặt dìu, nương tựa vào Tam bảo với niềm tin không thối chuyển. Một đoạn đời qua nhanh. Khi nhận ra quá khứ và tương lai cũng chỉ là những gì xảy ra trong hiện tại, Uyên thấy sư huynh Chân Tánh, thấy Mây, thấy Ngọc Lam, thấy tất cả những người thân thiết một thời đang ở trong Uyên hay ở quanh Uyên.

Uyên mỉm cười, nhận ra rằng. Không biết tự bao giờ Uyên không còn thâm nhủ trong lòng: "Nhớ ời là nhớ" đối với những người Uyên thương quý.

Mùa Phật Đản năm 2008

Thơ Hàn Long Ân

Quán gió ven đường

Châm điều thuốc thả mây chiều lơ lửng
Rượu cạn chung nhìn nhân thế mù sương
Ta say khướt em bỗng thành ảo mộng
Lối về xa nằm quán gió ven đường.

Trở về trên mộ địa

Ta trở về như một sự ra đi
Bao hy vọng ước mơ giờ lụi tắt
Cảnh vật xung quanh bỗng nhiên trầm mặc
Và lòng người đã bùng cháy tro than.

Trần gian ời sao kiếp sống bề bàng
Trắng giầy chết trên vũng sinh thời nát
Ta cũng chết như trăng ời đen bạc
Bàn tay khô không đỡ nổi thói đời.

Ta trở về như một bóng ma trôi
Chân hồng đất theo lũ người áo trắng
Tiếng ai kêu giữa đêm khuya quanh vắng
Hồn lênh đênh trên mộ địa dật dờ.

Đến bao giờ đời hết nỗi bơ vơ
Hay mãi mãi vẫn kiếp người khổ lụy!?
Thôi, mặc xác! Đường trần dài thiên lý
Ta gói đầu trên cọng cỏ chiêm bao.

Sacramento, 2008.



(tiếp theo)

CHƯƠNG MƯỜI HAI

Quán Trọ Thân Tâm

Tòa nhà hư cũ đang xuống dốc vẫn đứng sừng sững như một biểu tượng của uy quyền và phú quý. Dinh ông Hoàng một thời vang bóng đã in hình vào tâm ảnh của những người ngưỡng mộ. Họ bị choáng ngợp bởi hình tượng và tin đồn, dấu có khi tin đồn chỉ là phó sản của mơ mộng và tưởng tượng viển vông. Chuyện xưa có loài đá nguyên sinh hút được bóng người. Những người dọi bóng bên hồ trên via đá, bóng qua khỏi nước, nước không còn giữ bóng, nhưng thêm đá vẫn lưu ảnh người cho hết một đời của đá. Do vậy nên cái vẻ đời thường dấu có thịnh hay tàn cũng không ai để ý. Người ta đã quen với cái bóng in hình trên via đá. Do vậy, tòa nhà chỉ còn là một mớ vật thể kiến trúc từ thời xa lắc sắp lụi tàn, nhưng cái dư ảnh của nó trong mắt nhìn và từ suy nghĩ của người bên ngoài không chịu đổ theo. Người ta vẫn gọi là "Dinh Ông Hoàng" với tất cả vẻ trang trọng như vẫn thường gọi từ thời quá khứ. Người ta vẫn kể cho nhau những câu chuyện khác thường, đôi khi được màu thần thoại, với những chi tiết thêm thắt cho hợp với nồng độ của câu chuyện. Cuộc đời thường – không đủ hương vị cho nổi đam mê

TU BỤI

truyện dài nhiều chương của

TRẦN KIÊM ĐOÀN

về một cuộc đời mơ ước – nên người ta cần huyền thoại để tự đưa nhau vào những góc khuất của hạnh phúc.

Một góc lâu đài suốt ngày không có nắng vì ẩn dưới tàn cây xanh. Nơi đây đang trở thành một thế giới mới. Thế giới của ý niệm bao trùm lên hiện thực. Phạm Xảo, xông xáo và cẩn trọng với tâm lý lão tướng, ưa nhìn ngắm thiên nhiên, hít thở không gian và nắm bắt thời gian bằng chinh phục. Tâm An, người đã thành công hơn người trong thương trường, xuôi ngược khắp vùng Đông Á, đang muốn buông bỏ cái được trong tay để làm lại cái mất của quá khứ. Thầy Tiều, người đã chọn hướng đi nhưng lại không muốn men theo những con đường mòn có sẵn. Chỉ riêng Trí Hải vẫn bước đi giữa đường đời gập ghềnh bằng bước chân dò dẫm.

Thời gian từ thuở tóc xanh về miền tóc bạc chỉ có một con đường thẳng. Nhưng hai cặp xuất (dấn thân) và xử (rút lui) lại xoay vòng tròn nên làm cho cuộc đời trở thành vòng lẩn quẩn. Tu là tìm một điểm tựa để thoát thân chứ không phải để mắc vòng lẩn quẩn. Bởi vậy, có người cho đi tu là dấn thân, người lại cho đi tu là rút lui. Cũng đều là hàng vương giả xuất trần đi tu mà vua Trần Nhân Tông thì dấn thân mà vua Lý Huệ Tông thì rút lui, trốn chạy. Mặt trời mọc ở xứ Đoài thì đồng thời cũng là mặt trời lặn ở xứ Đông. Tu đúng nghĩa là dấn thân, là mọc, là đối mặt với

cuộc đời chứ không bao giờ trốn chạy.

Với đời thường, cứ mỗi mười năm nhìn lại, thấy mình đã lớn hay đã già đứng tuổi mà không thấy tiếc quãng đời đã đi qua là kể như tạm ra khỏi vòng tròn lẩn quẩn, len chân được trên đường đi tới. Ngược lại, là đi loanh quanh. Cái vòng tròn trũng và gà vẩn xoay. Xoay theo một điệu buồn xưa cũ. Trong cái trũng đã thấy được khả năng con gà và qua con gà cũng thấy được bóng dáng cái trũng. Muôn năm không thay đổi. Cần một sự đập vỡ nào đó để cho cái vòng tròn âm u thành con đường nào nức đi vào cuộc đời. Dẫu được sống thêm một khắc mà thiếu đi cái nào nức tươi mới ấy là vẫn bị chìm lìm giữa đời; là thiếu mất hương hoa của cuộc sống; là trốn biệt vào quá khứ hay tương lai.

Cái háo hức tuổi trẻ lên đường sang Pháp, rồi hồi hương với hoàng tử Cảnh, một hoàng đế tương lai, đã nguội lạnh từ lâu trong lòng Trí Hải. Dư âm tiếng gáy con gà và dáng như hư, như thực lẫn trong mây của sư Trúc Lâm vẫn đeo đẳng theo Trí Hải như một "công án". Đây là một ẩn số không thể giải bằng sự thông thái của lý trí đơn thuần. Tiếng gáy của con gà trong đêm mở hé cánh cửa bình minh vào cuộc sống. Trí Hải mới chỉ nhìn ánh nắng sau khung cửa hé ấy. Phải tắm gội, phải hòa tan vào trong nắng để thấy được mình là nắng...

Trong bốn người, Tâm An quả thật là con người của hành động thực tế. Đã ba, bốn hôm rồi Tâm An đi vắng. Mọi người chỉ được báo là Tâm An "đi công chuyện" mà không biết đi đâu. Nếu ai theo sát Tâm An sẽ ngạc nhiên khi thấy người này đứng suốt ngày dưới chân núi Trường Sơn, nơi khởi phát thượng nguồn sông Hương. Mắt người ấy ngơ ngẩn nhìn như bị thôi miên vào một móm đá nhô ra từ triền núi. Trên đó có một cây tùng mọc lên với dáng uốn éo đẹp như tranh vẽ của một danh họa Trung Hoa. Gốc tùng có vẻ như từng to hơn mấy người ôm, nhưng giờ đã quắt lại. Đá mài, gió đập, mưa vùi đều mòn gốc cây thành góc cạnh. Trông xa, gốc cây hóa dầu có dáng như một bức tường nhỏ lảng bóng, đen sì. Thân cây mé phía đông có một con đường trắng mầu gỗ tươi còn sống và trên đỉnh của con đường trắng đó là ngọn một cây tùng cổ thụ. Thân, nhánh và tàn cây thu nhỏ lại bằng hai vành nón. Trong tâm mắt, cây tùng cổ mộc hiện ra vừa uy nghi sừng sững, vừa ảo ảnh khói sương, vừa uốn lượn kỳ tú, vừa nhỏ nhắn khiêm cung.

Cây đứng đó bao đời không ai hay nhưng rồi một lần, cây lọt vào tầm nhìn của một gã săn cây lão luyện giang hồ. Cây không còn yên thân nơi chôn cũ. Mấy hôm sau, một toán thợ đá neo dây, dựng khung, suốt mấy ngày liền; đục, cưa, đẽo, gọt, cổ tách tảng đá làm nền cho gốc cây tùng ra khỏi sườn núi. Được thuê bằng một giá cao chưa từng thấy, đội thợ đá đã tách dùng mọi khả năng, kinh nghiệm và phương tiện tuyệt hảo nhất của nghề nghiệp để tách rời và mang được cả nền lẫn cây cổ mộc xuống núi và đưa về vị trí theo đơn đặt hàng của thân chủ Tâm An.

Rồi một sớm mai, cả thầy Tiều, Trí Hải, Phạm Xảo dụi mắt ngờ như chuyện thần tiên khi nhìn thấy cây tùng cổ mộc mọc trên hòn núi nhỏ

đứng sừng sững ở một góc rợp bóng trong khu lâu đài phôi pha của ông Hoàng. Tâm An đứng sẵn ở đây cười tùm tùm như một câu trả lời. Mắt không rời cây cổ mộc, giọng hờn hờ, hỏi:

- Đẹp không?

Không có tiếng trả lời, nhưng đã có những đôi mắt chiêm ngắm dồn vào cây cổ mộc nói thay.

Mùi trầm hương thoang thoang trong không gian chung quanh cây cổ mộc thân hóa kỳ nam. Cây cổ mộc trên hòn núi nhỏ có một sự thu hút lạ lùng. Cả góc lâu đài như lạ lẫm hẳn đi với dáng đứng kỳ vĩ của cây cổ tùng biến dạng. Mỗi người nhìn một cách. Hình ảnh cây cổ mộc làm Phạm Xảo nhớ thuở cầm quân trong những trận thư hùng Tây Sơn - Nguyễn Ánh. Một lần băng qua biên giới Cao Miên, người ngựa lạc vào rừng Đệ Thiên, Đệ Thích. Phạm Xảo chống đốc kiếm nhìn trời. Cây cổ tùng trong những ngày chinh chiến đó hiện ra đây về thách đố với sức chịu đựng của con người. Cây bạch tùng trước mắt hôm nay gọi lại thuở vang bóng ngày xưa. Cái chớp mắt của ngọn triều tâm lý hiện về. Phạm Xảo loay hoay tìm đốc kiếm. Nhưng chỉ có hai bàn tay không đan vào nhau. Tất cả vụt bay đi. Phạm Xảo ngỡ tìm một chỗ dựa. Chẳng có một chỗ dựa nào ngoài chính mình. Gió sớm mai thổi qua ngọn bạch tùng làm vang lên tiếng lá rì rào. Điệu nhạc cổ sơ bay về phía chân trời cao viễn.

Riêng thầy Tiều và Trí Hải thì mắt vẫn nhìn cây bạch tùng cổ mộc, nhưng chẳng nói năng hay biểu tỏ một thái độ nào. Cái đẹp tự nó chẳng là tương lai hay quá khứ. Về đẹp thu hút cái nhìn. Nhìn để sáng tạo và khám phá. Sáng tạo để biết trân trọng cái đẹp và khám phá để biết yêu cái đẹp. Khám phá là chẳng đường chinh phục hay bị chinh phục và yêu là dính mắc.

Thầy Tiều rất nhạy cảm về cái

đẹp. Về đẹp làm cho thầy xúc động lặng người. Về đẹp rực rỡ như mặt trời mọc ở phương Đông, rồi lặn ở phương Tây không còn dấu vết khi đêm về. Thầy đắm đuối trong cái đẹp như tắm ánh nắng mặt trời. Ngập mình trong nắng. Nắng tắt. Mình trở lại với bóng tối. Thầy Tiều không mang theo cái đẹp vào tương lai hay gói gắm cái đẹp vào quá khứ. Thầy rộng mở đón nhận và buông thả cái đẹp ngay giữa hiện tiền của nó. Thầy không so sánh mà cũng chẳng phê phán cái đẹp. Con công óng mượt và con nhím lờm chờm gai nhọn; con chim phượng hoàng diêm dúa và con gà mái đơn sơ... tất cả đều có vẻ đẹp nòi giống riêng của mỗi loài. Thầy không níu ngày qua đêm và kéo đêm về trong ngày. Biết yêu cái đẹp và biết buông cái mình yêu là tự do cuối cùng và tuyệt đối của mỗi con người đang sống. Tự do, đơn giản chỉ vì không bị cột buộc vào bất cứ giá trị hay dư ảnh, dư âm nào khác ngoài chính bản thân của cái đẹp trong khoảnh khắc cái đẹp và người thưởng thức về đẹp hòa quyện với nhau; rồi thôi. Dính mà không mắc. Hòa mà không đồng.

Trí Hải thì có vẻ như ngược lại. Tuy không bị đắm vào vẻ đẹp, nhưng mắt nhìn mà lòng cứ loay hoay khám phá. Khám phá về đẹp là mắt công trau chuốt hay phân thân một giọt sương trên cỏ. So sánh về đẹp là tìm một cái gì nằm ngoài vẻ đẹp. Muốn cho một giọt nước đẹp hơn hay xấu hơn là giọt sương long lanh trên cỏ, người ta không thể tìm ra vẻ đẹp của hiện thực mà mãi đi tìm cái đẹp của dự phóng. Đẹp là đẹp. Về đẹp tự nó có một giá trị hiện thực trên chính nó. Một người đẹp là chính vì người đó đẹp. Về đẹp của nàng do chính nàng đẹp chứ chẳng phải vì nàng giống người cung nữ hay một nàng tiên nào đó. Đẹp là đẹp tự nó chứ đâu phải vì làm cho "Tây Thi mất vía, Hằng Nga giết mình" mới thật sự là đẹp? Trong

mắt nhìn của Trí Hải, một vẻ đẹp đích thực còn ở tận đâu đâu. Chưa bao giờ Trí Hải may mắn được một lần thật sự rung động trước vẻ đẹp của một người, nên chưa hề có bóng dáng một người đàn bà xinh đẹp nào hiện ra trong đời và bên mình. Trí Hải mãi mê tìm một vẻ đẹp trí tuệ tách rời hiện thực. Vẻ đẹp của một ước mơ trong giấc mơ chưa đến giờ đi ngủ.

Với Tâm An thì mọi thứ trên đời đều ở trong tương quan so sánh; đều có thể cân đo đong đếm được.

Chấp tay vào nhau như để cảm tạ một linh hồn tạo vật chí tôn, Tâm An say sưa nói về cây cổ mộc:

- Chúng ta đang đứng trước một gia tài vô giá. Hơn hai mươi năm kinh doanh và làm giàu với nghề buôn bán cây cảnh, tôi chỉ đọc sách để biết những loại cổ mộc quý hiếm. Trong sách Cổ Mộc Kỳ Danh của Chu Hạo Nhiên đời nhà Chu bên Tàu có nói đến một loại kỳ danh cổ mộc tuổi cả nghìn năm. Thân cây biến thành kỷ, tinh hoa kết tụ của một . Chỉ có một sợi trong toàn thể thân cây là còn tươi và phát triển đâm chồi nảy lộc bình thường. Theo Chu Hạo Nhiên, kỳ nam là tinh chất kết tụ cao nhất của giống trầm hương. Kỳ nam thông thường màu nâu đậm, phải trải qua cả nghìn năm mới có được kỳ nam đen mịn và láng bóng. Thông thường chỉ có cây gió trên rừng bị tật, cần tinh dầu bao quanh để bảo vệ chỗ khuyết tật. Lâu năm tinh dầu mới kết tụ thành trầm. Giống trầm bạch tùng tuy cực kỳ hiếm hoi nhưng vẫn có trường hợp kết tụ thành trầm. Qua bao nhiêu năm hút đủ khí âm dương và tinh chất của rừng núi và mây trời, những mảnh dầu trầm rải rác trong thân cây ngưng tụ lại để thành kỳ. Kỳ nam là thể tinh túy tuyệt hảo nhất của trầm hương nên khó mà bị phơi pha, suy suyển hay xâm thực của thời gian và mưa nắng...

Phạm Xảo chen vào:

- Vậy có phải cây bạch tùng cổ mộc trước mắt chúng ta đây cũng là loại cổ mộc kỳ danh mà Chu Hạo Nhiên đã nói đến đó không?

Tâm An trả lời hớn hờ:

- Chính đó! Chính đó! Hôm nay chúng ta đã có Kỳ Nam Cổ Mộc trong tay. Dầu cho có vàng ròng nghìn lạng, cũng chỉ mới dám đứng xa mà nhìn giống cổ mộc nghìn năm này. Chỉ cần nửa giá cây cổ mộc này cũng thừa sức để xây lại Lầu Ông Hoàng đẹp đẽ, huy hoàng hơn hẳn khi xưa rồi đây. Hi, hi!

Tâm An cười khoái trá vì đang mãi đuổi theo một giấc mơ thật đơn giản. Đơn giản mà thực tế và có thể thực hiện được trong cuộc đời này. Ước mơ đích thực là một giấc mơ không bao giờ có thật. Bởi vì một đối tượng đã nắm bắt được trong tay thì không còn là ước mơ nữa. Thiên Thai là chốn ước mơ, nhưng khi Lưu Nguyễn đã tìm đến được rồi thì lại muốn quay về. Con người là sinh vật địa cầu duy nhất biết ước mơ. Và ước mơ cũng là cội nguồn của khổ đau vì khi nắm được sự mơ ước trong tay rồi lại không vừa lòng và cất công đi tìm một mơ ước khác. Tuổi trẻ đầy ước mơ, Tâm An đi tìm sự thỏa mãn cho khát vọng sống đời bằng cách tìm lên chùa đi tu. Tu không thành, Tâm An trở lại đời thường. Tuổi trung niên cần một bản sắc, Tâm An tìm những giá trị ngoài mình như vật chất tiền tài để dựa vào đó mà định nghĩa cho mình là ai. Tuổi sắp về già lại đi tìm một sự sống trường thọ để cố thắng nỗi ám ảnh xám xịt của một cái chết không tránh khỏi ngày một đến gần. Càng còn lại ít thời gian, sự trốn chạy cái chết bằng niềm mơ tưởng về một sự sống đời đời nơi cõi thánh càng gấp. Tôn giáo là đại lộ hoàng hôn vào cõi thánh sau khi chết. Và một đáng chí thánh là thành trì bất khả xâm lăng; là quyền lực tuyệt đối, vô địch, vô nhiễm, miên viễn cho những linh hồn chạy trốn thân chết tìm đến ẩn

náu.

Chỉ một cây cổ mộc mà bốn người đón nhận bốn cách khác nhau. Ai cũng cảm nhận được rằng, cây cổ mộc có một giá trị to lớn không lường được giữa cuộc đời này. Nhưng ai cũng thắc mắc mà không thể nói ra hay giải thích cho thật rõ ràng rằng, tại sao cây cổ mộc không được nhìn như một cây lão tùng có dáng đẹp tuyệt vời mà phải mặc lên nó những giá trị quá vĩ đại và xa vời như thế.

Một cây cổ mộc mình mẩy đầy thương tật. Nó đứng trơ vơ nghìn năm trên núi cao và cổ vươn lên để sống còn trong cuộc tranh sống dữ dội với thiên nhiên.

Đã nghìn năm qua, càn đại tùng nhỏ bé đã chiến thắng nắng gió, chịu đựng tuyết sương để sống còn trên đỉnh núi. Nhưng một chiều qua, nó đã bị bại. Nó bị búng ra khỏi núi đá, bị những đôi mắt giới hạn của con người đem giá trị cơm áo tầm thường sánh với oai linh rừng thẳm. Trong đôi mắt chiến thắng của con người nhỏ bé, cây cổ tùng mất bóng. Nó bị bật gốc ra khỏi khu rừng thiêng để chen chân vào đám cây vườn đứng thẳng lối, ngay hàng che bóng mát. Mất đi không nhất thiết là biến mất. Mất đi có thể vẫn còn đó với tiếng tâm lừng lầy, với hình tượng có khi còn chói lọi và rực rỡ hơn xưa. Nhưng tiếng vọng chỉ là dư âm từ quá khứ dội về và về long lanh, lấp lánh đều do ánh sáng phản chiếu từ bên ngoài hắt tới. Mất đi vì tim đã lụi tàn và ánh sáng từ bên trong đã tắt. Cây cổ mộc Trường Sơn đã bị tham vọng bình thường của Tâm An búng bật gốc mang đi. Sự hiên ngang và nghĩa sống vô biên trên đỉnh cao rừng thẳm không còn nữa. Cổ mộc đang bị đo đếm, tính toán, khen chê theo những quy ước nhỏ bé của con người.

Thông qua mạng lưới kinh doanh cây cảnh rộng lớn của Tâm An, giờ đã chuyển lại cho các con,

tiếng đồn cây lão từng cổ mộc nghìn năm chuyên đi vừa nhanh vừa xa. Hàng ngày, có nhiều khách bốn phương lão luyện trong nghề kéo về chiêm ngắm. Khu vườn phía Đông của dinh ông Hoàng dần dần trở thành một thị trường trung bày và đôi chác cây cảnh ngoài dự kiến của chủ nhân. Ngoài khách khắp các miền trong nước, có cả khách tận xứ Phù Tang, Thượng Hải, Nam Dương ghé sang để tận mắt chiêm ngưỡng cây cổ mộc nghìn năm. Người ta bàn đến cây kiểng Việt Nam, cổ mộc của Tàu, "bon sai" của Nhật nổi tiếng xưa nay với tuổi thọ mấy trăm năm chồng chất, nhưng chưa ai thấy được cổ mộc kỳ nam tuổi ngót nghìn năm như thế.

Vốn đã quen với lối sống thương trường trong bao nhiêu năm, Tâm An tỏ ra linh hoạt, lịch lãm trong việc bàn thảo, quyết định với khách hàng và khách đến viếng. Việc kinh doanh nơi góc vườn xa khuất này diễn ra như thực, như hư. Người ta chỉ trao đổi thì thảo rồi kéo nhau ra xa sau các góc khuất lùm cây để trao tiền, trả giá. Thương trường như đèn thánh. Khách sành điệu đến ngắm cây cổ mộc vừa bị thu hút, vừa tỏ ra kính cẩn của dáng vẻ con chiền về trước tượng thánh. Tất cả chỉ mua bán đổi chác quanh đám cây nhỏ. Chưa ai dám đem tiền tài ra lượng giá hay ngó ý mua bán cây lão từng cổ mộc.

Càng ngày góc vườn càng có nhiều cây cảnh lạ mắt với bao dáng đẹp tuyệt vời. Những cây rừng mọc hoang co quắt trên vách đá núi cheo leo, thời gian chất chồng, oằn mình sống cằn cỗi chỉ bằng hơi nước và chất men hầu như cạn kiệt từ trong đá... bỗng trở thành danh mộc và được ưa chuộng một cách bất ngờ. Đã có nhiều nông dân bỏ cày cuốc vào rừng sâu săn cây. Lầm lũi phu tạm ngừng đốt than, đón củi để truy tìm cây kiểng. Kiếm được một cây cổ mộc đáng lạ, độ lớn vừa vặn trồng

trong chậu kiểng, từ rừng sâu mang về là kẻ như trúng năm bảy vụ mùa bội thu.

Tâm An đã tỏ ra có biệt tài về cách xếp bộ, phân loại, đặt tên các loại cây kiểng. Tâm An "Việt hóa" một cách dễ dàng nhưng không kém phần sâu sắc mà ngay cả những nhân vật trong giới cây kiểng cũng phải thừa nhận.

Các trường phái chọn loại hình làm đặc tính tiêu biểu cho cây kiểng, xưa nay vẫn quanh quẩn trong các loại hình cổ kính như: Long giáng, Hồ quỳ, Linh xà, Phi điều, Tiên tọa, Kê minh... Hay phái võ đương thì chia thành các thế: Kim kê độc lập, Tiên ông tọa thạch, Võ Tòng đả hồ, Hạng Vũ cử đỉnh, Độc trụ kinh thiên, Xuyên vân yển... Phái biểu đạt tình cảm thì có: Cuồng lưu, Hạ vũ, Phong đầu, Vân tán... Tích tuồng thì có: Huynh đệ đồng khoa, Phụ tử đăng khoa, Tây Thi tiễn Phạm Lãi, Cao Tiêm Ly tẩu trúc, Lữ Bố hí Điêu Thuyền...

Mỗi buổi chiều, khi các mẫu cây kiểng quanh khu vườn phía Đông sắp được xếp vào một vị trí nào đó, Tâm An thường đi quanh và nói với thợ vườn:

- *Hình thế tích tình phương dụng đạo.*

Niên hương sắc biến tự chân không.

Lúc đầu chẳng ai hiểu là Tâm An muốn nói gì. Hay có người hiểu như đây chỉ là một câu thơ chữ Nho ngẫu hứng nào đó chẳng ăn nhập gì đến cây cảnh. Nghe hoài thành quen tai. Một hôm, Tâm An giải thích làm mọi người hiểu ra một cách thú vị, rằng:

- Thú chơi cây cảnh là một thú chơi tiêu dao, tao nhã có ảnh hưởng lớn đến đời sống tinh thần. Đây là một thế giới thiên nhiên thu nhỏ có một nội dung, một điệu sống một phong thái riêng mà đời thường không so được. Người chơi cây cảnh cũng đem hết tưởng tượng, tinh thần và suy nghĩ vào cây như người

nghệ sĩ lúc viết văn, làm thơ, họa hình, tấu nhạc. "Hình, thế, tích, tình, phương, dụng, đạo": Là 7 nét tiêu biểu nhất về vẻ đẹp ngoại hình của cổ mộc. Cây kiểng trước hết phải có hình dáng. Khách chơi cây phải biết ngắm nhìn và phóng tầm tưởng tượng vào mỗi sự hiện hữu độc đáo của cây để "thấy" được cái hồn, cái phách của cây có diện mạo như thế nào (hình). Tiếp đến là thế của cây. Cây cảnh phát triển thành nhiều thế khác nhau như: Thế chống đỡ, thế xuôi theo chiều gió, thế eo lá, thế u hoài, thế vươn dậy (thế). Sự kết hợp các phần của cây làm cho người ta liên tưởng đến một cảnh gợi hình nào đó trong truyện xưa tích cũ (tích). Cây có thể diễn đạt được cái tình như khao khát, đón mời, trông đợi, quay đi (tình). Có những loại cây sống và hợp ở vùng đất này mà không hợp với nơi khác (phương). Cây chung trong chậu kiểng cũng được dùng thích hợp cho từng hoàn cảnh. Chậu kiểng chúc thợ khác với chậu kiểng mừng đăng khoa hay vui duyên mới (dụng). Và có những cây kiểng nói lên được tinh thần siêu thoát, chảnh phá không dựa vào đâu, như như bất động (đạo).

Giải thích hết câu đầu trong sự lặng yên gập gù của những người xung quanh. Tâm An tùm tùm cười, chấp tay sau lưng len lỏi đi vào trong những nhóm cây đã chia thành hàng, thành lớp. Có tiếng gọi từ phía người nghe vẫn còn chờ đợi và tiếng hỏi vọng:

- Xin đương chủ vui lòng giải thích nốt câu thứ hai.

Tâm An không vội vàng quay lại trả lời mà lắng hết tâm tư và đôi mắt để ngắm cây kỳ nam cổ mộc. Vẫn mùi hương trầm thoang thoang phát ra tự nhiên từ thân cây làm tăng vẻ quý phái và tôn nghiêm. Tâm An như quên hết thế giới xung quanh, quỳ một chân trên bệ đá làm nền cho cổ mộc với đôi mắt ướt ngược lên tận đầu cành. Kính cẩn. Đam mê.

Và trầm mặc... Cả nhóm, không ai nói với ai một lời, tự động lẳng lẳng làm theo. Cây bạch tùng cổ mộc kỳ nam hiện ra. Đôi nhánh trắng dưới tàn lá xanh, viền quanh co từ thân trầm đen tuyền. Đôi nhánh bạch tùng vươn ra thâm lặng như đôi bàn tay thánh thiện vô cùng. Tâm An lên tiếng:

- "Niên, hương, sắc, biến, tự, chân, không": Cây cũng như người. Ngoài vẻ đẹp bên ngoài, phải có hồn phách. Cây có dáng đẹp đã đành, nhưng tuổi càng cao, càng có giá trị (niên). Cây có loại ứ nhựa tiết ra mùi, có loại không. Mùi cây thì nhiều nhưng tựu trung có 3: Thanh, trọc và bình. Thanh là mùi thơm dịu như mộc, như lan. Trọc là mùi hăng hắc như sung, như phượng. Bình là có mùi thoảng qua nhưng không rõ ràng nên chẳng ai để ý (hương). Một cây có thể có nhiều màu nhưng toàn thể lại hòa điệu theo một màu nhất định. Cây có lục sắc, nghĩa là sáu màu chính, nhưng chia làm hai bộ: Ấm và lạnh. Xanh, lam, trắng là bộ lạnh. Đỏ, tím, vàng là bộ ấm (sắc). Màu sắc của cây có loại thường định không thay đổi, có loại thay đổi theo ngày đêm, thời khắc trong ngày; hay thay đổi theo mùa (biến). Cây càng mang tính độc lập cao, càng có giá trị. Có những loài cây phải cần dựa vào một đối tượng khác mới đứng vững, mới có giá trị, mới thấy được mình (tự). Cây cũng như một nhân vật. Có loại xuất hiện đích thực là mình. Có loại phải mượn một hình dạng khác. Có loại gốc là thảo mộc nhưng biến hình muông thú. Cây càng giữ được tính gốc của chính nó chừng nào mà vẫn không mất vẻ đẹp, càng được đánh giá cao (chân). Và tuyệt tác của một cây kiềng là khi nhìn vào cây, cây bỗng biến mất. Vì cây mở ra hình tượng một thế giới nhỏ nhưng cao viễn hơn mình (không).

Cao nhất của dáng cây là đạt tới hình tượng siêu thoát của đạo và sâu

nhất của hồn cây là đạt tới cảnh không. Người không biến tướng thành một cái gì cao hơn mình là một bị thịt và cây không thoát ra khỏi tầm vóc và chủng loại của nó thì chỉ là một khúc gỗ tươi...

Tâm An vừa nói đến đó thì đã nghe tiếng cười khúc khích của thầy Tiều trên đường vác cuốc trở về. Theo sau là Trí Hải và Phạm Xảo. Thầy Tiều lên tiếng trước:

- Hi! Hi! Bắt tác bắt thực. Không làm không ăn. Tâm An theo cây kiềng, bỏ canh tác nên hôm nay khỏi ăn...

Lại đến lượt Tâm An cười giong tan, vừa cười vừa trả lời:

- Thầy à, xin thầy thư thả một chút cho đệ tử có lời phân giải đã nào. Thầy có biết là một cây kiềng bé nhất trong góc vườn này cũng đủ cho cả bốn thầy trò chúng ta sống thừa thãi sung sướng trong vài năm không ạ?!

Phạm Xảo nhướng mắt ngạc nhiên:

- Cây kiềng mà cao giá đến thế sao?

Tâm An vừa chỉ tay lên cây bạch tùng cổ mộc vừa giải thích:

- Cả cái dinh ông Hoàng và Thái ấp này còn có giá chứ cây cổ mộc kỳ nam kia thì vô giá.

Thầy Tiều vẫn không tắt nụ cười, đáp lại:

- Giá trị đo bằng hình tướng là cái thước của ma vương. Ma vương có thể biến hóa con rắn, con chồn thành người đẹp nhưng lại không biến được tâm hồn từ hung ác sang thánh thiện. Con người thì ngược lại, không đổi được hình tướng nhưng đổi được tâm hồn. Sự thay đổi không phải là một cuộc viễn chinh ồ ạt mà tiệm tiến như nước chảy đá mòn. Người thì gọi đó là "tu", người thì gọi đó là dưỡng, kẻ thì gọi là giáo. Tên gọi không quan trọng bằng chính hành động. Chúng ta đang bắt đầu đi tìm suối nguồn đổi thay đó từ chính hơi thở và cái ăn,

cái uống hàng ngày. Chúng ta cuốc đất trồng rau vì đã hứa rằng, hễ không làm thì không ăn. Nếu chỉ đơn giản lấy cái ăn của người khác làm cái ăn của mình thì tâm ta không yên ổn khi sống bằng vay nợ. Tâm không an thì ngồi chơi cũng còn bị bứt rứt, tìm đâu ra khoảng tâm không thanh tịnh để mà nhìn lại mình. Nói chi đến chuyện tu hành cho xa xôi. Nay Tâm An để hết tâm lực vào việc đổi chác kinh doanh cây kiềng là hướng đến mục đích gì? Vì tiền chẳng? Nếu kiếm ra tiền thật nhiều, chúng ta sẽ làm gì tiếp? Xây một dinh thự đồ sộ như dinh ông Hoàng này ngày xưa chẳng? Mua một tài sản hàng trăm mẫu ruộng phì nhiêu nhất đẳng điền như Thái ấp này chẳng? Chạy chọt cho được một địa vị gần vua như Hoàng thân Trí Hải này đã từng có chẳng? Câu trả lời đã có sẵn trước mắt từ lâu rằng: Chẳng đi đến đâu cả! Khi chất keo không còn dính, tòa nhà sập. Đất đến một thời điểm nào đó, đất trở lại đất không. Danh lợi không đeo mãi với con người, người trở về với tay không và chờ ngày hủy diệt.

Tâm An nhìn thầy Tiều buồn bã, hoàng hôn ném những mảng tối trên khu vườn. Khách đã kéo nhau về hết. Chỉ còn bốn người trơ vơ nghe gió đêm về xao xác trong khu vườn. Trong sâu lắng, mỗi người lắng nghe nỗi cô tịch trong lòng mình độc thoại. Tâm An lên tiếng:

- Thừa Thầy và nhị vị hiền hữu, giàu có tôi đã từng. Ngày xưa và cả bây giờ, tiền bạc muôn khối tôi chỉ cần búng tay ra là có. Từ mấy ngày qua, tôi mang ý nghĩ là sẽ gây dựng một khu vườn cây cảnh đặc biệt tại góc vườn phía Đông này, khu vườn gồm toàn cây kiềng độc đáo mà từ xưa rày chưa ai từng có. Tôi muốn xây dựng lại dinh ông Hoàng đang đổ nát bằng tiền của chính cây kiềng nơi góc vườn này. Và mục đích sau cùng là muốn biến nơi đây thành một khu vườn Thiền với đủ loài cổ mộc

đanh tiếng nhất cho cả nước và lân bang biết danh. Rồi cũng chính nơi đây sẽ là khu thiền viện đẹp nhất mà thiên hạ chưa bao giờ thấy. Suốt mấy ngày qua, khách sành điệu cây kiểng bốn phương đến viếng không ngớt. Không ngờ kế hoạch khởi đầu của tôi lại thành công và trôi chảy dễ dàng như thế. Có lẽ khắp nơi đang được mùa tu. Thầy và quý hữu đi quanh kinh đô mà xem. Vua xây chùa, quan xây chùa, bá tánh xây chùa, tu sĩ khắp nơi kéo về tu học... Các vị cao tăng thạc đức đang đứng giữa huy hoàng đèn đuốc rực rỡ. Giữa chốn kinh đô, đường tu thẳng tiến mạnh mẽ và thuận lợi đến như thế, lẽ nào chúng ta lại tự cô lập trong một ngôi nhà cũ kỹ dùng tạm làm chùa và sống hăm hút bằng tương rau tự trồng, tự cung, tự cấp nơi cái dinh cơ cũ nát, nghèo khó thế này?

Thầy Tiểu dang tay ra không nói lời nào. Về mặt vẫn cười vui như còn đang mãi miết tìm bắt những luồng gió lạ. Đầu thầy gục gặt không ai biết là Thầy tán đồng hay bác bỏ ý tưởng của Tâm An.

Chiều về, Phạm Xảo pha một bình chè xanh với những đợt chè non sau vườn vừa mới hái. Giọng Thầy ung dung như kể chuyện đời xưa:

- Phật tu đạo và đặc đạo dưới gốc cây bồ đề. Sơ tổ thiền tông, Bồ Đề Đạt Ma, chín năm ngồi đối bóng với bức tường khô khốc để hành đạo. Lục tổ Huệ Năng đến với đạo trong cảnh bồ cùi, nấu ăn. Vua Trần Nhân Tông bỏ triều đình lên núi Yên Tử mà tu. Xưa nay, có ai đặc đạo vì chùa to, tượng lớn đâu. Mái chùa là quán trọ của tâm hồn. Chùa là bóng mát nghỉ chân trên con đường tìm đạo chứ đâu phải là suối nguồn của đạo. Đạo ở trong lòng, không ở trong quán trọ. Tâm An đừng mất công loay hoay đi tìm đạo trong những quán trọ vì về hào nhoáng bên ngoài mà quên mất nguồn đạo trôi chảy thâm lặng trong chính lòng mình.

- Nhưng thưa thầy, việc xây chùa, đúc tượng, kinh kệ, thuyết pháp rầm rộ như hiện nay có phải là con đường tu đạo đang tới hồi hưng thịnh không?

- Quý lắm! Mái chùa nuôi dưỡng lòng thanh tịnh. Kinh kệ làm vui kiếp khổ đau. Nhà chùa càng xuất hiện nhiều chừng nào; thì nhà tù, nhà chữa, nhà ma... càng biến mất đi chừng đó. Nên xây dựng chùa chiền, tu viện là việc làm phước đức.

- Như vậy, nếu có một nhà đại phú, một mình cho xây hàng chục, hàng trăm ngôi chùa, chắc là phước đức sẽ lớn lắm phải không ạ?

- Nếu xây chùa bằng tâm thánh thì người đó sẽ được mười lần phước đức. Nếu xây chùa bằng tâm phàm thì người đó đã gieo mười căn nghiệp chướng.

- Tâm phàm hay tâm thánh cũng đều phải trút hầu bao ra mà chi phí, trang trải. Làm sao để có thể phân biệt được tâm phàm và tâm thánh sau đồng tiền dăng cúng?

- Tâm thánh là cái tâm uyên nguyên thánh thiện trong mỗi con người. Đó là chân tâm, là trí tuệ, là đôi mắt nhìn thấu suốt cái cốt lõi chân thật của con người và vạn vật. Đã không thì đại danh hay vô danh cũng là không. Tâm phàm là tâm chấp. Đã chấp rồi thì từ một lời nói, một ý thoáng qua hay một tư hào đều chấp. Đem tâm chấp để xây chùa là tiếp tay vun bồi cho cái tôi kiêu căng – mà chữ nhà chùa gọi là ngã mạn – ngày một lớn lên thô cứng và dày đặc che khuất cả tâm người, tâm thánh. Họ lầm tưởng chùa là Phật hay ảo tưởng Phật là chùa mà quên mất vị Phật rất thật hiện diện trong chính mình. Người ta quen cầu xin lay lục những thế lực ngoài mình, cúng bái những điện đèn tưng bừng mà chẳng bao giờ đánh lễ cái đèn thiêng thâm lặng trong chính mình.

Tâm An thở dài:

- Chao ơi! Thế thì khó quá thầy ạ. Biết đâu là tâm phàm, đâu là tâm

Phật để lường đây? Như tôi muốn buồn cây xây chùa thì đó là tâm phàm hay tâm Phật, thưa Thầy?

Thầy Tiểu lại cười dễ dãi:

- Tâm phàm hay tâm Phật là một, không hai. Khi một người biểu tỏ lòng thương yêu, giúp đỡ người cùng khổ là đang mang tâm Phật. Cũng người đó mà khi nổi lòng tham lam, thù hận là đang sống với tâm phàm.

- Thế thì tâm Thầy là tâm phàm hay tâm Phật vậy?

- Cả hai! Với kẻ đã nguyện đi tu như tôi thì khi biết mình mang tâm phàm bụi bặm cần phải gội rửa từng khoảnh khắc trong tinh tức và thanh tịnh thì đó là tâm Phật. Khi tự cho mình mang tâm Phật để làm thầy thiên hạ thì đó là tâm phàm. Khi tôi nói và nghĩ về tiền tài, vật chất là để tâm phàm làm chủ. Khi tôi làm và nói những điều phẩm hạnh hay kêu gọi người đời làm những điều đạo hạnh với cái tâm an nhiên rỗng lặng thì đó là tâm Phật làm chủ.

Tâm An vái dài:

- Vậy là mấy hôm nay, mỗi ngày tôi đã mang tâm Phật nhiều hơn tâm phàm rồi Thầy ạ. Tay tôi làm, miệng tôi nói năng đối chác cây cảnh với mọi người, nhưng lòng tôi không khi nào bị xáo động. Tiền nào của đó. Ai phải thì tiếp, ai trái thì thôi. Không vui khi bán được. Không buồn khi ế hàng. Không vội bức mình khi ai chê. Không vội mừng rỡ khi ai khen. Tâm tôi thân nhiên và phẳng lặng khi trao tiền bạc bán cây cảnh cho nhóm thợ xây dựng thiền đường. Tôi thấy rất rõ là mình chẳng sở hữu gì cả và cũng chẳng quan tâm gì đến điều đó. Tôi chẳng cần một đồng xu cho riêng mình.

- Tâm rỗng lặng nhìn chùa thấy chùa. Tâm bon chen nhìn chùa thấy quán. Tâm sân hận ngồi trong chùa mà chẳng biết chùa đâu. Tâm si mê đến chùa chỉ để lễ bái cầu xin. Tâm mới là nơi an trú. Chùa chỉ là mái nhà che mưa nắng để tìm về chân

tâm. Có chùa, có tâm, chùa như ngôi nhà có chủ. Có chùa, không tâm, chùa là lữ quán qua ngày. Có tâm, không chùa như đi trong nắng hạn mà thiếu mất bóng cây.

Phạm Xảo đi nhặt củi quanh vườn trở lại, nghe Tâm An trầm tĩnh, cười thành tiếng:

- Buôn bán ít mà mong tiền nhiều là gian thương. Buôn bán nhiều mà mong tiền ít là Ba Gấmong. Buôn bán mà không cần tiền như Tâm An nhà ta là thánh thương, có phải không à?

Tâm An cười đùa theo giong già:

- Là “đáng thương” huynh ạ!

- Đúng là đáng thương mà thương không đáng, nên không đáng thương.

- Thương hay ghét thì cũng đã xong rồi.

- Đóng cửa?

- Có cửa đâu mà đóng. Nhưng đã đủ tiền xây nhà thiền rồi thì kiếm tiền nữa để làm chi?

Phạm Xảo “ồ” lên:

- Thì ra trên đời này không phải chỉ có một Hoàng thân nhà tôi là người coi đồng tiền như ảo ảnh sắc không mà Tâm An huynh đệ đây cũng vậy. Thế nhà thiền bao giờ khởi công?

- Một cái “chòi thiền” thì đúng hơn. Cái chòi như một cái dù lá, trương lên và xếp lại chỉ đơn giản như cất nón chào nhau thôi.

- Có thật sự là phải cần một mái thiền thì tâm thiền mới phát tiết không?

Tâm An đang còn lúng túng với câu hỏi của Phạm Xảo thì thầy Tiều đã lên tiếng giải cứu:

- Mưa rơi là mưa rơi. Nắng dọi là nắng dọi. Ca, xang, thiền, ngủ... thì cứ việc ca, xang, thiền, ngủ. Sao lại phải đeo mang nhà cửa vào làm gì cho thêm nặng nề vậy kìa?

Tâm An có cảm tưởng như thầy đang đùa với việc làm của mình, nên cố sửa giọng cho chừng chặc hơn,

lên tiếng:

- Vậy thưa thầy, như thế thì bao nhiêu chùa chiền, thiền viện đều không cần thiết cả sao?

- Tôi không tu thiền theo pháp môn nào, nên cũng chẳng trả lời thay cho ai được cả. Nhưng khi cần thì một hạt cát cũng cần; mà đã không cần thì cả thế giới này cũng chẳng có gì đáng kể.

Sau câu nói của thầy Tiều, Tâm An lững thững đi một mình dưới những tàn cây xanh. Bốc một nhúm cát nhỏ để lên lòng bàn tay, rồi đưa lên ngang tầm mắt, chum miệng thổi nhẹ nhẹ. Dăm hạt cát bay đi mất dạng. Có ai cần một hạt cát. Giữa thình lạng bao la, dường như chẳng ai cần ai. Thế nhưng Tâm An lại chợt buồn khi nghĩ rằng, mình vừa đuổi đi, phụ lòng vài hạt cát.

(còn tiếp)

Thơ Nguyễn Tiến Quỳnh Giao

Tìm Dấu Chân Xưa

Rồi mai ta trở về quê cũ,
Tìm dấu chân quen đã một thời.
Lê gót phong trần trên vạn nẻo,
Đêm buồn ngồi ngắm ánh sao rơi. . .
Kỷ niệm của thời thơ ấu cũ,
Lâu rồi lưu lạc khắp muôn nơi.
Về đây lòng thấy buồn khôn xiết,
Ngẫm đời nhớ lại buổi chia phôi!
Từ đi tay vẫy chào tiền biệt!
Chẳng hứa gì nhau những hẹn thề.
Dấu kín nổi lòng trong mắt biếc,
Theo đời trôi vạn nẻo sơn khê.
Lần đi ta tưởng chừng như đã. . .
Theo thời gian không hẹn quay về.
Ta biết lần đi là cách biệt,
Ngàn trùng xa vạn dặm sơn khê.

Tháng Tư Niềm Nhớ

Lâu rồi cứ tưởng hôm qua,
Tháng tư ngày ấy trong ta ngậm ngùi!
Kể từ lê gót ngược xuôi,
Tháng tư chẳng có ngày vui sum vầy.
Bao năm vẫn nhớ một ngày,
Tang thương uất hận dâng đầy trong tim!
Người về lạc dấu chân chim,
Trăm năm bến cũ biết tìm nhau đâu?
Tóc xanh giờ đã đổi màu,
Làm thân lính trận bạc đầu tuyết sương,
Từ đi lang bạc bốn phương.
Đêm đêm vẫn nhớ sa trường ngày xanh,
Thôi thì thôi thế cũng đành.
Chút tình còn lại xin dành cho nhau,
Bây giờ mãi đến mai sau,
Tháng tư Quốc hận nhớ nhau muôn đời.

Hãy nói "Vì Tây Tạng"

Trần Khải

Tình hình Tây Tạng xuống đường là chuyện có thể tiên đoán được. Bởi vì từ nhiều thập niên qua, mỗi năm vẫn có hàng trăm và có khi hàng ngàn người Tây Tạng bị công an Trung Quốc bắt giam vì cho là vẫn còn tôn thờ Đức Đạt Lai Lạt Ma hay vì cho là có liên hệ tới các nỗ lực đòi độc lập, đòi tự trị, đòi dân chủ và nhân quyền cho vùng núi tuyết này. Và cứ mỗi lần có một biến động nào tại Tây Tạng, lại thêm một làn sóng người tị nạn băng núi Hy Mã Lạp Sơn để trốn sang Ấn Độ. Vấn đề chỉ là, khi nào thì các cuộc xuống đường lại xảy ra tại Tây Tạng, và nhà nước TQ sẽ đàn áp thế nào.

Mọi chuyện rất dễ hiểu. Dân tộc Tây Tạng rất mực hiếu hòa, bản chất đã không ưa bạo động, xử thế lại chất phác... nhưng khi nhiều tầng cai trị của nhà nước Bắc Kinh với các chính sách đồng hóa và diệt chủng văn hóa được tinh vi thực hiện, những khối phẫn nộ chất chứa trong lòng từ nhiều năm tất phải có lúc bùng nổ.

Lần này, những cuộc xuống đường trong tuần qua là đúng lúc. Tất cả những người quan tâm tới vận mệnh của dân tộc Tây Tạng -- trong đó có các tầng ni, thanh niên, sinh viên học sinh tại Lhasa, nơi đầu tiên bộc phát xuống đường - đều dễ dàng suy luận rằng không còn lúc nào khác có tầm vóc quan trọng hơn. Bởi vì Đuốc Thế Vận sẽ được thắp lên trong một buổi lễ tại thành phố cổ Olympia, tại Hy Lạp, vào đúng 12 giờ trưa ngày 24-3-2008, nghĩa là còn cách vài ngày nữa. Ngọn lửa sẽ chạy tiếp sức để sẽ đưa về sân vận động Panathenaiko Stadium tại Athens, Hy Lạp, để trao cho ủy ban tổ chức Thế Vận Bắc Kinh vào đúng 3 giờ chiều ngày 30-3-2008 trong một buổi lễ tưng bừng. Một buổi lễ đón nhận sẽ tổ chức tại Bắc Kinh vào ngày 31-3-2008, và vào ngày 1-4-2008 thì ngọn đuốc sẽ bắt đầu rước chạy một vòng toàn cầu - trong đó sẽ chạy qua nhiều thành phố của Việt Nam.

Điều bi thảm của cuộc chiến để gìn giữ sinh tồn cho dân tộc và văn hóa Tây Tạng là không ai mong đợi sự chiến thắng. Đây là cuộc chiến của tay không. Hoàn toàn không ai thấy người biểu tình nào cầm dao hay súng, chỉ có vài tấm ảnh cho thấy có ném đá. Những cuộc xuống đường chắc chắn không do chính phủ lưu vong của ngài Đạt Lai Lạt Ma tổ chức, và có vẻ như chỉ

được dàn dựng hay hỗ trợ bởi Nghị Hội Thanh Niên Tây Tạng, một tổ chức giới trẻ từ nhiều năm đã bày tỏ bất đồng về phương pháp bất bạo động của Đức Đạt Lai Lạt Ma. Nhưng tính rời rạc, không đồng thời của các cuộc xuống đường cũng cho thấy nhiều phân tự phát là chính, không phải là một âm mưu rộng lớn mang tầm vóc quốc tế, dù là các thiệt hại nhân mạng và tài sản rất là lớn. Có lẽ ngôi nỏ chính yếu, suy đoán được là do xúc động từ cuộc tuần hành về quê nhà của hơn 100 người, trong đó đa số là các vị sư và ít nhất là 20 người ngoại quốc tham dự - họ đi bộ từ Dharamsala, thủ đô Tây Tạng lưu vong, từ đầu tháng 3-2008 để sẽ vượt Hy Mã Lạp Sơn, dự kiến sẽ vào lãnh thổ Tây Tạng đầu tháng 8-2008. Nghĩa là, đúng lúc Thế Vận Bắc Kinh khai mạc vào ngày 8-8-2008. Và họ chấp nhận bị công an Trung Quốc vây bắt, có thể sẽ là bắt ngay ở biên giới, hay là ở một nơi nào trên đất Tây Tạng, nơi đồng bào họ đang bị cai trị hà khắc bởi nhà nước Bắc Kinh. Nghĩa là, một chuyến đi bất bạo động và chấp nhận vào tù. Gần như đồng thời, ngay sau đó, tuổi trẻ xuống đường ở Lhasa, rồi các vị sư từ ba tu viện lớn ở Lhasa cũng xuống đường, và sau một hôm thì lan ra 3 tỉnh lân cận. Tất cả các sự kiện đều nhằm để kỷ niệm ngày 10-3-1959, ngày toàn dân Tây Tạng nổi dậy và bị quân đội Trung Quốc đàn áp dữ dội, và là ngày chính phủ của Đức Đạt Lai Lạt Ma và nhiều ngàn dân Tây Tạng vượt núi băng rừng chạy trốn sang Ấn Độ.

Những cuộc xuống đường ở Tây Tạng thấy rõ là sẽ bị đàn áp. Nhưng giây phút này, khi ngọn lửa Thế Vận sắp sửa thắp lên ở Hy Lạp, nếu không nói, thì bao giờ mới nói. Và người Tây Tạng đã nói thật lớn tiếng, bất kể mọi đàn áp. Với tay không, và với lòng tin vào sự tử tế của thế giới dân chủ bên ngoài, họ đã bước ra phố, phát cao lá cờ Tây Tạng năm xưa, và hô vang những lời từ nhiều năm giấu kín trong lòng.

Họ cũng biết rằng sự hy sinh của họ và đồng bào họ trên đường phố Lhasa sẽ không dập tắt nổi Đuốc Thế Vận tuần sau sẽ thắp ở Hy Lạp. Họ biết rằng thế giới sẽ không tẩy chay toàn bộ Thế Vận như họ mong muốn. Nhưng giây phút này, nếu họ không lên tiếng, và nếu không lớn tiếng để thế giới nghe tới, thì đời sau và

những thế hệ con cháu của họ biết bao giờ có được cơ hội này để lên tiếng nữa.

Bây giờ mà im lặng, có thể sẽ là đời đời vĩnh kiếp sẽ im lặng mà chờ đợi một nền văn hóa một thời rực rỡ ở Tây Tạng sẽ lặng lẽ lụi tàn.

Những bước chân xuống đường ở Tây Tạng cũng là một nhắc nhở cho Việt Nam, rằng không bao giờ nên nhượng bộ bất kỳ một tấc đất, một tấc đảo nào cho Trung Quốc. Bởi vì, tổ tiên chúng ta đã ngăn được vó ngựa thời Nguyên Mông, không phải để chúng ta ngày nay bán đi dù với bất kỳ lợi nhuận nào giành cho bất kỳ

một nhóm, một đảng hay một chế độ nào.

Trường hợp bạn muốn góp lời với người Tây Tạng, xin mời vào trang web: <http://www.savetibet.org>. Nơi đó, đang có rất nhiều người cần bạn góp sức, và góp tiếng.

Hãy nói thật lớn, vì người Tây Tạng, và cũng vì đồng bào Việt Nam mình trước một cơ nguy bị mất mát rất thực và rất đáng ngại - những hiệp ước nhượng đất, nhượng biển.

(Việt Báo, 19.3.2008)

Phật Giáo Nam Cali: Lễ Cầu Nguyện Để Hộ Trì Dân Tộc Tây Tạng



*Buổi lễ cầu nguyện hộ trì cho Phật Giáo Tây Tạng
tại chùa Bảo Quang, Santa Ana*

(Việt Báo Thứ Hai, 3/24/2008)

Santa Ana, (Cổ Ngưu) --Tại Chùa Bảo Quang lúc 11 giờ thứ bảy ngày 22 tháng 3 năm 2008, một buổi lễ Cầu Nguyện được diễn ra với sự tham dự của Quý Chư Tôn Đức Tăng Ni thuộc các Chùa, Tu Viện trong vùng Orange County và đồng hương Phật Tử. Về phía Tây Tạng phái đoàn gồm có quý thầy: Geshe Sonam, Venerable Lobsang, Venerable Lhundup, Venerable Dawa.

Cùng đi với phái đoàn có Nhà Văn Nhã Ca, Đạo Hữu Kim Chi. Và một số các cơ quan Truyền Thông, Truyền Hình, Báo Chí. Buổi lễ dưới sự chủ trì của Hòa Thượng Thích Hạnh Đạo Viện Chủ Chùa Phổ Đà, Thượng Tọa Thích Quảng Thanh Viện Chủ Chùa Bảo Quang, Thượng Tọa Thích Minh Mẫn Viện Chủ Chùa Huệ Quang.

Sau 3 hồi chuông trống Bát Nhã,

Đạo Hữu Nguyễn Thanh Cúc lên giới thiệu chương trình và thành phần Chư Tôn Đức cùng quan khách tham dự. Tiếp đến Thượng Tọa Thích Quảng Thanh Trưởng Ban Tổ Chức lên ngỏ lời cảm ơn Quý Chư Tôn Đức Tăng Ni, Các cơ quan Truyền Thông, Báo Chí và Đồng Hương Phật Tử tham dự.

Thượng Tọa tiếp sớ dĩ chúng ta có buổi cầu nguyện hôm nay là vì hiện nay Chư Tăng và Dân Tộc Tây Tạng đang bị nhà cầm quyền Trung Cộng đàn áp một cách dã man, vì thế thể hiện lòng từ bi trong tinh thần bất bạo động, Phật Tử chúng ta hãy cùng chia sẻ nỗi đau với dân tộc Tây Tạng cũng như Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại quê nhà đã trải qua 30 năm bị đàn áp. Hôm nay chúng ta qui tụ về đây cầu nguyện Chư Phật mười phương để nhân dân Tây Tạng và Việt Nam thoát khỏi ách

thống trị. Cộng sản. Việt Nam phải hủy bỏ điều 4 Hiến Pháp cho Việt Nam có Tự Do, Dân Chủ và Nhân Quyền được tôn trọng. Chúng ta hai dân Tộc cùng chung số phận giống nhau...

Tiếp theo là nghi thức cầu nguyện bắt đầu với nghi thức Phật Giáo Việt Nam do Thượng Tọa Thích Quảng Thanh và Thượng Tọa Thích Minh Mẫn phụ trách. Sau phần nghi thức Phật Giáo Việt Nam kế đến là phần nghi thức cầu nguyện Tây Tạng do các vị sư Tây Tạng hành lễ.

Phần cầu nguyện chấm dứt, Đại Diện Phái Đoàn Phật Giáo Tây Tạng đã lên ngỏ lời cảm ơn Chư Tôn Đức Tăng Ni và Đồng Hương Phật Tử Việt Nam đã tỏ lòng chia sẻ với Phật Giáo và Dân Tộc Tây Tạng đang gặp lâm nguy. Buổi lễ chấm dứt trong bầu không khí Đạo Tình thân mật.

LỄ HỘI QUAN ÂM

Ngày Hành Hương & Cầu Nguyện Năm Thứ Bảy

BÀN TAY CỨU ĐỘ

Huê Trân tường thuật

Lễ Hội Quan Âm đã trở thành truyền thống thiêng liêng, được tổ chức hàng năm tại Trung Tâm Phật Giáo, chùa Việt Nam, thành phố Houston, Texas, Hoa Kỳ. Truyền thống này mỗi năm mỗi in dấu đậm nét trên trang sử Phật Giáo Việt Nam tại hải ngoại, do sự quy tụ tự giác, tự nguyện của muôn tâm lòng con Phật khắp nơi hướng về.

Năm nay là năm thứ bảy, con số linh thiêng nở từ bảy bước hoa sen của vị Phật thị hiện cứu độ chúng sanh. Lễ Hội Quan Âm lần thứ bảy chẳng phải tình cờ mang chủ đề “Bàn Tay Cứu Độ” mà vì hoàn cảnh Phật Giáo nói chung, và Phật Giáo Việt Nam, nói riêng, đang rất khẩn thiết ngưỡng xin bàn tay Đức Đại Từ Đại Bi cứu độ.

Có lẽ vì cảm nhận được nghiệp vận của đạo pháp nên Chư Tôn Đức Tăng Ni đã đáp lời mời của viện chủ chùa Việt Nam Houston, về dự Lễ Hội đông hơn năm trước gấp bội.

Tất cả những sự việc từng làm dao động lòng người trong nhiều tháng qua đã nhận được câu trả lời bi tráng qua sự hiện diện của hơn hai trăm ba mươi Chư Tôn Đức Tăng Ni từ mọi nơi trên khắp thế giới và khoảng mười ngàn Phật tử, đồng hương về dự hội trong niềm hân hoan, vững tin vào chánh pháp. Tất cả những ai có mặt trong Lễ Hội đều nhận ra điều này không chút khó khăn. Ngay cả cơ quan an ninh, cảnh sát, khi kiểm điểm số lượng xe và nhận diện, ước tính số người tham

dự, họ cũng ngạc nhiên về con số hơn mười ngàn người do chính họ kiểm điểm. Họ chỉ biết là rất đông, đông quá! mà không ngờ con số tới như vậy!

Hàng năm, thời điểm này là mùa mưa bão trên tiểu bang Texas. Bầu trời lúc nào cũng mây xám vần vũ, sẵn sàng trút mưa xuống bất cứ lúc nào! Nhưng suốt ba ngày cuối tuần 28, 29 và 30 tháng ba năm 2008, trời xanh, mây trắng, nắng vàng đã cùng nhau đến đánh lễ Bồ Tát Quan Thế Âm. Những vầng mây xám thỉnh thoảng bay ngang chỉ để rớt rề thưa thỉnh: “Chúng con xin về dự Lễ Hội. Ông bà và cha mẹ chúng con là mưa giông và bão gió đang hành hương ở rất xa, xin chuyển lời chúc mừng Lễ Hội được thập phần tốt đẹp”.

Cờ năm sắc, hoa đèn rực rỡ, bong bóng muôn màu phát phới khắp khuôn viên rộng lớn của TTPG chùa Việt Nam, từ cổng vào tới Báo Tháp Báo Ân phía sau, bên hông đại hội trường vừa hoàn tất. Cách xa từ một dặm, lữ hành đã có thể cảm nhận không khí Lễ Hội qua hình ảnh đại tôn tượng Bồ Tát Quan Âm hùng tráng uy linh như chạm tới chín tầng mây, qua đoàn người áo lam tuôn chảy về chùa, qua ánh mắt, nụ cười trao nhau, qua những hồi chuông ngân vang tỉnh thức lòng người ...

Theo đúng chương trình, từ 6:30 chiều thứ sáu 28 tháng ba năm 2008, Phật tử và đồng hương đã trật tự vân tập hai bên tiền đường, dọc từ cửa chánh điện ra tới hồ Hương Thủy để

cung nghinh và tham dự cùng Chư Tôn Đức, Tăng Ni trong cuộc hành hương Tam Bộ Nhất Bái.

Ba hồi chuông trống Bát Nhã hùng tráng ngân vang, hàng Chư Tôn Giáo Phẩm trang nghiêm từng bước tiến ra tiền đường, chư Tăng Ni chậm rãi, an lạc theo sau. Phút giây, tiền đường vàng rực sắc áo ca-sa, màu áo Đức Thế Tôn đã khoác suốt bốn mươi chín năm hoàng dương Đạo Cả. Ngày nay, các trưởng tử Như Lai, một lòng tuân lời Cha dạy, khoác áo Như Lai, hành sự Như Lai, đốt đuốc lên mà đi trên con đường Trung Đạo.

Rồi đại vũ “Ngàn Mất Ngàn Tay” mở đầu cho Lễ Hội được trình diễn một cách điêu luyện tuyệt vời trước khi Pháp-Từ khai mạc Lễ Hội được tuyên đọc. Nghi thức khai mạc hết sức đơn giản mà cũng hết sức trang trọng, mang trọn vẹn ý nghĩa cho một Lễ Hội vừa thể hiện nếp sống tín ngưỡng tâm linh cao đẹp của Phật Giáo, vừa mang bản sắc văn hóa hiền hòa của dân tộc.

“**Nam Mô Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát**”, mỗi tiếng niệm đều thành khẩn, chậm rãi, vừa đủ một bước đi, để sau mỗi ba bước, tiếng chuông tỉnh thức ngân lên, đoàn hành hương, theo sự hướng dẫn của hơn hai trăm ba mươi Chư Tôn Đức, Tăng Ni, đồng quỳ xuống, lạy một lạy.

Tâm lòng nào có thể không rung động!

Tâm lòng nào có thể không thôn

thức!

Tấm lòng nào có thể không chiêu cảm ân sâu vô lượng của Mẹ Hiền Quan Thế Âm trong mỗi gói quỳ, mỗi úp mặt trong bàn tay, cảm nhận sự tiếp xúc kỳ diệu với nền đất ẩm, cảm nhận lời an ủi từ kim khâu Đức Thế Tôn: ***“Cây kim cắm xuống bất cứ nơi nào trên khắp cùng đại địa đều chạm tới xương thịt Như Lai”***

Mấy ngàn người hiện diện phút giây này, chắc hẳn, đều tin tưởng như thế, tin tưởng Chư Phật, Chư Bồ Tát không bao giờ rời xa chúng sanh đau khổ.

Tiếng niệm Quán Âm được thấp vào hàng trăm hoa đèn, nhẹ nhàng thả xuống hồ Hương Thủy với lời cầu nguyện của mỗi người. Trên cao, Mẹ Hiền từ bi nhìn xuống, rõ từng giọt cam lộ vào mỗi tiếng kêu xin. Sự chiêu cảm nhiệm mầu “**Tâm Truyền Tâm**” này vô cùng mạnh mẽ, mỗi người đều tự cảm nhận mà không ai có thể diễn tả với ai cho đủ, vì ngôn ngữ thế gian hữu hạn làm sao chuyên chở được sự kỳ diệu vô hạn!

Những ngọn gió còn phảng phất hương xuân đã ghé qua, nhẹ đưa hoa đèn lung linh trăm sắc, uyển chuyển trên mặt hồ tạo thành vũ khúc Đêm Hoa Đăng cực kỳ linh động trong khi chuông trống Bát Nhã trầm hùng tiễn chân Chư Tôn Đức Tăng Ni trở về chánh điện.

Lúc này thì các lều quán đại diện các chùa, các tự viện trong thành phố dựng bên lề cỏ dọc theo hàng dờ ngoài khuôn viên, bắt đầu tập nập mời khách thập phương ghé thăm. Đây là lúc thân hữu, bạn bè tìm gặp nhau, tay bắt mặt mừng, chia xẻ đạo tâm, hẹn gặp lại nhau ngày mai trong lễ Đạo Tràng Linh Hiền Ngàn Mắt Ngàn Tay lúc 7 giờ sáng.

Khác với Lễ Hội lần thứ sáu, năm nay, đất trời góp phần công đức để Đạo Tràng Linh Hiền Ngàn Mắt Ngàn Tay được thực hiện ngoài

khuôn viên rộng rãi thay vì trong chánh điện như năm ngoái. Trước bảy giờ sáng, Chư Tôn Đức Tăng Ni đã thông thả, từng bước hướng về Cổng Tam Quan. Từ điểm khởi hành này, Chư Tôn Đức Tăng Ni đã đi theo hàng ngang, bước những bước chân chánh niệm về lại tiền đường trong tiếng niệm Đức Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni của Phật tử, đồng hương và cả cư dân địa phương, đứng dọc hai bên, hầu như không còn một chỗ trống. Khi Chư Tôn Đức tiến đến lư hương thì dừng lại. Chư Tăng Ni di chuyển, và rồi, ngồi xuống theo hàng dọc, đối mặt nhau, nhiếp tâm trong ba hồi chuông bắt đầu phút Thiên-Quán-Từ-Bi.

“Chúng con kính lạy Phật – Bậc trong sạch vẹn toàn,

Như một bình nước ô nhiễm đã đổ hết ra ngoài, chúng con giờ đây không còn những tư tưởng hận thù, xấu ác, không còn những tâm niệm ích kỷ, ganh ghét, đố kỵ, hẹp hòi. Nguồn nước từ bi vô lượng vô biên từ trái tim Mẹ Hiền Quán Âm đang chảy tràn trong mỗi chúng con, từ đỉnh đầu tới gót chân, từ mỗi tế bào đến từng hơi thở để chuyển hóa tất cả thân tâm chúng con thành từ bi. Với tâm từ bi, chúng con xin đem tình thương mà đáp trả với mọi oán cừu, đem hỷ xả đối lại với mọi thành kiến, lấy bao dung ứng xử với mọi tỵ hiềm.

Xin cho tất cả được sống trong an toàn, hạnh phúc.

Xin cho tất cả được thoát khỏi mọi bệnh tật, lo âu, phiền muộn, mọi sợ hãi và sự giận dữ.

Xin cho tất cả được mạnh mẽ, tự tin, sức khỏe và bình an”

Không gian như vừa chuyển hóa cõi Ta-Bà thành Tịnh Độ khi mọi âm thanh chỉ còn cô đọng trong tiếng niệm Chú Đại Bi liên tục và liên tục ... 2 biến, 3 biến, rồi 5, 6 ... hay bao nhiêu biến, không biết nữa. Đại đa số Phật tử đều thuộc lòng chú này, nên, với năng lượng từ hơn 230 Chư Tôn

Đức Tăng Ni và hàng ngàn Phật tử, bao nhiêu phiền não, khổ đau, sân hận, đang được gột rửa theo âm thanh rạt rào biển lớn: ***“Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm đà-la-ni. Nam Mô hắc ra đát na đa ra dạ da. Nam Mô a rị da, bà lô yết đế, thước bác ra da Ân tất điện đô, mạn đa ra, bát đà dạ, ta bà ha.”***

Dù là Phật tử hay không, dù hiểu hay không hiểu lời chú, năng lượng âm thanh của nhiều ngàn người thành tâm, khẩn thiết, đồng loạt phát ra đã là linh dược xoa dịu bao vết thương nhức nhối. Toàn thể năng lượng này đã được dâng lên Chư Phật, Chư Bồ Tát để hồi hướng công đức tới khắp pháp giới chúng sanh ba cõi bốn loài đều được an lạc, hạnh phúc.

Trong không khí trầm hương và lặng lẽ linh thiêng của Đạo Tràng, sau lời kinh chú trì tụng vừa chấm dứt là Pháp Thoại về Hạnh Nguyên Quan Âm. Pháp Thoại đã mở đầu bằng Sự-Im-Lặng-Linh-Thiêng như sấm động mà đại chúng vừa cảm nhận, sự im lặng đủ sức làm mềm những trái tim hung bạo sắt đá nhất, để từ đó, dẫn đến lời tán thán của Đại Huệ Bồ Tát về Trí Tuệ và Đại Bi Tâm của Chư Phật trong Pháp Hội Lăng Già:

“Thế gian ly sanh diệt

Do như hư không hoa

Trí bất đắc hữu vô

Nhi hưng Đại Bi Tâm

Nhất thiết pháp như huyễn

Viễn ly ư tâm thức

Trí bất đắc hữu vô

Nhi hưng Đại Bi Tâm

Viễn ly ư đoạn thường

Thế gian hằng như mộng

Trí bất đắc hữu vô

Nhi hưng Đại Bi Tâm

Tri nhân pháp vô ngã

Thế gian tướng thường trụ

Trí bất đắc hữu vô

Nhi hưng Đại Bi Tâm”

Đại Bi Tâm.

Đại Bi Tâm.

Đó là trái tim của Chư Phật, là biển lớn thanh tịnh, chiêu dung hết mọi khổ đau, nhân ngã, mọi oán cừu oan trái; mà chỉ khi nào vượt thoát ngoài nhị biên, không còn bên này bên kia, con người mới làm hưng khởi được nơi tận đáy lòng mình.

Đại Bi Tâm và Trí Tuệ Bát Nhã là tinh nghĩa của danh hiệu Quán Âm mà phẩm Phổ Môn đã nói rõ (Chơn Quán, Thanh Tịnh Quán... Diệu Âm, Quán Thế Âm...) Đó là tất cả tinh túy của Phật Pháp, quy kết trong câu thần chú nhiệm mầu mà đại chúng vừa trì tụng “ Án Ma Ni Bát Di Hồng”. Viên ngọc sáng Đại Bi nằm giữa lòng Đóa Hoa Sen Đại Trí. Và đó chính là cốt tủy của Hạnh Nguyên Quan Âm mà vị thầy ban pháp thoại đã nhắc lại để cầu mong cho cái cuối cùng còn lại của Lễ Hội này là một giọt nước Từ Bi đọng lại nơi trái tim mỗi người, một giọt nước Từ Bi rửa sạch mọi oán cừu oan khiên, cởi bỏ mọi oan trái buộc ràng để đời sống mong manh này có được cái gọi là niềm An Lạc, Hòa Bình và Hạnh Phúc chân thật.

Bữa cơm trưa đầy đạo tình được sắp đặt dưới hình thức buffet tại hội trường rộng lớn vừa hoàn tất mặt tiền, có sức chứa hơn một ngàn người. Có lẽ, đây là lần đầu tiên, tại Lễ Hội Quan Âm, một số Phật tử được dùng cơm cùng Chư Tôn Đức, vì trước kia, phòng ăn quá nhỏ. Trước khi cùng nâng chén, quý Phật tử được nhắc nhở ăn cơm trong chánh niệm, nghĩa là, ăn trong im lặng, tiếp xúc sâu sắc với thức ăn, quán chiếu sự khó nhọc của người trồng lúa, người nấu nướng, cảm nhận hạnh phúc mà ta đang thọ dụng. Ăn cơm như vậy là ăn trong trọn vẹn nghĩa tình của Liễu Tam Không: người cho, kẻ nhận và tặng phẩm, hoàn toàn vị tha và dăng hiến.

Sau khi dùng bữa, khách hành hương tham dự Lễ Hội Dân Gian, rất sôi nổi, hào hứng với nhiều sắc thái

đặc thù văn hóa, nghệ thuật cho mọi thành phần, mọi lứa tuổi. Không ai lộ vẻ mệt mỏi cho tới sát giờ Lễ Chính Thức khai mạc lúc 6:30 chiều thứ bảy 29 tháng ba năm 2008.

Đại vũ khúc “Nhàn Dương Nước Tịnh” và đoàn lân của GDPT Huyền Quang đã chào mừng Lễ Hội bằng màu sắc long lanh, âm thanh rộn ràng lẫn khói pháo thơm lan tỏa. Chư Tôn Đức Tăng Ni tiến lên Lễ Đài giữa màu sắc đỏ, âm thanh đó và giữa rừng búp tay sen chấp lại, niệm hồng danh Đức Bổn Sư Thích Ca.

Thoát nhiên, rừng người trong khuôn viên chùa Việt Nam như vừa được khai sinh ở một thế giới mới. Thế giới này thanh tịnh quá! đẹp đẽ quá! hiền hòa quá! Thế giới này đang nhất tâm giống tiếng chuông từ bi cầu nguyện cho bao thế giới điên đảo ngoài kia:

“Nguyện tiếng chuông này vang pháp giới

Khắp nơi u tối mọi loài nghe

Siêu nhiên vượt thoát vòng sanh tử

Giác ngộ tâm tư một hướng về”.

Trời bỗng gió khi tiếng chuông và lời tán kệ lan tỏa mênh mang không gian. Gió đến để chở âm thanh đi xa thật xa đến khắp nơi u tối cho mọi loài được nghe. Và gió cũng đến để hòa điệu cùng hàng lá dừa cao vút, múa vũ khúc Thiên Thủ Thiên Nhãn, cúng dường Đức Quán Thế Âm. Gió cũng đến, để lễ Dâng Hoa thêm uyển chuyển với bao tà áo dài mềm mại bay bay, uốn lượn. Muôn tấm lòng, muôn con mắt đồng ngược nhìn tôn tượng Mẹ Quan Âm khi Đại lão H.T. Tâm Châu cất lời cầu nguyện cho Phật Giáo Việt Nam, Phật Giáo Tây Tạng, Phật Giáo Miến Điện là những quốc gia mà giáo pháp đang gặp nguy nan. Ông kính của đoàn quay phim đã thu lại biết bao giòng lệ chan hòa trong phút giây cầu nguyện. Không khí cực kỳ xúc động khi vị chủ lễ xướng 4 câu kinh Phổ Môn, toàn thể

đại chúng lại đồng thanh niệm danh hiệu Bồ Tát:

Nghe đây Hạnh Quán Âm

Khéo ứng khắp mọi nơi

Thệ rộng sâu như biển

Nhiều kiếp chẳng nghĩ bàn

Nam Mô Đại Bi Quan Thế Âm

Bồ Tát

Lòng Bi như sấm động

Ý Từ tựa đường mây

Cam Lồ mưa pháp dội

Mà tắt lửa não phiền

Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm

Bồ Tát

Niệm niệm không nghi ngờ

Tịnh Thánh Quán Thế Âm

Là nơi về nương tựa

Giữa nạn khổ chết chóc

Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm

Bồ Tát

Tiếp nối là giòng kinh Bát Nhã vang trong không gian đang tắm đắm Hương Từ Bi. Gió vẫn quần quanh Lễ Hội, đón từng lời kinh trong trái tim mỗi người để chở lên cao, thật cao, thật xa, rồi rải rộng khắp cùng đại địa, cho những tâm sân hận nhận diện vô thường mà dừng cơn tham đắm.

Âm thanh sang sảng của Đại lão H.T. Giác Nhiên, ban huấn từ về Lửa Từ Bi càng gọi gió về nhiều hơn:

“Ngọn lửa sẽ thấp lên là Lửa Trí Tuệ đốt thiêu tam ác, phá tan hòn núi nhân ngã, là ánh sáng bình minh mở rộng lòng người vốn hẹp hòi, vị kỷ”

Pháp-chủ yêu cầu toàn thể đại chúng đồng hướng về cột lửa, đón ngọn Lửa Thiêng Từ Bi sẽ bùng lên, cháy tan sân hận. Muôn lòng òa vỡ theo ngọn lửa vút cao cùng với tiếng hát Gia Huy:

“Lửa cháy lên với tiếng nhạc lời kinh,

Mong ước sao cho nhân loại hòa bình

Lửa bùng bùng cháy, thiêu đốt bạo tàn

Lửa bùng bùng cháy, thiêu đốt làm than

*Lửa bập bùng bùng cháy nung
trí Tự Do*

*Lửa bập bùng bùng cháy soi
sáng hồn ai ...”*

Sau giây phút bùng bùng lửa thiêng, Đại lão H.T. Tâm Châu ban huấn từ bằng giọng nói chậm rãi, điềm đạm nhưng ý-từ thì vô cùng sâu sắc, minh bạch. Ngài tin rằng, thời tiết tuyệt hảo trong suốt thời gian Lễ Hội là do tâm cảm của Chư Phật, Chư Bồ Tát đoái thương thế giới đảo điên, đoái thương dân tộc Việt Nam chưa có dân chủ, đoái thương Phật Giáo Việt Nam, Tây Tạng, Miến Điện đang chìm trong pháp-nạn bởi những xảo thuật chính trị làm hoen ố đạo tâm, làm trề nải Phật-sự, làm khổ đau tứ chúng! Vị đại lão Hòa Thượng tám mươi tám tuổi vẫn không ngừng chống gậy đi khắp đó đây vì lợi ích chúng sanh; nay, trước nghiệp vận của Phật Giáo Việt Nam, Ngài không quên khẩn thiết cầu an cho Đức Tăng Thống

H.T. Huyền Quang, H.T. Thích Quảng Độ và H.T. Thích Hộ Giác gạt được mọi chương duyên đề lèo lái con thuyền chánh pháp đến bờ Giác Ngộ.

Để kết thúc bài tường thuật, người viết xin thành tâm sám hối cùng Chư Tôn Đức Tăng Ni hiện diện vì phạm vi bài tường thuật không thể ghi đủ danh xưng từng vị; cùng Ban Tổ Chức, cùng biết bao Phật tử trong các ban đã vô cùng vất vả, cúng dường thời giờ, công sức, góp phần tích cực để Lễ Hội được thành tựu trong thập phần tốt đẹp. Vậy mà, người viết, tài hèn sức mọn, đã không thể diễn tả tạm đủ, bao công đức này, giúp những ai chưa đủ cơ duyên tới dự có thể cảm nhận phần nào năng lượng vô biên từ Lễ Hội.

Để kết luận, người viết xin ghi lại đây, cảm nghĩ của một cụ già, sau khi dự lễ, đã vừa khóc, vừa nói rằng:

*“Tôi nghĩ, dù ai có ác tâm đến đâu
mà tới đây dự Lễ Hội này thì bao
nhiều ác tâm cũng đều tiêu tan cả.”*

Pháo bông rực rỡ cả một góc trời Houston, kết thúc Lễ Hội Quán Âm lần thứ bảy trong niềm tin vững mạnh mà Đức Thế Tôn đã dạy, khi thuyết Pháp Hoa Kinh:

*“Chư pháp từng bản lai
Thường tự tịch diệt tướng
Phật tử hành đạo dĩ
Lai thế đắc tác Phật”*

Phật tử nào tụng Kinh Pháp Hoa cũng thuộc câu này và hiểu nghĩa rằng: *“Tất cả các pháp vốn thường hằng vắng lặng, bản lai tịch tĩnh. Người con Phật thực hành được đầy đủ thì đời sau, tất sẽ thành Phật”.*

NAM MÔ QUÁ KHỨ CHÁNH PHÁP MINH NHƯ LAI HIỆN TIỀN QUÁN TỰ TẠI QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT.

*(Cổc Thanh Thoi,
Tháng Tư, 2008)*

Thơ HÀN NGỌC

Trong Làn Mưa Bay

*Trời mưa hoa giấy bay bay
Người phương xa ấy có hay nổi lòng ?
Thoáng buồn giọt nước mắt trong
Mưa rơi hiu hắt chạnh lòng xót xa
Thả hồn theo tiếng mưa sa
Nghe buồn xa vắng, ngày qua mất rồi
Đường đời mấy nẻo chia phôi?
Người đi kẻ ở, buồn tôi một mình
Bên song tường bóng nhớ hình
Mưa soi mộng寐... dệt tình ảo mơ
Đường xa tôi mãi ngóng chờ
Mưa giăng trên lối, mặt mờ áo phai
Giờ đây lạc mất dấu ai
Ngẩn ngơ tìm kiếm lòng đầy hoang mang ...
Giọt rơi tiếp nối, vỡ tan
Làm đau cánh nhỏ trong làn mưa bay*

Biệt Ly

*Giọt buồn rơi lối nhỏ
Uớt chân người bước mau
Bão lòng hay mưa đổ
Gõ nhịp hồn thương đau
Tiếng lá rơi xào xạc
Hòa tan trong không gian
Giọt mưa nào lưu lạc
Ngõ ngàng trên mi tan
Thung lũng chiều chia tay
Mất lệ nhòa mưa bay
Nhìn nhau không dám nói
Từ nay thôi đắm say
Nhìn nhau hồn chơi vơi
Nhìn nhau một lần thôi
Bao câu chẳng thành lời
Ngày mai đường chia đôi.*

TIN TỨC PHẬT GIÁO KHẮP NƠI

Ấn Độ: Khám phá thêm di chỉ Phật Giáo

Express News Service, January 21 2008

KENDRAPARA, India - Một pho tượng Phật bằng đá cao 10 bộ (khoảng 2.7 mét), thiếu mất phần đầu, ngời trong tư thế bàn tay phải chạm đất "Bhumisparsha" - , vừa được phát hiện trong ngôi làng Langaleswar, cách đây 35 km, vào hôm thứ Bảy 19 tháng 01, 2008.

Một số công nhân đã tình cờ phát hiện ra pho tượng trong khi đào đất ở gần một ngôi đền thờ thần Shiva trong làng. Rất nhiều đồ vật sành sứ, bát bằng đất nung, bát khất thực, ẩm đất, đèn bằng sành, và rất nhiều mảnh gốm vỡ và những phiến đá với các câu chữ khắc cũng được khai quật cùng với tượng Phật

Có rất nhiều lỗ hổng, mỗi lỗ đo được từ năm đến bảy bộ cũng được ghi nhận. Căn cứ theo sử gia nổi tiếng, Harishachandra Prusti, có lẽ chư Tăng Phật Giáo sử dụng các lỗ hổng để cất chứa được liệu cổ truyền hoặc trái cây.

Pho tượng Phật có lẽ được tôn tạo trong thế kỷ thứ 8 sau Tây Lịch, dưới triều đại của Đức vua Phật tử Bhaumakura, thời đại hưng thịnh trong thế kỷ thứ 8 đến thế kỷ thứ 11 sau Tây Lịch tại Orissa.

Nhưng trong thế kỷ thứ 12, từ khi các triều đại Somabanshi, triều đại Gangas của các ông vua Ấn Giáo có khuynh hướng chống lại Phật Giáo, có thể họ đã phá hủy tu viện tại Langelaswar và xây dựng một ngôi đền Shiva hoặc ngôi chùa Mahakala.

Nhưng sau đó trong thế kỷ thứ 16, quân xâm lược Hồi giáo có thể đã phá hủy ngôi đền Shiva hoặc ngôi chùa Mahakala, sử gia Prusti cho là như vậy. Pho tượng Phật bằng đá thiếu phần đầu là một phát hiện rất hiếm hoi tại Ấn Độ với Đức Phật ngồi trong tư thế bàn tay phải chạm đất bị chôn vùi dưới đất, ông Prusti nói thêm.

Nhưng cả hai cơ quan Khảo Cổ Ấn Độ và Phân Bộ Khảo Cổ không lưu tâm nhiều tới các khu vực Phật tích như thế, nơi mà rất nhiều tôn tượng Phật và các

phát hiện khác đang bị chôn vùi dưới cát bụi trong nhiều làng thôn, Bebarti Ajaya Ballava Das, phó chủ tịch của tổ chức Buddhayan, một tổ chức tại Lalitagiri đang nỗ lực làm công việc bảo vệ các tu viện và các nghệ phẩm cổ xưa Phật Giáo, nói như trên.

Tuần trước, một tu viện Phật giáo cổ xưa và một pho tượng Ganesh thiếu mất phần đầu cũng đã được khai quật tại ngôi làng Palei, cách đây 15 km. Chúng tôi đã viết thư lên yêu cầu các viên chức của các cơ quan khảo cổ hãy viếng thăm Langaleswar và họ đã hứa hẹn không lâu nữa sẽ viếng thăm khu vực này, ông Prusti nói thêm. *(Hạt Cát dịch)*

Phi Luật Tân: Thị trường Zambo ca ngợi Phật Giáo Từ Tế

Zamboanga City - Phi Luật Tân (January 21) - Thị trưởng thành phố Zambo, Phi Luật Tân, ông Celso Lobregat đã không tiếc lời ca ngợi tổ chức Phật Giáo Từ Tế, một tổ chức phi chánh phủ gắn bó với các hoạt động nhân bản, về sự chuẩn bị cho việc khai mở Trung Tâm Nhân Khoa Bác Ái, một trung tâm y tế trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại về nhân khoa để phục vụ cho khu vực dân nghèo tại Zamboanga và các vùng khác của Mindanao.

"Tổ chức Từ Tế khơi gợi từ tâm, lòng nhân ái, phụng sự và thương yêu." Đó là tính chất của vị tha nhân loại. Thị trưởng Lobregat đã tuyên bố lời ca ngợi này trong buổi lễ khánh thành trung tâm nhân khoa tốn phí khoảng 33 triệu Phi Kim bên trong tổng thể Trung Tâm Y Tế Thành Phố Zamboanga tarong cuối tuần vừa qua.

Ông thị trưởng nhấn mạnh trong bài diễn văn, hoạt động của trung tâm nhân khoa sẽ đóng một vai trò thiết yếu trong sự nâng cao ngành nhân khoa tại phần đất này của quốc gia.

Trung tâm nhân khoa được mệnh danh là "Trung Tâm Nhân Khoa Bác Ái", được xây dựng bởi Văn Phòng Liên Đối Tổ Chức Từ Tế Zamboanga dưới sự điều hành của Dr. Anton Mari Lim. Hoạt động của trung tâm nhân khoa này sẽ được kết hợp với hoạt động của bộ phận

nhân khoa thuộc Trung Tâm Y Tế Thành Phố Zamboanga (viết tắt ZCMC) Trung Tâm ZCMC cũng sẽ trang bị các thiết bị hiện đại cho bộ phận nhân khoa trị giá khoảng 24 triệu Phi Kim qua một món trái khoán mượn từ chính phủ Tây Ban Nha qua sự trợ giúp của thị trưởng quá cố Maria Clara Lobregat.

Ông thị trưởng nói Tổ chức Từ Tế xứng đáng được ca ngợi với các giải pháp vững bền để giúp đỡ làm xoa dịu bớt hoàn cảnh khốn khổ của tình trạng nghèo đói trong thành phố Zamboanga và các tỉnh thành, phố thị lân cận.

Sau khi khai mạc trung tâm nhân khoa trong ngày thứ Sáu vừa qua, tổ chức Từ Tế đã thực hiện trách vụ lần thứ 40 dành cho những bệnh nhân nghèo với vô số những khó khăn về vấn đề y tế. Với đỉnh cao của cơn bão dữ thổi qua các làng duyên hải trên bờ biển miền Tây hôm 27 tháng 11 vừa qua, tình nguyện viên Từ Tế đã cùng viên chức chính phủ thực hiện công tác cứu trợ một cách tốt đẹp

Để ghi nhận các nỗ lực từ thiện của Từ Tế trên các công tác xuyên qua lãnh vực y tế, văn hóa, giáo dục v.v... chính quyền thành phố đã ban tặng cho Từ Tế giải thưởng Achievement Award trên lãnh vực phục vụ cộng đồng hồi 26 tháng Hai, 2003. Ông thị trưởng cũng đã ban hành một sắc lệnh bố cáo rằng ngày 26 tháng Tám mỗi năm là Ngày Từ Tế tại Zamboanga.

"Thay mặt chính quyền thành phố Zamboanga và quần chúng, tôi xin diễn đạt nơi đây lòng chân thành tri ân của tôi đến tổ chức Từ Tế, đến các tình nguyện viên từ tổng trụ sở tại Đài Loan, Văn Phòng Chi Nhánh Phi Luật Tân và đặc biệt nhất là các tình nguyện viên từ văn phòng liên đới Zamboanga", ông thị trưởng kết thúc bài diễn văn như trên.

Tham dự buổi lễ khai mạc trung tâm nhân khoa gồm có các viên chức chính quyền như Cong Beng Climaco, thành viên Hội Đồng Thành Phố, các viên chức của ZCMC được hướng dẫn bởi Dr. Romeo Ong, các viên chức khác của chính phủ, các đại diện Từ Tế tại tổng hành dinh Đài Loan và Manila.

(Hạt Cát dịch)

Ấn Độ: Biểu tình phản đối dự án chỉnh trang thành phố thánh tích Bodh Gaya

IANs - Bihar - India. January 24, 2008 - E ngại việc dời dời và mất mát kế sinh nhai, hàng trăm cư dân đã thực hiện một cuộc diễn hành trong im lặng, để phản đối dự án chỉnh trang thành phố thánh địa Phật Giáo, Bodh Gaya, Bồ đề Đạo Tràng.

Một vài tổ chức thương mại, các nghiệp đoàn khách sạn, dịch vụ du lịch, liên hiệp mậu dịch bộ hành và một vài tổ chức mậu dịch khác đã thực hiện cuộc diễn hành hôm thứ Ba nhiều giờ trước khi Ngài Thủ Hiến Nitish Kumar khai mạc lễ hội Buddha Mahotsav tại Bodh Gaya.

Nội các tỉnh bang Bihar đã phê chuẩn bản kế hoạch dự án chỉnh trang Bodh Gaya hồi năm ngoái. Bản kế hoạch dự trù gia tăng diện tích của thành phố từ diện tích hiện tại 1,700 acres thành 3,307 acres. Các nhà mậu dịch nghe nói rằng kế hoạch này đòi hỏi tất cả các cơ sở các ngành nghề, các hoạt động thương mại phải dời ra khỏi giới hạn của thành phố. Ngay cả một số các nhà du lịch nước ngoài cũng phản đối kế hoạch và ủng hộ cư dân địa phương.

Các nguồn tin trong khu vực hành chính nói rằng tất cả các hoạt động xây dựng cách tháp Đại Giác trong vòng 500 mét đều bị cấm đoán.

Ngôi tháp 1,500 năm tuổi được liệt kê vào danh sách Di Sản Văn Hóa Thế Giới của cơ quan UNESCO hồi năm 2002, trở thành khu vực thứ 23 được vinh danh tại Ấn Độ. Đức Phật đã thành đạo giác ngộ giải thoát gần ngôi chùa này 2,500 năm trước.

Trước nguy cơ sẽ bị tổ chức UNESCO rút tên tháp Đại Giác ra khỏi danh sách di sản văn hóa thế giới, chính quyền tỉnh bang Bihar đã yêu cầu Phân Bộ Trú Sở và Phát Triển Đô Thị (HUDCO) phác thảo một kế hoạch bảo tồn cho di tích này.

Cơ quan UNESCO Liên Hiệp Quốc đã cảnh cáo sẽ thu hồi danh vị di sản văn hóa thế giới của Tháp Đại Giác nếu như chính quyền tỉnh bang Bihar tiếp tục xem thường tình trạng an toàn và các hướng dẫn nguyên tắc bảo tồn ngôi tháp.

Phân bộ Phát Triển Đô Thị tỉnh bang Bihar đã bảo đảm với cơ quan UNESCO là các nguyên tắc bảo tồn, kể cả việc cấm chỉ tất cả các công trình xây dựng trong vòng bán kính 1 km chung quanh tháp Đại Giác - sẽ được tuyệt đối tuân hành.

(Hạt Cát dịch)

Hoa Kỳ: Thêm nhiều nhóm hành Thiền Phật Giáo

By ANGEL N. ROSS, Mansfield News Journal, Jan 26, 2008

MANSFIELD, OH (USA) -- Michael Minock, sáng lập viên Trung Tâm Thiền Tập Mansfield, đang hướng về những Phật tử Thiền tông khác, những ai mong muốn thực tập hành thiền với anh.

"Tôi sẵn sàng hỗ trợ cho những ai muốn thực hành Phật pháp", Minock nói.

Trung Tâm Thiền Tập Mansfield hiện đang nằm trong phòng khách nhà trọ của anh trên đường Lexington - cho đến khi anh có thể dời qua một tòa nhà riêng hay một phòng trọ rộng hơn. Anh đã bắt đầu hướng về các vùng Phật tử khác vào năm 1996 bởi vì anh đã rất cô đơn, không có ai thực tập với anh.

"Tôi được nuôi lớn trong môi trường Ki Tô Giáo và tôi đã quyết định từ lâu rằng tôi đã không hài lòng với niềm tin mà tôi được nuôi lớn với," anh nói "Trong nhiều năm, tôi đã tìm kiếm chung quanh qua rất nhiều tôn giáo. Có lẽ Thiền là một hình thức của tôn giáo gần gũi với mặt đất nhất, và tôi đã nhận ra được điều đó."

Minock, 57 tuổi, nói rằng pháp hành chính của Phật Giáo thiền tông - một hệ phái đặc biệt của Phật Giáo - là tọa thiền. Năm 2006, Minock đã quy y và thệ nguyện thọ trì ngũ giới tại Chicago, Illinois.

Minock nói nếu anh ta có thể tụ họp nhiều thành viên hơn nữa thì anh sẽ tổ chức thành viên đoàn thể phục vụ cho cộng đồng với sự cung cấp một bữa ăn miễn phí v.v... Anh tiếp "Tôi cũng mong muốn được làm việc với các nhà thờ trong vùng."

Có một vài ngôi chùa và một số cư dân Phật tử tại Cleveland và Columbus, tuy nhiên chỉ có một số ít hành giả trong khu vực này.

Những lợi lạc của việc trở thành một Thiền giả là, Minock nói, là trở nên nhiều chánh niệm hơn, trở nên nhiều từ bi hơn, nhìn sự vật sâu sắc hơn và cải thiện sức khỏe.

(Hạt Cát dịch)

Mã Lai: Phật tử lên tiếng phản đối kế hoạch phát triển thành phố mờ ám

By LIM CHIA YING, *The Star/Buddhist Channel, January 30, 2008*

Subang Jaya, Malaysia -- Các đại diện của bốn tổ chức Phật Giáo lớn tại Mã Lai - Hiệp Hội Phật giáo Subang Jaya, Hội Phật Giáo Phật Quang Sơn chỉ

nhánh Mã Lai, Hội Phật Giáo Serdang tại Seri Kembangan và Hội Phật Giáo Kinrara Metta ở Puchong - đã đưa một kiến nghị với hơn 4,000 (bốn ngàn) chữ ký đến Hội Đồng Thành Phố Subang Jaya với lời phản đối liên hệ đến việc phân bổ địa phận thờ phượng của những sắc dân phi Hồi Giáo.

Subang Jaya, một thị trấn trên đà phát triển với 250,000 (hai trăm năm chục ngàn) cư dân, cách thủ đô Kuala Lumpur 20 km về phía Bắc.

Phát ngôn viên của nhóm, Loka Ng, nói rằng căn cứ theo các chính sách quy hoạch của chính phủ được ban hành bởi Bộ Kế Hoạch Thành Thị và Nông Thôn Selangor hồi năm 2006, con số nơi chốn thờ phượng cho các nhóm dân phi Hồi giáo được dự trù là cứ 5,000 cư dân hoặc 2,600 tín đồ thì được phép xây dựng một ngôi thờ tự.

Tuy nhiên, căn cứ vào bản dự thảo kế hoạch, không thấy có một địa phận nào được dành cho việc xây dựng các ngôi chùa Phật Giáo ở tất cả các vùng nằm trong chương trình kế hoạch, ngoại trừ một nơi được gọi là Small Planning Block 3.4 Puchong, nơi mà đất đai phân bổ chỉ đủ cho một ngôi chùa duy nhất.

Hội Trường hiệp hội Phật Giáo Subang Jaya, Chim Siew Choon, nói ông hy vọng nhà cầm quyền nghiêm chỉnh công nhận kiến nghị phản đối của họ và quan tâm đến quyền lợi của cộng đồng Phật Giáo mà bổ sung cho 46% dân cư trong vùng Subang. Tương lai khu vực này sẽ được thành thị hóa và nhiều người dự trù sẽ đến ở lại đó sinh sống trong vòng vài năm tới. Thêm nữa, điều chúng tôi quan tâm là địa hạt mà Bộ Kế Hoạch Thành Thị Nông Thôn đã phân bổ cho ngôi chùa tại Puchong là 1.2 acres, nhưng trong bản dự thảo kế hoạch chỉ có 0.41 acres.

Chúng tôi đã nhắc nhở Hội Đồng thành phố hãy tôn trọng chính sách liên hệ đến vấn đề này của Chính Phủ Liên Bang và chúng tôi cũng đã chuẩn bị việc ra hầu tòa sau này."

Các tổ chức Phật Giáo cũng đã đệ đạt bản dự thảo của họ về việc biến một khu đất hoặc phân bổ một khu xây dựng lò hỏa táng.

Phó chủ tịch Hội Đồng Thành Phố, Mohamad Yusoff Ghazali, đã tiếp nhận bản thỉnh nguyện thư được soạn thảo trong phiên họp các nghị viên gặp gỡ quần chúng hàng tuần hôm thứ Sáu tuần trước.

Phó chủ tịch Ủy Ban Dân Cư Khu 1, Theresa Ratnam Thong, nói cô hy vọng bản thỉnh nguyện thư của các cư dân sẽ

được công nhận.

"Chúng tôi cũng dự trù rằng một khi bản dự thảo này được chấp thuận, hội đồng địa phương nên có một cuộc đối thoại ba bên với chúng tôi để chúng tôi có thể điều chỉnh tiến trình của kế hoạch," cô Thong nói.

Đường hướng này sẽ nói lên được nhiều về trách nhiệm và tính khả tín trong việc thực hiện kế hoạch địa phương này', cô Thong nói tiếp.

(Hạt Cát dịch)

Tu sĩ Phật Giáo tụng kinh cầu nguyện hòa bình tại Bồ Đề Đạo Tràng

ANI Wednesday 13th February, 2008

Bodh Gaya, Feb. 13: Hàng ngàn tu sĩ Phật Giáo và tín chúng, rất nhiều người từ nước ngoài đến, đang tham gia một chương trình 10 ngày tụng kinh cầu nguyện cho hòa bình thế giới.

Được Hiệp Hội Đại Bồ Đề tại Ấn Độ tổ chức, lễ hội kéo dài hơn một tuần lễ được sự tham dự của chư Tăng Phật giáo từ Tích Lan, Bangladesh, Miến Điện, Cam Bốt, Lào và Thái Lan.

Chư Tăng sẽ tụng "Kinh Tạng" dưới cội cây Bồ Đề nổi tiếng, nơi Đức Phật thành đạo.

"Có bảy quốc gia Phật Giáo Theravada tại Á Châu gồm có Thái Lan, Tích Lan, Cam Bốt, Miến Điện, Lào và Bangladesh. Những quốc gia này tụ họp nhau mỗi năm để chúc mừng và truyền bá giáo lý Phật Giáo," Bhante P. Sivli Thero, một giới chức của Hiệp Hội Đại Bồ Đề Ấn Độ nói như trên.

Khoác tăng y màu cam sậm của Phật Giáo Nguyên Thủy, chư Tăng Ni đã tham gia lễ hội hôm thứ Ba xuyên qua những con đường của thành phố Bodh Gaya. Một số nhạc cụ truyền thống đã được sử dụng trong lễ hội.

Chư Tăng sau đó đã tụ tập về ngôi chùa Đại Giác để cử hành nghi thức tụng niệm. Họ cũng đã tụng Tam Tạng Thánh Điển, bằng tiếng Pali.

Major Bunnag, Viện trưởng danh dự Đại Học Dhamma Society Thái Lan nói "Năm trước, công chúa Galyani Thái Lan đã trao tặng Tam tạng Thánh Điển phiên bản La Mã hóa gồm 40 quyển cho Hiệp Hội Đại Bồ Đề Ấn Độ, là tổ chức đầu tiên tại Ấn Độ nhận được tặng phẩm này của hoàng gia Thái."

Lễ hội sẽ chấm dứt vào ngày 22 tháng 02, 2008.

(Hạt Cát dịch)

Ấn Độ: Chư Tăng phản đối đặt hình ảnh tổng thống lên trên tôn ảnh Đức Phật

by Sahil Nagpal, TopNews India, February 16, 2008

Bodh Gaya, India -- Chư Tăng biểu tình bảo vệ Phật Giáo ở Bồ Đề Đạo Tràng đã làm lớn chuyện trên vấn đề bị quấy nhiễu tại Tháp Đại Giác hôm thứ Sáu bởi vì Tổng Thống Ấn Độ đã đến viếng thăm khu vực này.

Bà Pratibha Patil, đương kim tổng thống Ấn Độ, đến Bồ Đề Đạo Tràng trong lúc chư tăng đang thực hiện một chương trình 10 ngày tri tụng Tam Tạng Pali để cầu nguyện hòa bình thế giới.

Chư Tăng đã biểu tình phản đối việc người ta trưng bày bích chương in hình ảnh của vị nữ tổng thống Ấn Độ và hình ảnh của ông Thủ Hiến tỉnh bang Bihar, Nitish Kumar, lên phía trên hình ảnh Đức Phật, chư tăng nói rằng đó là sự một sự thiếu tôn kính đối với Đức Phật.

Trong chuyến viếng thăm, Bà Tổng Thống Patil nói rằng giáo lý của Đức Phật nên được tất cả nhân loại tiếp thu.

"Con đường mà Đức Phật đã chỉ dẫn cho toàn thể nhân loại bao hàm đầy đủ ý nghĩa cho chúng ta cho đến ngày hôm nay, giáo lý của Ngài truyền bá sự không làm hại chúng sinh và ban rải tình thương. Ngài đã chỉ dẫn con đường đưa đến minh trí cho toàn thể thế giới," bà Patil nói như trên.

Patil, nữ tổng thống đầu tiên của Ấn Độ, đã chính thức viếng thăm Bồ Đề Đạo tràng lần đầu tiên kể từ khi bà nhậm chức hồi tháng 07, 2007. Bà cũng sẽ viếng thăm các di tích lịch sử quan trọng ở Nalanda, Bodh Gaya và Vaishali sau chuyến viếng thăm ngôi đền Gurudwara Patna Sahib tại Patna. (Hạt Cát dịch)

Hoa Kỳ: Càng ngày càng nhiều người Âu Mỹ thực hành Phật pháp

Carlos Correa - Saturday, Feb 16, 2008

(Springfield, Missouri) – "Niềm tin là một phần quan trọng trong đời sống có nền văn hóa La Tinh. Nhiều người trong chúng tôi được nuôi lớn trong các gia đình Ki tô giáo, nhưng hiện nay đang tăng dần con số những người sống trong nền văn hóa La Tinh đang đeo đuổi một niềm tin khác mà họ cho rằng đã đưa họ đến chân lý của đời sống."

Đối với Manelich Luna, cư dân Springfield thuộc tiểu bang Missouri, chuyển đổi từ Ki tô giáo sang Phật giáo là một chuyện dễ dàng.

"Những điều đã khiến tôi đi đến quyết định này là vì tôi đã hiểu rõ, hồi đó

người ta nói với tôi, nếu tôi thực hành giáo pháp thì tôi có thể làm cuộc đời tôi thay đổi, tôi có thể làm cho nó tốt đẹp hơn. Tôi có thể là bất cứ hạng người tốt nào mà tôi muốn là, và điều đó luôn luôn đeo đuổi tôi". Luna nói như trên.

Luna là một trong nhiều người đang sống chung quanh thành phố Ozarks-Springfield, Missouri, thực hành giáo pháp này.

"Phật giáo là một triết lý sống hơn là một tôn giáo, bởi vì chúng ta không cần phải sùng bái Thượng Đế hoặc Thần Thánh. Những gì chúng ta thực hành thuộc về triết lý và một phương hướng của đời sống hằng ngày. Chúng ta thực hành giáo pháp để hoàn thiện bản thân để cho đời sống chúng ta an lạc, hoan hỷ hơn. Chúng ta nói rằng chúng ta thực hành cho bản thân chúng ta và cho những người khác, vì thế, do việc làm cho chúng ta hoan hỷ, chúng ta cho phép chúng ta có thể giúp đỡ cho những người khác cũng được hoan hỷ và như thế không phải là một pháp hành ích kỷ," Luna nói thêm.

"Nó rất là cụ thể, năng động. Chúng ta tin tưởng những gì chúng ta thực hành tại đây không phải là rất nhiều lý thuyết, mà thực sự chúng ta đang làm một công việc gì đó. Bạn sẽ rất năng động. Bạn sẽ trở thành khoan hòa. Tôi có thể nói vạn vật đang nỗ lực biến chuyển và bạn có mặt trong hàng ngũ ấy," Luna tiếp tục như trên.

"Một điều mà chúng ta luôn cố gắng trình bày với các tôn giáo khác là những điểm tương đồng, vì vậy tôi nghĩ rằng mục đích của nó là làm chúng ta trở nên hoan hỷ trong đời sống hơn. Vì vậy, tôi biết rằng bất cứ bạn làm gì hoặc bất cứ bạn là ai, nếu bạn có đời sống an lạc, hoan hỷ khi thực hành giáo pháp, vậy thì bạn đã thực hành đúng pháp rồi đó."

(Hạt Cát dịch)

Nepal: công nhận hệ thống giáo dục Phật Giáo và Hồi Giáo

by Kalpit Parajuli, AsiaNews, Feb 19, 2008

Kathmandu, Nepal - Hàng trăm ngôi trường thuộc Phật Giáo và Hồi Giáo tại Nepal muốn tham gia vào hệ thống giáo dục sau khi chính phủ tỏ dấu quan tâm đến việc công nhận các hệ thống giáo dục tôn giáo, tuy nhiên họ muốn làm việc này với một số điều kiện nào đó, ví dụ như nên dùng sách giáo khoa phi tôn giáo được Bộ Giáo Dục chính phủ giới thiệu hơn là hoàn toàn dựa vào sách vở kinh điển riêng của họ.

Cho đến vài tháng trước, Nepal là quốc gia quân chủ Ấn Giáo duy nhất trên thế giới. Hệ thống giáo dục tôn giáo không được công nhận nhưng cũng được cho phép hoạt động. Hệ thống giáo dục công cộng đã không để lại cho các tổ chức phi Ấn Giáo một phạm vi hoạt động nào.

Khi Nepal trở thành một quốc gia dân chủ hồi tháng Sáu năm 2007, một trường học Hồi Giáo đã được công nhận tại Banke District.

Điều này mở ra một loạt nhu cầu như là nhà cầm quyền không chỉ cho phép tất cả các hệ giáo dục tôn giáo được hoạt động mà còn tài trợ cho mỗi trường khoảng 9000 đồng rupee Nepal mỗi năm, và ngay cả những hứa hẹn trong tương lai là sẽ trả lương cho một số giáo chức. Họ cũng nói là họ nên tài trợ cho tổ chức Gurukul, một hệ giáo dục truyền thống của Ấn Giáo.

"Điều này đã dẫn tới một nhu cầu về việc ghi danh bởi các tu viện Phật Giáo," Bhadra Bahadur Gole, một giới chức thuộc Hội Đồng Điều Hành Phát Triển Tu Viện Địa Phương nói như trên. Tuy nhiên, các trường học phải sử dụng thư tịch bằng tiếng Anh và tiếng Nepal trong chương trình giảng dạy của họ," ông giải thích. Trong thời điểm hiện tại, có khoảng 200 ngôi trường mới do Phật Giáo điều hành.

Nhưng đối với Lama Khenpo Nawang Bosher, chủ tịch Hội Đồng Điều Hành Tu Viện, 9,000 rupees không đủ. Ông muốn chính phủ tài trợ ngân khoản nhiều hơn nữa cho các trường học Phật Giáo, những ngôi trường có ký túc xá và cung ứng thực phẩm cũng như phòng trọ cho học sinh của họ.

Lama nói "Nếu chính phủ tôn trọng những điều họ công nhận, chúng ta có thể chấp nhận cho các trường học tại tu viện của chúng ta tham gia vào hệ thống của quốc gia."

Phật Giáo và Hồi Giáo cũng muốn chính phủ công nhận hệ Giáo dục Trung học và Đại Học của họ.

Tuy nhiên, không phải tất cả mọi người đều hài lòng. Hôm 12 tháng Hai, Salim Mahamad, phát ngôn viên của tổ chức Hồi Giáo Mukti Morcha, đã đưa ra lời phản đối đối với bất cứ sự kiểm soát nào và sự đòi hỏi chỉ định một số giáo chức của chính phủ. *(Hạt Cát dịch)*

Tân Gia Ba: Chùa phải dời đi cội bồ đề còn được ở lại

Tue, 26 Feb 2008 (DPA)

Singapore - Tòa Thượng Thẩm

Singapore vừa bác bỏ một đơn kiện xin bảo lưu một ngôi chùa 65 năm tuổi từ một khu quy hoạch của chính phủ, nhưng một cội Bồ đề vốn được công nhận là thiêng liêng sẽ không bị đốn bỏ, các nguồn tin báo chí cho hay hôm Thứ Ba. Các tín chúng của ngôi chùa đã đệ đạt một đơn kiện phản đối dự án quy hoạch, nghe nói là vi phạm hiến pháp.

Phán quyết của tòa án được công bố trên tờ *The Straits Times* gia hạn cho tín chúng di dời Kim Long Tự đến một địa điểm tạm thời trong vòng hai tháng. Chánh Án Tan Lee Meng nói rằng chính phủ đã không có vi phạm hiến pháp như đơn kiện hôm thứ Hai.

Địa điểm ngôi chùa tọa lạc là một khu vực nằm trong kế hoạch tái phát triển của chính phủ hồi năm 2003 nhằm vào việc mở rộng khu dân cư. Mái chùa lợp kẽm Kim Long được lệnh phải dời đi cho đến ngày 31 tháng Giêng, 2008 nhưng đã bị trì hoãn vì vụ kiện.

Chính phủ đã dành cho ngôi chùa những khoảnh đất khác. Hội trường hội đồng điều hành ngôi chùa, Tan Poh Heong nói ông sẽ tham vấn với luật sư của nhà chùa.

Được giữ lại trên mảnh đất ấy là cội Bồ Đề khổng lồ, được tin tưởng là phải hơn cả trăm năm. Cội cây có đường kính khoảng 8 mét và cao khoảng 30 mét rưỡi.

Bộ Tư Pháp cho biết là cội Bồ Đề sẽ được giữ lại trên khu đất và các nhà quy hoạch công trình được đòi hỏi phải có các giải pháp thiết yếu để bảo đảm sự an toàn của cội bồ đề.

Cả hai giới yêu chuộng thiên nhiên và tín chúng ngôi chùa đã yêu cầu chính phủ hãy để cho cội cây được giữ lại một cách nguyên vẹn.

(Hạt Cát dịch)

Một chương trình tu học Phật giáo Theravada được tổ chức tại Nga

Ngày 28 tháng 2, 2008

Kursk, Russia - Sinh viên của Đại Học Y Khoa Kursk (KSMU) tại Nga đã tổ chức một chương trình tu học theo Phật giáo Theravada vào ngày 10 tháng 2 tại khuôn viên đại học. Đây là một chương trình đầu tiên cho bất cứ một thành phố nào của Nga sau Moscow, và sự kiện này đã diễn ra tại Kursk, thành phố với số sinh viên Tích Lan đông nhất tại Nga, con số hiện nay là 240 người.

Tham gia chương trình có Sư Sevanagala Jinarasa, hiện là sinh viên tại Peoples Friendship University, Moscow cùng với ông Rupasiri

Thalpawila, cũng đến từ Moscow. Thêm vào đó, một nhóm sinh viên từ Smolensk Medical University cũng đã đến tham dự.

Sư Sevanagala Jinarasa đã thuyết một bài pháp bắt đầu lúc 2 giờ chiều. Tiếp theo đó là lễ 'Pahan jujawa' được điều hợp bởi Gayan Javawardene từ Smolensk Medical University. Chương trình đã chấm dứt với một loạt các buổi tọa thiền do ông Rupasiri hướng dẫn.

Chương trình đã kết thúc mỹ mãn và để lại trong lòng các sinh viên lòng mộ đạo sâu xa cùng nỗi nhớ quê hương.

Đây là công trạng của chủ nhiệm Liên Hiệp Sinh viên Tích Lan của KSMU, Jagath Prasanna Gunawardana đã tổ chức thành công một chương trình như thế. Thêm vào đó là sự trợ giúp tài tình của Indika Prasad và Lahiru Rambukwella.

(Minh Châu dịch)

Nhật Bản: tu sĩ sử dụng nhạc rap để mang Phật Giáo đến với giới trẻ

Tokyo, Nhật Bản - February 29, 2008 - Một tu sĩ Nhật Bản, Kansho Tagai, biệt danh là Happiness Kansho hay Mr. Happiness, đã tập hát nhạc rap ở cái tuổi 47, và đã làm tốt công việc mở ra cánh cửa tôn giáo cho giới trẻ bằng các bài nhạc rap mang tính chất Phật pháp.

"Ta đến thế gian này, để chỉ dẫn các con giải thoát khỏi thống khổ. Ta Thích Ca Mâu Ni. Các con, hãy lắng nghe v.v..." Mr Happiness, một nhà sư thuộc ngôi chùa Kyooji, Tokyo, đã hát theo điệu nhạc rap những lời lẽ như trên bằng Anh ngữ pha trộn với tiếng Nhật.

Tay vẫy cùng khán giả, nhà sư bước xuống khỏi sân khấu để bắt tay với giới trẻ hâm mộ ông. Các bạn trẻ vây chung quanh ông để xin chữ ký và chụp ảnh.

Nhà sư Tagai đã thành công trong việc truyền bá Phật giáo đến cho giới trẻ.

"Là những người truyền bá giáo lý, chúng ta đã dựng một bức tường trước mặt chúng ta," Sư Tagai nói trong một cuộc phỏng vấn tại chùa Shinjuku của ông, ông nói "Chúng ta phải làm cho mình trở thành thân thiện và chào đón mọi người gần gũi hơn để cho họ có thể thấu hiểu những lời Phật dạy một cách dễ dàng."

Ông nói nhạc rap là một phương tiện truyền thông hoàn hảo vì các bài kệ Phật ngôn có những âm vận tương đương.

Âm nhạc không phải là phương tiện duy nhất mà các tu sĩ Phật Giáo đã sử

dụng để thu hút thể hệ mới của Nhật Bản, thể hệ mà những người trẻ xem ra rất hồ hững với giáo pháp đã hằng bao thế kỷ. Các tu sĩ Nhật Bản cũng đã từng mang Phật pháp vào các quán rượu để giảng giải cho những người có tâm sự cần được chia sẻ.

Ngôi chùa nổi tiếng tại Tokyo, Tsukiji Hongwanji ở cạnh vựa hải sản lớn nhất Nhật Bản, gần đây đã thực hiện một cuộc trình diễn tăng y của tám trường phái Phật Giáo tại Nhật Bản cùng với những loại hình nghệ thuật khác như âm nhạc, hội chợ thương mại v.v...

Tuy nhiên, với mục đích chính của sự kiện là cầu nguyện hòa bình cho thế giới, các trường phái Phật Giáo hy vọng rằng sẽ làm cho giới trẻ gia tăng sự hứng thú đối với giáo lý của Đức Phật.

(Hạt Cát lược dịch)

Ấn Độ: Aishwarya được mời thủ diễn vai Yashodhara trong phim Buddha
Indo - Asian News Service, March 02, 2008

Mumbai - Nữ minh tinh Aishwarya Rai được mời đóng vai Yashodhara, vợ của thái tử Siddhartha, trong một cuốn phim song ngữ Anh-Ấn có tên là *Buddha* đang được nhà làm phim người Ấn tại Paris thực hiện.

Nữ danh tài điện ảnh này, mà sự thể hiện nhân vật Jodha trong thiên hùng ca *Jodhaa Akbar* của *Ashutosh Gowariker* đã được hoan nghinh nồng nhiệt, được đạo diễn các cuốn phim về tâm linh và hợp thể Pan Nalin, của cuốn phim nổi tiếng *Samsara*, mời thủ diễn vai Yashodhara.

Thái tử Siddhartha đã lìa bỏ trần tục đi xuất gia, đạt quả vị niết bàn và được thế giới biết đến là Đức Phật Gautama. Đạo diễn Nalin, vừa đến Mumbai trong dịp ra mắt DVD *Samsara*, đã cho IANS (Indo-Asian News Service) biết ông đã gặp gỡ cô Aishwarya một vài lần và đã bàn qua với cô về kịch bản của cuốn phim.

Ông Nalin là người sinh trưởng tại Ấn Độ, đã làm sao động thể giới với cuốn phim hợp thể Phật giáo *Samsara*, với sự phân phối tập hợp các vai gồm các diễn viên Ladhaki, Ấn Độ, Hoa Kỳ và Trung Hoa. Sau đó ông đã thực hiện một cuốn phim hợp thể khác, *The Valley of Flowers*.

Ông đã soạn cuốn phim này với sự cộng tác của nhà viết kịch bản phim tại Hollywood Tinker Lindsay.

Ông nói "Cô Aishwarya chưa nói gì cả. Nhưng tôi hy vọng rằng cô sẽ đồng

ý. Cuốn phim này dự trù sẽ bắt đầu được thu hình vào tháng tám năm nay'.

Photo by Vijay Kumar Joshi , PTI



(Minh Châu lược dịch)

Miến Điện: Chư Tăng tham gia biểu tình ra hầu tòa

By MIN LWIN - Friday, February 29, 2008

Burma - Chín tỷ kheo và bảy ni sư - một vài vị đã già - đang chờ đợi bản án sau khi bị kết án tham gia vào các cuộc biểu tình chống chế độ quân phiệt hồi tháng Chín năm ngoái, căn cứ theo các nguồn tin đối lập và các nhân chứng tại Rangoon.

Các nhân chứng nói 8 tỷ kheo và 7 ni sư từ Tu Viện Thitsar Tharaphu và một tu sĩ từ Tu Viện Hantharwaddy xuất hiện tại Tòa Án Thị Trấn North Okkalapa hôm thứ Tư, nhưng không ai biết được gì về số mạng của họ.

Tất cả 16 người đã bị bắt khi tu viện của họ bị quân đội bố ráp hôm 16 tháng 10 năm ngoái, bị kết tội là tham gia vào các cuộc biểu tình đã bị đàn áp tàn nhẫn hồi tháng Chín năm rồi.

Các nhân chứng cũng nói rằng cảnh sát đã ngăn chặn thân nhân của chư tăng tiến đến với họ - những tu sĩ đã bị chính quyền tước đi tăng y và bắt họ phải khoác áo tù nhân khi được đưa ra tòa đình.

Một nhân chứng nói "Tôi gặp được thân nhân của họ tại tòa đình, những người thân nhân nghèo khổ chỉ có thể mang vào tiếp tế cho họ cốc trà, cái bánh mà thôi.

Một nhân chứng khác nói một vài người trong số chư tăng có tình trạng sức khỏe vô cùng tệ hại.

"Một ni sư tuổi 80, Daw Ponnami, phải cố gắng bước đi bởi vì bà bị bán thân bất toại. Bà phải kéo lên cái chân khi ra trước vành móng ngựa để nghe tòa tuyên án." Nhân chứng nói thêm là cái đầu cạo trọc của ni sư đã được phủ

che bởi mái tóc ngắn.

Các vị tăng và ni trông bề ngoài ai nấy đều trông kiệt sức, một trong những vị ấy bị khổ sở vì một chứng bệnh về da. Một vị sư 70 tuổi bị chứng bại liệt đã không thể trả lời bất cứ câu hỏi nào của tòa án, căn cứ theo các nhân chứng.

Aung Kyaw Oo, Hội Từ Nhân Chính Trị Miến Điện văn phòng Thái Lan - viết tắt AAPP, nói tất cả 16 vị tu sĩ bị kết án tội "Phỉ báng tôn giáo" đồng thời với tội danh "Sử dụng tu viện sai lầm."

Chư Tăng đã bị giam giữ tại nhà tù Insein tại Rangoon kể từ hồi tháng 10 năm ngoái và đây là lần ra tòa thứ năm.

Theo AAPP, có khoảng 196 tỷ kheo và 10 ni sư hiện tại vẫn còn bị giam giữ trong các nhà tù Miến Điện. Không một ai trong số những người nắm giữ vai trò lãnh đạo trong các cuộc biểu tình hồi tháng Chín năm rồi được đưa ra tòa để xét xử kể từ khi bị bắt giam đến nay.

Trong khi đó, các nguồn tin tại Rangoon nói rằng 7 nhà đầu tư dân chủ can dự đến các cuộc biểu tình hồi tháng Chín năm ngoái đã được đưa ra tòa. Bảy người, kể cả lãnh đạo Liên Hiệp Sinh Viên Toàn Miến Điện, Sithu Maung, bị kết án "Dấy loạn và xáo trộn trật tự công cộng."

Căn cứ theo AAPP, có hơn 1850 tu nhân chính trị tại Burma.

(Hạt Cát dịch)

Tổ chức Phật giáo Từ Tế được phép lập chi nhánh tại Trung Quốc

China CSR.com, March 3, 2008

Taipei, Taiwan - Fan Liqing, một phát ngôn viên từ Cơ quan thường vụ Đài Loan của Chính phủ Trung Ương, trong một cuộc họp báo đã tiết lộ rằng Tổ chức Phật giáo Từ tế Tzu Chi đã được chấp thuận cho thiết lập một chi nhánh tại Trung Quốc.

Ông Fan nói rằng thể theo những điều khoản thích đáng trong Nội qui điều hành của tổ chức, Bộ Dân Vụ Trung Quốc đã phê chuẩn đơn xin của Tổ chức Tzu Chi để thành lập một chi nhánh trên lục địa.

Ông cho biết chi nhánh của Tổ chức Tzu Chi trên lục địa sẽ được điều hành bởi Cơ quan Tôn giáo của Chính quyền Trung Ương và đây là tổ chức đầu tiên tại Trung Quốc mà đại biểu hợp pháp không phải là công dân của lục địa Trung Quốc.

Sự thành lập của tổ chức này được cho rằng sẽ giữ vai trò quan trọng trong việc nối kết liên lạc và trao đổi giữa các tổ chức từ thiện tại Trung Quốc và Đài

Loan.

Tổ chức Phật giáo từ tế Tzu Chi là một tổ chức bất vụ lợi được Sư Bà Chứng Nghiêm thành lập vào năm 1966 tại Đài Loan. *(Minh Châu dịch)*

Phật tử Czech xin trợ cấp của Cộng đồng Âu Châu để xây dựng trụ sở mới

Ngày 5 tháng 3, 2008

Brno, Czech Republic - Các thành viên tại địa phương của tổ chức Phật giáo Diamond Path đã đệ đơn xin trợ cấp của Cộng đồng Âu Châu cho một trung tâm mới mà tổ chức đang muốn xây dựng tại Brno, thủ phủ của Moravia, bởi vì cơ sở hiện nay của họ đã trở nên chật hẹp, Marketa Blazejovska của Diamond Path đã cho CTK biết hôm thứ ba.

Số lượng Phật tử và những người muốn tìm hiểu về triết học phương Đông đang phát triển vững mạnh tại Brno.

Tổ chức Diamond Path cũng thế, đây là giáo phái Phật giáo đầu tiên được chính thức ghi nhận là một tổ chức tôn giáo trong đất nước Cộng Hòa Czech.

Diamond Path chú trọng phần lớn vào thiền tập và thuyết giảng, muốn xây dựng một trụ sở mới trị giá 25 triệu crowns.

Nếu không được sự trợ cấp của Cộng đồng Âu Châu, Diamond Path sẽ cố gắng tìm ở những nơi khác.

'Trụ sở mới này sẽ tiếp đón những cuộc hội thảo Phật giáo quốc tế từ Cộng hòa Czech, Slovakia, Ba Lan, Áo và các quốc gia khác. Chúng tôi cũng dự định thiết lập một thư viện lớn với nền văn chương Phật giáo nhằm phục vụ cho sinh viên học sinh và quần chúng, và đây sẽ là thư viện Phật giáo duy nhất trong vùng Brno,' Blazejovska đã cho biết như trên. *(Minh Châu dịch)*

Miến Điện: Chư Tăng phát động chiến dịch "Không" với dự thảo hiến pháp 03/05/2008

Chiến dịch trưng cầu dân ý cho hiến pháp bắt đầu. Bích chương kêu gọi dân chúng bỏ phiếu "Không" và "Chôn cất" sự sợ hãi được phơi bày tại Amarapura. Đặc sứ Liên Hiệp Quốc Gambari được dự trù sẽ có mặt ngày mai.

Yangon (AsiaNews) Chư Tăng Phật Giáo phát động một chiến dịch tại Mandalay chống lại bản dự thảo hiến pháp sẽ được biểu quyết vào tháng Năm của chính quyền quân phiệt đưa ra. Những nguồn tin giấu tên cho tờ báo The

Irrawaddy biết như trên, tờ báo nổi tiếng là ủng hộ cho giới đầu tranh dân chủ tại Miến Điện.

Các toán tình nguyện viên đã dán lên các tấm bích chương chống chế độ tại 6 địa điểm khác nhau tại thị trấn Amarapura 9 - 11 km từ Mandalay, kể cả tại một vài tu viện và Đại Học Yadanapon.

Các tờ bích chương đã gọi nhà lãnh đạo chế độ, Tướng Than Shwe, là "Kẻ giết người Than Shwe", và thúc đẩy dân chúng chống lại việc biểu quyết cho hiến pháp, nhấn nhủ họ hãy "chôn cất" sự sợ hãi của họ.

Đây là những khởi đầu rất mạnh bạo kể từ hôm 26 tháng Hai khi chính phủ ban hành một đạo luật bắt đi tù những ai muốn phá rối việc đầu phiếu.

Hồi tháng rồi, Liên Hiệp Tu Sĩ Toàn Miến Điện, tổ chức nắm vai trò lãnh đạo trong các cuộc biểu tình hồi tháng Chín năm ngoái, đã đưa ra một bản cáo trạng kết án chương trình trưng cầu dân ý của chế độ và kế hoạch tổng tuyển cử vào năm 2010, cái mà trong quan điểm của Liên Hiệp Tu Sĩ chỉ có nghĩa là làm cho chế độ quân phiệt càng kéo dài hơn mà thôi.

Kế hoạch trưng cầu dân ý là một phần trong sơ đồ mà chế độ quân phiệt đã chấp nhận vào thập niên 90 trong việc theo đuổi chuyển đổi sang dân chủ theo bài bản riêng của họ.

Kể từ năm 1988, Miến Điện không có hiến pháp và không có thêm bước tiến nào về vấn đề soạn thảo hiến pháp từ khi được phác họa mà không có sự tham gia của phe ủng hộ dân chủ đối lập.

Những điều rất ít được biết qua những biểu lộ rõ ràng rằng các tướng lãnh vẫn muốn tiếp tục kiểm soát và kèm chế nhà lãnh đạo phe ủng hộ dân chủ Aung San Suu Kyi, vốn đã bị giam lỏng tại tư gia, ra khỏi chính trường.

Trong khi đó, Đặc Sứ Liên Hiệp Quốc Ibrahim Gambari dự trù sẽ đến Miến Điện vào ngày mai. Nhà ngoại giao Nigerian dự trù sẽ gặp gỡ chính phủ chế độ và lãnh đạo phe đối lập trong một cố gắng giải quyết khủng hoảng. Nhưng những hy vọng thành công xem ra rất giới hạn. *(Hạt Cát dịch)*

Chư Tăng Miến Điện kêu gọi cấm vận vũ trang đối với Burma

By Nancy-Amelia Collins -Jakarta 06 March 2008

Thái lan - Một tu sĩ có liên can đến cuộc biểu tình hồi tháng Chín năm ngoái

của tăng chúng Miến Điện đã kêu gọi cộng đồng thế giới hãy chấm dứt hỗ trợ, thừa nhận và buôn bán vũ khí cho nhà cầm quyền quân phiệt Miến Điện. Theo như lời của phóng viên của Đài VOA, Nancy-Amelia Collins tường trình, Sư Awbata đã thực hiện buổi ra mắt tại một hội nghị nhân quyền quốc tế về Miến Điện tại thủ đô Nam Dương, Jakarta.

Sư Awbata đã tị nạn từ Miến Điện đến Thái Lan hồi tháng 11 năm ngoái sau hai tháng trốn tránh sau đợt đàn áp của chính quyền quân phiệt trên các cuộc biểu tình bất bạo động được chư tăng hướng dẫn.

Sư Awbata nói cộng đồng thế giới không nên yểm trợ cho Miến Điện bằng bất cứ cách nào và nên ủng hộ cho một cuộc cấm vận vũ khí để phản đối chính quyền quân phiệt Miến Điện.

"Như bạn đã thấy rằng các tướng lãnh quân đội đã sử dụng súng ống của họ để sát hại và đàn áp người dân của họ. Vì vậy, tôi mong muốn xuất hiện tại cộng đồng quốc tế hôm nay tại đây để cùng làm việc và thúc hối những quốc gia buôn bán vũ khí cho Miến Điện hãy chấm dứt."

Nói về kinh nghiệm máu xương trong các đợt biểu tình hồi tháng Chín năm ngoái, Sư nói Sư không thể nào biết được có bao nhiêu người đã chết sau khi quân đội tấn công vào chư tăng tại ngôi chùa nổi tiếng Shwedagon Pagoda ở Rangoon, nhưng Sư sẽ không thể nào quên được những gì Sư đã mục kích tại đó.

Sư nói "Tôi không thể nào quên được, tôi không thể bôi xóa hình ảnh mà tôi đã trông thấy tại chùa Swedagon, nơi mà 3 tu sĩ đã bị nổ súng và khi họ ngã xuống thì quân lính đã dùng giày boot đập vào đầu của các nhà sư và đánh đập họ bằng dùi cui."

Rất nhiều quốc gia, kể cả Hoa Kỳ và Liên Hiệp Âu Châu đã thi hành chính sách cấm vận kinh tế trừng phạt Miến Điện. Nhưng cũng có nhiều tham dự viên tại hội nghị Burma mong muốn rằng 10 thành viên trong khối ASEAN cũng thực hành chính sách cấm vận.

Chúng tôi muốn một giải pháp chính trị ôn hòa cho Miến Điện, bởi vì một giải pháp chính trị ôn hòa sẽ tốt không chỉ cho dân chúng Miến Điện mà còn cho dân cư toàn vùng Đông Nam Á, chúng ta cần hiệp ước chính trị. Chúng ta cần khối ASEAN và Nam Dương minh chứng họ có hiệp ước chính trị. Điều đó có nghĩa là họ sẽ phải thực hiện chính sách trừng phạt một cách nghiêm túc.

Ông Đặc Sứ Liên Hiệp Quốc,

Gambari, đã tới Miến Điện hôm thứ Năm, một tháng sau ngày chính quyền quân phiệt tuyên bố kế hoạch tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý và tiếp theo sẽ là một cuộc tổng tuyển cử vào năm 2010, một chuyển biến mà Ông Gambira cho rằng là một dấu hiệu cụ thể.

(Hạt Cát dịch)

Trung Quốc cáo buộc Đức Đạt Lai Lạt Ma là người phá hoại Olympic

*By Benjamin Kang Lim- Reuters
Friday, March 7, 2008*

BEIJING (Reuters) - Một viên chức cao cấp Trung quốc tại Tây Tạng hôm thứ Sáu đã kết án nhà lãnh đạo tâm linh lưu vong vùng núi Hi Mã Lạp Sơn, Đức Đạt Lai Lạt Ma, là tìm cách phá rối Thế Vận Hội Bắc Kinh.

Đức Đạt Lai Lạt Ma đã nói với phóng viên Đài Truyền Hình Britain's hồi tháng Giêng rằng trong thời gian tranh tài, những người ủng hộ Tây Tạng nên biểu tình bất bạo động tại Trung Quốc để phản đối thống trị của Bắc Kinh.

"Olympic Bắc Kinh là trọng tâm mà thế giới đang chú ý và mọi người đang hừng khởi, với một sự kiện trọng thể như thế này mà ông ta lại đề cập đến việc phá hoại và hăm dọa gây khó khăn." Zhang Qingli, một viên chức nhà cầm quyền Trung Quốc nói như trên.

"Tại sao không thể gọi đây là chuyện miệt mài với chủ nghĩa ly khai," Zhang nói như trên trong một cuộc họp báo bên lề quốc hội khi được Reuters hỏi rằng tại sao Trung Quốc không chịu tin tưởng rằng Đức Đạt Lai Lạt Ma không nhằm mục đích độc lập và những gì ông đã làm là để thuyết phục Trung Quốc.

Năm nhóm người đại diện cho hàng chục ngàn dân lưu vong Tây Tạng đang chuẩn bị cho một kế hoạch diễn hành từ Ấn Độ vào Tây Tạng trước khi Olympic bắt đầu như là một phần của một loạt hành động cổ gắng thúc đẩy Trung Quốc đi tới chấm dứt không chế Phật Giáo Tây Tạng.

Nhưng các nhóm diễn hành nói rằng họ sẽ không chờ đợi sự chấp thuận của Đức Đạt Lai Lạt Ma, nhân vật có một phương cách hoạt động nhiều đường lối và nói rằng ông muốn sự tự trị cho Tây Tạng, không phải là hoàn toàn độc lập. Các nhóm diễn hành nói rằng có thể sẽ có nhiều khó khăn và nguy hiểm khi vượt qua biên giới để vào Trung Quốc.

Ông Qiangba Puncog, giới chức cao cấp trong chính quyền Trung Quốc ở Tây Tạng, nói các hoạt động của Đức Đạt Lai Lạt Ma chính là những yếu tố

chính cho sự bất ổn của Tây Tạng. Ông nói thêm rằng sự vận động kêu gọi tẩy chay Olympic sẽ không thành công bởi vì phía Trung Quốc đã chuẩn bị sẵn sàng để bảo đảm Thế vận hội và các sự kiện liên hệ được tiến hành suông sẽ.

Các nhà phê bình ngoại giao cũng từng lên án Trung Quốc vẫn tiếp tục đàn áp Phật Giáo Tây Tạng, đặc biệt từ khi Đức Đạt Lai Lạt Ma khả kính của Tây Tạng, người từng nhận được giải thưởng Nobel Hòa Bình năm 1989, hướng dẫn cuộc nổi dậy bởi chư tăng đã bị đàn áp dã man.

Trung Quốc cũng từng chống chế cho việc làm của họ, nói rằng họ đã đổ hằng triệu tỷ đô la vào việc phát triển Tây Tạng và nâng cao mức sống tiêu chuẩn của miền khô cằn này.

Được phóng viên Reuters hỏi rằng Trung Quốc sẽ có thể đưa Đức Đạt Lai Lạt Ma ra trước tòa khi Ngài trở về Tây Tạng hay không, ông Zhang nói Trung Quốc sẽ hoan nghinh Ngài nếu Ngài thể hiện được việc nói và làm giống nhau.

Zhang nói "Không cần biết anh là ai, miễn là anh yêu tổ quốc, miễn là anh không nhắm tới khuynh hướng ly khai và miễn là anh có lòng xây dựng đất nước Trung Hoa, chúng tôi đều hoan nghinh anh".

Người ta thắc mắc rằng những lời nói này có giá trị như thế nào.

(Hạt Cát lược dịch)



Tây Tạng: Cảnh sát vũ trang Trung Quốc đàn áp chư tăng biểu tình

RFA Wednesday, March 12, 08

KATHMANDU - Cảnh sát vũ trang Trung Quốc hôm thứ Ba đã bắn hơi cay để giải tán vài trăm tu sĩ Phật Giáo Tây Tạng biểu tình gần thủ đô Tây Tạng, Lhasa. Đài phát thanh Tự Do Á Châu (RFA) tường trình như trên.

Đây là ngày thứ hai của cuộc biểu tình chung quanh một ngày lễ kỷ niệm quan trọng của người Tây Tạng, sau khi có vài trăm tu sĩ từ một tu viện lớn khởi

xướng một cuộc biểu tình từ hôm 10 tháng 03 đã bị ngăn chặn bởi cảnh sát.

"Có khoảng vài ngàn cảnh sát vũ trang, nhân viên PSB, khác sắc phục với cảnh sát thường. Cảnh sát bắn hơi cay vào đám đông", một nhân chứng nói với phóng viên của đài phát thanh RFA bộ phận Tây Tạng như trên. PSB là tên viết tắt của Văn Phòng An Ninh Công Cộng Trung Quốc - Public Security Bureau.

Con số chư Tăng, ước đoán khoảng 500 đến 600 vị, bắt đầu rời tu viện Sera vào khoảng 3:00 chiều hôm thứ Ba 11 tháng 03 để yêu cầu nhà cầm quyền phóng thích chư tăng bị bắt giữ trong lần biểu tình vào ngày trước đó. Các nhân chứng nói "Chư tăng đã hô to các khẩu hiệu khi diễu hành như 'Chúng tôi muốn tự do,' 'Hãy phóng thích dân tôi,' 'Chúng tôi muốn một Tây Tạng độc lập,' 'Hãy phóng thích dân tôi hoặc chúng tôi không trở về.'"

"Khi họ đến trụ sở cảnh sát gần tu viện thì bị cảnh sát vũ trang ngăn chặn, lực lượng cảnh sát vũ trang đã được rải ra để bảo vệ khu vực." Hôm thứ Ba họ đã không trở về chùa cho đến lúc 9:30 tối.

Các nguồn tin đáng tin cậy trong khu vực cũng cho hay rằng đã có nghe được tiếng súng nổ trong đêm từ hướng tu viện Drepung, với các con đường dẫn tới tu viện đều bị ngăn chặn bởi cảnh sát. khoảng 50 đến 60 tu sĩ từ tu viện Drepung ở vùng ngoại vi Lhasa đã bị bắt giữ hôm thứ Hai khi họ đang diễu hành trên con đường gồ ghề dài 5 miles từ tu viện đến trung tâm thành phố.

Họ đã diễu hành trong một nhóm khoảng 300 tu sĩ để kỷ niệm lần thứ 49, cuộc tổng khởi nghĩa thất bại hồi năm 1959. Các nguồn tin cho hay chư tăng dự định đến biểu tình ở cung điện Potala, tọa lạc tại trung tâm Lhasa, để yêu cầu nhà cầm quyền phóng thích chư tăng bị giam bị bắt giữ hồi tháng 10 năm ngoái, một thời gian ngắn sau khi Đức Đạt Lai Lạt Ma nhận lãnh giải thưởng Công Dân Danh Dự từ Washington.

Các nhân chứng cũng nói thêm rằng 11 tu sĩ, gồm có 9 tu sĩ từ tu viện Sera, đã bị hành hung hôm thứ Hai khi quân đội Trung quốc đàn áp, bắt bớ một đám đông phía bên ngoài chủng viện Tsuklakhang ở trung tâm Lhasa, và số phận những người bị bắt giam vẫn còn chưa được rõ ràng.

Các ủy ban hành chánh lân cận Lhasa được huy động để khám xét từng căn nhà trong các khu Tây Tạng trong thành phố để truy tìm các tu sĩ tăng ni không đăng ký hoặc cư trú trái phép nơi

các tư gia, các nguồn tin cung cấp cho Đài pháp thanh Tự Do Á Châu cho biết như trên.

Cũng được biết thêm rằng chư tăng từ hai tu viện ở khu Qinghai, tu viện Lutsang và tu viện Ditsa ở Bayan, cũng đã khởi xướng các cuộc biểu tình hôm thứ Hai. Cảnh sát vũ trang cũng bao vây tu viện Ditsa trong suốt thời gian nhưng không nghe nói có ai bị bắt giữ.

Các mối căng thẳng đã leo thang trong những năm gần đây trong những khu vực Tây Tạng truyền thống, những khu mà hiện nay thuộc về phía Tây Trung Quốc, với các nhà cầm quyền Trung Quốc đặt để một chính sách khắc khe với những gì họ cho là chủ nghĩa ly khai hoặc chống lại chính phủ Trung quốc.

Hơn 300 lamas đã đi vào thành phố Lhasa hôm 10 tháng Ba, nhưng sau đó đã được thuyết phục ra về trong ôn hòa," theo lời của chủ tịch Hội Đồng Chính Phủ Khu Tự Trị Tây Tạng, Qiangba Puncog.

(Hạt Cát lược dịch)

Tây Tạng lưu vong tiếp tục diễn hành về Lhasa bất chấp sự ngăn cản của cảnh sát Ấn Độ

The Associated Press

Published: March 12, 2008

KHABLI, India: Vài trăm dân Tây Tạng lưu vong tại Ấn Độ đã cắm trại qua đêm hôm Thứ Tư nhưng thề rằng sẽ tiếp tục diễn hành để phản đối Thế Vận Hội mùa hè do Bắc Kinh chủ trì, bất chấp một sắc lệnh ngăn cản của chính phủ Ấn Độ.

Cuộc diễn hành này là một trong vài sự kiện được khởi xướng hôm thứ Hai theo chương trình kỷ niệm cuộc nổi dậy chống Trung quốc năm 1959 của người Tây Tạng trên khắp thế giới, kể cả một cuộc biểu tình tại thủ đô Lhasa do 300 Tu Sĩ thực hiện, một trong những cuộc biểu tình rầm rộ nhất thách thức nhà cầm quyền Trung Quốc trong những năm gần đây.

Các nhà Tây Tạng lưu vong đã hoạch định một chương trình diễn hành 6 tháng từ Ấn Độ để có thể đến Tây Tạng vào khoảng thời gian từ ngày 08 đến 24 tháng 08, nhằm quay ngược ánh đèn Thế Vận Hội đang diễn ra soi rọi vào 57 năm thống trị Tây Tạng của Trung Hoa trên miền núi Hy Mã Lạp Sơn.

Nhưng Ấn Độ, e ngại rằng đám diễn hành có thể làm Bắc Kinh bức mình và có thể gây nguy hiểm cho mối bang giao của hai quốc gia, đã ngăn cản các nhà

lưu vong rời khỏi khu vực Kangra ở chung quanh Dharmasala, tổng hành dinh của chính phủ Tây Tạng lưu vong.

Nhưng những người diễn hành đã thề thốt bất chấp lệnh cấm.

Một vài cảnh sát đã đi kèm họ, nhưng họ được phép tiếp tục đi tới. Vào sáng sớm thứ Tư, các nhà tổ chức nói rằng cảnh sát đã ngăn chặn và đòi xem giấy tờ tùy thân của họ - một hình thức làm gián đoạn cuộc diễn hành.

Ở tại New Delhi, gần 50 người Tây Tạng khác cũng đã biểu tình ở bên ngoài Sứ quán Trung Quốc. Họ cố gắng đến gần nhưng đã bị cảnh sát đẩy ra với dùi cui. Cảnh sát đã bắt giữ những người biểu tình - những người mang theo các biểu ngữ chống đối Thế Vận Hội - đẩy họ lên xe chở đi mất. Các nhân chứng cho biết như trên. Trong khi đó cảnh sát lại không cho biết gì thêm.

Ở miền Bắc Ấn, khoảng 130 người mang theo cờ xí, hình ảnh của Đức Đạt Lai Lạt Ma, hình ảnh Ngài Gandhi.

Họ đã dựng lều trại vào tối thứ tư tại làng Khabli, khoảng 25 km từ biên giới Kangra, một chiếc xe vận tải mang theo hành lý, thực phẩm và chăn mền đi theo cuộc diễn hành.

"Chúng tôi sẽ di chuyển về phía trước một cách ôn hòa," Tenzin Tsundue, một trong những người lãnh đạo cuộc biểu tình nói như trên.

Tenzin nói nếu cảnh sát ngăn chặn họ sẽ chống cự việc bắt bớ nhưng sẽ không có bạo động.

Sự thách thức của các nhà lưu vong xảy ra khi Bắc Kinh xác nhận hôm thứ Ba rằng khoảng 300 tu sĩ từ tu viện Drepung ở ngoại thành Lhasa đã diễn hành về thủ đô để kỷ niệm cuộc khởi nghĩa thất bại khiến Đức Đạt Lai Lạt Ma phải rời khỏi Tây Tạng.

Trong tích tât, một nhóm nhỏ hơn đã thành hình, 9 tu sĩ họ to khẩu hiệu ở gần một ngôi chùa chính.

Đợt biểu tình này được tin tưởng là lớn nhất tại thủ đô kể từ khi Bắc Kinh dẹp tan một làn sóng ủng hộ độc lập hồi năm 1989.

Tại Dhammasala, khoảng 500 dân Tây Tạng đã thực hiện một đêm thấp nền hôm Thứ Ba để ủng hộ cho những người biểu tình và đã bị bắt tại Lhasa.

(Hạt Cát lược dịch)

Chư Tăng Tây Tạng tuyệt thực đòi Trung quốc thả người

*Jonathan Watts in Beijing
guardian.co.uk, March 13 2008*

India - Chư Tăng Tây Tạng đã đi

vào cuộc tuyệt thực để đòi hỏi Trung Quốc phóng thích các nhà biểu tình đã bị bắt giữ trong thời gian xảy ra đợt biểu tình lớn nhất trong vòng 20 năm, các nhóm ủng hộ ngày hôm nay đã cho biết như trên.

Cuộc biểu tình ngồi yên trong tu viện Sera, chỉ ở ngoại vi Lhasa, đã xác nhận các tường trình rằng những cuộc biểu tình chống đối Trung Quốc hồi đầu tuần này đã lan tràn thành một vùng rộng lớn hơn trước kia.

"Chúng tôi được nghe từ nhiều hơn một nguồn tin nói rằng chư Tăng ở Sera đang tuyệt thực, đòi hỏi Trung Quốc phóng thích chư tăng bị giam giữ", Kate Saunders thuộc "Chiến Dịch Quốc Tế cho Tây Tạng" nói như trên và thêm "Chúng tôi không biết về con số, nhưng hình như là nhiều lắm."

Khoảng hơn 10 tu sĩ được tường trình đã bị bắt hôm Chủ Nhật, khi vài trăm tu sĩ từ các tu viện Sera, Drepung và Ganden đã xuống đường để kỷ niệm cuộc khởi nghĩa chống Trung Quốc thất bại lần thứ 49.

Một cuộc biểu tình tương tự mới nổi lên ngày hôm nay xảy ra ở tu viện Lutsang ở Qinghai, Tây Tạng gọi là Amdo, nơi mà hàng trăm tu sĩ đã hát to khẩu hiệu yêu cầu nhà lãnh đạo lưu vong của họ, Đức Đạt Lai Lạt Ma, trở về.

Căn cứ theo chiến dịch Tây Tạng Tự Do, 100 tu sĩ từ tu viện Myera ở Cam Túc cũng khởi xướng một cuộc biểu tình.

Kể từ đó, đã có nhiều cuộc biểu tình khác xảy ra. Tại Lhasa, hàng ngàn cảnh sát đã đàn áp các cuộc biểu tình bằng hơi cay nhưng không nghe nói gì về các nạn nhân.

Phát ngôn nhân bộ ngoại giao Qín Gang nói các cuộc biểu tình tại Lhasa là nhằm xáo trộn não loạn xã hội, ông ta nói thêm rằng "Việc này đã được Đức Đạt Lai Lạt Ma chuẩn bị chu đáo nhằm phân chia và Tây Tạng và phá hoại đời sống yên ổn, hài hòa của người dân Tây Tạng."

Một nguồn tin tại Lhasa nói rằng anh ta đã thấy hơn 20 chiếc quân xa trên đường phố và được biết những con đường đến tu viện đều bị ngăn chặn.

Các nhà lưu vong Tây Tạng và những người ủng hộ nói hàng ngàn cảnh sát đã bao vây các tu viện chính, nhưng cho tới nay chưa thấy có cuộc bạo động nào.

Dường như cảnh sát và quân đội không áp dụng các phương pháp đàn áp mạnh mẽ vào lúc này, đây là một sự kiện

vô tiền khoáng hậu trong việc đối phó với các trường hợp này. Họ hành động như thể đã được lệnh phải ứng phó cẩn thận trước tình hình Olympic.

Với dự trừ các cuộc biểu tình sẽ diễn ra trong tháng trước Olympic, Trung quốc đã ra lệnh cấm leo núi ở khu mạn Bắc của ngọn núi Everest, trước khi ngọn Đuốc Thế Vận Hội sẽ đến vào mùa hè này.

Năm ngoái, các nhà hoạt động dân chủ đã leo lên đỉnh Everest và giăng một biểu ngữ nói "Tây Tạng Tự Do".

Tại Ấn Độ, những người dân Tây Tạng lưu vong đã thể thốt sẽ diễn hành trở lại quê hương của họ trong một cuộc biểu tình chống Thế Vận Hội và đòi hỏi tự do cho vùng Hy Mã Lạp Sơn, đã bị ngăn chặn khi cảnh sát bắt giữ hơn 100 người.

Sự bộc phát các hoạt động dân chủ đưa đến việc gia tăng hiểm nghị và sự dậm chân tại chỗ trong vấn đề thương lượng giữa các đại diện của Đức Đạt Lai Lạt Ma và Bắc Kinh.

(Hạt Cát dịch)

Tây Tạng: hơn 100 người chết trong bạo loạn

ANI Sunday 16th March, 2008

Dharamsala: Hơn 100 (một trăm) người đã bị bắn trong những cuộc xô xát giữa nhà cầm quyền Trung Quốc và dân biểu tình Tây Tạng, chính phủ lưu vong Tây Tạng cho biết như trên.

Các bản báo cáo được đưa ra sau khi những cuộc biểu tình của Chư Tăng Phật Giáo tại Tây Tạng trở thành bạo động với tường trình chính thức của Hãng Thông Tấn Tân Hoa Xã Trung Quốc là có 10 người bị sát hại trong những cuộc biểu tình lớn nhất trong vòng hai thập niên chống 57 năm thống trị Trung Quốc.

"Chúng tôi được báo cáo từ những nguồn tin đáng tin cậy rằng đã có hơn 100 người Tây tạng bị bắn. Trong đêm khuya thứ Sáu, cá nhân tôi nhận được những cú điện thoại cho biết 7 nữ tu, những tu sĩ không vũ trang, ngay khi họ vừa bước ra khỏi khuôn viên ngôi chùa tại Pokar, họ đã bị bắn ngay tức khắc," Dolma Gyary, Phát Ngôn Viên của chính phủ lưu vong Tây Tạng nói như trên.

Toàn cầu đang lên án hành động của nhà cầm quyền cộng sản Trung quốc đã đàn áp người dân Tây Tạng.

Thủ Tướng lưu vong Tây Tạng Samdhong Rinpoche, nói các bản báo cáo về tình trạng bạo động mạnh mẽ và giết chóc từ những nơi khác kể cả

Lhasa đã được tường trình.

"Ngày hôm qua Lhasa hoàn toàn rơi vào hỗn loạn và nhiều người đã bị giết như đã báo cáo. Và tương tự, khu vực Alabang và tại nhiều nơi các cuộc biểu tình rầm rộ đã xảy ra. Rinpoche nói như trên.

Trong khi đó, khoảng 70 tu sĩ Tây Tạng và các tu nữ đã ngồi tuyệt thực vô hạn định tại Dharamsala để biểu lộ sự đoàn kết và sự ủng hộ của họ dành cho người dân Tây Tạng tại quê hương.

Đoàn người biểu tình thúc giục nhà cầm quyền Trung Quốc công nhận những yêu cầu của họ.

Chúng tôi muốn thúc đẩy nhà cầm quyền Trung Quốc rằng các cuộc biểu tình xuống đường sẽ kéo dài 49 ngày bởi dân Tây Tạng lưu vong và Tây Tạng quốc nội. Đã đến lúc chính quyền Trung Quốc nên lắng nghe những gì người Tây Tạng muốn," Dolma, nhà hoạt động dân chủ và là nhà tổ chức cuộc tuyệt thực nói như trên.

Chư Tăng Tây Tạng ở Siliguri cũng đã thực hiện một đêm thắp nến diễn hành hôm Thứ Bảy để ủng hộ cho chiến dịch.

Như sự kiện Thế Vận Hội Bắc Kinh đang đến gần, người dân Tây tạng đang cố gắng kêu gọi thể giới yểm trợ họ phục hồi tự do và biểu tình chống lại sự xâm chiếm bất hợp pháp quê hương của họ.

Nhưng Đức Đạt Lai Lạt Ma, nhà lãnh đạo tâm linh và thể tục của dân lưu vong Tây Tạng, trước đó đã phản kháng một cáo buộc của Trung quốc nói rằng Ngài muốn phá hoại Thế Vận Hội Bắc Kinh, Ngài nói rằng Ngài luôn luôn ủng hộ quyền chủ tri Thế Vận Hội của Bắc Kinh.

Hàng trăm người đã đi diễn hành ở vùng biên giới Tây Tạng hôm 10 tháng 03 như một phần của chiến dịch toàn cầu biểu tình kỷ niệm 49 năm lần tổng nổi dậy không thành công.

(Hạt Cát dịch)

Bộ ngoại giao Pháp phát biểu tẩy chay lễ khai mạc Thế Vận Hội

Ngày 18 tháng 3, 2008

Paris - Bộ trưởng bộ ngoại giao Pháp Bernard Kouchner nói rằng Cộng Đồng Âu Châu phải nghĩ đến việc tẩy chay buổi lễ khai mạc Thế Vận Hội Bắc Kinh nếu bạo lực vẫn còn tiếp diễn tại Tây Tạng.

Chủ tịch nghị viện Châu Âu và các Phóng viên Không Biên Giới thuộc nhóm báo chí bệnh vực lễ phải hôm thứ Ba đã kêu gọi tẩy chay buổi lễ khai mạc. Ông

Kouchner cho rằng đây là một đề nghị "thú vị".

Ông đã nói với các nhà báo tại Paris hôm thứ Ba rằng ý kiến này đáng được các bộ trưởng ngoại giao trong Cộng Đồng Âu Châu lưu tâm đến trong một cuộc hội nghị vào cuối tháng này.

Ông nhấn mạnh rằng nước Pháp không có ý định tẩy chay toàn bộ các cuộc thi Thế Vận Hội, ông cho rằng làm như thế sẽ không hợp tình hợp lý.

(Minh Châu dịch)

Đức Đạt Lai Lạt Ma tuyên bố "sẽ thoái vị nếu bạo động vẫn tiếp tục"

Wednesday, Mar 19, 2008

Refutes Chinese claims that he is behind the unrest in Tibet

SHIMLA: Bị quấy nhiễu qua việc bạo động tiếp tục diễn ra và sự cáo buộc bởi chính phủ Trung Quốc, Đức Đạt Lai Lạt Ma, 73 tuổi, đã đe dọa sẽ thoái vị trong vai trò lãnh đạo chính trị của chính phủ lưu vong.

Nói chuyện với các phóng viên báo chí hôm thứ Ba tại Dharamsala, Ngài nói rằng chỉ còn có cách là thoái vị nếu bạo động tiếp tục xảy ra.

Nhà lãnh đạo tâm linh Tây Tạng lưu vong tại Ấn Độ cũng đồng thời phản bác lời cáo buộc của Trung Quốc rằng Ngài là người đứng đằng sau các cuộc bạo động tại Tây Tạng. Ngài nói họ có thể điều tra việc này.

Một phụ tá của Đức Đạt Lai Lạt Ma, Tenzin Takhla, nói rằng nếu người Tây Tạng chọn lựa con đường bạo động thì Ngài sẽ từ bỏ ngôi vị bởi vì Ngài hoàn toàn tin tưởng vào bất bạo động. Ngài sẽ từ bỏ cương vị của một nhà lãnh đạo chính trị và nguyên thủ quốc gia nhưng sẽ không có gì thay đổi đối với vai trò của một vị Đạt Lai Lạt Ma.

Lời tuyên bố của Đức Đạt Lai Lạt Ma được đưa ra sau khi Thủ Tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo đổ lỗi cho Ngài về tình hình bạo động tại Tây Tạng và nói rằng Bắc Kinh sẽ mở cuộc thương thuyết với Ngài chỉ khi nào Ngài từ bỏ tham vọng một nước Tây Tạng độc lập.

Ngài nói "Chúng ta phải xây dựng quan hệ tốt đẹp với Trung Quốc, chúng ta không nên phát triển cảm nghĩ chống đối Trung Quốc. Chúng ta phải sống bên nhau vai kề vai. Tại Tây Tạng, người Hán và người Tây Tạng có thể sống chung hài hòa," Ngài thêm "Đừng khởi xướng bạo động, bạo động là chống lại nhân bản, là hầu như đi đến tự sát, ngay cả nếu như 1000 người hy sinh mạng sống, rồi thì cũng sẽ không giúp ích

được gì, độc lập không nằm trong sự đòi hỏi của chúng ta".

Nhưng, Đức Đạt Lai Lạt Ma, người mà trong tuần trước đã tuyên bố Ngài không giúp được gì khi bạo động bùng phát tại Tây Tạng, nói rằng Ngài không ở trong một cương vị có thể bảo dân Tây Tạng là họ nên hay không nên sống dưới sự thống trị của Trung Quốc.

Và nhận định về các cuộc bạo động xảy ra tại Tây Tạng, Ngài nói biến động này nằm ngoài sự kiểm soát của Ngài, tùy vào "cộng đồng quốc tế giúp đỡ để xoa dịu tình hình và ngăn chặn bạo động." Ngài cũng mời mọc viên chức chính quyền Trung Quốc hãy đến nơi để điều tra việc họ đổ cho Ngài là đứng sau các cuộc bạo động xảy ra ở Tây Tạng. Ngài nói "Hãy đến đây, xin hãy điều tra sự thật. Trung quốc có thể đến, xem xét mọi thứ," và Ngài đùa rằng họ cũng sẽ được hoan nghênh nếu muốn... lục soát ngay cả ...bên dưới... tầng y của Ngài.

(Hạt Cát dịch)

Trung Quốc sẵn sàng đối thoại có điều kiện với Đức Đạt Lai Lạt Ma

Luân Đôn, Anh Quốc (tin từ CNN): Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo chấp nhận sẵn sàng đối thoại với Đức Đạt Lai Lạt Ma với 2 điều kiện: vị lãnh đạo tinh thần Tây Tạng kêu gọi người dân ngưng bạo động và ngưng yêu sách cho một đất nước Tây Tạng Độc Lập, theo lời thủ tướng Anh Gordon Brown.

Thủ tướng Gordon Brown Anh Quốc trong cuộc điện đàm với Ôn Gia Bảo vào sáng thứ Tư đã tuyên bố với các nhà lập pháp nước này rằng ông ta đã yêu cầu Trung Quốc nên có một cuộc đối thoại với Đức Đạt Lai Lạt Ma, một điều mà Hoa Kỳ và nhiều nước khác đang mong muốn.

Thủ tướng Ôn Gia Bảo cũng nêu ra cùng điều kiện rằng Trung Quốc chỉ sẵn sàng đối thoại với Đức Đạt Lai Lạt Ma với Thủ tướng Anh trong cuộc hội đàm trên.

Tây Tạng, trong tuần lễ vừa qua đã tràn ngập bạo động và biểu tình của hàng trăm tu sĩ Phật Giáo nhân kỷ niệm 49 năm ngày đất nước này bị Trung Quốc chiếm cứ và buộc Đức Đạt Lai Lạt Ma sống lưu vong.

Thủ tướng Anh cũng không cho biết rõ cuộc đàm phán giữa Trung Quốc và Đức Đạt Lai Lạt Ma sẽ diễn ra vào lúc nào.

Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng nhiều lần lặp lại rằng Ngài chỉ muốn Trung Quốc phải bảo tồn văn hoá truyền thống của

người dân Tây Tạng chứ không hề có ý định giành lại độc lập hoàn toàn cho đất nước này.

Hôm thứ ba ngày 19 tháng 3, Đức Đạt Lai Lạt Ma cảnh báo với người dân Tây Tạng nếu cuộc bạo động còn tiếp diễn, Ngài sẽ từ chức lãnh đạo tối cao của chính phủ lưu vong Tây Tạng.

Tenzin Takhla, phát ngôn viên chính thức của Đức Đạt Lai Lạt Ma ngay sau đó đã đính chính rằng Đức Đạt Lai Lạt Ma sẽ từ chức trong cương vị lãnh đạo chính trị nhưng vẫn giữ cương vị lãnh đạo tâm linh của đất nước Tây Tạng. Tuy nhiên thủ tướng Ôn Gia Bảo lần tổng bí thư Tây Tạng, ông Zhang Qingli đã dùng lời lẽ nặng nề truy tố và tiếp tục khẳng định là Đức Đạt Lai Lạt Ma đã không nói lên sự thật.

Sáng thứ tư 19 tháng 3 đã có 105 người dân tham gia các cuộc bạo động tuần lễ vừa qua ra trình diện với chính quyền Trung Quốc, theo phát ngôn viên của Trung Quốc.

Chính phủ Trung Quốc hứa sẽ khoan hồng cho những người dân bạo động, nếu họ ra đầu thú.

Tại Nepal tình hình ngày càng căng thẳng: nhiều người dân Tây Tạng đã tuần hành trước trụ sở Liên Hiệp Quốc đòi Trung Quốc phải tôn trọng quyền tự do ngôn luận và thả tất cả những người bị bắt và giam cầm. 150 người dân Tây Tạng đã bắt đầu cuộc tuyệt thực 24 giờ trong đó có 100 tu sĩ Phật Giáo.

Nhiều nguyên thủ quốc gia, kể cả Đức Giáo Hoàng Benedict XVI đã kêu gọi 2 bên nên có một cuộc thương thảo để giải quyết vấn đề này.

Nguồn: CNN thứ tư ngày 19 tháng 3 năm 2008
<http://www.cnn.com/2008/WORLD/asiapcf/03/19/tibet.unrest/index.html>
(Dương Tiêu dịch)

Khách Du Lịch chứng kiến bạo động hỗn loạn tại thủ phủ Lhasa, Tây Tạng

CNN: ông Michael Smith, khách du lịch người Úc đang ăn trưa tại Lhasa, thủ phủ của Tây Tạng, ông đã nghe được một tiếng nổ và khói trên đường phố khi những chiếc xe quân đội Trung Quốc chạy qua, ông bắt đầu thu hình.

"Cuộc bạo động hỗn loạn đã diễn ra ngay trên chính đường phố thủ phủ Lhasa, Tây Tạng," theo lời ông Smith.

Băng Thu hình của ông Smith đã được chiếu trên đài truyền hình ABC Úc Đại Lợi vào sáng thứ tư 19 tháng 3.

Tình trạng hỗn loạn tại Lhasa thật kinh hoàng, nhiều thiếu niên Tây Tạng

đã hét vào ống kính thu hình của ông Smith: "chúng tôi muốn có tự do, người Hán đang coi người Tây Tạng như một giai cấp thứ 2 sau họ ngay trên đất nước Tây Tạng."

Video này cho thấy nhiều cảnh đập phá cửa sổ và cảnh đốt phá cửa hàng xe hơi của người Hán, và quân đội Trung Quốc cũng như những người biểu tình trên đường phố, tuy nhiên không thấy cảnh xô xát giữa quân đội và người dân Tây Tạng cũng như hình ảnh thương vong hoặc tử nạn.

Ngược lại trong những băng thu hình của chính quyền Trung Quốc được chiếu trên TV đài CCTV Trung Quốc không hề cho thấy bất cứ hình ảnh quân đội nào của họ.

Nguồn:

<http://www.cnn.com/2008/WORLD/asiapcf/03/19/tibet.video/index.html>

(Dương Tiêu)

Đức quốc: Tự thiêu để ủng hộ Tây tạng

Thu, 20 Mar 2008 DPA - Europe World News

Berlin - Một người đàn ông 26 tuổi toan tự thiêu hôm tối thứ Năm tại một địa điểm xảy ra các cuộc biểu tình tại Bá Linh, nhằm chống Trung Quốc thống trị Tây Tạng, nhưng người thanh niên này chỉ bị thương nhẹ. Cảnh sát cho biết như trên. Người đàn ông này đã đổ lửa người một dung dịch chất hóa học dễ bắt lửa và đốt cháy tại một cuộc biểu tình thức trắng đêm gần sứ quán Trung Quốc được khoảng hơn 100 người tham dự.

Những người chung quanh đã kịp thời dập tắt ngọn lửa. Ba người biểu tình khác trước đó đã cố gắng để đạt một thỉnh nguyện thư đến Đại Sứ Trung quốc tại đây nhưng cũng đã thất bại.

Cảnh sát đã bắt giữ người đàn ông về tội vi phạm pháp luật. Mang dung dịch dẫn lửa đến một cuộc biểu tình là bất hợp pháp, cảnh sát nói như trên.

(Hạt Cát dịch)

Trung Quốc ào ạt đổ quân vào Tây Tạng, nhìn nhận có nỗ lực vào dân biểu tình

21 Mar 2008, AFP

BEIJING: - Hàng ngàn binh sĩ được nhìn thấy trên đường phố Lhasa hôm thứ Năm, xác nhận các tường trình về một hệ thống quân đội rầm rộ được thiết lập tại đây cũng như Trung Quốc lần đầu tiên xác nhận họ nỗ lực vào dân biểu tình Tây Tạng.

Hàng thông tấn nhà nước Trung Quốc Tân Hoa Xã báo cáo chỉ có 4 người bị bắn và bị thương hồi cuối tuần rồi tại một khu Tây Tạng thuộc miền Nam Trung Quốc, cũng như Đức Đạt Lai Lạt ma đã tỏ ý lo ngại sự đàn áp của Trung Quốc vào dân Tây Tạng sẽ gây nên nhiều tai họa.

Nhiều đoàn quân xa đang vận chuyển vào Tây Tạng trong khi binh lính cũng được đổ vào các tỉnh gần đó sau một tuần lễ xảy ra các cuộc bạo động trực tiếp chống chính sách cai trị của chính quyền Trung Quốc trong vùng Hi Mã Lạp Sơn, nhân chứng, các tổ chức hoạt động dân chủ và các tường trình của truyền thông nói như trên.

"Chúng tôi thấy một đoàn quân xa với binh lính trên xe," ký giả Đức quốc Georg Blume nói như trên "từ thủ đô Tây Tạng Lhasa hôm sáng sớm thứ Ba."

Một đoàn quân xa dài khoảng 2 kilô mét có khoảng 200 chiếc, mỗi xe có 30 binh sĩ, vì vậy đã có khoảng 6,000 quân sĩ trong một đoàn công voa."

(Hạt Cát dịch)

Tây Tạng: 1000 người bị bắt, hàng trăm người biến mất

Fri, 21 Mar 2008 06:08:00

Dharmasala - Nhiều ngày sau đợt đàn áp đẫm máu các cuộc biểu tình ở Lhasa, nhà cầm quyền Trung Quốc hiện đang bắt giữ hàng trăm người Tây Tạng trong đất nước và các khu Tây Tạng ở những vùng lân cận các tỉnh Cam Túc và Tứ Xuyên. Trung Tâm Nhân Quyền và Dân Chủ Tây Tạng (viết tắt TCHRD) tường trình rằng thêm vào con số những người đã bị bắt trong những cuộc nổi loạn còn có 24 người bị bắt tại Lhasa.

Cơ quan truyền thông chính thức của nhà cầm quyền Trung Quốc, Tân Hoa Xã, tường trình rằng có 170 người biểu tình đã ra đầu thú với cảnh sát sau những ngày biểu tình đã "sát hại 13 thường dân vô tội". Trong khi nhà cầm quyền Trung Quốc nói rằng sẽ "khoan hồng" đối với những ai đã ra đầu thú, Trung Tâm Nhân Quyền và Dân chủ Tây Tạng nghi ngờ điều này với sự nhấn mạnh đến kinh nghiệm năm 1989. TCHRD nói hơn 1000 người đã bị bắt trong các vùng Tây Tạng, và thêm hàng trăm người nữa bị mất tích.

Nhà cửa bị bố ráp, lục soát, nhiều tu viện ở dưới sự chiếm đóng bởi các lực lượng an ninh.

Hơn 300 nhà hoạt động dân chủ từ Hội Thanh Niên Tây Tạng (viết tắt TYC) tại Ấn Độ ở miền tây bắc Ấn đã bắt đầu

một cuộc diễn hành ôn hòa từ Siliguri ở West Bengal tới Nathula Border ở Sikkim, nhằm mục đích kết hợp với phong trào biểu tình tại Tây Tạng. Các nhà diễn hành dự tính sẽ đi qua một đoạn đường 170 km trong 8 ngày trước khi tới Nathula, một cửa khẩu biên giới đã bị Ấn Độ đóng cửa sau Chiến Tranh Ấn-Hoa 1962 và đã được mở cửa trở lại năm 2006 sau một hiệp ước song phương. Tuy nhiên, chính phủ Sikkim đã công bố kế hoạch ngăn chặn đoàn diễn hành đi vào lãnh thổ. Các nhà diễn hành dự trù sẽ đến Sikkim vào ngày 24 tháng Ba, 2008.

Hội Thanh Niên Tây Tạng đưa ra 3 yêu sách:

1- Chính phủ Trung Quốc phải lập tức chấm dứt đàn áp bằng bạo lực trên những người biểu tình Tây Tạng.

2- Yêu cầu Liên Hiệp Quốc điều tra những vụ tàn sát, giam cầm, hành hạ và bắt bớ tại Tây Tạng kể từ khi cuộc biểu tình bắt đầu hồi 10 tháng Ba.

3- Tẩy chay Thế Vận Hội Bắc Kinh khi Trung Quốc thất bại trong việc cải thiện nhân quyền.

(Hạt Cát dịch)

Thực phẩm cung cấp cho Chư Tăng Tây Tạng bị ngăn cấm

Sun, 23 Mar 2008

Bá Linh - Trích dẫn lời của một người dấu tên, một nhóm dân Tây Tạng Đức quốc, nhóm "Tiền Phong Tây Tạng", nghe nói hôm Chủ Nhật rằng thực phẩm và nước uống đã bị ngăn cấm cung cấp cho một vài tu viện lớn trong thời gian xảy ra tình trạng bạo động tại Tây Tạng.

"Một nguy cơ thiên tai cho nhân loại, kể từ lúc chư tăng không được phép rời khỏi tu viện," Wolfgang Grader, chủ tịch của nhóm Tiền Phong Tây Tạng trụ sở Bá Linh, phát biểu như trên.

Ông nói thông tin được đưa đến từ một cá nhân đáng tin cậy, người đã liên lạc với ông qua điện thoại.

Ông được biết thực phẩm và nước uống không được phép đưa vào ba ngôi chùa chính ở trung tâm Tây Tạng, Drepung, Ganden và Sera. Grader nói thêm rằng những người Tây Tạng bị thương trong những cuộc xô xát bị từ chối chữa trị, các bệnh viện và bác sĩ bị ngăn cấm chữa trị cho người Tây Tạng, phát ngôn viên của chính phủ lưu vong Tây tạng trụ sở Ấn Độ nói như trên.

Ông nói các cuộc biểu tình vẫn tiếp tục hầu hết ở miền đông Tây Tạng, nơi mà hầu hết gia cư người dân Tây Tạng bị lục soát, và hàng khối người bị bắt

giữ. Hàng ngàn người dân Tây Tạng đã bị đưa đi giam giữ ở bên ngoài Tây Tạng, tuy nhiên nguồn tin của ông không được phối kiểm, vì các nhà báo phương Tây đã bị ép buộc phải rời khỏi Tây Tạng.

Một tờ báo Đức, Bild am Sonntag, trước đó đã tường trình rằng kiều dân Tây Tạng sống ở Đức quốc phản nản rằng họ bị nhà cầm quyền Trung Quốc theo dõi.

"Gián điệp Trung Quốc từ sứ quán và lãnh sự quán trà trộn vào đám người biểu tình để thám thính chúng tôi hoặc phá rối những cuộc hội họp của chúng tôi", Tsewang Norbu thuộc Hội Tây Tạng Đức quốc nói như trên.

Ông còn nói thêm rằng các cuộc điện đàm giữa Tây Tạng và Đức Quốc đều bị nghe lén bởi cơ quan an ninh Trung Quốc.

Theo một bản tin ngắn từ phía chính phủ lưu vong Tây Tạng, Thủ Tướng Samdhong Rinpoche, hôm Chủ Nhật 23 tháng 03 cho hay rằng con số người chết ở Tây Tạng hiện đã lên tới 130.

Ông nói rằng các cuộc biểu tình chống đối hiện nay đã lan rộng đến nhiều phần đất khác của Tây Tạng và trở nên bạo động nhiều hơn.

(Hạt Cát dịch)



Năm mươi mốt ngàn người nghe Đức Dalai Lama thuyết pháp tại Seattle (Hoa Kỳ)

Hàng chục ngàn người đã ngồi chật chùng tại một sân vận động của thành

phố Seattle để lắng nghe Đức Dalai Lama – vị lãnh đạo tinh thần của người Tây Tạng lưu vong kêu gọi phi bạo lực và đưa thế kỷ 21 trở thành “thế kỷ của đối thoại”.

Trong tiếng trống vang lừng, các tộc trưởng người da đỏ đội mũ lông chim, nhà tổ chức cho biết khoảng 51.000 người đã đến nghe Đức Dalai Lama nói chuyện về lòng từ bi dưới bầu trời đầy nắng. Ngồi trên chiếc ghế đỏ trong sân khấu có mái che của sân vận động, nhà lãnh đạo Phật giáo không nhắc đến những việc xảy ra gần đây ở Tây Tạng và cũng không gợi ý các nhà lãnh đạo thế giới tẩy chay lễ khai mạc Thế Vận Hội Bắc Kinh.

Đức Dalai Lama nói hôm thứ Sáu rằng Ngài không ủng hộ việc tẩy chay Thế vận hội Bắc Kinh. Ngài bác bỏ cáo buộc của Trung Quốc rằng Ngài sắp đặt những cuộc bạo động gây chết người tại

Tây Tạng tháng trước nhằm đòi độc lập cho vùng đất này. Hôm thứ bảy, Tân Hoa Xã đưa tin 9 tu sĩ đã bị bắt vì bị nghi ngờ đánh bom một tòa nhà chính quyền ở Tây Tạng.

Sự kiện Đức Dalai Lama thuyết giảng tại sân vận động ở Seattle là sự kiện lớn nhất trong 5 ngày hoạt động của Ngài tại đây nhằm thúc đẩy lòng từ bi trong đời sống hàng ngày.

Patrick Burningham, 42 tuổi, chủ một doanh nghiệp nhỏ nói rằng “Tôi không trông đợi việc nghe bất cứ thông điệp chính trị nào. Tôi không coi đây là một sự kiện tôn giáo, nhưng dường như đó là một cơ hội có một không hai.” Đoàn rước gồm 1000 người mặc trang phục Trung Quốc, Nhật Bản, người Mỹ gốc Phi, người Mỹ bản địa và các dân tộc khác đã mở màn cho các hoạt động trong tiếng gõ của hơn 100 tay trống.

Trong 45 phút phát biểu, Đức Dalai

Lama kêu gọi giải trừ vũ khí hạt nhân và nói về vai trò của phụ nữ trong việc nuôi dưỡng lòng từ. Ngài cũng bàn đến sự cần thiết của phi bạo lực và nói thế kỷ 21 nên là “thế kỷ của đối thoại.”

Sinh viên Derek Albietz, 21 tuổi, nói anh luôn quan tâm đến quan điểm của Đức Dalai Lama. Anh nói rằng “Đây là cơ hội đầu tiên để nhìn tận mắt Ngài. Tôi muốn lắng nghe suy nghĩ của Ngài về từ bi và sự im lặng, và cách thức giúp đỡ thế giới này”.

(Trọng Hoàng dịch theo Reuters)

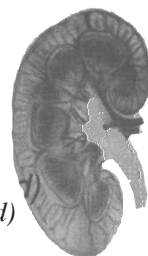


Bác Sĩ

ĐỖ CẢNH MINH, M.D.

14441 Brookhurst St., #6, Garden Grove, CA 92843 (Góc Brookhurst & Hazard)

Điện thoại: (714) 418-0488



CHUYÊN TRỊ TẤT CẢ CÁC LOẠI BỆNH THẬN, CAO HUYẾT ÁP VÀ NỘI THƯƠNG TỔNG QUÁT

- Bệnh Nội Khoa Người Lớn và Trẻ Em
- Bệnh tiểu đường, bướu cổ và các bệnh đau nhức.
- Bệnh tim, cao máu, cao mỡ và phổi
- Bệnh tiêu hóa, gan, túi mật, bao tử, ruột trĩ.
- Bệnh thần kinh, nhức đầu kinh niên
- Bệnh dị ứng, sổ mũi, mề đay, suyễn
- Bệnh ngoài da, mụn trứng cá, mụn cóc, lở ngứa
- Nhận làm bác sĩ gia đình
- Chích ngừa cho trẻ em và người lớn

Nhận Medical / Caloptima
Medicare và bảo hiểm

**NĂM TRÀCH LỘC MAÙ TÃI CÀO
TRUNG TÂM LỘC THẬN
“DIALYSIS CENTER”**

Giờ làm việc:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 am - 6:00 pm
Thứ Bảy: 9:30 am - 3:00 pm
Đóng cửa Thứ Năm và Chủ Nhật

	22	
Brookhurst	Westminster	Euclid
	Hazard	

Flowers & Balloons

For Special Occasions

- * Weddings * Funerals * Parties
- * Flowers Classes
- * Japanese * Tropical * European
- * High Style * New Style Designs

° **Quality** ° **Artistry** ° **Originality**



ABSOLUTELY FLOWERS
10900 Westminster Ave., #4
Garden Grove, CA 92843
(714) 262-1003



LỚP DẠY CẮM HOA KIỂU NHẬT BẢN

- * ĐỂ CÓ THỂ TRANG TRÍ NHÀ CỬA, VĂN PHÒNG, LÀM CHO CUỘC SỐNG GIA ĐÌNH THÊM PHONG PHÚ
- * GIÚP ĐỖ BẠN BÈ TRANG TRÍ TRONG NHỮNG BUỔI HỌP MẶT, SINH NHẬT, Đám CƯỚI, Đám HỎI, TIỆC TÙNG
- * ĐỂ TRANG TRÍ CHÙA CHIỀN, NHÀ THỜ TRONG NHỮNG BUỔI LỄ QUAN TRỌNG, PHÁT TRIỂN THÊM ĐỜI SỐNG TÂM LINH
- * KIẾM THÊM LỢI TỨC CHO GIA ĐÌNH BẰNG NGHỀ FLORAL DESIGNER.
- Do chị Thủy, cựu chủ nhân hai tiệm hoa, đã phục vụ cộng đồng Việt-Mỹ LA & ORANGE COUNTY TRONG 20 NĂM QUA.
- Tốt nghiệp bằng dạy học trường phái Ikenobo Ikebana và trường Đại học Golden West.
- SẼ TẬN TÂM HƯỚNG DẪN THEO TỪNG NHU CẦU CỦA KHÁCH YÊU HOA.
- Có chương trình dạy MIỄN PHÍ cho chư Tăng, Ni.
- Nhận dạy trẻ em từ 12 tuổi trở lên.

THỦY RIOS - (714) 262-1003 (Cell)

PHIẾU BẢO TRỢ VÀ ỦNG HỘ DÀI HẠN TẠP CHÍ PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG

1) BẢO TRỢ:

Xin chọn một trong những ô trống sau đây:

Mỗi tháng: ____ (____), \$25 (____), \$50 (____), \$75 (____), \$100 (____).

Và chọn thời gian bảo trợ:

Ba tháng (____), Nửa năm (____), Một năm (____), Hai năm (____), Ba năm (____)

2) ỦNG HỘ DÀI HẠN:

(Bảo trợ ấn phí, cước phí, không phải mua báo, vì báo không để giá bán. Đơn vị tiền tệ nơi đây là US dollars)

* *Tại Hoa Kỳ:* Một năm (6 số): \$45 (____) | Hai năm (12 số): \$80 (____).

* *Tại Canada:* Một năm (6 số): \$55 (____) | Hai năm (12 số): \$100 (____). *(air mail)*

* *Âu, Úc, Á:* Một năm (6 số): \$90 (____) | Hai năm (12 số): \$160 (____). *(air mail)*

Đính kèm ngân/chi phiếu số: _____ với số tiền bảo trợ/ủng hộ: \$_____

Địa chỉ người bảo trợ / ủng hộ (để liên lạc, gửi báo):

Họ và tên _____ Pháp danh: _____

_____ Thành phố: _____

_____ Telephone (không bắt buộc): _____

Bài vở, ý kiến đóng góp, chi phiếu ủng hộ xin gửi về:

HAO VINH
P.O. Box 374
Midway City, CA 92655 – USA

Email: vinhhao@vinhhao.net
hoặc phuongtroicaorong@vinhhao.net